TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

SỐ 87 - THÁNG 1, 2020

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:
PHAN ANH DŨNG
dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:
PHAN KHÂM
phanvyle@yahoo.com

TỔNG THƯ KÝ:
ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
hanhbang@hotmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
dsenser@yahoo.com

WEBSITE
PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
http://cothommagazine.com

TÒA SOẠN
105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA
TEL. (804) - 387- 8773
dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TẰNG GIAO. VŨ HỐI.
PHAN KHÂM. HUY LÃM.
NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN VĂN THÀNH23.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU.
HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THỤY.
PHẠM VĂN TUẤN

ĐẠI DIỆN

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA
TIỂU THU: Québec, Canada
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France

TẠP CHÍ CỎ THƠM SỐ 87 – THÁNG 1, 2020

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

6- CHUỘT TRONG THƠ VĂN, CA DAO, TỤC NGỮ VÀ THÀNH NGỮ … – *PHẠM TRỌNG LỆ*

37- NGUỒN GỐC BÁNH TÉT – *TT-THÁI AN*

99- PAULINE NYIRAMASUHUKO, BÀ LÀ AI? - *NGUYỄN VĂN THÀNH 23*

130- TỲ BÀ HÀNH (KỲ 2) – *PHẠM THỊ NHUNG France*

135- CHIẾC XE KÉO – *MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH France*

157- NGUYỄN BỈNH KHIÊM & SẤM TRẠNG TRÌNH – *WILLIAM HOÀNG*

VĂN

4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH - *PHAN ANH DŨNG*

16- ĐÁM CƯỚI NGÀY XƯA – *TRẦN C. TRÍ*

22- NHỮNG CÁNH HOA PHAI – *VƯU VĂN TÂM Germany*

29- HÊN XUI NGÀY TẾT – *DIỄM CHÂU (CÁT ĐƠN SA)*

55- MY – *TIỂU THU Canada*

68- NỖI XÚC ĐỘNG TRONG MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN Ở VÙNG QUÊ – *VĂN QUANG*

77- QUÀ GIÁNG SINH – *LÊ MỘNG HOÀNG*

80- NĂM TÝ NÓI CHUYỆN "MÈO CHUỘT" – *NGÔ TẰNG GIAO*

90- TẾT NÀO MÌNH GẶP LẠI - *NGUYỄN LÂN*

93- NHỮNG MÙA LỄ TẠ ƠN – *Ý NGUYÊN*

107- CẢM NHẬN VỀ TÁC PHẨM "MỘT KHU VƯỜN THƠ NHẠC VIỆT NAM" CỦA VƯƠNG THANH – *NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG*

111- LÒNG NHÂN ÁI - *NGUYỄN QUÝ ĐẠI Germany*

116- THÔI MIÊN THUẬT VÀ MỐI TÌNH CỦA TÔI – *PHẠM THÀNH CHÂU*

126- NỤ CƯỜI XUÂN – *THU LÊ*

145- MẾN CHÀO SEOUL (KỲ 2) – *NGUYỄN MÂY THU France*

168- HỒN CỐ THỔ – *ĐOÀN XUÂN THU Australia*

172- TIẾNG ĐÀN HỪNG SÁNG – *NGUYỄN VĂN SÂM*

180- MỘT PHIÊN GÁC ĐÊM – *PHƯƠNG LAN*

THƠ

5 - LỜI CHÚC ĐẦU NĂM – *PHAN KHÂM*

5-TÝ NGỌ MẸO DẬU – *NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG*

5- MÙA XUÂN ĐÀO THẮM MAI CƯỜI – *TUỆ NGA*

20- MẮT TÍM NGÀY XƯA – *ĐT MINH GIANG*

21- SÓNG QUÊ & HÀNH TRANG XƯA – *ĐỖ BÌNH France*

28- BÀI THƠ THÁNG CHẠP - *HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT*

28- BỚT ĐI … BỚT … – *PHAN KHÂM*

35- TA THẤY EM & NƯỚC MẮT EM – *BÙI THANH TIÊN*

36- TÌNH HAI MƯƠI & MÙA XUÂN VÀ EM – *HOA VĂN*

44- XUÂN & MƠ NÉT XUÂN XƯA – *NGUYỄN VÔ CÙNG*

79- CÚC VIỄN PHƯƠNG – *TUỆ NGA*

89- HẠNH PHÚC – *THANH THANH*
106- NGHE MƯA NHỚ HUẾ – *GITHÉA*
110- THỨC TRẮNG MỘT ĐÊM & THƠ XUÂN– *NGUYỄN PHÚ LONG*
115- XUÂN XƯA - *THÁI HƯNG/PGH*
125- XUÂN TIÊU LỮ THỨ - *NGUYỄN DU* - ĐẤT KHÁCH ĐÊM XUÂN – bản dịch *TRẦN QUỐC BẢO Richmond VA*
129- ĐÔNG & TUYẾT & XUÂN – *Y THI*
144- NHƯ YÊU NHƯ MƠ & NHƯ KHÔNG – *Ý ANH*
144- TÌNH HOA ĐÊM 30 TẾT & LÒNG XUÂN – *KIM OANH Australia*
155- GIỌNG HÀ NỘI XƯA – *HOÀNG SONG LIÊM*
156- HỒNG PHÚC 90 – *TRẦN QUỐC BẢO* / Thơ họa MỪNG SINH NHẬT 90 – *TRẦN GÒ CÔNG; NGUYỄN PHÚ LONG; GITHÉA HOÀNG HY*
167- THỦY TIÊN KIỀU NỮ – *NGUYỄN LÂN* – FÉE THUY TIEN - *DIỄM HOA*
171- ANH CHO EM MÙA XUÂN – *TẠ KÝ*
178- HƯỚNG TÂM – *CAO NGUYÊN*
179- BRING ME ALL YOUR FLOWERS NOW – *R.D. RICHARDS* - Chuyển ngữ: GIỜ HÃY TẶNG TA NHỮNG ĐÓA HOA – *TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO*
187- TẠ ƠN – *QUANG HÀ*
188- ẨN KHUẤT – *HÀ BỈNH TRUNG*
189- BẠN TA – *SƯƠNG LAM* / MY FRIEND– Chuyển ngữ: *THANH THANH*
201- TẾT LY HƯƠNG – *HOÀNG TRÙNG DƯƠNG*

NHẠC

45- ÂM NHẠC: HAI TRƯỜNG PHÁI CỔ ĐIỂN VÀ LÃNG MẠN – *PHẠM VĂN TUẤN*
134- CÒN GẶP NHAU ĐÂY– Thơ: *VƯƠNG THANH – Phổ nhạc: VĨNH ĐIỆN*

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC & SAU: THIẾU NỮ MÙA XUÂN / NGÂY THƠ – *VŨ QUỐC*
6 - TÌNH THƯƠNG - *Thư họa: VŨ HỐI*
67- BAO GIỜ TA GẶP EM LẦN NỮA – *Thơ: QUANG DŨNG – Thư họa: VĂN TẤN PHƯỚC*
98- VƯỜN XUÂN - *Thơ & Thư họa: QUANG HÀ*

TƯỞNG NIỆM

190 – CỎ THƠM PHÂN ƯU NHÀ VĂN VŨ NAM
* 191 – NHỚ VỀ VŨ NAM – *TRƯƠNG ANH THỤY*
* 192 – THƯƠNG TIẾC NHÀ VĂN VŨ NAM, LÝ VĂN VĂN (1954-2019) – *NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG*

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

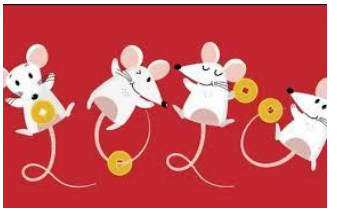

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

- Khi tạp chí này đến tay quý vị thì chúng ta vừa bước qua năm Canh Tý và Cỏ Thơm cũng bắt đầu vào năm thứ 25. Chân thành cảm tạ lòng ủng hộ nhiệt tình của quý vị**. Ban điều hành Cỏ Thơm thân chúc quý vị và toàn gia quyến được nhiều sức khỏe, may mắn, hạnh phúc và đạt được nhiều ý nguyện trong năm mới.**

- Trong số 87 này, mong quý độc giả thích thú với những áng văn thơ thật hay, một số có nguồn cảm hứng từ Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) ở Hoa Kỳ, Lễ Giáng Sinh, Tết Dương Lịch 2020 và Tết Canh Tý.

- Vào cuối năm 2019, Cỏ Thơm rất vui khi biết sức khỏe của nhà thư họa Vũ Hối (Maryland), nhạc sĩ Trần Quang Hải (Paris), nhất là biên khảo gia Trần Bích San (Louisiana) đã khá hồi phục. Nhà thơ Trần Quốc Bảo (Richmond, Virginia) cũng vừa ăn mừng Lễ Thượng Thọ 90 (trang 156). Trước đó, ông đã cho ra mắt tập sách "Hàn Thi Đường Thi Tuyển Dịch", biên soạn và dịch thuật rất công phu - với cổ thi của các danh sĩ Việt Nam cũng như các thi hào đời Đường.

- Cỏ Thơm đau buồn vì sự ra đi của 2 người bạn thân ở Cộng Hòa Liên Bang Đức: biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm và nhà văn Vũ Nam (anh cũng là đại diện của Cỏ Thơm từ nhiều năm qua), chi tiết ở trang 191-202. Xin thành kính chia buồn cùng toàn thể tang quyến.

- Thông báo đến quý vị là tòa soạn Cỏ Thơm đã dời từ địa chỉ: 9020 Cardiff Rd, Richmond Virginia 23236 đến địa chỉ: **105 Windy Knoll Dr, Rockville Maryland 20850**. Chúng tôi rất tiếc phải xa Richmond, nơi cư ngụ từ 1975, với biết bao nhiêu kỷ niệm đẹp và những bằng hữu vô cùng quý mến. Chúng tôi tin rằng "xa mặt nhưng không cách lòng", mối dây liên lạc vẫn đều đặn qua emails và điện thoại.

PHAN ANH DŨNG

Thơ vui

TÝ NGỌ MẸO DẬU

Tuổi tôi là tuổi là tuổi con mèo
Năm nay chuột tới tôi trèo cây cau
Anh Ngọ dài cẳng lưng cao
Phi nhanh như gió, Tý nào dám đua
Thập thò chuột nhắt rào thưa
Dậu ông lững thững làm ngơ bên rừng
Bốn ta dù tứ hành xung
Cuối đời thơ thẩn ung dung đỡ buồn.

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Virginia 01/10/2020

MÙA XUÂN ĐÀO THẮM MAI CƯỜI

Canh Tý, Chú Chuột tới rồi
Đón Xuân Chúc Phúc!
Nắng ngời hiên hoa ...

Chúc Mừng Bạn Hữu gần xa,
VĂN-THI- NHẠC-HỌA lượt là Hội Xuân

Giai Chương Hòa Khúc Tri Âm ...
Đẹp Trang Thế Kỷ!
Sáng Vần Tương Lai!

Mùa Xuân Đào Thắm Mai Cười ...
Thơ Dâng Kính Nguyện
Xin Đời Bình An.

Tuệ Nga
Thành Phố Hoa Hồng
Mùa Xuân Canh Tý
Oregon, 2020

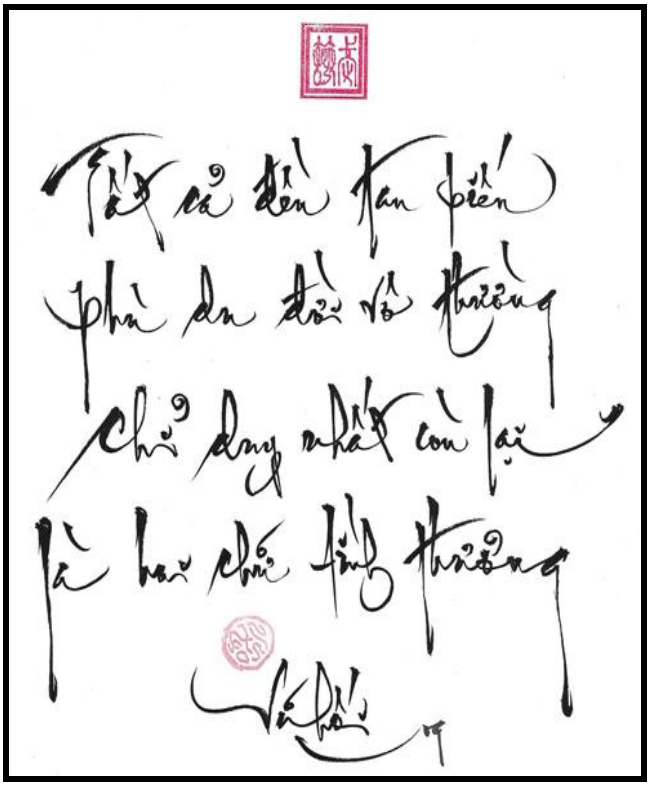

Vũ Hối, Vũ Quốc, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo - 2009

Chuột trong Thơ Văn, Ca dao, Tục ngữ và Thành ngữ Việt Anh Pháp

Sưu khảo của **Phạm Trọng Lệ**

Chuột là loài vật sống rất gần với con người, có nhiều điểm giống người, bị người gán cho nhiều tiếng xấu nhưng xét kỹ cũng thấy có một số điều tốt, trong lịch sử, cổ tích, ngụ ngôn, y học, phim ảnh, trong sinh hoạt con người, từ thôn quê đến thành thị. Có điều nhận xét là trẻ em thích chuột hơn người lớn và người Tây phương, về một phương diện nào đó, có một cái nhìn khoan dung hơn đối với loài động vật này. Riêng tại Ấn Độ, đền Temple of Rats thờ nữ thần Karni Mata có cả mấy chục ngàn chuột cho uống sữa, tôn thờ như thần. Và nếu xét mức độ sợ chuột khi còn nhỏ, các em bé ít sợ chuột có lẽ vì chuột thường được nuôi như vật cưng pets, như chuột bạch đánh vòng, nuôi làm cảnh như chuột đào hang hamsters, hay gerbils, ở nhà hay trong lớp học. Trái lại, phụ nữ phần đông sợ chuột. Không dám kỳ thị, nhưng tính sợ chuột đã được nhận là một phobia và gọi là musophobia, hay muriphobia.

Hình vẽ một bà sợ chuột đứng trên ghế

Bài này không nói về năm Canh Tý sắp tới, vận mạng của những người tuổi Tý ra sao vì có nhiều học giả viết nhiều bài giá trị như Đặng Tiến, Vũ Lục Thủy… Nên chỉ xét về con chuột và những con thuộc họ chuột, loài gặm nhấm gọi là rodents cùng những con họ xa với chuột như giống chuột túi kangaroo mà tự điển gọi là ***đại thử*** ở Úc châu. Thực ra, ngộ nhận 1 là con kăng-gu-ru thuộc họ khác với chuột tuy rằng tên "đại thử" (chuột lớn) khiến ta tưởng nhầm nó cùng họ với chuột. Ngộ nhận 2 là có thứ "nhím heo" hay "nhím bụi" tiếng Anh gọi là hedgehogs, tự điển cũng gọi là "nhím" vì trông giống như con nhím (porcupine), có gai trên mình, nhưng <u>không</u> cùng họ chuột mà giống này lại gần họ với heo. Tương tự, dơi (bats) trông hình giống như chuột, nhưng không cùng họ với chuột. (Xem bên đoạn dưới "Trông zậy mà hổng phải zậy") Tóm lại, phần I bàn về chuột trong vài khía cạnh văn hóa như trong văn thơ, và ở phần II, nhân tiện, ôn lại tục ngữ, thành ngữ tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp về chuột.

Năm Canh Tý: mồng 1 tháng Giêng âm lịch nhằm vào ngày 25 January 2020

Ngoài chuyện chuột ăn hại thóc lúa, chuột còn gây bịnh. Bịnh dịch lớn trong lịch sử gọi là the Black Death thời Trung Cổ khiến 1/3 dân số Âu châu,

Trung Đông và Trung Á ước lượng từ 50 - 200 triệu người bị chết vì bịnh dịch hạch, từ giữa đến gần cuối thế kỷ 14 (1347-1351). Nạn dịch hạch cũng lan qua Vương quốc Anh trong những năm 1563, 1578-9, 1592-3, và 1603, và gây họa cho gia đình Shakespeare, hai người chị là Joan và Margaret, và con trai ông là Hamnet được biết là bị chết về bịnh này. Trong vở tình sử Romeo and Juliet, người liên lạc của thầy tu Lawrence là Frère John mang tin đến báo cho Romeo - lúc ấy đang bị đầy ở Mantua - rằng Juliet uống thuốc khiến nàng chết giả và sẽ được đặt trong hầm mộ. Khi nhận được tin, theo kế hoạch của thầy tu Lawrence, thì Romeo sẽ tới và chờ sẵn trong hầm để đón nàng khi Juliet tỉnh. Tiếc thay, khi thầy tu Friar John qua một khu làng kia thì vừa lúc làng bị bịnh dịch hạch. Người đưa tin nghe nói có người bịnh cần cấp cứu, nhưng khi anh bước vào thì khám phá ra là người bịnh bị dịch hạch. Tin loan ra, dân làng đem búa và đinh đóng sập căn nhà và giam lỏng anh đưa tin. Vì tin chính xác không kịp tới nên khi Romeo tới hầm mộ, thấy Juliet nằm chết, anh đinh ninh nàng đã chết, nên anh than khóc, và uống thuốc độc tự tử. Khi Romeo vừa tắt thở thì cũng là lúc Juliet giã thuốc chợt tỉnh, và thấy người yêu chết, nàng than khóc và dùng giao găm bên mình chàng, đâm tim tự tử.

Trong trận dịch hạch thứ ba trên thế giới, xẩy ra tại Vân Nam, 12 triệu người chết tại Trung Hoa và Ấn Độ và Hongkong năm 1894, nhưng may, bác sĩ Alexandre Yersin (1863-1943), một

bác sĩ Pháp gốc Thụy Sĩ, môn sinh của bác sĩ Louis Pasteur, thuộc viện Pasteur đã tìm ra vi trùng gây bịnh dịch hạch do bọ chét ở chuột và tìm ra kháng huyết thanh antiserum cứu sống cả nhiều ngàn người Hongkong bị dịch hạch lúc đó (bubonic plague). Và để nhớ ơn người tìm ra phương pháp chế ra serum chống bịnh dịch hạch, y học lấy tên ông bác sĩ đặt tên cho vi trùng gây bịnh dịch hạch để hậu thế nhớ ơn người đã tìm ra plague vaccine. (***Yersinia pestis***). Bịnh gây ra vì những con bọ chét mang bịnh sống trên da và lông chuột và sóc, và trong những giống gậm nhấm gọi là rodents và truyền bịnh khi đốt người. Ngày nay, khi đã được định bịnh thì có thể trị bằng trụ sinh antibiotics (Gentamicin, fluoroquinolones, ciprofloxacin).

(Nguồn: Wikipedia en.m.wikipedia.org under “plague”)

Sách Quốc văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ Đẳng do Nha Học Chính Đông Pháp giao cho ba ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận soạn năm 1935, bài 69, dưới đầu đề “Con Chuột”:
“*Giống chuột chỉ làm hại ta và là nguy hiểm cho ta nữa, vì nó có thể đem lại dịch hạch mà truyền đi mọi nơi.*

Chuột chẳng được ích lợi gì cho ta cả." (tr. 116)

Chuột nhắt

Nguồn: Wikipedia "chuột nhắt nhà"

Theo Bách khoa toàn thư mở, đề mục "chuột nhắt nhà" chuột nhắt có tên **Mus musculus** là loài gặm nhấm, có kích thước nhỏ và có số lượng lớn nhất trong chi Mus, ngành Chordata, lớp Mammalia, bộ Rodentia (gậm nhấm), phân họ Muridae, chiều dài cơ thể từ mũi đến gốc đuôi là 3.0 - 3.8 in. Lông có thể trắng, xám, nâu nhạt, hay đen, khoảng cách từ hậu môn đến bộ phận sinh dục ngắn hơn. Chuột cái có 5 đôi vú, và tuyến sữa, còn chuột đực không có vú. Chuột nhà thường đứng, đi hoặc chạy cả 4 chân, nhưng khi ăn, khi định hướng thì đứng hai chân. Phần lớn hoạt động ban đêm, không thích ánh sáng.

Chuột nhà thường sợ chuột cống (sewer rats) vì chuột cống thường giết và đôi khi ăn thịt chuột nhà. Nhìn không rõ, võng mạc chuột cũng giống võng mạc của người. Nghe rất thính, có thể cảm nhận được âm thanh ở tần số từ 90hz đến100 hz, có thể giao tiếp với nhau bằng tiếng kêu.

Khứu giác:

Nước mắt và nước tiểu chuột nhà có hóa chất gọi là pheromone làm tín hiệu giao tiếp trong xã hội ảnh hưởng đến các con vật khác. Nước tiểu chuột đực có mùi mạnh. Có thể chấm dứt thai kỳ (hiệu ứng Bruce, hiệu ứng tự phá thai của con chuột cái khi tiếp xúc với mùi hương của con đực xa lạ).

Xúc giác: chuột dùng râu để dò phía trước.

Chu kỳ: chuột cái có chu kỳ động đực dài 4-6 ngày. Nếu nhốt chung với nhau, chúng không động đực, nhưng nếu cho tiếp xúc với nước tiểu con đực, chúng sẽ trở thành động đực trong 72 giờ. Thai kỳ chuột nhà vào khoảng 19 - 21 ngày và mỗi lứa chuột mẹ sinh từ 3 - 14 chuột con, trung bình 6 - 8 con. Mỗi chuột cái có thể đẻ 5 - 10 lứa mỗi năm, vì vậy số chuột có thể tăng rất nhanh. Bộ lông phát triển sau ba ngày. Sau khi sinh, đôi mắt mở khoảng 1 - 2 tuần. Con đực trưởng thành sau khoảng 6 tuần và con cái là khoảng 8 tuần.

Tuổi thọ ngắn:

Trong các môi trường như trong phòng thí nghiệm hay trong nhà, chuột nhà thường sống từ 2 đến 3 năm. Ở nơi hoang dã, chuột nhà chỉ sống được dưới 1 năm. Vì trong môi trường đó, chuột là con mồi của những loài khác ăn thịt như: trăn (python), rắn hổ mang (Naja naja), cú (Owl), điều hâu (Kite), mèo báo (Felis bengalensis), mèo gấm (Pardofelis marmorata), cầy hương (Viverricula indica)…

Chuột bạch abino mouse để thí nghiệm

Về mặt khác, Chuột cũng có lợi ích. Theo một tập san y học, chuột nhắt (mouse) và chuột đồng (rat) được dùng trong khảo cứu sinh y học (biomedical research) để nghiên cứu về công hiệu của thuốc, và cách giải phẫu để có thể áp dụng cho người, hay cho thú vật trong ngành thú y. (Elisabeth C. Bryda, PhD, "The Mighty Mouse: The Impact of Rodents on Advances in Biomedical Research" in Mo.Med. 2013 May-June; 110(3): 207-211. Ncbi.nih.gov

Chuột còn có khả năng tìm ra bịnh ho lao qua đờm dãi bịnh nhân bị TB nhanh hơn kết quả thí nghiệm tiêu chuẩn. (Ana Sandolu, "Rats better at diagnosing TB than standard tests." in medicalnewstoday.com, 11 April 2018)

Trông 'zậy' mà 'hổng' phải zậy! Appearance can be deceitful

Ngộ nhận 1: Giống chuột túi kăng-gu-ru bên Australia không cùng họ với chuột. Kangaroos thuộc họ Macropodidae (chân lớn, có thể đấm võ, ăn cỏ, nuôi hài nhi mới sinh trong túi). Thường bị tự điển gọi nhầm là "đại thử" (chuột lớn). Thực ra, con chuột thuộc họ Muridae và giống rodents (giống gậm nhấm, răng cửa sắc, ăn tạp).

Ngộ nhận 2: Cũng nên phân biệt giống hedgehogs, heo bụi, trông giống như con nhím (porcupine), không cùng loại với chuột. Hedgehog thuộc họ Erinaceidae. Còn nhím cùng thuộc họ chuột.

Ngộ nhận 3: Thỏ không cùng loại với chuột tuy cùng gậm nhấm. Thỏ được xếp vào loài lagomorpha**.**

Những con cùng loại gặm nhấm rodents với chuột là:

Gerbils, hamsters, chuột túi gopher, hải ly beaver, sóc squirrel, nhím porcupine, sóc chuột chipmunk. Lớn nhất trong họ gặm nhấm rodents là chuột khổng lồ **capybara** sống ở nhiệt đới như Trung và Nam Mỹ thuộc họ Caviidae. Cùng họ với guinea pig. (tuy tên gọi là Guinea pig nhưng giống chuột lang không thuộc loài heo!) Giống chuột khổng lồ Capybara (**ucapii,** *grass,* **urara,** eater), nặng từ 77-150 lbs, (35-68 kgs), sống từ 8 - 10 năm, nhưng khi ở chốn hoang dã dễ làm mồi cho báo, đại bàng, trăn...

Hedgehog, heo bụi trông giống con nhím: thuộc họ heo mà không thuộc họ chuột: Có thể tạm đặt tên cho hình là "Mang nặng đẻ đau**"**
Sự thực là khi heo bụi mẹ đẻ ra, những con heo bụi hài nhi chưa có gai nhọn…

Expressions to whet your curiosity: Ngữ vựng để thỏa mãn tình tò mò của độc giả, nhất là sinh viên.

Sinh viên bỏ ra nhiều thì giờ đọc sách trong thư viện, tiếng Việt có chữ **mọt sách,** tiếng Pháp gọi là **rat de bibliothèque**. Tiếng Anh: **Bookworm**.
Rat d'hôtel: không phải là chuột trong khách sạn, mà là tên trộm lẻn vào khách sạn rạch va-li lấy đồ của du khách. Tự điển Larousse ghi nếu là một bà hay một thiếu nữ làm công việc đó thì có chữ **souris d'hôtel**. Còn chữ **Petit rat de l'Opéra**: chỉ nữ sinh viên "lính mới tò-te" mới ghi danh học một lớp vũ kịch nghệ Opéra. **Un vieux rat**: không phải là con chuột già mà chỉ người hà tiện, keo kiệt. **La souris scooter** cũng chỉ tên thứ xe Vespa nhỏ 50cc giống như chiếc scooter mà chàng phóng viên Joe Bradley do Gregory Peck đóng, và nàng công chúa Ann, do Audrey Hepburn đóng, đèo nhau lái quanh đường phố Rome trong khi cảnh sát rượt theo trong phim Roman Holiday (Vacances Romaines) (1953).

La souris nguyên nghĩa là chuột nhắt. Nhưng tiếng lóng **une souris** chỉ một thiếu nữ, une jeune femme. It est venu avec une souris: anh dẫn đến một nàng trẻ đẹp. (Dictionnaire Hachette, 1992.) Thành ngữ "đầu voi đuôi chuột" La montagne a accouché d'une souris: The mountain gave birth to a mouse: một dự án tưởng là đồ sộ, quảng cáo rầm rộ (à grand bruit) nhưng kết quả không đáng kể. Ta có thành ngữ Đầu voi đuôi chuột. Much ado about nothing. Chuột nhắt còn phát âm là chuột lắt. Trong Đại Nam Quấc Âm Tự Điển (1895) của Huình Tịnh Của có thành ngữ "làm bộ chuột" chỉ người làm bộ "lý lắc, liến xáo không nên nết." Để mắng người hay sanh sự, hay chỉ chọc việc vô can" có chữ "quân thọc chuột".

Rat pack: Tên nhóm tài tử trình diễn ở Las Vegas thời thập niên 1960s gồm Frank Sinatra, Dean Martin, Sammy Davis, Jr., Peter Lawford và Joe Bishop. **River rat**: tiếng chỉ một con chuột sống trên sông; cũng là tiếng khinh miệt chỉ người sống trên thuyền trên sông; **river rats** cũng là tên lực lượng biệt hải beret đen thiện chiến trong trận chiến tranh Việt Nam.

Nếu nhà có chuột hay trong trại có chuột thì chủ trại tìm cách trừ đi bằng **bả chuột,** rat poison, hay dùng **bẫy** chuột, mouse trap. Văn sĩ Saki (Hector

Hugh Munro) có câu: Khi bạn đặt miếng cheese lên bẫy chuột, nhớ để chừa chỗ trống cho con chuột bước vào. In baiting a mouse-trap with cheese, always leave room for the mouse.

Nguồn: The Oxford Dictionary of Quotations 3d ed. OUP, 1980. **Chuột rút** hay vọp bẻ là muscle cramp. **Dưa chuột** là cucumber. **Chuột bạch** là albino white mouse (souris blanche) để nuôi trong thí nghiệm y khoa, **chuột cống** là sewer rat, chuột **chù**: muskrat hay Asian house shrew. **Chuột đồng** ướp tỏi, và xì dầu, nướng muối ớt là món nhậu ngon hết xẩy của đồng bào miền Tây; chuột đồng chỉ ăn lúa hay những hạt lúa rớt trên ruộng nên thịt nạc, tiếng Anh là field rats hay harvest rats. **Ướt như chuột lội**: drenched to the skin. Thành ngữ Au chat et à la souris. En fait, il répond à mes questions en jouant au chat et à la souris. Play cat and mouse: anh ta tìm cách tránh né trả lời thẳng vào những câu hỏi của tôi mà cứ loanh quanh để kéo dài thời gian. A bon chat bon rat: Vỏ quít dày có móng tay nhọn. À malin, malin et demi. Người giỏi ắt có người giỏi nữa, tướng tài còn có tướng tài hơn. On entendrait trotter une souris: Yên lặng như tờ. So quiet you coud hear a pin drop.

Thêm vài từ ngữ: Tiếng Anh mouse là danh từ số ít, số nhiều là mice. Chuột to như chuột đồng, chuột cống là rat. Chữ rat còn chỉ một kẻ đáng khinh, bá cáo bạn bè, an informer. To rat cũng có nghĩa như to inform. Mouse còn chỉ một người hèn, nhút nhát. Là một danh từ computer, mouse là con chuột, hay con "*mao" để chỉ vào từng điểm di động (cursor) hay ra lệnh làm các thao tác trên màn hình.*

Desert rats

là tiếng gọi chung chỉ Đệ Thất Sư Đoàn Thiết Giáp của tướng Anh John Harding đã đánh bại Quân Đoàn Africa Korps của thống chế Đức Erwin Rommel, người có biệt danh Desert Fox trong đệ nhị Thế chiến.

Chuột nào tên đó:

Chuột nhắt mới đẻ ra gọi là pup, hay **pinky**, chuột to hơn chuột nhắt mới đẻ gọi là kitten, hay **pup**; chuột đực gọi là **buck**, chuột cái chưa có con là **doe**, chuột đang có thai hay có con gọi là **dam**; một ổ chuột là **a nest of mice**, hay a **mischief.**

Chuột trong văn hóa

Trong văn hóa Đông phương, chuột đứng đầu 12 con giáp. Theo một câu chuyện Tết, trong dịp đầu năm, các con vật về chầu Thiên Đình. Vốn thông minh nhanh nhẹn, chuột ngồi trên đầu Trâu và khi tới nơi, nhẩy xuống trước, nên Ngọc Hoàng cho cầm đầu 12 con giáp. Tại Việt Nam, chuột cũng có mặt trong các tác phẩm văn thơ (Xem truyện thơ **Trinh Thử** bên dưới. Đặc biệt, chuột được khắc họa trên dòng tranh dân gian Đông Hồ.

Bức tranh Đám cưới chuột rất nổi tiếng. Trong tranh chú chuột đỗ cao cưới vợ, cưỡi ngựa đi trước, có lính mang lọng che, đằng sau nàng dâu chuột ngồi trong kiệu. Rồi hàng trên là hình ông mèo ngồi, có hai con chuột mang đồ

biếu, là chim và cá, theo sau là hai con thổi kèn. Ông mèo hình dáng to lớn, tượng trưng uy quyền, tham nhũng.

Ý Nghĩa tranh đám cưới chuột Đông Hồ Nguồn: (www. tranhtheuleanh.com)

Chuột trong cổ tích, huyền thoại

Trong Truyện Cổ Nước Nam, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc Quyển Hạ - Muông – Chim (Thăng Long xuất bản, 1934), có kể bốn câu truyện về chuột là:

-**Chuột và Mèo** trang 65: Theo truyện xưa, chuột được Trời giao cho giữ chìa khóa kho lúa của Trời nhưng chuột tự do đến mở kho ăn rả rích hết bao nhiêu là lúa, Trời bèn đuổi xuống hạ giới. Chứng nào tật ấy chuột vẫn ăn lúa của dân. Dân than:

"Chuột kia xưa ở nơi nao,
Bây giờ ăn lúa nhà tao thế này?"

Vua Bếp hỏi Trời: Sao lại thả nó xuống Hạ giới? Trời bảo nó ăn vụng lúa hại lắm. Vua Bếp bèn kiện Trời. Trời bèn cho đem xuống một con mèo, để gầm gừ hay kêu "nghèo nghèo" chuột sẽ sợ.

O chuột (1937)

"O chuột" khác nghĩa với "o mèo". "O" ở đây không có nghĩa là "cô" như tiếng miền Trung. O là một động từ. Nhà văn Tô Hoài, tác giả truyện ngắn "O chuột", tả một con mèo mướp già khi bắt được con chuột nhắt thì không ăn thịt mà chỉ vờn chơi. Để ban đêm nhà vắng vẻ, chú mèo mướp già chỉ đi luẩn quẩn "o chuột" tức là "đi rình nấp quanh quẩn để tìm để lùng bắt chuột mà thôi."

Phân biệt với "o mèo" tả các chàng trai đi "ve vãn con gái." Tự điển Việt Anh dịch "o" là "flirt." Tự điển Việt Anh Nguyễn Đình Hòa dịch là "seduce" và giáo sư Hòa lại cẩn thận chú thích thêm hàng chữ [*mèo* girl] để các chàng trai biết "mèo" đây là thứ *mèo chân dài móng đỏ và thường sợ chuột.* Khá lạ: dù cách xa nhau trên 6 ngàn dặm mà người Việt cũng có một ý như người Anh. Shakespeare cũng dùng chữ "**mouse-hunt**" không phải là kẻ "săn chuột" mà với nghĩa "chàng o mèo", "*săn* các cô các bà với ý "mèo chuột" như trong kịch Romeo and Juliet, bà vợ ông Capulet, mẹ của nàng Juliet, mỉa mai ông chồng rằng :"Ay, you have been a mouse-hunt in you time" "Phải, thời trai trẻ ông cũng là tay bám riết đeo đuổi các nàng!" [R*omeo and Juliet* IV.iv.11]. Mouse-hunt như vậy là pursuer of women, skirt-chaser, ladies' man, womanizer. **To mouse**: to hunt for mice, to search for something stealthily; to bite, to gnaw. (a) Săn chuột; (b) rón rén lén lút kín đáo dò tìm cái gì; (c) cắn, gặm.

- **Mèo Mắc Lừa Chuột**, TCNN, trang 163
Trong truyện này, một hôm mèo già bắt được một chú chuột con, sắp ăn thịt. Chuột nhắt khôn ngoan van lạy, khất với mèo rằng: "Mai nhà tôi có giỗ, xin ngài tha cho, tôi đi mua tôm tép về làm cỗ mời ngài lại sơi." Hôm sau mèo ăn mặc chỉnh tề đi ăn giỗ nhà chuột, tới nơi chẳng thấy tôm tép gì. Mèo đứng mèo gọi khản giọng mà chẳng thấy chuột đâu, té ra mới biết bị chuột đánh lừa, như trong câu hát:

"Con mèo mà trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo"
*(*tr. 164).

- Con Cóc và con chuột, TCNN, trang 210
Trong truyện này, cóc thân với chuột lắm. Một hôm nghe tin vợ chuột mới nằm bếp, ở cữ cháu trai, cóc muốn đến mừng, nhưng chuột ở trên cây cao, cóc không leo lên được.
Chuột cái nói:
"Bác có lòng lên chơi với thầy cháu [lâu lắm mới nghe thấy tiếng mấy bà người Bắc gọi đức lang quân bằng tiếng *thầy cháu*] và mừng cho cháu, thì tôi có cách đưa bác lên dễ lắm. Tôi có cái đuôi dài, bác ngậm vào cái đuôi ấy, tôi lên được thì bác cũng lên được." [sao bà chuột này thật quả là hiếu khách nhưng **hớ hênh** quá: cho ông khách của chồng ngậm vào đuôi dài, để kéo ông lên; trong khi mải lo kéo, ông khách ngước mắt lên…ôi chao!]
Gần đến cửa, chuột đực trong nhà chạy ra vồn vã chào hỏi:
-"Chao ơi! Bao lâu nay mới gặp bác, tôi lấy làm khao khát lắm!"
Cóc thấy nói, vừa mới mở miệng chưa kịp đáp lại thì đã rơi bịch xuống đất, xương sống gẫy và lưng cong lại.
Thành thử từ đó cóc có bịnh đau lưng, khi trở trời thì nghiến răng kêu kèn kẹt. (p. 212)

-**Chuột Bạch và Hai Vợ chồng chuột chù**, TCNN, trang 225

Riêng truyện chuột thứ 4 trong tập truyện của Nguyễn Văn Ngọc thực ra là truyện **Trinh Thử**, (Dương Quảng Hàm, Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển (Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu xuất bản, in lần thứ chín, 1968, trang 44).
Trinh thử (The Virgin Mouse) by Hồ Huyền Qui is a 15th-century Vietnamese *nôm* poem in 850 lines in *lục bát* verse. Đây là truyện một con chuột bạch, góa chồng, một hôm ra ngoài kiếm mồi cho con chợt bị chó đuổi, phải chạy vào ẩn trong một cái hang. Không ngờ trong hang có một con chuột đực, nhân lúc chuột cái đi vắng, định bụng tán tỉnh, nhưng chuột bạch cự tuyệt. Chợt chuột cái về nổi ghen, rầy rà chuột đực. Cuốn truyện bằng thơ lục bát này sẽ giúp ta nhớ những ngôn ngữ đầy mầu sắc của tiếng Việt ở thôn quê. Cũng nên so sánh hai đoạn thơ và văn xuôi.
=> Đây là đoạn chuột cái chợt về bắt gặp chồng cùng chuột bạch trong nhà, bèn nổi ghen sỉ-vả chồng: [con số chỉ số dòng]

Thơ:
"*Cớ chi thiếp mới vắng nhà, (569)*
Đã lòng nhử nguyệt quyến hoa tơi bời.
Vừa lòng thích ý thì chơi,
Nhà này còn có xem ai ra gì.
Cửa nhà lo lắng sớm khuya.
Sướng se, mạ cạn đi về xiết bao.
[sướng se: ruộng hết nước, làm lụng vất vả, chú thích của Bùi Kỹ]
No cơm thì rửng hồng mao,
Dục hà dục hĩ muốn sao thì làm.
Ai ngờ mặt sứa gan hầm,
Rắp toan gà luộc, rượu tăm thỏa lòng (578).
…….

Nàng rằng sự đã quả nhiên, (615)
Nào ai nói đặt cho nên đoạn trường.
Vợ con vừa bước ra đường,
Ở nhà thắc mắc lo lường đứng trông.
Phỏng rằng cậy dạ cậy lòng,
Thế thì dỗ gái về phòng làm chi?
[**Vặn hỏi chặt chẽ, chuột đực tuy oan—vì có được sơ múi nào đâu mà thiệt khó bào chữa! lại còn bị mắng như tát nước! Đáng đời!**]
……..
Mê say chìm đắm má đào,
Như mèo thấy mỡ khát khao thật là.
Già chẳng thương, trẻ chẳng tha,
Khác nào như ếch thấy hoa thì vồ.
Thuồng luồng ở cạn có ru,
Mà toan bắt chước đứa ngu sờ sờ.
Chiếu chăn nào có hững hờ, [**Cái 'zụ' đó tui có '*bỏ đói*' ông bữa nào đâu?**]
Mà như voi đói thì vơ dong dài
Quen mui bận khác ăn chơi,
*Có ngày cũng được như ai ghẻ tầu.***[bịnh dương mai, chú thích của BK]**
Bây giờ khốn đổ cho nhau
Miệng kênh gọi chó, tay mau đuổi ruồi.
…
Rầm nhà tiếng hỏi lao xao, (671)
Ai hay rằng sự dấu đầu hở đuôi
Vẫn còn thèm thịt thèm xôi, [**Thèm của lạ hở? Già mà hổng nên nết!**]
Ngày thường cơm tẻ thiếp nuôi lệ gì.
Có cãi rằng quí dịch thê, [sang thì đổi vợ, chú thích của BK]
Gái này chẳng dám nằn nì thương yêu.
Già rồi lận cận bỏ liều,
Sá chi vú ếch lưng eo sồ sề.
Chẳng ưa cà chín bầu già,
Tuổi đa dư lạp lịch đà quá niên.
Có trăng nên nỗi phụ đèn,
Chẳng ngon thế sốt, thời liền bén hơi.
Cười ra nước mắt hổ ngươi,
Khen ai khéo đặt nên lời ví xưa:
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên vắng ngắt như chùa Bà Đanh. (686)
……
(Nguồn: Thivien.net "Trinh thử, Hồ Huyền Qui; Truyện Trinh Thử, Trần Triều Xử Sĩ Hồ Huyền Qui soạn, Ưu Thiên Bùi Kỷ hiệu đính, Tân Việt, 1956. Có thuyết cho rằng tác giả không phải là Hồ Huyền Qui.)

[**Lúc đầu thì còn chàng chàng thiếp thiếp…khi cơn ghen nổi lên thì mày mày tao tao. Mà giận ghen thì còn thứ giận nào bằng! Ừ, "cơm tẻ" trong nhà, gái sề này có "bỏ bê" bao giờ đâu? Bây giờ lại "thèm thịt thèm xôi"! Đồ đốn rồi!**]

Còn trong văn xuôi thì sao?
Đón xem: Phần II của bài này về tục ngữ và thành ngữ Việt Pháp Anh
(còn tiếp)

Viết xong cuối tháng 10 năm 2019;
rút gọn 11/15/2019.
Phạm Trọng Lệ

ĐÁM CƯỚI NGÀY XƯA

**** Trần C. Trí ****

(Thân tặng TY và BN)

Hai mươi ba tháng Chạp. Hình như năm nay Tết sắp về mà không ai đợi chờ. Sài Gòn bây giờ đang sống trong những ngày mới mẻ. Một cái mới lạ lùng, khó chịu, vì thành phố và cả miền Nam đang ngột ngạt trong một nếp sống lạ lẫm sau ngày phần còn lại của đất nước đã lọt vào tay chính quyền miền Bắc. Người lớn nhìn nhau bằng cặp mắt lo âu, thì thầm trao đổi với nhau những lời lẽ bi quan trước viễn cảnh đen tối của dân tộc. Nhưng tuổi trẻ dường như không bị chi phối bởi thế giới rắc rối của người lớn. Giọng nói, tiếng cười của chúng vẫn ròn rã, trong vắt, không gợn chút ưu tư. Gần như hầu hết bầy trẻ trong cả cư xá đang rộn ràng chuẩn bị cho các tiết mục văn nghệ cuối năm. Thuý và Bảo cũng bị cuốn hút vào không khí tưng bừng đó. Năm nay, hai cô bé - một cô mười tuổi, còn cô kia mười hai - đang tíu tít tập dượt cho một màn vũ truyền thống. Trong màn vũ đó, Thuý và Bảo sẽ múa chung với hai cô bé khác để trình diễn nhạc phẩm "Tình Bắc Duyên Nam". Mùa xuân cứ thế len lén về theo tiếng nhạc rộn ràng vào những ngày cuối năm.

Thuý và Bảo chơi với nhau từ lúc còn nhỏ xíu. Nhà hai cô bé khá gần nhau, đứa thì ở dãy D, đứa ở dãy A, chạy qua chạy lại chỉ trong một thoáng. Hai cô bé quấn quýt lấy nhau, cả ngày không đứa này ở nhà đứa kia, thì đứa nọ cũng chạy sang nhà đứa này. Hai bà mẹ quen mắt nhìn hai con bé chơi với nhau hằng ngày, lắm lúc cũng chẳng biết đứa nào mới thật là con của mình. Mỗi chiều, hai cô bé thường rủ nhau đi lễ ở ngôi nhà thờ nhỏ trong cư xá. Thần tượng của hai cô là những bà Xơ ở nhà thờ. Cô nào mà được diễm phúc được bà Xơ sai làm việc này việc nọ thì cứ mê tơi, khoe với nhau nhặng cả lên. Chỉ nhìn các Xơ từ xa xa là hai cô cứ run lên như run thần tử kiến long nhan. Không hiếm những lúc hai người ngồi với nhau, mơ được một ngày cũng trở thành bà Xơ, khoác chiếc áo màu đen giản dị, làm việc từ thiện ở những viện mồ côi quanh vùng.

Nhưng năm nay, lúc Tết đang hờ hững trở về, Thuý và Bảo cũng đang âm thầm chuẩn bị một sinh hoạt khác ngoài việc múa hát với bầy trẻ trong cư xá. Hai cô bé tạm quên đi các bà Xơ nghiêm nghị, để sửa soạn một trò chơi rất ư trần tục là tổ chức một đám cưới với nhau. Ý tưởng này là do chị Huyền, chị kế của Thuý, gieo vào đầu óc còn rất đỗi ngây thơ của hai cô bé. Số là thấy hai cô lúc nào cũng xoắn lấy nhau, có hôm chị Huyền cười bảo: “Tao nghĩ

hai đứa mày nên lấy nhau cho được việc. Gớm, làm gì mà lúc nào cũng đi kè kè với nhau như hình với bóng!"

Tưởng chị Huyền chỉ nói chơi, ai ngờ hoá thật. Một hôm, lúc Thuý và Bảo đang ngồi nói chuyện với nhau trước sân nhà Thuý, chị Huyền lại gần hai cô bé, thì thào: "Hai đứa nghe này! Chị có món đãi đám cưới cho chúng mày rồi đấy!" Thuý và Bảo trố mắt nhìn chị Huyền: "Thật sao chị?" Chị Huyền cười rạng rỡ: "Lại chả thật! Này nhé, trời xui đất khiến thế nào mà lại có một con gà mái tơ của ai đi lạc vào sau vườn nhà mình đã mấy ngày nay mà không ai đi tìm cả. Hôm ấy chị sẽ bắt nó, làm lông, cho vào nồi luộc để làm cỗ cưới cho hai đứa nhé!" Thuý thắc mắc: "Vậy là mình ăn gà luộc thôi hở chị?" Chị Huyền nói giọng đắc thắng: "Luộc thế nào được, ngu ạ! Tao lấy một ít miến của mẹ trong bếp, nấu cho chúng mày cả nồi miến gà đấy. Tha hồ mà đánh chén nhá!"

Thế là chị Huyền trở thành vị chủ hôn cho hai đứa. Chị còn sốt sắng bày vẽ thêm cho đám cưới sắp tới thêm phần thú vị. Chị hỏi: "Hai đứa mày định mời những ai? Phải có thiệp cưới hẳn hoi mới được nhé. Tao vẽ thiệp cho. Tao có hoa tay mà!" Thuý và Bảo mừng húm, ngồi nặn óc tuyển chọn khoảng năm sáu đứa bạn thân trong cư xá để gởi thiệp mời. Thuý còn đi xa hơn chút nữa, nói với chị Huyền: "Chị nhớ viết trên thiệp là ngày vui của "Lê Nguyễn nhập thiên thai", chị nhé!" Bảo phục Thuý ra mặt. Cô bạn của mình thường ngày trông láu táu, lí lắc là thế mà cũng sâu sắc, văn chương nghệ thuật ra phết! Trong hai đứa, Bảo ít nói, rụt rè hơn, còn Thuý lúc nào cũng bặt thiệp, xã giao, đặc biệt là mê đọc sách và thích âm nhạc. Thuý họ Lê, Bảo họ Nguyễn, khiến Thuý liên tưởng đến truyền thuyết Lưu Nguyễn nhập thiên thai và cải biên thành chủ đề cho đám cưới của hai đứa.

Chị Huyền làm bộ hốt hoảng: "Ấy chết! Đám cưới xong mà chúng mày nhập thiên thai cả lũ thì tao biết ăn nói làm sao với hai bà mẹ đây?" Nói thế nhưng chị vẫn nắn nót viết lên thiệp theo như lời Thuý yêu cầu. Chị còn vẽ thêm hình hai con chim đang xoải cánh viền quanh thiệp, trông thật bắt mắt. Thiệp mời được hai cô bé hân hoan chạy đi trao tận tay những vị khách danh dự.

Lúc này, chị Huyền đã thật sự bị cuốn hút vào trò chơi. Chị chọn cho hai cô bé chiều thứ Bảy, lúc đó mẹ của Thuý còn bận bịu với công việc ở tiệm may chưa về. Trong lúc chị Huyền loay hoay với nồi miến gà trong bếp, Thuý và Bảo đi loanh quanh trong cư xá, tìm ngắt những cọng cỏ dài hai bên đường và một ít bông hoa dại để kết thành hai cái vòng hoa chốc nữa sẽ đội lên đầu làm lễ cưới. Trong trí óc ngây thơ của hai cô bé, chẳng có ai là cô dâu hay chú rể cả. Chỉ cần đội vòng hoa đứng bên

nhau trước mặt mọi người để được công nhận tình bạn thật khăng khít và vô tư của hai cô bé là vui rồi.

Năm giờ chiều. "Thực khách" bắt đầu lục tục tới. Các cô bé vừa đi vừa chuyện trò rôm rả, vui vì chưa bao giờ được dự một buổi tiệc đặc biệt như thế này cả. Đám cưới diễn ra thật nhanh và đơn giản. Thuý và Bảo trông bình thường như mọi ngày, hai cô bé vẫn mặc quần áo như khi đi lễ nhà thờ, chỉ có khác là trên đầu mỗi cô có trang điểm một vòng hoa xinh xinh. Chị Huyền gọi tất cả vào nhà bếp, bảo lũ trẻ ngồi xuống bàn rồi lễ mễ bê ra những tô miến gà còn bốc hơi nóng hôi hổi. Chủ khách đều tận tình ăn uống xì xụp, vả cả mồ hôi trán. Chỉ tội có con gà không may đi lạc đã trở thành niềm vui của bầy trẻ.

Chị Huyền không ăn mà chỉ hài lòng đứng ngắm công trình của mình đang được lũ trẻ chiếu cố và thưởng thức tận tình. Chốc chốc, chị lại ngước nhìn cái đồng hồ trên vách. Sắp tời giờ mẹ từ tiệm may về rồi. Chị vội vàng hối thúc lũ trẻ ăn cho mau hết để giải tán kịp thời, cho chị còn có thì giờ thu dọn, không để lại dấu vết gì đáng ngờ. Các cô bé vui vẻ chia tay nhau ra về. Chúng tíu tít ùa ra cổng, gặp đứa nào không được mời ăn cưới cũng khoe: "Tụi này vừa đi ăn cưới con Bảo và con Thuý về, chúng mày ạ! Có cả miến gà nữa." Thế là một đồn mười, mười đồn trăm, chẳng mấy chốc, mẹ của Bảo đã nghe tin Thuý và Bảo mới làm đám cưới bên nhà Thuý.

Lúc này thì Thuý và Bảo vẫn còn vui như Tết vì bữa tiệc bất ngờ vừa qua. Hai cô bé nhảy chân sáo về nhà Bảo để tiếp tục vui cho hết buổi chiều còn lại. Vừa vào đến sân nhà, hai cô bé đã thấy mẹ Bảo hầm hầm đứng chờ sẵn, trên tay cầm cây phất trần to tướng. Bà mắng ngay: "Hai con ranh! Chúng mày vừa làm chuyện tày trời gì đấy hử? Có biết làm như thế là mất duyên con gái hay không hử con? Lớn lên tha hồ mà ế chồng đấy, con ạ." Vừa nói, bà vừa tiến tới, dứ dứ cái phất trần trong tay. Hai cô bé hồn phi phách tán, dắt nhau quay trở ra, chạy biến đi để tránh cơn thịnh nộ của bà mẹ.

Hai cô bé cứ thế mà nắm tay đi mãi..., đi mải miết ... trong dòng thời gian trôi qua hối hả, trong lúc cả thành phố cũng đang chuyển mình nhức nhối trong cơn sốt vàng da của thời cuộc. Từng nhà, từng nhà trong cư xá lần lượt trốn đi vượt biên. Anh em của Thuý và Bảo cũng có vài người đi thoát, ở trại tị nạn vài năm rồi qua Mỹ định cư. Gia đình Thúy cũng được ông cậu làm giấy tờ bảo lãnh và đang chờ ngày phỏng vấn để đi Mỹ.

Hai cô bạn nhỏ, khỏi nói cũng biết là buồn không thể tả. Nhưng buồn hơn là Bảo, bởi vì Thuý còn có cái háo hức sắp được đi đến một chân trời mới, bên cạnh nỗi buồn sắp phải xa bạn. Còn Bảo thì chưa biết đến chừng nào mới

đến lượt mình. Đâu đó trong những niềm vui hằng ngày đã lẫn những nỗi buồn nhè nhẹ, vì hai cô bé cứ chạnh nghĩ đến ngày phải xa nhau. Không ai bảo ai mà bỗng dưng hai cô lớn hẳn lên, chín chắn thêm ra, vì đây là lần đầu tiên hai cô mới biết thế nào là buồn, là lo cho một ngày mai vô định.

Nhưng đột nhiên, tình hình lại biến chuyển thật khó lường. Một ngày nọ, mẹ của Bảo liên lạc được với một đường dây vượt biên do một người quen tổ chức. Thế là bà nhắm mắt cho con gái đi theo chuyến ghe đó. Nhờ ơn trên che chở, chuyến vượt biên của Bảo chỉ mới đi chưa đầy một ngày trời trên biển, hãy còn trong hải phận Việt Nam thì đã được một chiếc tàu quốc tế cứu vớt, đưa đến cảng Singapore trong vài ngày rồi chở thẳng thuyền nhân trên tàu qua trại tị nạn Palawan ở Phi Luật Tân. Có ai ngờ Bảo lại đi trước Thuý! Bảo ngỡ ngàng trong giai đoạn quá mới mẻ của cuộc sống. Cô đi chung với một vài người quen trong cư xá chứ không có họ hàng thân thích nào khác. Mỗi ngày trong trại tị nạn là những giây phút mới lạ đối với Bảo. Cô phải học hỏi thật nhiều thứ, tạm quên đi nỗi buồn xa nhà và bạn bè. Cô không viết thư cho Thuý vì chẳng biết bạn mình có còn ở Sài Gòn hay không. Bảo ở trại Palawan trong tám tháng, được phái đoàn Mỹ phỏng vấn và chấp nhận cho vào Mỹ vì bố cô ngày trước là Trung tá trong quân đội Việt Nam Cộng Hoà. Bảo cùng hằng trăm người tị nạn khác được đưa đến trại chuyển tiếp Bataan, cách thủ đô Manila hơn trăm cây số đường bộ. Tại đây, Bảo và mọi người được học các lớp Anh ngữ và hướng dẫn văn hoá Hoa Kỳ để chuẩn bị cho ngày định cư chính thức trong vòng sáu tháng tới.

Một buổi xế trưa, Bảo đang cùng vài người bạn trong trại đang đi về nhà sau một buổi học. Bỗng từ trước mặt Bảo đang bước tới một người mà Bảo không thể nào ngờ nổi: Đó không ai khác hơn là Thuý! Hai cô bạn mừng mừng tủi tủi, ôm chầm lấy nhau, cứ ngỡ đang nằm mơ. Gia đình Thuý được chính thức rời Việt Nam theo chương trình ODP (Orderly Departure Program – Ra Đi Có Trật Tự). Hoá ra Thuý và gia đình đã đến Bataan được vài tháng rồi. Đây là một khu trại rộng mênh mông, chia thành mười vùng khác nhau. Đi từ vùng này tới vùng kia cuốc bộ cũng được nhưng khá mỏi chân nên nhiều người thường dùng một loại xe lam của dân địa phương để di chuyển cho nhanh. Mỗi ngày có nhiều chuyến xe buýt đưa mọi người đến lớp học. Khu trại rộng như thế mà Thuý và Bảo gặp lại nhau thật cũng là hãn hữu. Thế là hai cô lại xoắn lấy nhau (chữ của chị Huyền!) như ngày nào, hàn huyên tưởng như không bao giờ dứt. Khoảng hai tháng sau, gia đình Thuý rời Bataan đi Mỹ sau thời hạn sáu tháng.

Thời gian lại trôi qua. Hai cô bạn ngày xưa đã gặp lại nhau ở vùng Cali nắng ấm, lại nắm tay nhau chạy như bay theo thời gian đang trôi vun vút, như ngày nào cùng nhau chạy trốn trận đòn của mẹ. Cuộc sống vội vàng nơi xứ người khiến đôi bạn cứ chợt biến chợt hiện trong đời của nhau, vì ai cũng lo sinh kế, lấy chồng, sinh con. Mỗi cô bây giờ đã có một chú rể cho riêng mình, hai người đàn ông yêu thương vợ và biết lo cho gia đình. Thuý có hai trai, một gái. Còn Bảo được một gái, một trai. Nhà cô nào cũng đủ nếp đủ tẻ. Thuý hóm hỉnh nói với Bảo, thật hú vía tụi mình không bị mất duyên và ế như ngày xưa mẹ của Bảo đã lo xa.

Gia đình Thuý ở San Diego, cuối miền nam Cali. Nhà Bảo thì ở Little Saigon, thủ phủ của quận Cam. Tuy xa mà gần, tuy gần mà xa. Nhưng mỗi lần gặp nhau, hai cô tưởng như thời gian và không gian không hề đứt đoạn hay chuyển dịch, cứ gặp nhau là lại tíu tít với nhau không khác chi ngày trước. Có khác chăng là đề tài các câu chuyện đã hướng về phía con cái, gia đình chứ không chỉ là chuyện cá nhân như xưa. Lúc xa nhau thì hai cô lại bỏ ra hàng giờ để nói chuyện hay nhắn tin cho nhau, điện thoại cứ chốc chốc vui vẻ, réo rắt phát tín hiệu những tin nhắn bay qua bay lại không bao giờ muốn dứt.

Có lần, lúc đang ngồi cùng nhau ôn lại những kỷ niệm đẹp của ngày xưa còn bé, Thuý nói với Bảo: “Bảo này, hôm nào tụi mình phải cùng nhau làm một chầu miến gà thật đặc biệt để nhớ lại ngày xưa, chịu không?” Bảo cười, háy mắt lại với Thuý: “Kiểu như làm anniversary vậy đó hở?” Hai ông chồng đang ngồi nói chuyện với nhau bên cạnh, tình cờ nghe được mẩu đối thoại này, cứ ngẩn cả người ra, chẳng hiểu mô tê gì cả.

Trần C. Trí

MẮT TÍM MÙA XUÂN

Từng đêm dài thao thức
Trang thơ nằm bơ vơ
Ngón tay loang vết mực
Tím khung trời diệu mơ.

Lang thang con phố cổ
Lả tả tờ thư rơi
Tim tôi ai giữ hộ
Kẻo bay chiều chơi vơi.

Ru hồn trầm thương nhớ
Tí tách giọt mưa xuân
Lặng thầm đôi mắt nhỏ
Huyền hoặc ánh tà huân.

Xin bên nhau một lần
Rồi tình sẽ lìa tan
Chặng đời bờ vai mỏi
Dư âm còn chứa chan.

Đỗ thị Minh Giang

SÓNG QUÊ

Viễn xứ ngày trôi mùa xế bóng
Một đời phiêu bạt vẫn hoài mong
Quê hương thấp thoáng như trăng nước
Buồn tận chân mây sóng biển đông!

HÀNH TRANG XƯA

Biết về đâu những mảnh hồn trôi nổi,
Nỗi buồn xưa theo cơn nắng vàng phai
Ngày tháng hạ chỉ còn là bóng tối,
Đêm hoa đăng như một giấc ngủ dài!
Người năm cũ ôm tấm lòng trăn trở
Tóc màu sương cố níu lấy thời gian
Giữ lửa thiêng thắp sáng chí dựng cờ
Cho đất mẹ khỏi lầm than ly tán.
Lớp tuổi trẻ từ mùa chinh chiến đó
Vai lên đường oằn chĩu gói hành trang
Nợ núi sông nên hóa thành cây cỏ
Bao ước mơ như khúc nhạc lỡ làng!
Đời vong quốc những người xưa muôn ngả
Hận ly hương ngày trước đã dần phai?
Xin cúi mặt cho tự do nghiệt ngã,
Mớ hành trang đã rớt tấm thẻ bài!
Trời viễn xứ tít xoay trong cơm áo
Chí hùng anh còn mỗi giấc chiêm bao
Tình chiến hữu mịt mờ như hoang đảo
Nợ tang bồng thôi cũng vẫy tay chào!
Ngẫm thế sự buồn in lên nếp trán
Chuyện mài gươm tàn tạ bóng thời gian
Nhặt mảnh kiếm thay gương soi dấu đạn
Vết thù xưa, đau một kiếp dã tràng!

Đỗ Bình

NHỮNG CÁNH HOA PHAI

** Vưu Văn Tâm **

1. Chuyện đồi sim

Chàng thanh niên tuổi ngoài đôi mươi rời làng quê với mảnh bằng Tú tài Pháp trong tay. Chàng nhận dạy kèm cho các cô cậu con ông bà Tham Kỳ trên tỉnh. Cô gái bé bỏng tuổi vừa lên tám có mối cảm tình đặc biệt với vị gia sư "cao ráo, làm thơ hay". Em chăm sóc cho thầy bữa cơm, chén nước và lén mang áo thầy đi giặt trong lúc thầy đang ngon giấc trưa hè. Cái cảm tình đơn sơ ấy đã bén rễ trong lần cả hai lên rừng hái sim. Trái sim ngọt lịm như tình em trao. Đồi sim tím ngắt một màu, môi em tím đỏ và má em cũng đỏ tím một màu sim.

Đất nước lâm nguy, thất phu đều hữu trách. Mặc cho ông bà Tham ngăn cản, chí làm trai quyết lòng ra đi báo đáp ơn nhà, nợ nước. Tiễn chàng đi xa, em ra tận đầu làng và lặng lẽ đứng nhìn theo. Chàng bước đi và nhìn lại, em vẫn còn đứng đó, giơ bàn tay bé xíu như chiếc lá sim vẫy vẫy chào. Biết bao đám dạm ngõ cầu hôn, nhưng em vẫn một lòng chờ đợi. Chín năm sau, chàng trở về chốn cũ tìm lại người xưa. Biết được chuyện tình yêu đôi lứa, ông bà Tham đứng ra tác hợp cho đôi trẻ thành thân. Cái đám cưới thật đơn sơ diễn ra mặc cho bao lời dị nghị, "không môn đăng hộ đối". Cô dâu không đòi may áo mới, chú rể trong bộ quân phục đẫm mùi mồ hôi, đôi giày đinh còn hằn vết bùn đen. Nàng nghĩ rằng, khi yêu thương nhau thì cái nghĩa, cái tình là hơn cả. Sính lễ hay áo quần chỉ là vật ngoài thân. Hai tuần nghỉ phép trôi đi vội vã, hạnh phúc của đôi vợ chồng son ngắn ngủi như buổi chiều thu muộn. Chàng phải lên đường trở về quân ngũ. Chàng bước chân đi rồi ngoảnh lại nhìn, người vợ mới cưới đứng lặng lẽ nơi đầu thôn. Ngày trước chỉ là một nỗi buồn đơn sơ, man mác nhưng lần này tâm tư quyến luyến ngập hồn trai. Người xưa có câu "cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi". Giữa thời chiến chinh ly loạn, có mấy người ra đi mà được trở về. Chạnh lòng, chàng thấy thương cảm vô cùng người vợ bé bỏng nơi làng quê Thanh-Hóa. Ba tháng sau, chàng nhận được tin dữ từ chốn quê nhà. Em giặt áo ngoài sông và bị trượt chân chết đuối. Con nước lớn đã mang em đi và để lại cõi đời này một nỗi sầu thảm không nguôi. Người em gái bé nhỏ, xinh xinh, với đôi mắt to, tròn và đen lay láy đã từ giã cuộc đời này khi tóc hãy còn xanh, khi tuổi đời mới vừa mười bảy. Em ra đi mà không nói lời từ biệt và cũng không còn dịp để gặp lại người chồng "độc đáo". Chiếc bình hoa ngày cưới giờ

đây được dùng làm bình hương đặt trước mộ nàng!

Ngày xưa đèn khuya bóng nhỏ, nàng vá cho chồng tấm áo sờn vai. Giờ đây, trên bước đường hành quân gian khổ, chàng có dịp đi qua những đồi sim dài trong chiều đi không dứt. Màu tím hoa sim, tím cả chiều hoang biền biệt. Em đã đi xa để chiều hoang tím, tím thêm màu da diết.

Bài thơ "Màu tím hoa sim" của thi sĩ Hữu Loan đã ra đời trong hoàn cảnh bi thương ấy, người chiến binh nhìn chiếc áo vá vai mà nhớ thương, mà tiếc nuối ..

Áo anh sứt chỉ đường tà

Vợ anh mất sớm, mẹ già chưa khâu

Bài thơ được yêu chuộng qua nhiều thế hệ và được phổ nhạc bởi các nhạc sĩ danh tiếng như Phạm Duy, Anh Bằng, Dzũng Chinh, Thu Hồ, v.v..

2. Chuyện nàng thơ áo tím

Thi phẩm "Hoa trắng thôi cài trên áo tím" được thi sĩ Kiên Giang viết bản thứ nhất tại Bến-Tre năm 1957 và ngót một năm sau bản thứ hai được ra đời tại Gia-Định. Bài thơ còn được báo chí đề tặng một cái tựa khác: "Một bài thơ, hai đoạn kết".

Bài thơ thứ nhất xem như để tạ lỗi vì đã thất hứa với người mình yêu, sau khi chàng bước vào chiến khu và lập gia đình. Trong bài này, thi sĩ cho người con gái ra đi thật sớm sau ba năm hôn nhân, để giữ lại nàng thơ và mối tình đầu đời cho riêng mình. Ở bài thứ hai, khi gặp lại người xưa khi nàng đã có gia đình và để hạnh phúc gia đình nàng được trọn vẹn, thi sĩ đã gửi chàng trai ra chiến địa và sớm hy sinh vì nhiệm vụ bảo vệ quê hương.

Bài thơ được nhạc sĩ Huỳnh Anh phổ nhạc thành bài hát cùng tên vào năm 1962. Nhạc sĩ Anh Bằng cũng đưa nhạc vào thơ với hai tác phẩm "Nàng áo tím" và "Hồi chuông xóm đạo". Nhạc phẩm "Chuyện tình hoa trắng" được nhạc sĩ Anh Bằng viết trên lời thơ thứ nhì của thi sĩ Kiên Giang. Nhạc sĩ Bằng Giang cũng dệt thành nhạc hai ca khúc "Người em xóm đạo" (1970) và "Về thăm xóm đạo" (1971) trên ý thơ của thi sĩ Kiên Giang.

Bài thứ nhất

Chàng học trò nghèo đem lòng yêu thương cô bạn cùng xóm. Cả hai biết nhau và quen nhau qua những lần làm chung tờ bích báo cho nhà trường. Chàng hiền lành và nhát quá, chỉ yêu đơn phương mà không dám tỏ tình. Chàng không đạo lại đem lòng yêu thương người có đạo. Nàng thường đến giáo đường để cầu kinh, chàng khép nép nơi lầu chuông và thơ thẩn đợi chờ giờ tan lễ. Mỗi khi tiếng chuông nhà trường hay chuông nhà thờ reo vang, lòng chàng bao giờ cũng rộn rã,

háo hức. Cho dù đôi bóng cùng chung một lối, buổi tan trường hay giờ tan lễ, chàng vẫn âm thầm một mối tình câm. Nàng lên xe hoa về nhà chồng, bỏ lại anh học trò dệt mộng đơn côi. Áo cưới màu vu quy như xóa tan đi một khối u tình. Hoa trắng đã thôi cài trên áo tím, nàng xa rồi thời con gái mộng mơ. Ngày binh lửa tràn lan, chàng gác lại nợ bút nghiên, rời xóm đạo, lên đường theo tiếng gọi non sông. Dù xa xôi cách trở, chàng vẫn không nguôi nhớ người xưa, thương màu áo tím và mối tình thơ ấp ủ trong lòng. Ngôi giáo đường vẫn sừng sững đó, tình chàng vẫn nồng thắm như thuở mới vừa yêu. Chung tình đến vậy mà suốt cuộc đời này, chàng vẫn là kẻ tình si. Ba năm sau, trong một dịp về xóm đạo, chàng mới hay tin người yêu đã qua đời.

Hôm nay, vẫn đóa hoa màu trắng

Anh kết tình tang gởi xuống mồ (*)

Chuông nhà thờ vẫn rung đổ từng hồi, tiếng chuông như truy điệu mối tình thơ dại, cho dù áo tím ngày xưa đã bạc màu từ thuở vu quy.

Bài thứ nhì

Nàng là cô nữ sinh trường áo tím duyên dáng, xinh đẹp. Chàng là người bạn láng giềng, nuôi hoài một mối tình si. Chàng hiền lành và nhút nhát nên chưa lần nào dám thố lộ mà chỉ nép mình bên gác thánh lầu chuông để nghe khe khẽ lời nàng cầu nguyện. Nàng thẹn thùng, chàng không ngõ lời yêu thương nên chuyện lứa đôi không thành. Hai bóng cùng chung lối mà không dám bước song đôi nên duyên tình cũng lỡ.

Xóm đạo rộn ràng hôn lễ, tiếng chuông nhà thờ ngân vang như vùi chôn một mối tình tuyệt vọng. Chiếc áo cô dâu như chiếc áo tang lấp kín một khối u sầu.

Từ khi giặc ruồng qua xóm đạo, khói bom đã khuất lấp khung trời yêu thương cũ. Chàng xếp bút nghiên, cùng anh em lên đường bảo vệ quê hương. Dù xa quê, nhưng chàng vẫn thương màu hoa trắng cài trên áo tím, nhớ hoài mối tình học trò thơ dại.

Vẫn nhớ bóng vang thời áo tím

Nên tình thơ ủ kín trong lòng (*)

Chiến cuộc dâng cao, chàng đã hiên ngang hy sinh sau khi báo đáp ơn nhà nợ nước. Hoa trắng đã thôi cài trên áo tím mà được cài trên nắp cỗ quan tài lung linh nến trắng. Chiếc xe tang đã khuất bóng, đưa chàng đi về một nẻo khác. Tiếng chuông giáo đường chiều nay ngân nga nghe sao buồn thảm, như tiễn đưa một linh hồn vừa thoát tục.

Từ đây, tóc rũ khăn sô
Em cài hoa tím trên mồ người xưa

(trích từ thi phẩm "Hoa trắng thôi cài trên áo tím")

3. Huyền thoại một nàng thơ

Thuở lên 7 lên 9, có vài lần tôi nghe chị Thu (chị gái nhỏ) nhà bên cạnh đọc mấy câu thơ:

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng
Trời ơi, người ấy có buồn không
Có thầm nghĩ đến loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng (*)

Có hôm mẹ chị đang nấu cơm trong bếp, chị chạy vào ôm mẹ từ sau lưng và thét lên:

- Má! Nếu biết rằng má đã có chồng. Trời ơi, người ấy có buồn không?

Không đợi nghe tiếp, bác Hai Tân Thành đã quay sang mĩm cười nhe hai hàm răng hạt huyền và mắng yêu:

- Con điên kia, chiều nay mày có muốn ăn cơm không?

Đó là một trong rất nhiều câu chuyện nhỏ nhặt, vui vui thuở tôi còn thơ bé, còn sống chung với ba má trong ngôi nhà nhỏ trên đường Phan Đình Phùng.

Câu chuyện xa xưa ngỡ đã trôi vào dĩ vãng... Mười mấy năm sau, ở một nơi không phải là quê nhà, tôi có dịp đọc được mấy câu thơ đó trong một bài thơ tình lâm ly, bi đát. Tôi nghe lòng mình bùi ngùi, dạt dào một niềm thương cảm. Thì ra, mấy câu thơ của chị hàng xóm đọc ngày xưa đã vô tình ở lại trong tôi và theo tôi cho đến ngày rời xa chốn cũ.

Tại Hà-Nội, tuần báo "Tiểu thuyết thứ bảy" số 174, xuất bản ngày 27.09.1937, có đăng truyện ngắn "Hoa Ti-Gôn" của nhà văn Thanh Châu, nội dung kể lại câu chuyện tình nên thơ nhưng dang dở của đôi trai gái dưới giàn hoa Ti-Gôn. Hoa Ti-Gôn là một loài hoa du nhập từ Pháp sang Việt-Nam, có tên là Antigone. Đây là loại dây leo, lá giống như lá nho nên còn được gọi là hoa nho. Hoa Ti-Gôn có hai loại, trắng và hồng, thường nở vào đầu hè thành từng chùm xinh xắn, nụ hoa có hình trái tim nhưng mau chóng phai tàn. Mấy đứa con gái trong xóm hay thấm nước những cánh hoa nho và dán lên móng tay, tập tành làm thiếu nữ. Có đứa còn khéo tay và dạn dĩ hơn, chúng kết thành một vòng hoa cài trên mái tóc như cô dâu trong ngày xuất giá. Vài tuần lễ sau đó, một phụ nữ trẻ có gương mặt u buồn, ghé tòa soạn để giao một lá thư phong kín, bên trong là một bức thư gửi cho chủ bút và bài thơ "Hai sắc hoa Ti-Gôn", ký tên là T.T.Kh. Nội dung bài thơ là hoàn cảnh đáng thương của một mối tình không đoạn kết, vì cha mẹ nàng với những suy nghĩ xưa cũ, đã buộc nàng phải xa người yêu, lấy một người chồng luống tuổi.

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi
Mà từng thu chết, từng thu chết
Vẫn giấu trong tim bóng một người (*)

Bài thơ được tòa soạn chọn đăng trên tuần báo số 179, ngày 30.10.1937. "Hai sắc hoa Ti-Gôn" đã dấy lên một làn sóng mạnh mẽ trong giới thi văn. Người ta cho rằng, đây là tiếng thơ rất mới, đã vượt qua những thành kiến hẹp hòi và nói lên được hoàn cảnh trái ngang trong tình yêu, yêu một người mà phải chấp nhận lấy một người khác. Sau đó, một bài thơ nữa của T.T.Kh được gửi đến tòa soạn qua đường bưu điện. "Bài thơ thứ nhất" nhanh chóng được đăng tải trên quý báo số 182, xuất bản ngày 20.11.1937. Bài thơ này cũng mang tâm trạng sầu thương cho một mối tình dang dở vì những định kiến lỗi thời của gia đình và xã hội.

Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên
Bỗng ai mang lại cánh hoa tim
Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên (**)

Công chúng yêu thơ thời đó nghĩ rằng "Bài thơ thứ nhất" đã ra đời từ trước nhưng tác giả không có cơ hội để chia sẻ đến người đọc. Mãi đến khi đọc truyện ngắn "Hoa Ti-Gôn", tác giả mới tìm được "đồng điệu" và quyết định đi thẳng đến tòa báo để gởi trao sáng tác "Hai sắc hoa Ti-Gôn", ngay sau khi bài thơ được hoàn tất.

Sau khi "Bài thơ thứ nhất" được đăng tải, giới yêu văn nghệ lại có dịp để bàn tán xôn xao về huyền thoại một nàng thơ. Họ thêu dệt thật nhiều câu chuyện bên cạnh cái tên bí ẩn T.T.Kh dù chưa rõ là nam hay nữ. Có vài nhà thơ danh tiếng tự cho mình là người yêu của nàng thơ và có người còn vỗ ngực cho mình là người trong cuộc, là .. T.T.Kh. Tòa soạn báo đã cố gắng nhớ lại hình ảnh người thiếu phụ trao thư ngày ấy nhưng chỉ là mơ hồ, ảo ảnh!

Năm 1938, tạp chí "Phụ nữ thời đàm" đưa lên trang báo bài thơ "Đan áo cho chồng" với những lời lẽ buồn đau, than thân trách phận. Bài thơ vẽ ra một cuộc sống "tội tù" bên cạnh người chồng luống tuổi nhưng trong lòng vẫn thương nhớ bóng hình xưa.

Biết chăng chị, mỗi mùa đông
Đáng thương những kẻ
có chồng như em
Vẫn còn thấy lạnh trong tim
Đan đi đan lại áo len cho chồng (***)

Ngay sau đó, tòa soạn "Tiểu thuyết thứ bảy" nhận được bài thơ nữa của T.T.Kh qua đường bưu điện, có tựa đề "Bài thơ cuối cùng". Bài này được đăng tải trong tuần báo số 217, phát hành ngày 23.07.1938. Bài thơ là một lời trách khứ "ai đó" đã mang tâm tình của nàng rao bán cho khắp người đời, kẻ chợ:

Là giết đời nhau đấy biết không?
Dưới giàn hoa máu tiếng rưng rưng
Giận anh tôi viết dòng dư lệ
Là chút dư hương điệu cuối cùng (****)

Đúng như cái tựa, sau "Bài thơ cuối cùng" khách yêu thơ không còn nhận được thi phẩm nào của T.T.Kh. nữa. Lần xuất hiện tại tòa báo vào tháng 9 năm 1937 là lần duy nhất và cũng là lần sau cùng. Những bí mật về thân phận của tác giả vĩnh viễn chìm vào trong bóng tối!

Ba bài thơ đăng trên "Tiểu thuyết thứ bảy" được tác giả dùng chữ rất mới và bạo dạn. Tác giả đã vượt qua những suy nghĩ phong kiến, lạc hậu thời bấy giờ để mạnh dạn nói lên tình duyên đôi lứa. Cách dùng thơ tự do gồm bảy chữ trong câu được trải dài trong ba bài thơ trên. Chữ "người ấy" được lập lại nhiều lần khiến tao nhân mặc khách phải xao xuyến cõi lòng. Hơn nữa, suy nghĩ của tác giả ảnh hưởng ít nhiều từ lối sống mới, khi buồn thì xem tiểu thuyết chứ không .. xem hát chèo hay coi cải lương!

Riêng bài thơ "Đan áo cho chồng" được viết theo thế Lục-Bát với cách chọn chữ khá xưa. Về hình thức, điều này thật khác biệt với ba bài thơ đăng trên tuần san "Tiểu thuyết thứ bảy"! Nội dung bài thơ này và cách diễn tả mang hơi hướm thi phẩm nổi tiếng "Lỡ bước sang ngang " của thi sĩ "chân quê" Nguyễn Bính.

Là hậu bối sau tám thập kỷ, người viết cho rằng đây không phải là thơ của T.T.Kh mà của một tác giả khác. Có lẽ vì quá si mê những dòng thơ của T.T.Kh và tình cờ có được đồng cảm với tác giả nên "ai đó" đã mạo muội ghép tên tác giả vào tác phẩm của mình. Suy nghĩ này cũng như ý kiến đã ghi trên, khi vài thi sĩ cho rằng mình là người tình thậm chí còn "ngộ nhận" mình là T.T.Kh.!

Nhiều nhạc sĩ danh tiếng như Trần Trịnh, Anh Bằng, Song Ngọc, Hà Phương, Trần Thiện Thanh, v.v.. đã đồng cảm với tác giả và sẻ chia tâm sự mình qua những dòng nhạc bất tử. Hơn tám mươi năm trôi qua, những vần thơ của T.T.Kh. cùng với thân phận "bí mật" vẫn là huyền thoại, vẫn là một đề tài hấp dẫn và được người yêu thơ trân trọng hôm nay và cho đến ngày sau.

(*) trích từ "Hai sắc hoa Ti-Gôn"

(**) trích từ "Bài thơ thứ nhất"
(***) trích từ "Đan áo cho chồng"
(****) trích từ "Bài thơ cuối cùng"

VƯU VĂN TÂM
Đức quốc, mùa hè 2019

BÀI THƠ THÁNG CHẠP

**** Hạ Thái ****

Người lính xưa chừ tóc đã bạc
Nỗi niềm đau giữ mãi trong lòng
Từng chặng đời lên đồi xuống dốc
Nợ cuộc trần trả miết không xong.

Hồn chiến mã ngậm ngùi thao thức
Suối nhỏ về góp nhập thành sông
Dấu rêu phong hằn thân gỗ mục
Cánh vạc mờ chấp chới tầng không!

Đếm từng chặng gẫm lùi dĩ vãng
Dấu chân qua bầm dập khôn cùng
Mảnh trăng khuyết khơi niềm nhung nhớ
Vách tường khuya gợi cảnh lao lung!

Buổi quay gót nghe đời trần thuật
Thêm nỗi niềm chua xót bâng khuâng
Đàn chim sẻ ngói vòm gù gật
Chuyện ngày buồn từ độ chia phân!

Nghe đâu đó than dài thở ngắn
Mà sông xưa nước cứ hững hờ
Vầng trăng khuyết lạnh trời thương nhớ
Rượu cạn bình sầu suốt ý thơ!

Người lính xưa chừ tóc đã bạc!
Nợ tang bồng đành gác đằng sau
Thấm lạnh lẽo nghiêng bầu độc ẩm
Cạn hồ trường chan chứa niềm đau.

BỚT ĐI... BỚT...

Bớt đi bóng tối màn đêm
Bớt đi tiếng động, êm đềm biết bao
Bớt gì đừng bớt trăng sao
Bớt chi đừng bớt ước ao nhìn trời
Bớt gì đừng bớt nụ cười
Bớt buồn bớt giận bớt người quên ta
Bớt chi đừng bớt ngắm hoa
Bớt làm sao được vô ra thơm lừng
Bớt thương khó, bớt ngại ngùng
Bớt xa xôi dễ tương phùng với nhau
Bớt gì mong được sống lâu
Xin đừng bớt lưỡi cắn câu ân tình…

Phan Khâm

HÊN XUI NGÀY TẾT

**** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) ****

Năm nay Tết lại đến, bà Bốn nghiêm trọng nói:

- Mình là Việt Nam, nhà ai cũng phải thật chỉnh chu cho việc đón mừng năm mới…
- Thì sao? Tui thấy năm nào cũng như năm nào, hết hên tới xui, đủ cả… cuộc đời xoay vần, thế thôi…
- Nên nhớ có kiêng có lành…

Cô Tình nhỏ tuổi nhất đám, mới lấy chồng thắc mắc:

- Nghe nói ngày Tết không được cãi nhau phải không mấy dì?
- Ai cãi ai? Nhà mày ai làm chủ?
- Dĩ nhiên là con rồi!
- Cha! nói nghe ngon dữ ha… bữa trước chính mắt tao với bà Thúy thấy mày bị chồng nó dộng cho một bạt tai ngay chỗ "parking lot" chợ Von, đúng không?

Tình tiu nghĩa:

- Sao mấy dì biết?
- Đã nói là tụi tao thấy… nhưng có điều vợ chồng thì phải biết nhường nhịn nhau… mày thì mê đánh bài, cứ tò tò theo mấy con trong khu West đi sòng bài, có ngày bán cả nhà cửa mà ăn, con ạ… nó đánh cho là phải!

Bà Thuý xen vô:

- Dì thấy mầy sướng quá, chồng đi làm, chỉ có ở nhà lo cơm nước, dọn dẹp nhà cửa lại không lo, cứ đeo theo mấy con "ngựa" đó, có ngày hư thân mất nết, tiền mất tật mang, chồng mày đánh là phải! Dì mà còn xốn mắt nữa là!
- Con chỉ thua có ba trăm mà ảnh đánh con…
- Tiền bây giờ đâu có dễ kiếm ra, thua bao nhiêu cũng là thua… Mầy thua ba trăm nầy đâu phải lần đầu! cứ mò tới sòng bài riết sinh nghiền, tan nhà nát cửa. Mà chồng đánh vậy mầy có sợ không? Có muốn tới sòng bài nữa không?
- Cũng hơi sợ… nhưng con thích kéo máy quá dì ơi, nhiều khi cũng trúng chứ đâu phải thua hoài.

Bà Thúy buông một câu:

- Con nầy hỏng! Kiếm bạn tốt mà chơi, đừng đi sòng bài nữa…
- Người ta nói đúng, cái xấu thì không cần học, chẳng ai dạy nó cũng rành… Con Tình mới qua có bốn tháng, chưa biết nhiều chuyện ở Mỹ, duy chỉ có chuyện vô sòng bài nó rành đường đi nước bước dữ!

Bà Bốn đứng lên:

- Thôi về. Nầy Tình, dì Thúy nói đúng đó, mấy dì không ghét mầy, nhưng biết mầy đang đi trên con đường xấu, thì khuyên mầy lui bước, còn lo cho

tương lai, chồng và con mầy nữa… đi riết có ngày bán thân con ơi! Phải tìm hiểu rõ bạn mầy là ai trước khi chơi…

Tình nhìn xuống cái bụng hơi nhô ra dưới làn vải áo. Con còn sáu tháng nữa chào đời. Nếu cô hứa với mấy Dì nầy rồi không kềm chế được bản thân, lại mò vào sòng bài thì e sẽ mang tiếng xạo! Tình cúi đầu như hối lỗi. Họ tan hàng ra về, để còn sửa soạn làm dưa hành mắm muối đón Tết sắp đến, và buổi họp mặt của nhóm bạn được chỉ định tối ngày thứ sáu đầu năm, mỗi người sẽ mang một món ăn đóng góp.

Ra xe, bà Bốn lục bóp mãi vẫn không thấy xâu chìa khóa đâu. Bà lại chạy vào trong quán tìm ở chỗ mình ngồi. Kia rồi, xâu chìa khoá mà bà lấy ra để dùng cái cắt móng tay đang nằm trên nệm ghế. Bà mừng húm, lẩm bẩm:

- Mình hậu đậu quá, cầm gì quên nấy! Già lẩm cẩm!

Bởi biết bà đã già, nên lúc sau nầy bà rất cẩn thận, làm gì cũng từ tốn, không lanh lẹ hay gắng sức như trước, sợ hư đồ mà thiệt thân… vì tay chân đầu cổ của bà đụng đâu đau nấy, có khi trẹo tay cả tuần mới hết! Bà Bốn vừa vào nhà, gặp ông chồng không bao giờ cười của bà ngay cửa:

- Đi đâu giờ nầy mới về, có cơm chưa, đói quá rồi.
- Đi chợ, tôi đã mua sẵn con vịt quay và đồ chua, nồi cơm điện thì bắc lúc nãy rồi… hai đứa nhỏ về chưa?
- Tụi nó trong phòng.

Bà Bốn lấy chồng muộn, nên giờ hai ông bà đã năm mươi, mà con mới có mười bốn và mười sáu tuổi, đang học trung học.

- Ông kêu chúng nó ra phụ mẹ dọn bàn.

Ông Bốn không nói không rằng, đi tới từng phòng gõ cửa và tằng hắng rõ to, vậy mà thằng Cu và con Bé ra ngay, chẳng dám chần chờ như mọi khi mẹ chúng gọi giống đưa đò… mà chẳng thấy mặt mũi tăm hơi chúng đâu!

- Bé vào bếp phụ mẹ, Cu dọn phòng khách cho sạch.

Con vịt quay màu vàng đậm màu mỡ trông thật ngon. Bà Bốn đang tính cột cái yếm ngang người để chặt thịt, thì con Bé cản:

- Mẹ để con chặt cho, lần trước mẹ chặt không đứt, con dao lại văng xuống đất, xém tí nữa cắt đứt mấy ngón chân!

Nghe con nói, bà Bôn lẳng lặng đưa cho con cái yếm. Tay chân con gái tuổi nầy thì sức lực có thừa. “Con gái 17 bẻ gãy sừng trâu”. Con Bé tuy chưa tới 17, nhưng nó mạnh hơn mẹ là cái chắc! Bà Bôn tới bên quầy bếp, cẩn thận bưng vĩ trứng vịt lộn cất ở góc bếp nhưng con Bé đã xua tay:

- Mẹ dang ra cho con chặt, bỏ mấy thứ đó chỗ khác để con còn bày mấy cái đĩa, ở đây chật chội mẹ còn để đồ làm gì cho vướng!

Vĩ trứng nầy, bà tính luộc cho cả nhà ăn trước khi ăn cơm, nhưng ông hối

quá, nên bà sẽ để dành cho ngày mai. Bà nhìn quanh, có chỗ nào để không bị bể trứng. À, thôi bỏ vào góc phòng "family room" vậy. Trong nầy ít ai lai vãng! Bà để vĩ trứng xuống đất, lấy thùng báo chắn bên ngoài, rồi sẵn trên tay đang cầm cái khăn lông, bà quẳng lên trên, mà không biết là mình mới thảy cái khăn chỗ nào! Đúng là già ngớ ngẩn!

Dọn chén đũa và nồi cơm lên bàn xong, con Bé bưng ra hai đĩa thịt vịt thơm phức, cả đĩa đồ chua ướp kiểu kim chi đại hàn chua cay cũng ngon. Ông Bốn ăn xong hai chén cơm, cất tiếng:

- Nầy, Tết năm nay trong nhà phải vui vẻ, bố mẹ nói gì là hai đứa nghe lời ngay, không có cãi cọ nghe chưa… nhất là ngày mồng một.
- Dạ…
- Ông nói thế thì chính ông cũng phải cười lên mới vui.

Hai đứa nhỏ hưởng ứng:

- Phải, cười cho hên đi bố… Mấy đứa bạn con nó nói bố mầy có cái mặt giống bị chó táp!
- Thấy chưa, đến tụi con nít mà cũng biết! Sao ông không cười vậy?
- Cha mẹ sinh ra tôi như thế nào thì nó thế ấy.
- Đừng có đổ thừa. Muốn cho hên, vui thì phải tươi cười mặt mày… lúc nào cũng khó đăm đăm như ông thì chán lắm!

Thấy cha mẹ cà khịa nhau, hai đứa con nháy mắt, rồi bưng chén bát của chúng nó bỏ vào bồn, xong lẩn mất! Bà Bốn không thích cái mặt của ông, chẳng bao giờ thấy tươi tắn cả. Nhưng lâu ngày thành quen, bà nghĩ chắc tại ông xấu trai, nên mặt mày mới như vậy!

Bà biết cả hai ông bà đều muốn ngày Tết, trong nhà phải ngăn nắp sạch sẽ, thức ăn phủ phê dư thừa, không phải là phí phạm, mà để cho cả năm dư dả tài lộc, mọi việc hanh thông…Vì vậy bà Bốn đi chợ Việt Nam mua bánh chưng, mứt dừa mứt bí, mứt sen trần, hột đưa và không quên chậu hoa lan màu hồng nở rực, mua trong Costco thì rẻ hơn mua ở ngoài chợ hoa.

Bà còn cẩn thận đưa hai con đi "shopping" lựa quần áo mới, để diện ngày mồng một chúc Tết cha mẹ. Nhà bà không nghĩ Tết, nhưng mọi thứ sẽ bắt đầu lúc bốn giờ chiều mồng một. Ông bà ngồi bên tách trà bốc khói nhìn ra ngoài đón Xuân. Tiểu bang nầy mùa đông không có tuyết, chỉ lạnh chút thôi, đôi khi có mưa.

- Lấy một chút mứt hạt sen mình nhâm nhi đi bà.
- OK, sen nầy tôi chọn thứ hảo hạng… ông thấy không, nó mềm, màu vàng nhạt và chỉ có chút đường đóng quanh hạt sen, ăn thơm và ngon.
- Chắc giá cũng mắc hơn mấy hiệu sen khác nhiều, phải không?
- Đúng vậy. Một hộp gần hai mươi đồng, mắc nhưng ngon.

- Tiền nào của nấy.

Bưng tách trà sen lên miệng, hương sen tỏa ra ngào ngạt. Nhâm nhi một hạt mứt sen, chút ngọt, chút thanh… đúng là hạnh phúc tha hương. Trên bàn, bà Bốn cũng có bày sẵn chả lụa, nem chua và tré Huế để hai ông bà thưởng thức trong lúc chờ đợi năm mới đến.

- Ờ, ông ơi.

Bà thoáng nghĩ một cái gì đó, rồi lại quên ngay.

- Cái gì?

Bà Bốn nhíu mày:

- Tôi tính nói cái gì mà quên mất… thôi chút nhớ ra tôi nói.
- Bà sao chưa già đã lẫn!
- Ai bảo ông tôi chưa già? Năm mươi rồi còn gì!
- Bên Mỹ năm mươi là tuổi hoa niên!
- Ờ, vậy ông làm tuổi hoa niên đi, còn tôi thì là hoa héo.
- Vớ vẩn… thôi mặc áo lạnh vào rồi đi hái lộc, qua 12 giờ mình trở về đạp đất nhà mình.
- Ai đạp?
- Bà đạp, năm nầy tốt với bà.
- Ơ hay, tôi với ông cùng tuổi, thì tốt cả hai chứ!
- Nhưng tôi không thích đạp đất. Bà nói mặt tôi nhăn nhó… thôi… bà đạp đi, cho nhà cửa vui vẻ.
- Ông mà cũng biết vậy à!

Nghe chồng tán, bà Bốn quên cả ngại ngùng để sau khi một vòng cùng ông, tìm những cây hoa ngoài đường hái mỗi người một cành, cầm về nhà và xông pha bước vào nhà mình khi kim đồng hồ chỉ 12 giờ 15 sáng. Tối hôm đó, hai ông bà ngủ một giấc ngon lành.

Sáng hôm sau ông Bốn dậy sớm, tuy phải đi làm thêm, nhưng trong sở ông có vài người Việt, nên ông chủ cũng ưu đãi cho nhân viên thoải mái trong ngày đầu năm. Đánh răng súc miệng xong, ông Bốn ra khỏi phòng, và bất chợt ông kêu lên:

- Cái gì thế nầy?

Nghe ông kêu to, bà Bốn cũng giật mình thức dậy. Không nghe ông trả lời, nhưng bà thấy ông hình như đi cà nhắc.

- Cái gì vậy? Sao vậy ông?
- Tôi đạp phải cái gì ướt ướt trên thảm.
- Đạp cái gì?

Bà bật đèn lên coi. Ánh đèn sáng chan hoà, Ông Bốn đưa chân lên:

- Cứt bà ơi!
- Cái ông nầy, ở đâu ra?

Ông không muốn nói tiếng "cứt" thứ hai, sợ xui… cũng không biết ở đâu ra mà ướt nhèm như vầy. Nhưng lúc đó, bỗng ông bà nghe thấy tiếng kêu: "chíp chíp chip".

- Con gì vậy?

Cùng lúc đó, hai ông bà thấy một con vịt con màu vàng bé tí xíu ló đầu ra từ dưới gậm bàn.

- Trời ơi, vịt! ở đâu ra vịt trong nhà mình vậy bà?
- Vịt…. chắc là con Bé lại mang về rồi, tôi đã không ưng nó nuôi con gì trong nhà nầy cơ mà! Bé ơi, ra đây mau…

Một lúc, con Bé nhắm mắt mắt mở đi ra:

- Dạ…

Ngày Tết, bà Bốn không dám la, chỉ trách một lèo, nhẹ nhàng:

- Mẹ đã nói con không được nuôi con gì trong nhà, sao lại dám mang vịt về nhà mà không xin phép? Con có biết vịt nó kêu "cạp cạp" xui lắm, nghĩa là cạp đất mà ăn. Con vịt đại diện cho nhà nghèo con biết không, ở Việt Nam mua vịt rẻ rề, gà mới có giá. Bây giờ nó lại ị trên thảm nhà mình…
- Mình đâu có ở Việt Nam mà mẹ nói. Bên đây rau muống còn mắc hơn thịt, có phải không? Mà con vịt nầy con đâu biết, chắc của thằng Cu?
- Cái gì cũng nói cho được, không phải của con thật à? vậy kêu Cu em ra đây

Thằng Cu đi ra, nó là đứa thích súc vật, thấy con vịt tỉnh ngủ ngay, đưa tay vuốt lia lịa:

- Đẹp quá, ở đâu mà nhà mình có vịt vậy mẹ? Của chị Bé hả?
- Con đừng có vờ, không của con thì của ai?

Chưa trả lời mẹ, thì Cu nhìn xuống dưới gầm ghế xa lông, reo lên:

- Ô, còn hai con nữa nè mẹ, con "xí" được!

Ông bà chưng hửng nhìn nhau. Kiểu nầy là không phải vịt của hai đứa rồi. Nếu của chúng , thì chúng giấu trong phòng, chứ không thả cho chạy rông cùng nhà kiểu nầy! Tìm khắp nơi trong phòng khác, tất cả có ba chú vịt. Sau đó, mọi việc bàn cãi sôi nổi về mấy chú vịt nổ như pháo, chỉ ngưng khi bà Bốn vỗ tay lên trán:

- Thôi chết, tôi nhớ ra rồi!

Bà chạy vào phòng family room, ông Bốn và hai đứa con chạy theo. Vĩ hột vịt lộn chục cái mấy ngày trước để dưới đất nay đã nở bốn con, sáu cái trứng khác vẫn còn nguyên. Bà Bốn cau mặt phân bua với chồng:

- Tôi đã bảo họ bán cho hột vịt nhỏ con, mà nó bán cho mình trứng vịt già!
- Mua rồi sao chẳng nhớ gì cả! Tại bà hết chứ ai!
- Lỗi đâu phải tại tôi!
- Còn ai trồng khoai đất nầy? Mua về không chịu luộc lên ăn là xong chuyện. Bây giờ nó nở ra thế nầy rồi làm sao? Bà đưa thả ngoài đường à? Còn 1 con nữa, bà phải kiếm cho ra, nếu không nó chết dí đâu đó là thúi ùm cả nhà !!!

Nghe chồng hăm, bà Bốn trợn mắt:

- Đầu năm đầu tháng ông ăn nói phỉ phiu! Nói tầm bậy tầm bạ không! Chết chết cái gì!
- Ừ, tầm bậy tầm bạ mà trúng tùm lum tà la. Con vịt chết chứ gì nữa! Thôi, bà ở nhà mà giải quyết mấy con vịt của bà đi, tôi đi làm đây.

Bà Bốn ở nhà, nguyên một buổi sáng chổng mông chui xuống gầm bàn, gầm ghế, gầm giường… quyết tìm cho ra con vịt còn lại, nhưng chẳng biết nó trốn phương nào mà tìm hoài không thấy?

Bà suy nghĩ lung tung, sợ nhà mình sẽ bị thúi, sợ con vịt bị đói tội nghiệp, sợ không hên cho năm mới nầy vì tiếng kêu "cạp cạp" khó nghe. Mãi cho đến buổi chiều, khi ông Bốn đi làm về thay quần áo, xỏ chân vô đôi giày chiến màu nâu của ông để chuẩn bị cho mấy đứa con chúc Tết, thì mới phát giác ra chú vịt nằm trong cái ổ giày đó!

Lúc nầy bà Bốn mới thở phào nhẹ nhõm. Bà bỏ con vịt vào trong thùng giấy với ba con kia, định vài ngày nữa sẽ đem ra ngoài hồ công viên thả cho tụi nó muốn đi đâu thì đi. Tạm thời bà đút cho lũ vịt cơm nguội trộn với nước lạnh! Đầu bà cứ nghĩ sao kỳ cục quá, mấy con vịt "cà chớn" đầu năm tự đến không ai mời! Không biết năm nay có xui xẻo gì không?

Lo cho vịt xong, bà vội vã vào phòng thay chiếc áo dài nhung màu xanh đậm mới may. Bà mạng mộc hợp với màu nầy. Mấy cái phong bao lì xì lớn bà đã dành sẵn chẳng biết sao còn có một cái! Tìm kỹ vẫn chỉ có 1 cái! Hay là bà bỏ đâu? phải hai phong bao mới đủ, vì bà sẽ cho mỗi đứa con 1 tờ hai chục đồng.

Tìm không ra, bà tới hộc tủ đựng áo gối định tìm mấy phong thư thường để đựng tiền cho xong! Tay bà bươi lung tung lên, rồi bà thấy 1 bao thư có vẻ dày dày rớt ra. Bà mở bì thư thì thấy một xấy giấy trăm nằm trong đó.

- Tiền ở đâu vầy nè?

Dù chưa biết là tiền của ai, nhưng mắt bà cũng sáng lên, rồi bà lẩm nhẩm đếm.

- Một ngàn hai trăm đồng! Toàn là tờ 1 trăm.

Nhà chỉ có ông bà ngủ trong phòng, chẳng lẽ các con bà đem vô đây cất! mà tụi nó đâu có tiền. Hay là của ổng? Hay là ăn trộm bỏ quên? Giả thuyết cuối bị bác bỏ ngay, bởi chẳng có thằng trộm nào ngu làm chuyện đó cả! Bà cầm tiền chạy ra ngoài tìm ông:

- Ông có để tiền trong hộc tủ đựng áo gối không?
- Không, sao?
- Tôi kiếm được một ngàn hai…

Ông tỉnh bơ:

- Thì tiền của bà chứ của ai mà hỏi!
- Sao ông biết tiền của tôi?
- Tôi đoán, cách đây nửa năm mình tính đi "cruise" chơi với gia đình cậu Dũng, bà lấy tiền ra từ nhà băng để đưa cho cậu ấy mua vé, sau mình bận không đi nữa. Chắc là tiền đó chứ gì? Bà cất kỹ quá rồi quên luôn phải không?

Nghe ông nhắc, bà sực nhớ lại ngay. Đúng rồi, vậy mà bà quên bẵng có số tiền nầy. Hên quá… bà lầm bầm:

- Ờ há, ông nói tôi mới nhớ…

Bà mỉm cười ngồi xuống ghế. Hai đứa con nghe chuyện ồn ào:

- Mẹ kiếm được tiền chuà thì nhớ lì xì cho tụi con nhiều nhiều đó nha.

Nghe con nói, bà mắng yêu:

- Cha bây, chuà đâu mà chùa… tiền của mẹ chứ bộ!
- Mà mẹ đâu có nhớ, may không mất rồi!
- Nhờ mấy con vịt mà mẹ mới hên, có tiền trong năm mới.

Ừ, thằng Cu nói chắc đúng… may không mất rồi.

Ông Bốn thấy vợ thừ người thì ông mỉm cười. Ông có kinh nghiệm vụ nầy vì đã từng thâu tóm được tiền của bà vài lần, mỗi lần một hai trăm, bà cất giấu đâu đó rồi quên. Mà bà có tật hay cất tiền tùm lum, rồi chẳng nhớ, nói hoài mà không nghe. Sau đó trong nhà hễ ai tìm được tiền, thì cứ lẳng lặng xài… bà đâu có biết mà càu nhàu!

Khi các con chúc Tết và lì xì xong, vào bếp dọn thức ăn lên bàn, bà chợt nghe tiếng mấy con vịt con kêu chip chip… Bà chạy lại gần cái thùng giấy, nhìn vào rồi buột miệng âu yếm:

- Tụi bây đói rồi hả? đợi một chút mẹ cho ăn nghe. Thì ra vịt đến nhà cũng đâu có sao! Cám ơn tụi bay nghe!

Lúc nầy thì bà đang sung sướng nghĩ nhờ mấy con vịt mà bà vớ được tiền từ trời rơi xuống! Nghĩ cũng buồn cười… sự việc xảy ra như vậy khiến cho bà Bốn vui, rồi thay đổi quan niệm đã có: "Vịt kêu cạp cạp trong ngày đầu năm là xui", mà còn cho rằng vịt đến nhà là hên. Mấy con vịt có thể sẽ được ở lại đây, không bị đưa ra dục ngoài bờ hồ như bà tính lúc trước nữa!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

TA THẤY EM

Ta thấy em về trong dáng hoa
Ta mơ em đến ánh trăng ngà
Có lần gặp em không điểm hẹn
Có nghĩa là…
hương thấp thoáng xa…

NƯỚC MẮT EM

Nước mắt em lùa mây
chìm ngọn sóng
Ánh nắng tàn rớt hạt bụi hư không
Môi em khô như mùa đông ráo lệ
Con đường tình dài mãi
biệt ngàn thông…

BÙI THANH TIÊN
VA, Noel 2015
tặng P.Th

TÌNH HAI MƯƠI

Thôi hết rồi em, hết thật rồi,
Còn em đâu nữa chút tình vui
Mười hai tháng đã tròn cơn mộng
Tiễn biệt em đi Mười Chín ơi!

Đón em yêu mới Tình Hai Mươi,
Nắng mới thời gian mới cuộc đời
Một cõi lòng riêng đầy ước vọng
Trái tim thơ vẫn trái tim vui!

Anh đón em mà nhớ tuổi xưa,
Lòng anh bừng sáng một trời thơ
Hai Mươi hồng thắm thêm đôi chút
Hoa với Hương đời tuyệt giấc mơ...

Tình đã Hai Mươi thật cõi lòng,
Yêu người trong mộng mấy Thu Đông
Bâng khuâng tròn trịa vàng mơ ước
Một ánh trăng đời một nẻo không!

Có phải Hai Mươi mới bắt đầu,
Vẫn tình trong mộng gửi về nhau
Hai Mươi thắm thiết hơn Mười Chín
Cúc nở hương tình nghĩa thắm sâu.

Mười Chín em qua đã đẹp đời,
Vẫn tròn thân thế quý yêu ơi
Hai Mươi bồng bế tâm tư mới
Cho đẹp lòng nhau tình tuyệt vời!

Hoa Văn *(Jan 1st, 2020)*

MÙA XUÂN VÀ EM

Xuân về rồi đó em ta nhỉ
Hoa cúc thi nhau hé nụ vàng
Ăn tết nơi này buồn muốn chết
Nỗi sầu xa xứ cứ mênh mang

Ta gửi về em dăm cụm nắng
Những vần thơ ấm những đam mê
Mai đây tất cả tìm trong nhớ
Đã chắc cho nhau được chút gì

Xuân về rồi đó em ta nhỉ
Tháng tận năm cùng cũng thế thôi
Dù biết đời còn đưa đẩy nữa
Ta suy tư đủ ấm môi cười

Bài thơ viết vội lời không thoáng
Em nhúm cho ta chút lửa hồng
Để đốt cho tình thơm ngõ hạnh
Cho lòng bơn bớt chuyện riêng chung

Xuân về rồi đó em ta nhỉ
Đã hẹn nhưng lòng chẳng đợi trông
Ta chở nỗi đau đời quá nặng
Vẫn vui nhờ có nắng xuân hồng.

Hoa Văn

NGUỒN GỐC BÁNH TÉT

**** TT-Thái An ****

Từ đời nào, xa xưa lắm lắm, dân Việt Nam đã được dạy về sự tích bánh dày bánh chưng, rằng vào thời vua Hùng Vương thứ 6, không biết nên truyền ngôi cho đứa con nào vì vua có nhiều con trai quá. Vì thế vua truyền cho các con xem con nào làm ra món ăn ngon, có ý nghĩa để làm cỗ Tết thì vua sẽ truyền ngôi cho. Thời đó, nước Việt Nam được gọi là Văn Lang, chứ chưa có cái tên Việt Nam như bây giờ.

Kết quả là hoàng tử Tiết Liêu, người con thứ 18 của vua nhờ có vị thần mách bảo dùng gạo nếp làm ra hai thứ bánh hình tròn và hình vuông tượng trưng cho trời và đất. Tiết Liêu làm theo và được vua cha truyền ngôi cho. Từ đó bánh dầy hình tròn và bánh chưng hình vuông ra đời. Dân gian cứ thế noi theo làm hai thứ bánh này để cúng và để ăn trong dịp Tết.
Riêng những sắc tộc thiểu số miền Bắc như dân tộc Thổ, gói **bánh Tày** để ăn Tết, vật liệu làm bánh giống y như bánh chưng nhưng gói hình chữ nhật, trông như cái gối.

Thời xa xưa đó, đất nước Văn Lang chỉ mới có một chút ở phía bắc, vì thế bánh chưng chỉ phổ biến ở phía Bắc mà thôi.
Cho đến ngày nay, thế kỷ tứ 21, trong những ngày Tết, bánh chưng vẫn hiện diện trong các gia đình Việt Nam từ phía bắc sông Bến Hải trở ra Bắc sát biên giới nước Tàu. Bên này sông Bến Hải, từ Quảng Trị đến Huế, cũng còn vài gia đình làm cả hai thứ bánh chưng và bánh tét, bánh chưng thì bầy cúng trên bàn thờ dù sau khi cúng xong cũng đem xuống ăn, bánh tét thì để ăn suốt cả tuần lễ Tết. Nhưng từ Đà Nẵng đến mũi Cà Mau, phía Nam, dân chúng chỉ còn làm bánh tét để ăn Tết.

Bánh dầy thì chẳng thấy ai làm để ăn trong dịp Tết, chợ cũng chẳng thấy bán. Loại bánh dầy bán rong trên hè phố hay trong các chợ hằng ngày chỉ nhỏ bằng đường kính một quả cam, đủ một người ăn, không phải loại bánh kích thước to như cái bánh chưng để bầy trên bàn thờ.

Năm 1069, nước Việt Nam lúc bấy giờ được gọi là Đại Việt. Vì vua nước Chàm (Chiêm Thành) là Chế Củ kết nạp với nhà Tống bên Tàu đánh phá Đại Việt, vì thế vua Lý Thánh Tông và Lý Thường Kiệt tiến đánh kinh thành Phật Thệ của Chiêm Thành (ở Bình Định ngày nay) bắt được vua Chế Củ định đem về Thăng Long thì Chế Củ liền dâng tặng 3 châu: Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh để thế mạng. Thế là

nước Đại Việt được mở mang bờ cõi thêm về phía Nam cho đến tỉnh Quảng Bình ngày nay.
Chắc chắn đoàn dân Đại Việt được nhà Lý đưa di cư vào phần lãnh thổ mới có đem theo tục lệ gói bánh chưng để ăn trong dịp lễ Tết.

Năm 1306, nước lại có tên gọi là Đại Việt, bỏ tên Đại Cồ Việt từ thời nhà Đinh và nhà Tiền Lê. Khi vua Trần Nhân Tông gả Huyền Trân Công Chúa lúc đó 19 tuổi, cho vua Chàm là Chế Mân thì vua Chiêm dâng cho nhà Trần hai châu, châu Ô và châu Lý để làm sính lễ cưới vợ. Hai châu này chạy từ phía bắc tỉnh Quảng Trị đến đèo Hải Vân. Như thế nước Đại Việt được nới rộng thêm đến tỉnh Thừa Thiên ngày nay.
Thời điểm này, dân Đại Việt từ các tỉnh phía Bắc sông Bến Hải theo quân sĩ nhà Trần di cư qua vùng đất mới chắc chắn có đem theo tục lệ gói bánh chưng để ăn Tết.

Năm 1471, dưới thời Hậu Lê, lại lấy tên nước là Đại Việt, bỏ tên Giao Chỉ của thời nhà Trần. Vua Lê Thánh Tông phát động cuộc chiến đưa quân vào đánh Chiêm Thành vì trước đó vài thập niên đôi bên đã giao tranh nhiều lần. Nhà Hậu Lê muốn dẹp yên giặc phương Nam trước để rảnh tay lo đối phó giặc phương Bắc là Tàu Hán. Kết quả chiến thắng lớn, vua Lê lấy đất Chiêm Thành từ đèo Hải Vân đến Đà Nẵng, đèo Cù Mông, đến Phú Yên sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt.
Dân Đại Việt từ phía Bắc lại được nhà Lê đưa di cư vào vùng đất mới chiếm của Chiêm Thành. Chắc chắn thời kỳ này cái bánh chưng cũng được dân chúng cho di cư theo vào.

Năm 1653, vua Chiêm là Bà Thấm đem quân đánh Phú Yên. Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần đưa quân vượt đèo Cả sang đánh. Bà Thấm thua, dâng vùng đất Kauthara để xin hàng. Hiền Vương nhận rồi lập thành phủ Diên Khánh (trong đó có Nha Trang ngày nay).
Dân Đại Việt được Nguyễn Phúc Tần đưa di cư vào vùng đất mới chiếm. Tục lệ gói bánh chưng vào dịp Tết chắc chắn còn được dân Đại Việt mang theo vào.

Năm 1692, vua Chiêm Thành là Bà Tranh đem quân tấn công phủ Diên Khánh. Chúa Nguyễn Phúc Chu sai tướng Nguyễn Hữu Cảnh đến chống trả. Qua năm sau, Cảnh bắt được Bà Tranh giải về Phú Xuân. Chúa Nguyễn Phúc Tần lấy đất Chiêm Thành còn lại đến tỉnh Bình Thuận ngày nay. Như thế nước Chiêm Thành không còn nữa.
Dân Đại Việt lại được chúa Nguyễn Phúc Tần đưa di cư vào vùng đất mới tiếp thu của Chiêm Thành. Cái bánh chưng lại được theo chân người Đại Việt di cư vào.

Thời kỳ này, nhiều người dân Đại Việt bỏ dải đất miền Trung sỏi đá mới lấy của Chiêm Thành, tự ý di cư xuống phương nam vùng Bà Rịa, Đồng Nai, Sài Gòn vốn là đất của Chân Lạp nhưng không gặp phản kháng gì của người Chân Lạp. Chúa Nguyễn đã cử

một đội quân mạnh đến giữ an ninh, đặt các quan cai trị và thu thuế.
Đoàn người tự ý di cư xuống phía nam có còn đem theo bánh chưng để ăn Tết nữa không? Có thể vài năm đầu, kiếm được cơm để ăn, chỗ để ngủ là quý lắm rồi. Lo mà trồng lúa để có gạo nấu cơm cái đã, lo dựng cái chòi để che nắng đụt mưa cho cả gia đình cái đã. Nếp thì từ từ, khi nào ổn định hãy nghĩ đến trồng nó. Có lẽ vì thế mà các thứ bánh làm bằng nếp vắng mặt một thời gian đầu khi vừa mới đến canh cư.
Sau đó, những người lớn tuổi có người không biết gói bánh chưng, có người già yếu, chẳng còn sức ngồi gói bánh, những người sanh ra trên vùng đất mới không còn biết gói bánh chưng, bù lại, họ học cách gói bánh tét của dân Miên, dân Chân Lạp địa phương. Vì thế bánh tét đã tự nhiên thay thế bánh chưng trong miền đất phương nam.

Năm 1658, vua nước Chân Lạp mất, nội bộ lục đục vì tranh dành ngôi. Chúa Nguyễn Phúc Tần đã giúp một hoàng thân Chân Lạp là Barom Reachea VIII lên ngôi. Đáp lại, vị vua mới của Chân Lạp ký hiệp ước triều cống chúa Nguyễn hàng năm và cho phép người Đại Nam được làm chủ vùng đất mà họ đã khai hoang là Bà Rịa, Đồng Nai và Sài Gòn.

Năm 1697, có quan nhà Minh gồm Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến ở Quảng Tây, Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình ở Quảng Đông, Trung Quốc không chịu đầu phục nhà Mãn Thanh, đem 3,000 người cùng 50 chiếc thuyền sang xin ờ làm dân Đại Việt.
Chúa Nguyễn Phúc Tần nhân muốn khai khẩn đất Chân Lạp, bèn cho họ vào ở đất Đông Phố (Gia Định). Những người này cùng với những lưu dân Đại Việt chia nhau ở đất Đồng Nai, Biên Hòa, Mỹ Tho.
Những người Tàu và người Việt ở đây đều thuộc về sổ bộ nước Đại Việt của chúa Nguyễn.
Có lẽ khi người Quảng Đông và Quảng Tây di cư đến vùng đất mới có đem theo tục lệ gói bánh ú mặn để ăn trong dịp Tết Âm lịch, họ đọc theo âm tiếng Quảng hay tiếng Tiều là Ba Chằng, mà người Việt đọc trại ra là bánh **Bá Chạn**. Bánh bá chạn gói bằng nếp xào với xì dầu cho bánh có màu nâu, nhân là một miếng thịt heo kho, một cái nấm hương, một cái **lòng đỏ trứng mặn**. Nếu là người Tiều thì thêm đậu phọng trong nếp, nếu là người Quảng Đông thì thêm chút đậu xanh và tôm khô trong nhân.

Năm 1680, Mạc Cửu, một người Quảng Đông, không đầu phục nhà Mãn Thanh, đã cùng gia quyến bỏ chạy sang Chân Lạp khai khẩn vai cai quản 7 xã gồm toàn lưu dân Việt và Tàu, gọi là Hà Tiên. Mạc Cửu mở rộng đất đai của mình gồm vùng đất Hà Tiên, Rạch Giá, Phú Quốc khi đó đang thuộc Chân Lạp.
Năm 1708, để tránh áp lực của Xiêm La (Thái Lan) thường xuyên sang cướp phá, Mạc Cửu dâng đất khai phá xin nội thuộc về chúa Nguyễn Phúc Chu. Chúa Nguyễn đổi tên thành trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu làm chức

Tổng binh cai quản đất Hà Tiên. Khi Mạc Cửu chết, con là Mạc Thiên Tứ lại được làm chức đô đốc, tiếp tục cau quản Hà Tiên.
Năm 1735-1739, Mạc Thiên Tứ mở rộng đất đai kiểm soát của mình sang bán đảo Cà Mau, Hậu Giang, Cần Thơ. Đưa thêm các vùng đất mới này vào trấn Hà Tiên thuộc lãnh thổ Đàng Trong.
Năm 1732, chúa Nguyễn Phúc Chu tiến chiếm vùng đất ngày nay là Vĩnh Long, Bến Tre, dựng dinh Long Hồ trực thuộc phủ Gia Định.
Nam 1755, biết vua Chân Lạp là Nặc Nguyên thông sứ với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài để lập mưu đánh chúa Nguyễn. Nguyễn Phúc Khoát sai Nguyễn Cư Trinh sang đánh Nặc Nguyên.
Năm 1756, Nặc Nguyên thua bỏ thành Nam Vang chạy sang Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ, rồi xin dâng hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp (nay là Tân An và Gò Công) cho chúa Nguyễn để cầu hòa.
Năm 1757, Nặc Nguyên mất, chú họ là Nặc Nhuận dâng hai phủ Trà Vinh và Ba Thắc (Sóc Trăng) xin chúa Nguyễn Phúc Khoát phong cho làm vua Chân Lạp. Sau đó Nặc Nhuận bị người con rể là Nặc Hinh giết và cướp ngôi. Quan tổng suất là Trương Phúc Du sang đánh Nặc Hinh. Chúa Nguyễn cho lập Nặc Tôn, con Nặc Nhuận lên làm vua. Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long (vùng đất nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, tương ứng với Châu Đốc và Sa Đéc) để tạ ơn chúa Nguyễn.
Đất miền Nam ngày nay tước kia là của Chân Lạp (Miên). Tuy nhiên trước kia vùng đất này của nước Phù Nam từng tồn tại từ thế kỷ thứ 1- thế kỷ thứ 7, bị Chân Lạp chiếm và xóa bỏ bản đồ nước Phù Nam.

Năm tôi học lớp đệ ngũ, tôi có một ông thầy dạy sử địa rất hay. Tôi quên mất tên ông, nhưng còn nhớ rõ ông gốc người Quy Nhơn, Bình Định. Lúc đó ông khoảng ngoài 40 tuổi, giọng nói hùng hồn và nhất là gương mặt rất đẹp trai. Ca sĩ Quang Dũng, gốc Bình Định có nét hao hao giống ông khiến tôi liên tưởng đến ông. Không biết Quang Dũng có phải là hậu duệ của ông hay không. Ông giảng bài lưu loát, nhấn mạnh từng biến cố quan trọng, rất có hồn, khiến chúng tôi nghe say mê. Tôi không còn nhớ tất cả những bài ông đã giảng, nhưng có một bài tôi không bao giờ quên, đó là khi ông giảng về vua Quang Trung, thân thế và sự nghiệp.
Có lẽ vì ông cùng quê với vua Quang Trung nên ông đã giảng về vua Quang Trung thật tỉ mỉ, bằng một sự trân trọng tận đáy lòng.
Theo thầy giảng, vua Quang Trung tên thật là Hồ Thơm, con cháu mấy đời của Hồ Quý Ly. Sau khi Hồ Quý Ly thua nhà Minh của Tàu, con cháu nhà Hồ phải bỏ trốn vào đàng trong để tránh bị quân nhà Minh truy lùng. Vì phải dấu tung tích, nên con cháu nhà Hồ đổi thành họ Nguyễn, nhưng gia phả vẫn ghi họ HỒ. Thế nên Hồ Thơm mới có tên Nguyễn Huệ.
Đầu năm Kỷ Dậu 1789, Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc đánh tan quân Mãn Thanh chỉ trong vòng 5 ngày, đó là trận Ngọc Hồi, Đống Đa, gần thành Thăng Long.

Theo thầy giảng, thì vua Quang Trung là người phát minh ra bánh tét. Vì bánh tét dễ buộc lại từng bó cả chục đòn, treo vào hai đầu quang gánh, gánh theo cho lính ăn Tết và cũng làm lương thực cho lính ăn dọc đường trên đường tiến quân ra Bắc.
Cũng cần lưu ý, bánh tét của miền Trung khác bánh tét của miền Nam ở chỗ nó có rất ít đậu xanh, có người không cho nhân đậu xanh và thịt, chỉ có nếp mà thôi, giống như cơm nếp nắm vậy. Và có kích thước dài hơn bánh tét trong Nam cả gang tay. Có lẽ Nguyễn Huệ ra lệnh đem theo bánh tét cho lính ăn dọc đường là loại bánh không nhân. Gánh theo củ cải khô dầm nước mắm để ăn chung với bánh tét là đủ no bụng rồi.
Thời đó chắc chưa có món gọi là dưa món gồm củ cải, cà rốt (vì thời này người Pháp chưa đưa cà rốt đến Việt Nam để trồng), xu hào, dưa leo, củ kiệu ngâm chung với nước mắm. Vì dưa món của người Huế chỉ xuất hiện sau này, khi các vua nhà Nguyễn đã xây dựng xong kinh thành của mình tại Phú Xuân (Huế).

Lúc đó lũ học sinh chúng tôi tin ghê lắm, rằng vua Quang Trung phát minh ra bánh tét.

Bánh tét có lẽ đã được theo đoàn quân của Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc chuyển quân từ vùng đất mới phương nam ra Bình Định và theo đến Thuận Hóa. Và bánh tét cũng được di cư theo các chúa Nguyễn ra miền Trung khi đoàn quân của các chúa Nguyễn di chuyển từ miền Nam ra Phú Xuân. Vì thế, bánh tét chỉ đi đến tỉnh Quảng Trị ngày nay thì dừng lại.

Nhưng nhiều năm sau, nhìn thấy những người Miên (bây giờ gọi là người Kampuchia) đang sống tại Mỹ cũng như tại quốc gia của họ và người Việt gốc Miên đang sinh sống tại các tỉnh miền Nam thảy thảy đều làm bánh tét để ăn trong các dịp Tết của Kampuchia vào tháng 4 dương lịch, và các lễ dân tộc của họ. Không những làm ăn ở nhà, mà họ còn đem lên chùa để cúng trong dịp Tết và lễ lớn. Vì thế, vào các dịp lễ và Tết Kampuchia, các chùa ở Kampuchia tràn ngập bánh tét do dân chúng đem đến cúng.

Bánh tét của người Miên khác bánh chưng và bánh tét của người Việt miền Trung ở chỗ họ ngâm nếp với nước cốt dừa qua nửa ngày hay một đêm rồi mới gói bánh. Bên trong cũng nhân đậu xanh và thịt heo. Cách gói cũng dùng lá chuối và dây lạt.
Có người Việt gốc Miên nói rằng bánh tét phải ngâm nếp với nước cốt dừa thì khi gói bánh nếp sẽ dẽ chắc hơn là xào nếp với nước cốt dừa rồi gói bánh, vì nếp xào với nước cốt dừa cho nở trước khi nấu thành bánh, bánh sẽ không dẽ chặt nữa. Việc này thì cũng giống như nấu bánh chưng ở Mỹ, có một số người bán bánh sợ tốn ga, tốn điện nên đã nấu nếp với nước cho nở trước, khi gói thành bánh đem luộc thì bánh mau chín, đỡ tốn ga, tốn điện. Nhưng ăn loại bánh này thấy khác ngay bánh làm theo kiểu truyền thống gói bánh nếp sống.

Người Kampuchia định cư ở Philadelphia khá đông. Họ là những người sinh đẻ tại nước Kampuchia, không biết tiếng Việt Nam đâu. Họ đã vượt thoát chế độ diệt chủng của cộng sản dưới sự lãnh đạo của Pol pot đến tị nạn ở Mỹ.
Cứ đến mùa hè, họ rủ nhau bán hàng trong công viên vào hai ngày thứ Bảy và Chủ Nhật dù bị cấm bán thức ăn trong công viên. Vì họ không đựng thức ăn trong tủ lạnh, không bảo đảm an toàn cho người tiêu thụ. Nhưng cảnh sát chỉ đến bắt một lần vào đầu mùa cho có lệ. Khi thấy cảnh sát đến, họ báo cho nhau hay để cất dọn kịp thời. Khi cảnh sát bỏ đi, họ lại bầy hàng ra bán. Họ bán các thứ rau củ họ trồng được ở nhà. Rau họ trồng giống như rau của người Việt Nam hay ăn như rau muống, dọc mùng (bạc hà), mướp đắng (khổ qua), mướp hương, bầu, rau quế, rau om, ngò gai v v. Vì cùng một giải đất Đông Nam Á, phong thổ và khí hậu tựa tựa như nhau nên rau củ cũng có như nhau.
Thức ăn làm sẵn thì có gỏi đu đủ ba khía, giống y như gỏi đu đủ ba khía của Thái Lan, nghĩa là cho tỏi, ớt, chanh, đường, mắm ba khía vào cối đá giã dập rồi cho đu đủ xanh đã bào sợi và cà chua thái miếng vào giã chung cho thấm gia vị.
Họ bán bánh bò nước dừa, bánh da lợn.
Họ bán bánh tét chuối gói từng cái nhỏ y như bánh tét chuối người miền Nam bán ở chợ mỗi ngày.
Riêng bánh tét mặn thì gói to như bánh tét người Nam gói ăn Tết. Họ gói bánh tét trong lá nylon có màu xanh lá cây và vẽ sọc lá như lá chuối. Như thế, bánh tét đối với người Khờ Me rất phổ thông, đến nỗi họ làm cả lá chuối giả bằng nylon để gói bánh.

Có lẽ nhiều người Việt Nam ở gần đó hay ghé đến mua hàng cho họ nên có người Kampuchia học được vài câu tiếng Việt như “Hai đồng, năm đồng. Mua đi bán rẻ cho, một cái hai đồng, ba cái năm đồng. Cám ơn ông, cám ơn bà!”

Ở Sài Gòn trước 1975, bánh tét bầy bán ở các chợ Tết không thấy có nước cốt dừa. Tôi dám tin chắc như thế vì mẹ tôi hay mua bánh tét bán sẵn ở chợ, nếu ăn thử thấy ngon thì mẹ mua. Mẹ tôi không ăn được nước cốt dừa vì khiến bà đầy bụng, khó tiêu, nên sẽ không mua nếu có nước cốt dừa bà sẽ biết ngay.
Nhưng từ hai thập niên của cuối thế kỷ trước, hầu như bánh tét trong Nam thảy thảy đều xào nếp với nước cốt dừa rồi mới gói bánh.
Đây có phải do ảnh hưởng của bánh tét của người Khờ Me? Vì người Khờ Me ngâm nếp với nước cột dừa một đêm rồi mới vớt ra để gói bánh.

Năm 1777, năm 1785 Nguyễn Huệ đã từng đem quân vào vùng đất mới lấy của Miên để đánh quân của chúa Nguyễn Ánh.

Lúc này các cư dân Việt trên đất mới có lẽ đã học được cách làm bánh tét của người Miên, dễ gói, không cần khuôn, nhân phía trong cũng là đậu xanh và thịt heo. Từ đó bánh tét đã

thay thế cho bánh chưng. Vì bánh chưng nếu không biết gói tay cho vuông vức thì phải có khuôn. Không phải ai cũng có thể làm ra cái bánh vuông vức mà không cần khuôn.
Có lẽ Nguyễn Huệ đã có cơ hội ăn bánh tét ở vùng đất mới phía nam nên đã nghĩ ra cách đem theo bánh tét cho lính ăn dọc đường khi tiến quân từ miền Trung ra Đống Đa, phía Bắc nước Đại Việt để đánh đuổi quân Mãn Thanh.

Bây giờ thì tôi không còn nghĩ vua Quang Trung là người phát minh ra bánh tét. Ông mượn cách làm bánh tét của người Miên để đem theo cho lính ăn Tết dọc đường vì nó gọn gàng, dễ gánh theo. Khi muốn ăn, chỉ cần cắt bánh ra từng khoanh còn nguyên lá rồi phát cho quân lính bốc tay. Ai ăn thì tự bóc lá ra rất tiện và sạch. Đem theo bánh tét cho binh sĩ ăn dọc đường tiện hơn đem theo gạo và nồi, lửa để nấu cơm.

Có lẽ Nguyễn Huệ và các chúa Nguyễn khi chuyển quân từ Nam ra Trung, họ kêu gọi dân chúng góp nếp, góp lá. Phần làm bánh thì quân lính phải phân chia nhau mà làm, nhóm cắt lá chuối, nhóm lau lá, xếp lá và nhóm gói bánh, nhóm luộc bánh. Đông người làm chung, một ngày có thể làm năm, sáu trăm cái bánh mỗi cái dài nửa thước tây dễ dàng. Chính đoàn quân của họ khi trở về miền Trung đã dạy lại cho dân làng cách làm bánh tét.

Vài năm nay bánh tét lại cựa mình biến chuyển thêm. Ngày xưa chỉ có một màu nếp trắng, có chút màu xanh của lá chuối viền quanh bánh.

Ngày nay, các lò làm bánh tét để bán Tết lại chế thêm ra bánh tét ba màu để cạnh tranh trên thương trường, nếu ai cũng làm giống nhau thì khó tăng thu nhập lắm.
Họ lấy nước lá cẩm ngâm nếp tạo màu tím tươi, nhân trái gấc tạo màu cam, nước lá dứa tạo màu xanh lá cây. Ngoài ra, nhân còn thêm trứng vịt muối.

Tại sao có thêm trứng muối? Chủ một lò bánh tét trả lời rằng vì chung quanh có nhiều khách hàng người Tiều yêu cầu cho thêm nhân trứng muối vào. Còn người Miên thì yêu cầu cho nước cốt dừa vào nếp. Thế nên, vì chiều theo khẩu vị của khách hàng nên lò bánh tét của bà đã nổi tiếng với bánh tét ba màu và có thêm nhân trứng mặn.

Có thể có nhiều người Việt không đồng ý rằng bánh tét có nguồn gốc nguyên thủy từ người Miên. Nhưng cứ suy gẫm xem cái đã.

TT-Thái An - 12/15/2019

Tài liệu tham khảo về lịch sử lấy từ Wikipedia và Tại Sao Hai Nước Chiêm Thành & Chân Lạp Biến Mất Trên Bản Đồ Thế Giới của Phan Hưng Nhơn

XUÂN

Xuân ở phương nao, mấy trẻ già,
Xuân về hay chỉ tháng năm qua?
Xuân trơ dáng ngọc làn sương phủ
Xuân bỏ đài gương lớp bụi nhòa
Xuân tủi đất trời đêm dã thú
Xuân sầu non nước buổi phong ba
Xuân nào đốt lại lò hương cũ
Xuân mới là xuân thật mặn mà

nguyễn vô cùng

MƠ NÉT XUÂN XƯA

(Họa vận bài XUÂN của nhà thơ Lê Ngọc Kha)

Bông cải lay chào vạt nắng xuân
Chùa sương nghe vọng tiếng chuông gần
Cành mai chớm nụ bày hiên trước
Tấm thiệp tươi màu gởi bạn thân
Từ độ sông xưa thuyền rẽ lối
Vẫn mơ bến cũ nước xoay vần
Mây tan gió lặng bình yên đến
Trả lại đất trời một dáng xuân.

nguyễn vô cùng

Âm Nhạc: Hai Trường Phái Cổ Điển và Lãng Mạn

** Phạm Văn Tuấn **

1/ Khái niệm về Âm Nhạc.

Âm Nhạc là gì, có các công dụng nào và các thể loại nào? Âm nhạc là các âm thanh được xếp đặt theo các mẫu (patterns) êm tai và hấp dẫn. Mọi người dùng âm nhạc để diễn tả các cảm xúc và tư tưởng. Âm nhạc cũng được dùng để giải trí và thư dãn tâm hồn, vì vậy âm nhạc là một phần quan trọng trong đời sống hàng ngày, trong nhiều hoạt động xã hội và văn hóa.

Âm nhạc là một nghệ thuật trình diễn. Khác với vài bộ môn nghệ thuật như Thơ Phú và Hội Họa trong đó người nghệ sĩ sáng tạo ra tác phẩm rồi phổ biến hay trưng bày cho mọi người nghe hoặc thưởng lãm; trong bộ môn âm nhạc, nhạc sĩ sáng tác cần tới nhiều ca sĩ trình diễn để diễn tả các bài ca, các nhạc phẩm, giống như nhà soạn kịch cần tới các diễn viên trên sân khấu. Như vậy công việc trình tấu âm nhạc là sự phối hợp giữa các nghệ sĩ sáng tác và các nghệ sĩ biểu diễn.

Âm nhạc là một trong các nghệ thuật lâu đời nhất và có lẽ con người bắt đầu biết ca hát khi ngôn ngữ mới phát triển. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy các khúc xương rỗng được dùng làm cây sáo (flute) vào khoảng 10,000 năm trước Tây Lịch (TL) và bản nhạc đầu tiên được viết ra có lẽ từ 2,500 năm trước TL. Các dân tộc với nền văn minh cổ như các người Ai Cập, Trung Hoa và Babylonians đã biết dùng âm nhạc trong các lễ nghi cung đình và tôn giáo.

Âm nhạc giữ các vai trò quan trọng trong mọi nền văn hóa. Nhiều người dùng âm nhạc trong các buổi lễ hội, trong công việc làm hay trong các sinh hoạt cá nhân và tập thể. Ngày nay, âm nhạc có nhiều hình thức. Loại âm nhạc của châu Âu và châu Mỹ được gọi chung là Âm Nhạc Tây Phương (Western music) trong khi châu Phi và châu Á cũng có loại âm nhạc riêng. Trong nền âm nhạc Tây Phương, có hai loại chính là “cổ điển” (classical) và “phổ thông” (popular). Nhạc Cổ Điển gồm các bản giao hưởng (symphonies), nhạc kịch (operas) và nhạc vũ ba lê (ballets). Nhạc Phổ Thông có các loại chính như nhạc đồng quê (country music), nhạc nhân gian (folk music), nhạc jazz và nhạc rock...

Trong bộ môn nhạc cổ điển cũng có nhiều hình thức. Nhiều bản nhạc cổ điển rất dài với nhạc phong và nhịp độ biến đổi. Cũng có các bản nhạc ngắn với cùng nhịp độ và nhạc phong được giữ nguyên trong suốt thời gian trình tấu. Vài bản nhạc cổ điển mang chủ đích trình bày một đề tài, diễn tả một ý tưởng, mô tả một cảm xúc hay kể ra một câu chuyện.

Các nhà nghiên cứu âm nhạc cũng chia nhạc cổ điển ra làm hai loại: nhạc dùng đàn (instrumental music) và thanh nhạc (vocal music). Nhạc dùng đàn thường được trình tấu bằng một nhạc

cụ, một nhóm nhỏ nhạc cụ hay một dàn nhạc (orchestra), còn thanh nhạc được viết cho một ca sĩ hát, hay một nhóm ca sĩ, hoặc một ban hợp ca đông người.

Ngày nay các nhạc cụ được chia làm 5 loại chính:

(1) nhạc cụ dây (stringed),

(2) nhạc cụ gió (wind),

(3) nhạc cụ gõ (percussion),

(4) nhạc cụ phím (keyboard) và

(5) nhạc cụ điện tử (electronic instruments).

Tùy theo số nhạc sĩ trình diễn mà bản nhạc được phân loại ra thành:

(1) nhạc độc tấu (solo music): được viết cho một thứ đàn như dương cầm, vĩ cầm, sáo... Các bản sonata dương cầm danh tiếng nhất là của các nhạc sĩ Ludwig van Beethoven người Đức, Wolfgang Amadeus Mozart người Áo... trong khi Johann Sebastian Bach người Đức cũng sáng tác các sonata xuất sắc, dùng cho đàn vĩ cầm (violin) và hồ cầm (cello).

(2) nhạc thính phòng (chamber music): dùng cho từ 2 tới 5 nhạc sĩ, với mỗi người trình bày mỗi phần khác nhau. Loại bản nhạc này gồm loại hòa tấu 3 đàn dây (string trio), hòa tấu dương cầm 3 đàn (piano trio), hòa tấu 4 đàn (string quartet), hòa tấu 5 đàn (string quintet)...

(3) nhạc đại hòa tấu (orchestra music): được trình diễn trước khán giả đông người. Dàn nhạc của loại này gồm từ 15 tới trên 100 nhạc sĩ, được chia làm 4 nhóm chính: a) loại dây, b) loại gió, c) loại kèn đồng và d) loại gõ. Loại bản nhạc thường được các dàn nhạc đại hòa tấu trình diễn gồm các bản giao hưởng (symphonies), các concerto và các tổ khúc (suites).

Bản nhạc giao hưởng thường diễn tả các cảm xúc, các ý tưởng. Bản giao hưởng "Eroica" (1804) của Beethoven lúc đầu có chủ đích ca ngợi danh tướng Napoleon với nhiều đoạn nhạc hùng tráng, và phần hai (2nd movement) là hành khúc tang lễ (funeral march) dành cho bậc anh hùng quá vãng... Bản giao hưởng "Mùa Xuân" (Spring, 1841) của Robert Schumann diễn tả niềm hạnh phúc khi lập gia đình.

Các bản concerto được viết ra cho một thứ đàn riêng biệt, chẳng hạn như đàn vĩ cầm hoặc đàn dương cầm. Nhà soạn nhạc danh tiếng người Ý Antonio Vivaldi đã viết ra nhiều concerto xuất sắc, chủ yếu dùng cho các loại đàn dây.

Từ thế kỷ 18, các tổ khúc (suites) là loại nhạc dành cho vũ điệu (dances), chẳng hạn như hai tổ khúc danh tiếng "Peer Gynt Suite" (1876) của nhà soạn nhạc Edvard Grieg người Na Uy, và "Nutcracker Suite" (1892) của nhà soạn nhạc Peter Ilich Tchaikovsky người Nga.

Âm nhạc là một loại ngôn ngữ quốc tế có sức mạnh truyền thông lớn nhất, đã dùng tới các giai điệu trầm bổng để gợi lên trong tâm hồn người nghe nhiều cảm xúc nội tâm đa dạng. Âm nhạc trực tiếp ảnh hưởng tới các giác quan của thính giả và các nhạc sĩ sáng tác là những nghệ sĩ dùng âm thanh để mô tả những gì không thể nói ra bằng lời, vui cũng như buồn, say mê cũng như hùng tráng...

Một thí dụ đơn giản về cách mô tả bằng âm nhạc là tập nhạc Concerto "Bốn Mùa" (The Four Seasons) của Antonio Vivaldi, phổ biến vào năm 1725. Mở đầu trong concerto thứ nhất "Mùa Xuân" là tiếng chim hót vui vẻ, chào đón một mùa nắng ấm, sau đó là tiếng nước chảy róc rách của một giòng suối với gió nhẹ thổi qua, với các tiếng sấm và rồi lại nghe thấy tiếng chim hót diễn tả nhờ cây vĩ cầm độc tấu.

2/ Trường phái Cổ Điển trong Nghệ Thuật.

Trường phái Cổ Điển được định nghĩa trong từ điển là trình độ cao nhất về Văn Chương và Nghệ Thuật, đặc biệt là phụ thuộc vào nền Văn Hóa Cổ Hy Lạp và Cổ La Mã. Danh từ Cổ Điển mang hàm ý rằng trong quá khứ, con người đã đạt tới trình độ tuyệt vời về nghệ thuật và ngày nay những công trình văn học, nghệ thuật liên quan tới truyền thống cũ đều được coi là cổ điển.

Các nghệ sĩ cổ điển trong thế kỷ 18 tại châu Âu đã không quan tâm tới cá tính hay các kinh nghiệm cá nhân như là sơ liệu nghệ thuật của họ. Một công trình nghệ thuật tự bản thân nó đã có sẵn vẻ đẹp, điều hay, mà không cần tới sự diễn tả của bản ngã người nghệ sĩ, trong khi các nghệ sĩ thuộc trường phái lãng mạn (romantic) lại coi Nghệ Thuật là một phương tiện để tự thể hiện và nét chính của nghệ thuật lãng mạn là sự nhấn mạnh vào cách biểu lộ cảm xúc.

Trường phái cổ điển hướng về sự trong sáng của tư tưởng và vẻ đẹp của hình thể, coi trọng sự kiểm soát và kỷ luật nơi nghệ thuật, quan tâm tới tiềm năng trong cách diễn tả thuần lý, trong công phu gọt dũa tỉ mỉ và tầm nhận thức về vẻ đẹp lý tưởng. Tất cả căn bản của phong cách cổ điển đã khuyến khích người nghệ sĩ chú tâm vào các phẩm chất của trật tự, của sự thăng bằng và sự hòa hợp.

Nghệ thuật kiến trúc của thế kỷ 18 mang các dấu ấn đặc thù, với các lâu đài nguy nga và các khu vườn rộng lớn, tất cả được xây dựng theo tỉ lệ cân đối, với các chi tiết trang hoàng tỉ mỉ. Vào giữa thế kỷ này, Vua Louis 14 của nước Pháp đã chủ xướng các lễ hội xa hoa tại Cung Điện Versailles, đồng thời các vương triều khác cũng ngự trị tại các quốc gia láng giềng: Frederic Đại Đế cai trị nước Phổ, Catherine là Nữ Hoàng của nước Nga và Maria Thérésa trị vì nước Áo. Tại châu Âu thời đó, giai cấp cai trị đã nắm quyền lực nhờ vào đặc quyền thừa kế. Xã hội của thời kỳ này tôn trọng quá khứ, đề cao truyền thống và hiện trạng được duy trì. Các nhà quý tộc đã coi trọng hình ảnh của các thần linh cổ xưa, đề cao thành tích của các vua chúa, các anh hùng hiệp sĩ vì đây là phản ánh của chính họ, của những gì quý phái, cao sang.

Do ảnh hưởng cổ điển, các nghệ sĩ cũng diễn tả những tư tưởng hướng về Hy Lạp và La Mã. Họa sĩ Jaques-Louis-David đã vẽ bức danh họa "Cảnh chết của Socrates" theo cảm hứng từ nghệ thuật và văn hóa Cổ Hy Lạp. Các cuốn tiểu thuyết của Samuel Richardson, Henry Fielding, Laurence Stern và Tobias Smolett... đã chứa đựng các tình cảm trưởng giả, giống như thơ phú

của Thomas Gray, Oliver Goldsmith và William Cowper.

Nhưng dưới ánh vẻ hào nhoáng của các vương triều và trong các xã hội mà quyền uy đã được coi như thiên mệnh, đang âm thầm các sức mạnh bộc phá, làm lung lay nền móng của các chế độ cai trị. Cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ là một đòn mạnh đánh vào chủ thuyết thần quyền của các vị vua chúa, rồi Cuộc Cách Mạng Pháp đã làm rung chuyển toàn thể châu Âu.

Thời kỳ cổ điển đã chứng kiến ngày tàn của các thể chế cũ và bình minh của châu Âu hiện ra với các biến đổi chính trị, kinh tế, nhờ đó quyền lực được chuyển từ giai cấp quý tộc sang giai cấp trung lưu. Chế độ Tư Bản đang bành trướng nhờ Cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ với các tiến bộ về Khoa Học, Kỹ Thuật, nhờ năng lực hơi nước, đường xe lửa, các nhà máy, các hầm mỏ...

Vào giữa thế kỷ 18, nhiều phát minh khoa học đã ra đời chẳng hạn như máy se sợi của Hargreaves năm 1760, máy hơi nước của James Watt năm 1765, máy dệt của Cartwright năm 1785, máy cán bông gòn của Eli Whitney năm 1793... Bộ môn Khoa Học Thuần Lý đã có sự đóng góp của Benjamin Franklin tìm ra Điện Lực năm 1752, Priestly khám phá ra Oxygen năm 1774, Bác Sĩ Jenner hoàn chỉnh cách Chủng Ngừa năm 1796, nhà toán học Laplace đã tính toán cách vận hành của Vũ Trụ và pin Điện Cực được Alessandro Volta phát minh vào năm 1800. Sinh hoạt trí thức cũng có các đóng góp đáng kể như cuốn sách "Lịch sử nghệ thuật cổ" của Winckelman xuất bản năm 1764, Từ Điển Bách Khoa Pháp (1751-52) và Từ Điển Bách Khoa Britannica với ấn bản đầu tiên vào năm 1771.

Sinh hoạt trí thức của thời Cổ Điển như vậy đang đứng trước hai trào lưu đối nghịch. Một xu hướng là nghệ thuật cổ điển đang được tinh luyện trong đời sống nhưng cũng đang đi dần tới kết thúc, xu hướng kia là một cách sống mới đang vật lộn để chào đời.

Thế kỷ 18 còn được gọi là Thời Đại của Lý Trí (the Age of Reason). Các nhà triết học người Pháp như Voltaire, Diderot, Rousseau, Condorcet, d'Alembert... đã tạo nên Bộ Từ Điển Bách Khoa như một dụng cụ Khai Sáng, đã đề cao Lý Trí với mục đích tấn công vào nền trật tự đang hiện hữu trong khi giai cấp trung lưu chiếm dần các vị trí quan trọng trong cuộc nổi dậy.

Văn Hóa của thế kỷ 18 đã được đặt dưới sự bảo trợ của giới quý tộc vì Nghệ Thuật được coi là một thứ trang hoàng cho đời sống vương giả. Cuộc sống của các ông hoàng, các mệnh phụ được diễn ra nơi lâu đài, với các yến tiệc, các lễ nghi đòi hỏi tới sự lịch duyệt trong phong cách và vẻ đẹp trong kiểu mẫu. Các nghệ sĩ của thế kỷ 18 đã sống trong khung cảnh đó. Họ là những người phục vụ cho các vương triều, các ông hoàng bà chúa, để có được sự an toàn kinh tế và địa vị xã hội. Các nghệ sĩ vì thế đã sáng tác ra các tác phẩm theo đòi hỏi của giới quý tộc.

3/ Trường Phái Cổ Điển trong Âm Nhạc.

Về âm nhạc, các nhạc sĩ nam nữ thời đó sống nhờ vào các cung đình, họ là ca sĩ, nhạc công và giáo sư âm nhạc

cho các gia đình quý tộc giàu có. Họ viết nhạc để phục vụ tôn giáo, hoặc soạn ra các bài thực tập âm nhạc dành cho nhạc sinh, hoặc sáng tác ra các bản nhạc để hát, để đàn trong các buổi giao tế xã hội của giới quyền quý.

Thời kỳ Cổ Điển của bộ môn Âm Nhạc có thể được coi là từ năm 1750 tới năm 1825 với các tác phẩm của bốn bậc Thầy tiêu biểu, thuộc trường phái Vienna là Haydn, Mozart, Beethoven và Schubert. Trong thời kỳ này, nghệ thuật Âm Nhạc đã kết nụ, nở hoa vì những thí nghiệm và khám phá, và các nhạc sĩ đã phải đứng trước ba thử thách, thứ nhất là thám hiểm vào phạm vi rộng lớn của hệ thống âm giai trưởng-thứ, thứ hai là làm hoàn chỉnh ngành âm nhạc tuyệt đối (the absolute instrumental music) và thứ ba là tận dụng các thể loại âm nhạc mới với các sonata đơn và kép, các trio, quartet, concerto, thể loại giao hưởng (symphony) và các loại nhạc thính phòng.

Nếu nói rằng các nhạc sĩ bậc thầy như Haydn, như Beethoven, thuộc trường phái cổ điển thì cũng chưa hẳn chính xác. Các nhạc sĩ thuộc trường phái Vienna đã thí nghiệm một cách táo bạo và không ngừng dùng các vật liệu âm nhạc trong tầm tay. Lúc đầu họ phải quy phục các nguyên tắc của các thể loại đã có từ trước, rồi về sau đã diễn tả tình cảm nội tâm qua các tác phẩm. Cũng vì thế các bản nhạc của Haydn hay của Beethoven vào thời kỳ đầu đã mang nhiều sắc thái cổ điển hơn, trong khi Schubert ở cuối giai đoạn lại mang màu sắc trữ tình. Cho nên danh từ Cổ Điển có thể bao hàm ý nghĩa của sự toàn hảo, sự huy hoàng của Âm Nhạc vì các bậc Thầy của thời đó đã trình bày, đã sáng tác ra các bản giao hưởng, concerto, sonata, trio, quartet mà sau này được coi là những mẫu mực không vượt qua được.

Âm Nhạc của trường phái Vienna còn có các giai điệu vừa lịch lãm, vừa ca ngợi, thường căn cứ vào các câu 4 nhịp đối xứng có đoạn kết rõ ràng nhờ đó âm nhạc dễ dàng thâm nhập vào tâm hồn thính giả. Các giai điệu cổ điển này vừa có thể dùng để ca hát, vừa dùng cho nhạc cụ, đã đi từng bước ngắn, nhẩy các quãng hẹp lại bám rễ vững vàng vào cung khóa (key). Sự trong sáng của bản nhạc được nổi bật nhờ các câu nhạc lặp lại và nhờ cách dùng thường xuyên các tiếp khúc (sequence) hay sự nhắc lại một mẫu câu nhạc bằng giọng cao hơn hay trầm hơn. Các câu nhạc vừa đối xứng, vừa cân đối nên dễ làm cho người nghe thưởng thức được phong vị của giai điệu.

4/ Trường Phái Lãng Mạn và các nét đặc thù.

Trong thời kỳ Phục Hưng, các nghệ sĩ Cổ Điển tin tưởng rằng các nhân tài Hy Lạp và La Mã đã khám phá ra các định luật thẩm mỹ có giá trị vĩnh viễn nhờ đó các họa sĩ, nhà viết kịch, nhà văn, nhà thơ chỉ việc tuân theo và các văn nghệ sĩ cổ điển đã áp đặt các quy luật này trong thế kỷ 18 nhờ họ làm việc trong các triều đình và các hàn lâm viện.

Từ năm 1750 trở về sau, những người đầu tiên của phong trào Lãng Mạn bắt đầu xuất hiện và nhân vật gây được nhiều ảnh hưởng nhất là Jean Jacques Rousseau (1712-78) do các lời biện hộ cho các đặc tính tự do, cảm xúc và bản chất tốt đẹp của thiên nhiên.

J. J. Rousseau còn đề cao tinh thần cá nhân chủ nghĩa (indivialism) coi cá nhân tách biệt khỏi các người khác. Nhà tư tưởng người Pháp này đã từng nói: "Tôi thì khác với mọi người, nếu tôi không tốt hơn thì ít nhất cũng khác biệt" (I am different from all the men I have seen. If I am not better, at least I am different). Trong khi xã hội phương Tây thay đổi về các quan niệm chính trị và xã hội thì văn chương và các bộ môn nghệ thuật khác như hội họa, âm nhạc, kiến trúc, phê bình cũng tiến hóa theo. Phong trào Lãng Mạn từ từ phát triển, đã ảnh hưởng và làm giàu rất nhiều cho nền văn hóa tại châu Âu.

Phong trào Lãng Mạn (the Romantic movement) được coi là một cuộc cách mạng chống lại phong trào Cổ Điển (classicism) và thời đại Khai Sáng (the Enlightenment), bởi vì phong trào Cổ Điển đã đặt ra các tiêu chuẩn và quy luật như hài hòa, cân đối, yên tĩnh, lý tưởng hóa, còn thời đại Khai Sáng đặt niềm tin vào tính thuần lý (rationality), trật tự và một số giới hạn.

Sau đó phong trào Lãng Mạn lên tới cao độ vào thập niên 1790, đặc biệt tại nước Anh và nước Đức. Cuộc Cách Mạng Pháp 1789 đã gây nên niềm tin rằng các cải cách căn bản có thể thực hiện được trong các đời sống văn hóa và nghệ thuật nhưng rồi các biến cố và hậu quả bạo lực tại nước Pháp đã làm cho các nhà cải cách người Anh và người Đức theo trường phái Lãng Mạn phải thất vọng. Sau đó phong trào Lãng Mạn đã lấy lại được sức mạnh cho tới năm 1840, là năm phong trào Hiện Thực (realism) dần dần ló dạng.

Phong trào Lãng Mạn bao gồm niềm tin tưởng vào sự phong phú tình cảm, vào trí tưởng tượng không giới hạn và vào đặc tính tức thời (spontaneity) trong đời sống cá nhân và nghệ thuật. Tại nước Đức, các nhân vật chủ trương lãng mạn trong hai thập niên 1770 và 1780 đã tự gọi là “Nhóm Bão Tố và Căng Thẳng” (the “Storm and Stress” = Sturm und Drang) và nhiều nghệ sĩ lãng mạn thuộc đầu thế kỷ 19 đã sống cuộc đời tình cảm với cường độ rất cao: điên khùng, tự tử, đấu gươm tới chết và các bệnh kỳ lạ.

Các nghệ sĩ này đã theo đuổi cuộc sống “du sinh” (bohemian), để tóc dài và đầu bù xù không chải, nằm ngủ trong các căn gác xép lạnh lẽo. Họ chối bỏ vật chất, tiện nghi và tìm lối thoát bằng thứ tinh thần cao vời của nghệ thuật. Họ là những người cuồng tín theo cá nhân chủ nghĩa, tin tưởng rằng nhờ vào bản chất tự do mà họ có thể

làm phát triển các tiềm năng con người. Các văn nghệ sĩ lãng mạn đi tìm một thứ vũ trụ không giới hạn, tìm kiếm những gì không biết, không thể biết và không thể đạt tới được.

Sự khác biệt rõ ràng nhất giữa trường phái cổ điển và trường phái lãng mạn là quan niệm tổng quát về "thiên nhiên" (nature). Trường phái cổ điển không quan tâm tới "thiên nhiên". Theo tác giả Samuel Johnson thuộc thế kỷ 18: “một cọng cỏ luôn luôn là một cọng cỏ, đàn ông và đàn bà mới là đề tài tìm hiểu của tôi”. Các văn nghệ sĩ thuộc trường phái cổ điển đã mô tả thiên nhiên là đẹp và không cầu kỳ, giống như một khu vườn được trồng tỉa cân đối trong khi các họa sĩ, nhà văn, nhà thơ lãng mạn say sưa vì thiên nhiên, đôi khi họ còn coi thiên nhiên là đáng sợ, khi nổi sóng, giống như trong bức họa “Chiếc Bè của Medusa” (The Raft of the Medusa) của họa sĩ Théodore Géricault, qua đó mô tả các người sống sót trôi dạt trên mặt biển giông bão.

Phần lớn các văn nghệ sĩ lãng mạn coi sự phát triển của nền kỹ nghệ mới là một cách tấn công xấu xa, tàn nhẫn vào thiên nhiên đáng yêu và vào bản chất của con người. Vì vậy họ phải đi tìm các lối thoát, tại miền hồ vắng thanh khiết của miền bắc nước Anh, trong khu rừng hoang sơ của châu Phi... Họ tránh xa các nơi kỹ nghệ hóa mới. Các nhà máy thép, các xưởng dệt vải... bị coi là những nơi có lửa cháy của địa ngục, mặt trăng trong khung cảnh thuộc khu kỹ nghệ mang màu máu, các ngôi sao rơi xuống đất tại nơi này.

Các nhân vật thuộc trường phái lãng mạn còn say mê bộ môn "lịch sử ", coi nơi đây là cách thay đổi theo thời gian, vừa cơ hữu (organic), vừa linh động, không còn thuộc trạng thái tĩnh như quan niệm của các nhà thông triết (philosophes) trong thời kỳ Khai Sáng (Enlightenment) thuộc thế kỷ 18. Các khảo sát lịch sử đã khuyến khích sự phát triển các ước vọng quốc gia (national aspirations), đã khiến cho vài dân tộc tìm kiếm các tầm vóc quan trọng, chẳng hạn như dân tộc Đức và các sắc dân thuộc miền Đông Âu. Theo nhà sử học người Anh Lord Acton, phong trào Lãng Mạn là một bước tiến mang tính định mệnh nhất trong trào lưu tư tưởng của châu Âu.

Vào đầu thế kỷ 19, tinh thần lãng mạn đã thể hiện qua cách nhận thức về vẻ đẹp của các "khu vườn Anh" (English garden), tại nơi này không còn cách trồng tỉa cân đối, cách xếp đặt công phu nữa. Nhiều người đã bắt đầu đánh giá cao loại phong cảnh tự nhiên, mang vẻ hoang dã, phóng khoáng. Về kiến trúc, đường nét cổ điển với cách đối xứng và phức tạp đã nhường chỗ cho tính bất quy tắc và sự đổi mới về chi tiết. Cách thưởng thức nghệ thuật đã thay đổi từ năm 1764 với sự xuất hiện của lối kiến trúc Gothic mới.

Trường phái cổ điển và trường phái lãng mạn có thể được coi là hai cực của nền nghệ thuật. Tinh thần cổ điển đi tìm kiếm sự trật tự, sự cân đối, sự trong sáng của đề tài trong khi tinh thần lãng mạn lại đặt nặng sự xa lạ, tính ngạc nhiên và tình cảm ngây ngất (ecstasy), nhìn cuộc đời với tính chủ

quan, khác hẳn yếu tố khách quan của tinh thần cổ điển.

Chính vì thế nhà triết học người Đức Friedrich Nietzsche trong các bài viết về nghệ thuật, đã so sánh hai tinh thần cổ điển và lãng mạn bằng hình ảnh của Apollo, vị thần Hy Lạp của ánh sáng và đo lường, tương phản với Dionysus, vị thần của lòng đam mê và tính say sưa. Cả hai đặc tính trái ngược cổ điển và lãng mạn đã là hai xung lực căn bản của bản chất con người.

Cách nhận thức mới về nghệ thuật đã làm nẩy sinh ra một thế giới xa xôi với thế giới "quen thuộc và mỗi ngày", và trường phái lãng mạn đã khác biệt với trường phái cổ điển về sự “xa lạ và xa vời” (strangeness and remoteness). Do đó Walter Pater đã định nghĩa trường phái lãng mạn là "sự thêm vào vẻ đẹp chất liệu xa lạ" (the addition of strangeness to beauty).

Một nét vẻ đặc biệt khác của trường phái lãng mạn (romanticism) là tính không giới hạn (boundlessness). Nghệ thuật lãng mạn lùi về quá khứ và hướng cả về tương lai, trải rộng tầm vóc phủ lên thế giới và lan ra vũ trụ. Trong khi các quy tắc cổ điển chú trọng đến tính trật tự, sự cân bằng về kiểm soát và sự hoàn hảo trong các giới hạn được hiểu rõ, thì trường phái lãng mạn lại ca ngợi tính tự do, sự say đắm, các chuyển động để theo đuổi những gì đạt tới được và không bao giờ đạt tới được. Nghệ thuật lãng mạn bị ám ảnh bởi tinh thần mong đợi, ước vọng về một hoàn thành rất xa vời.

Các nhà thơ lãng mạn đã chống lại các hình thức theo quy ước cũ, họ thiên về lề lối kỳ lạ, hoa mỹ, say đắm. Tại nước Đức, một nhóm các nhà văn trẻ đã theo gót các nhân vật danh tiếng như Goethe và Schiller, đã tạo nên một loại thơ trữ tình (lyric) mà tượng trưng là nghệ thuật của Henrich Heine, đây là một trong các nhà thơ được các nhạc sĩ lãng mạn ưa thích. Một phong trào tương tự cũng diễn ra tại nước Pháp, dẫn đầu là nhà văn danh tiếng nhất Victor Hugo và nhà thơ danh tiếng nhất Alphonse Lamartine. Tại nước Anh, các nhà thơ trữ tình gồm có Gray, Cowper và Burns, Wordsworth và Coleridge, Byron, Shelley và Keats.

5/ Trường phái Âm Nhạc Lãng Mạn

Các thời kỳ lịch sử của bộ môn Âm Nhạc được phân biệt bằng các trường phái hay giai đoạn trong đó một đường hướng diễn tả âm thanh đã được thịnh hành. Các nhà nghiên cứu đã dùng các danh từ như "cổ điển" và "lãng mạn" để phân biệt về tác giả, tác phẩm và thời kỳ.

Trong các năm từ 1770 tới 1800 và đôi khi tới tận 1830, nét nhạc của các nhạc sĩ lừng danh như Haydn, Mozart, Beethoven đã mang nhạc vẻ "cổ điển". Danh từ này hàm chứa các ý nghĩa về sự toàn hảo, tiêu chuẩn, dùng làm mẫu mực cho các sáng tác âm nhạc về sau. Việc phân loại cũng đã được căn cứ vào số lượng nhạc âm (musical sound) bị giới hạn, vào cách hòa âm căn bản, do cách xử dụng nhịp điệu (rhythm) và nhạc thức (form) và do cả cách truyền cảm đi từ nhạc sĩ sáng tác qua nhạc sĩ trình diễn tới thính giả.

Các nhạc sĩ sáng tác đã thí nghiệm, làm biến đổi và làm phát triển cách diễn

tả âm nhạc từ các nguyên tắc căn bản. Như thế, cách nhận thức về mỹ thuật nói chung và về âm nhạc nói riêng đã thay đổi theo thời gian và trường phái "lãng mạn" dần dần xuất hiện. Về âm nhạc, sự phân chia rõ ràng giữa cổ điển và lãng mạn đã không có một mốc thời gian nhưng khi xét các khuynh hướng nghệ thuật của thế kỷ 18, các nhà phê bình cho rằng thế kỷ đó đã có những dấu nét đặc biệt, khác biệt với trào lưu nghệ thuật của thế kỷ sau.

Trong các bộ môn nghệ thuật, Âm Nhạc là thứ dễ diễn tả, dễ bộc lộ nhất. Nhờ âm thanh và nhịp điệu, âm nhạc đã mô tả các cảm xúc, ấn tượng, làm lộ ra những xúc động nội tâm. Âm Nhạc đã dùng thứ ngôn ngữ riêng để nói lên thứ hình ảnh hiện thân của thế giới cũng như các cảm xúc trong cuộc đời của mọi người. Âm nhạc được định nghĩa là một loại ngôn ngữ không phải là lời nói thông thường. Các nhạc cụ vì vậy đã trở nên một phương tiện, một thứ xe chuyên chở tư tưởng và tình cảm.

Các nhạc sĩ lãng mạn đã khéo léo phối hợp âm nhạc với lời nói, thành lời ca, hòa vào tiếng đàn như trong thể nhạc Lied, một loại bài hát đã được sáng tác thành công vào thế kỷ 19 bởi Schubert, Schumann, Brahms và Hugo Wolf, hay trong loại nhạc kịch trường (music drama) của Wagner. Ngoài ra còn có loại nhạc chương trình (program music) phối hợp với thơ, với cách mô tả, cách tường thuật, cách bắt chước các âm thanh tự nhiên và các âm thanh chuyển động, đã dùng tới các hình ảnh tưởng tượng và được diễn tả ra bằng âm thanh.

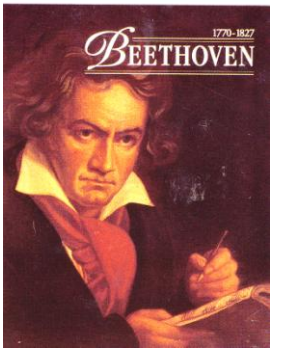

Nhạc chương trình của thế kỷ 19 khởi đầu bằng bản "Giao Hưởng Đồng Quê" (Pastoral Symphony) của Beethoven, kéo dài tới giữa thế kỷ với các nhạc sĩ Mendelssohn, Schumann, Berlioz, Liszt rồi với các nhạc sĩ đại diện của cuối thế kỷ là Debussy và Richard Strauss. Các nhạc sĩ của thời đại này đã cố gắng bằng cách dùng âm thanh, liên kết một câu chuyện, một bài thơ, một hoạt cảnh với một bản nhạc lãng mạn.

Thế kỷ 19 cũng gặp sự chuyển tiếp về thính giả và sự bảo trợ âm nhạc. Loại thính giả đồng nhất, thường có văn hóa cao và số lượng hạn hẹp như giới quý tộc, đã được thay thế bằng giới trung lưu đông đảo hơn nhưng không đồng nhất, không có trình độ cao về thưởng thức âm nhạc. Các bảo trợ về âm nhạc của các hầu tước, bá tước, các cung đình cũng bị nhường chỗ cho các hội hòa nhạc (concert societies) và các đại hội âm nhạc (musical festivals).

Nhạc sĩ sáng tác vào thế kỷ 19 đã đứng trước một sân khấu rộng lớn hơn, phải cố gắng làm sao cho nhạc phẩm của mình được nhiều người nghe và hiểu. Sự tương phản về tính phổ thông của thời đại này đối với thời đại trước đã được thể hiện qua các sáng tạo đồ sộ của Meyerbeer, Berlioz, Wagner, Strauss hay Mahler, hay qua các bản nhạc dương cầm ngắn của Schubert, Mendelssohn và Chopin.

Trường phái lãng mạn của thế kỷ 19 còn có một nét đặc thù, đó là sự khác biệt giữa các nhạc sĩ chuyên nghiệp và các nhạc sĩ tài tử. Các nhạc sĩ độc tấu với tài nghệ xuất sắc đã xuất hiện như Paganini về vĩ cầm và Liszt về dương cầm. Đã tăng thêm các tiêu chuẩn chuyên nghiệp khiến cho sang thế kỷ 20, vai trò của nhạc trưởng trở nên rất quan trọng và nhạc trưởng đôi khi còn được gọi là "nhà độc tài của dàn nhạc".

Các cải tiến kỹ thuật vào thế kỷ 19 đã làm phát minh ra các nhạc cụ mới, chẳng hạn như các kèn saxophone và tuba. Việc thêm các "van" (valves) vào loại kèn đồng (brass instruments) đã cho phép kèn tù và (horn) thổi được các giai điệu của Wagner và Tchaikovsky. Đàn dương cầm cũng nhờ các tiến bộ khoa học mà có một khung căng dây đàn (frame) đúc bằng gang, các dây đàn cứng cáp hơn và to dài hơn nên đã phát ra các âm thanh lộng lẫy hơn, sâu đậm hơn. Nhờ cây đàn dương cầm với các âm thanh từ nhẹ (soft) tới mạnh (forte), Liszt đã trình tấu các bản nhạc thuộc trường phái lãng mạn khác với các bản sônát của Mozart vào thế kỷ trước.

Trong thế kỷ trước, nhạc sĩ sáng tác cũng là nhạc sĩ trình diễn. Mozart và Beethoven đã trình bày các concerto của chính mình giống như Franz Liszt diễn tấu nhạc phẩm "Tưởng Khúc Hungari" (Hungarian Rhapsodie) hay Niccolo Paganini với các giai điệu vĩ

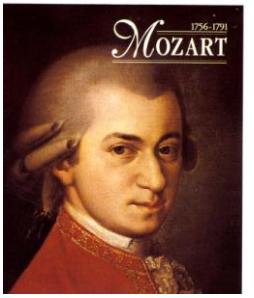

cầm mang âm sắc quái dị. Sau đó, các nhạc sĩ trình diễn tài ba dần dần diễn tấu các nhạc phẩm của nhiều nhạc sĩ sáng tác khác.

Trong thời kỳ lãng mạn của thế kỷ 19, đàn dương cầm đã đóng một vai trò quan trọng trong bộ môn âm nhạc. Tại châu Âu và châu Mỹ trong thế kỷ này, cây đàn dương cầm trở nên nhạc cụ chính trong gia đình, đã hấp dẫn các nhạc sĩ tài tử vì khả năng của đàn có thể diễn tả vừa giai điệu, vừa hòa âm, khác với các loại nhạc cụ dây và gió.

Các bậc thầy về các nhạc bản dương cầm của thế kỷ 19 gồm Schubert, Chopin và Liszt, Mendelssohn, Schumann và Brahms… những nhạc sĩ đại tài này đã khai thác các nguồn vô tận của đàn dương cầm và diễn tả một cách xúc tích vẻ lãng mạn và kịch tính bằng các nhạc phẩm trữ tình./.

Phạm Văn Tuấn

Tài liệu tham khảo: Wikipedia.org.; Britannica Encyclopedia, Inside Music by Karl Haas, Doubleday &Co., Inc., Garden City, N.Y. 1984, Music – An Appreciation by Roger Kamien, McGraw-Hill, Inc., N.Y. 1992.

My

**** tiểu thu ****

Sinh nhật anh Tiến thứ sáu, nhưng từ tuần trước, anh hẹn Chúa Nhật sẽ vào Régina Pacis đón Thư và cô bạn thân của Thư tên Ái Châu đi ăn. Hai đứa em họ Vy và Hưng cùng cô bạn gái sẽ đi thẳng đến chỗ hẹn. Lần này sẽ ăn ở tiệm Sing Sing trên đường Phan Đình Phùng. Anh Tiến thích không khí nơi đây. Tiệm sạch như lau như ly, vì hình như chủ là một người Pháp lai.

Thư và Ái Châu xuống phòng đợi ngoài cổng chờ anh Tiến. Lúc xuống đã gặp chị My đang nói chuyện với một người đàn bà trạc ngoài năm mươi. Chị My và 3 cô em gái từ Pleiku xuống Sài Gòn học và ở nội trú như Thư và Ái Châu, Hôm nay My mặc áo dài màu xanh dương đậm, bâu thấp. Mái tóc cắt ngắn giản dị ôm chiếc cổ cao trắng ngần. My không trang điểm bao giờ. Thư nghĩ nếu chị trang điểm, có thể son phấn sẽ làm chị xấu đi chăng? Màu son nào có thể đẹp hơn màu hồng tự nhiên của đôi môi chị? Nước da trắng ngần của chị đẹp hơn bất cứ loại phấn đắt tiền nào và cặp mắt hạt huyền không cần phải dùng chì vẽ thêm mới long lanh như ngọc! Bàn tay tháp bút trắng nuột nà, thỉnh thoảng đưa lên vuốt lại mái tóc mới đẹp làm sao! Thư còn đang ngồi đó ngắm nhìn chị My không chán mắt thì anh Tiến bước vào. Ái Châu và Thư ngồi quay lưng ra cửa nên không thấy ngay. My ngồi hướng mặt ra cửa. Đang nói chuyện, thấy có người vào nàng ngước mắt lên nhìn. Tiến bước vô chạm ngay ánh mắt của My. Chàng khựng lại. Mắt không thể rời khỏi khuôn mặt người con gái đang ngồi đó. Một cặp mắt đẹp nhất mà chàng có thể gặp trong đời.Tiến như bị thôi miên. Người con gái lộ vẻ ngạc nhiên, rồi cặp má từ từ ửng hồng. Thư quay lại nhìn, thấy ông anh thân mến đang đứng như trời trồng, mắt vẫn còn nhìn My. Nàng hiểu ngay, nên vội vã đứng lên gọi:

- Anh Tiến! Em đây này!

Lúc đó Tiến như bừng tỉnh:

- A, Thư, Ái Châu. Hai cô sẵn sàng rồi à?

Thư cười tinh quái:

- Tụi em sẵn sàng lâu rồi. Bây giờ mình đi được chưa anh? Hình như anh..

Vừa nói Thư vừa nhìn về phía My, lúc này đang nói chuyện với người đàn bà đứng tuổi, nháy mắt. Tiến biết con em tinh ranh muốn nói gì, chàng cốc lên đầu Thư một cái:

- Con bé này lôi thôi quá. Nào mình đi.

Ái Châu đang đọc báo nên không hay biết gì cả. Thấy Tiến mắng Thư lôi thôi quá thì ngạc nhiên nhưng không dám hỏi. Thư nhìn My rồi nói to:

- Chị My, tụi em đi nhé.

My ngước lên, nhoẽn miệng cười, nhưng tránh nhìn anh chàng cao lớn đẹp trai đứng bên cạnh Thư:

- Hai em đi chơi vui vẻ.

Ba người đón Taxi đến tiệm Sing Sing. Trên đường đi, Tiến làm như vô tình hỏi:- Cô My lúc nẫy cũng ở nội trú với tụi em đấy à?

- Dạ, chị My với hai cô em nữa. À, gia đình chị My ở Pleiku. Xem như là hàng xóm của mình anh nhỉ. Anh thấy chị ấy đẹp không? Vừa hỏi Thư vừa nhìn anh, xem có phản ứng gì chăng. Nhưng lúc này đầu óc Tiến đang ở nơi khác. Khuôn mặt kiều diễm của cô gái tên My đang xâm chiếm trọn tâm tư chàng. Ôi, sao trên đời lại có một người con gái xinh đẹp nhường ấy? Chỉ cặp mắt thôi cũng khiến cho người ta chết đuối! Chàng từng đi nhiều nơi, đã gặp nhiều người đẹp. Nhưng lần này, vừa chạm phải cặp mắt lóng lánh như sao trời kia, con tim chàng đã bị thương. Nó bị mũi tên của thần ái tình bắn trúng rồi! Tiến biết, không phải mơ hồ như một vài lần gặp gỡ trước đây. Lần này, chàng đã gặp người con gái mà trong thâm tâm vẫn mong đợi. Con tim không biết nói dối. Tiến biết chắc chắn như vậy. Cho đến giờ phút này, chàng vẫn còn thấy nó đập những nhịp bất thường, rộn ràng, đắm đuối trong lồng ngực! Những Hồng, những Cúc, những Đào... thoáng chốc đã biến khỏi trí nhớ của chàng như chưa bao giờ hiện hữu. My, My, My... Ôi, cái tên cũng nhẹ nhàng, ngọt ngào, dễ yêu như người mang tên nó!

Thấy anh không trả lời, Thư nói thầm vào tai Ái Châu:

- Lúc nãy anh Tiến gặp chị My. Bây giờ anh ấy thành người mất hồn rồi. Hỏi không thèm trả lời!

Ái Châu nheo mắt cười:- Anh ấy bị “coup de foudre”!

Nói xong hai cô cười khúc khích. Thật lòng mà nói, Thư thấy anh Tiến của mình và chị My thật xứng đôi. Đối với nàng, nếu hai người yêu nhau thì trên đời này không còn điều gì đẹp hơn, đáng ao ước hơn. Từ nay, mỗi ngày Thư sẽ vào nhà nguyện để xin Chúa... tác thành cho hai người. Để chị My sẽ trở thành chị dâu của cô.

Xe Taxis đậu trước cửa nhà hàng Sing Sing. Lúc ba người đi vào đã thấy Vy và cặp Hưng- Ái Lan.

Hưng giới thiệu Ái Châu với Ái Lan. Cô bé cười:

- Chị Ái Châu ơi. Chị em mình cùng lót chữ Ái mà chị thì đẹp, còn em thì xấu xí!

Ái Châu chưa kịp trả lời thì Hưng đã cướp lời:

- Đối với anh, em đẹp nhất là được rồi. Đẹp hơn nữa nhiều người bu quanh mệt cho anh lắm! Em có biết chuyện một anh chàng kia gặp ai cũng nói xấu người yêu của anh ta hay không?

Ái Lan tròn mắt:- Ủa sao kỳ vậy?

Hưng cười hì hì:- Tinh ma lắm đấy. Thì để cho anh nào cũng lánh xa cô ấy. Anh ta đâu còn lo mất người yêu!

Mọi người cười và cho là Hưng có lý. Bữa ăn thật vui. Các cô cậu trẻ tha hồ đấu láo, trêu chọc nhau. Riêng Tiến, thỉnh thoảng như đang ở một cõi xa xăm nào đó, Thư phải nhắc khéo mới trở về hiện tại. Thư biết anh đang nghĩ đến chị My. Nàng mỉm cười, thông cảm.

Cuối bữa ăn, Vy đứng lên đi vào trong, một lúc trở ra với ổ bánh ngọt, trên có thắp những cây nến nhỏ đủ màu xinh xinh. Vy đặt ổ bánh trước mặt Tiến và nói:- Chúc mừng Sinh Nhật anh Tiến!

Tiến ngạc nhiên và trước những lời thúc dục "anh Tiến thổi nến đi", chàng gãi đầu:- Cám ơn Vy. Anh cảm động quá. Nhưng mà tuổi này còn thổi nến sinh

nhật thật sao? Anh tưởng chỉ có trẻ con mới thổi nến chứ!

- Nhưng mà sinh nhật của anh. Không lẽ em thổi dùm anh? Vy trả lời. Ý mà quên. Trước khi thổi anh phải nguyện một điều ước. Chỉ khấn thầm thôi nhé.

Nghe nói nguyện một điều ước, Tiến vội chắp tay, nhắm mắt... Thư nhìn anh, lòng thấy rưng rưng. Chắc chỉ có nàng là biết anh Tiến đang ước nguyện điều gì. Nàng cũng đang ước thầm với anh. Nếu điều đó trở thành hiện thực, thì chẳng những anh em nàng vui mà cả mẹ cũng sẽ rất bằng lòng. Với một cô gái như chị My thì ai mà không yêu chứ?

Tiến nguyện xong có vẻ hài lòng lắm. Không đợi ai giục, chàng phồng má thổi một hơi tắt hết mấy ngọn nến. Mọi người vỗ tay. Vy vào trong mượn dao và dĩa nhỏ ăn bánh. Lúc đó Hưng mới ra hiệu cho bồi bàn. Người này hiểu ý mang ra một chai vin mousseux. Hưng nói:

- Đáng lẽ em đem Champagne chúc mừng sinh nhật anh Tiến. Nhưng các cô ở đây đều không uống được rượu, nên em chỉ đem thứ rượu ngọt này. Mong anh Tiến thông cảm.

Tiến bất ngờ, cảm động ra mặt:

- Không cần có Chapagne mới quý. Hôm nay là ngày sinh nhật long trọng nhất của đời tôi từ trước tới giờ đấy. Xin cám ơn tất cả mọi người.

Thư lên tiếng:- Phần tụi em là học sinh...nghèo, nên chỉ hùn tiền mua cái bánh và chút quà nho nhỏ cho anh thôi.

Thư nói rồi, Hưng lấy một gói giấy thật đẹp có thắt nơ đàng hoàng đưa cho Tiến. Chàng mở ra thấy cái áo Montagut màu huyết dụ thì la lên:

- Trời ơi, sao các em mua quà đắt tiền quá vậy? Làm anh ngại quá!

Hưng cười:

- Tụi em 5đứa mà chỉ mua quà như thế này thôi, đâu có gì nhiều. Ái Lan với em đi chọn mãi mới được đó. Ái Lan đòi mua cà vạt. Em nói các anh lính đi tác chiến quanh năm, đâu cần cà vạt hả anh?

- Ừ. Tụi anh ít có dịp dùng tới thứ này. Ngày nào cũng mặc bộ đồ bay.

Ái Lan ngây thơ hỏi:

-Em không hiểu sao dù đi chơi, các ông pilote cũng mặc bộ đồ bay?

- Như thế người ta mới biết các ông lái phi cơ chứ. Hưng trả lời thay Tiến.

Vy tinh nghịch hỏi:

- Thế vợ các ông này phải mặc đồ gì để người ta biết các bà lái...phi công?

Mọi người ôm bụng cười. Tiến cốc đầu Vy:

- Con bé này chỉ được cái nghịch ngợm. Anh có thằng bạn thân đang mồ côi vợ. Anh sẽ giới thiệu nó cho em. Biết đâu tương lai cô sẽ thành bà lái phi công đấy?

Vy dẩu mỏ:- Mà hắn có đẹp trai bằng anh không? Em coi xấu xấu vậychứ kén lắm nhé.

- Yên chí lớn. Bắt buộc phải đẹp trai. Không thì sao thành pilote! Tiến nháy mắt với Vy. Cô bé cũng nháy lại, đồng lõa.

Chiếc bánh sinh nhật mua ở Givral ngon tuyệt. Các cô chỉ nhấp chút rượu ngọt mà người nào má cũng ửng hồng. Tiến thấy vui hết sức. Cuộc sống kề cận với tử thần ở mỗi chuyện bay khiến đầu óc

chàng căng thẳng thường xuyên. Hôm nay trong bầu không khí ấm cúng, thân mật, chàng cảm thấy thoải mái. Nhưng hạnh phúc sẽ nhân gấp trăm nếu có sự hiện diện của "người ấy" hôm nay. Gương mặt xinh đẹp của My lại hằn lên trong tâm tư Tiến. Thế nào chàng cũng phải làm quen với người con gái này. Chàng có linh tính, nếu không có nàng, đời chàng sẽ không còn ý nghĩa gì nữa. Khuôn mặt ấy, đôi mắt ấy đã khắc sâu vào tim óc, dù bốn mắt chỉ nhìn nhau trong giây lát. Nhưng hình như đã gặp từ kiếp trước. Có chăng, kiếp trước?

Xong buổi sinh nhật, mọi người đồng ý đi bát phố cho đến bốn giờ thì tan hàng, vì Tiến phải về căn cứ Biên Hòa.

Anh có mua cho Thư môt túi kẹo chocolat. Sau khi chia cho Ái Châu một mớ kẹo và nhận mấy quả cam của bạn đưa, Thư cầm nguyên bọc đến phòng chị My. My đang ngồi nơi bàn học làm bài. My theo lớp nữ công gia chánh do các Sơ dạy ngay trong trường Régina. Thấy Thư, My cười:

- Thư đi chơi về đó hở. Vui không em?

Thư đưa My bọc kẹo, cười tươi rói:

- Vui lắm chị. Hôm nay là sinh nhật anh Tiến em. Anh ấy đãi tụi em đằng tiệm Sing Sing. Em đem kẹo chocolat đến để chị và Hoàng Mai, Hoàng Lan ăn chơi.

Giọng chị Mai bỗng hơi ngập ngừng:- Anh Tiến là người lúc trưa đó hở?

- Dạ đúng. Anh em từ Biên Hòa xuống đón Ái Châu và em. Trước khi từ giả, anh Tiến em gửi lời...thăm chị. Thư bịa ngon lành. My hơi đỏ mặt:

- Anh ấy có biết chị là ai đâu mà thăm với hỏi!

- Dễ òm! Anh em thấy chị ngồi dưới phòng khách. Sau đó hỏi em về chị và em khai hết trơn rồi. Thư cười.

My la lên:- Chết! Chết! Thư nói xấu gì chị?

Thư ngước mắt nhìn lên trần nhà, ra dáng suy nghĩ:

- Để em nhớ xem nào. À, em nói chị là một người thiếu nữ dễ thương và xinh đẹp nhất trên đời!

Nói xong Thư cười khanh khách. My xấu hổ véo Thư một cái nên thân khiến cô nàng la oai oái. Sau đó, Thư nhìn My đăm đăm và nói với giọng thật nghiêm túc:

- Chị My, Anh Tiến em thấy chị rồi là...mất hồn luôn!

- Bộ chị ghê đến mức đó hả? My hỏi lại, làm ra vẻ thảng thốt.

Thư vội vàng cải chính:

- Không! Không! Ý em muốn nói là chị khiến ông anh em mất hết hồn vía rồi. Nói thật, lần đầu tiên em thấy anh em như vậy đó. Chị thấy anh Tiến em thế nào hở chị? Anh em có dễ thương không?

My nguýt con bé một cái:

- Làm sao chị biết được! Chị có quen anh ấy đâu!

- Thế mà anh em thấy chị dễ thương nhất trên đời đó. Cô nàng tán dùm ông anh. Thế chị cho phép anh em làm quen với chị nhé. Chị bằng lòng nhé.

My ngượng ngùng:

- Để chị suy nghĩ lại đã. Mà Thư này. Chị thấy kỳ chết. Ai lại...

- Sao mà kỳ? Anh em và chị quen nhau là chuyện tự nhiên. Ai dám nói gì đã có em. Chị đừng sợ. Thư làm ra vẻ hùng hổ như sắp đánh nhau với một kẻ vô

hình nào đó khiến My không khỏi phì cười:
- Khiếp! Làm cứ như là anh chị bự!
Cả hai cùng cười. Thư nói:
- Vậy chị bằng lòng rồi nhé. Để em báo cho anh Tiến em hay. Chắc anh ấy mừng hết lớn!
Nhìn theo bóng Thư, My đâm ra tư lự. Nàng nhớ đến người thanh niên lúc trưa. Cái dáng cao dong dỏng, khuôn mặt vuông đầy nét cương nghị và đôi mắt! Đôi mắt sáng như sao đã phát ra những tia đắm đuối khiến trái tim nàng đập trật nhịp. Chưa ai từng nhìn nàng như thế. Không biết cả hai đã nhìn nhau bao lâu. Nhưng đối với nàng, hình như lâu lắm. Thời gian đã ngừng lại khi ánh mắt hai người chạm nhau. Ngay cả sau khi chàng đi rồi, My cũng khó tập trung để nói chuyện với người bạn của mẹ nàng từ Pleiku xuống gặp. Bà nhờ bạn đem tiền xuống cho các con. Bà khách ngồi quay lưng lại nên không biết gì cả. Tiễn khách đi rồi, My trở lên phòng với tâm trạng bồi hồi. Chàng là ai? Từ đâu đến? Tại sao lại nhìn nàng với ánh mắt đăm đắm như thế? Bây giờ thì biết chàng là anh của Thư. Chàng muốn làm quen. Bây giờ tính sao cho ổn đây? Ôi! Thật là khó xử! My than thầm. Tuy nhiên, trong lòng cũng cảm thấy có chút gì đó đang len lén bước vào...

Thư trở về phòng, tự cảm thấy phục mình quá sức! Trong khi nói chuyện với My, Thư thấy hình như chị không phải là không có cảm tình với anh Tiến. Nếu không thích làm quen, My đã từ chối thẳng thừng. Đàng này chị ấy nói hàng hai, không có vẻ từ chối...Thư hớn hở lấy giấy ra viết cho anh Tiến một lá thư. Nàng cắn bút suy nghĩ cách nào cho hai người gặp nhau đây? Cuối cùngThư quyết định: độ mười hai giờ trưa thứ bảy tới sẽ rủ ba chị em My ra tiệm Sing Sing ăn bánh bèo bì. Món này ở Sing Sing ngon nổi tiếng. Anh Tiến đến sau đó một tí rồi hãy vào. Làm như vô tình. Thế mới tự nhiên. Hôm sau gửi thư đi rồi mà lòng cứ hồi hộp. Không biết anh mình có nhận kịp không đây? Nếu anh về không được thì cứ xem như Thư mời chị em My đi ăn một bữa. Gây cảm tình trước càng hay. Có mất mát gì đâu chứ? Thư đem chuyện kể cho Ái Châu nghe. Cô nàng chép miệng lắc đầu:
- Phục mi luôn. Miệng còn hôi sữa đã thành bà mai dong!
Thư trợn mắt, đưa nắm tay lên dọa:
- Vậy "người ta" nhờ ai mà có đôi có cặp. Bây giờ giở giọng mĩa mai?
Ái Châu cười khúc khích:- Ý quên. Xin lỗi "con chim xanh" của tui!

*

Bữa cơm chiều nay nhà bếp dọn món mắm kho ăn với rau. Thư cười:
- Thú thật, lần đầu tiên trong đời Thư ăn mắm kho với đĩa và muỗng nĩa như thế này. Bình thường ăn trong chén và gắp bằng đũa.
- Đừng quên rằng chúng mình ở trong trường Régina Pacis là trường Tây nghe bạn. Cho nên dù ăn mắm kho cũng phải ăn theo kiểu tây! Ái Châu pha trò.
Chị Bích, ngồi cùng bàn với Thư, lấy giò chả ra ăn. Chị mời, nhưng mọi người từ chối. Thư nhớ chị đã dặn nên mua ít giò

chả, ruốc dự trữ sẵn. Hôm nào nhà bếp cho ăn không đúng gu thì có cái dặm vào cho khỏi đói. Thình lình cửa phòng ăn vụt mở. Hoàng Mai ôm cặp chạy vào, mặt mày tái xanh, thở hào hển. Tất cả ngừng ăn, nhìn sửng sốt. Chị My lật đật đứng lên, chạy tới bên em, hỏi dồn dập:

- Chuyện gì mà Mai sợ dữ vậy?

Lúc đó Hoàng Mai hơi hoàn hồn, nhưng vẫn còn run lập cập:

- Em đi về gần tới cổng trường. Tự nhiên có tiếng gọi "cô ơi đi xe xích lô không?". Em nhìn lên thì kinh khủng quá. Thằng cha xích lô đang rà rà bên cạnh em, vạch quần xà lỏn để nguyên "cái đó" ra. Thấy em nhìn, thằng chả cười hô hố rất khủng khiếp. Em hết hồn cắm đầu chạy!

Nghe Hoàng Mai kể, các cô trong phòng ăn ai cũng tức giận lẫn sợ hãi. Chị Bích nguyền rủa thằng dê chúa. Thêm một cớ nữa để chị xa lánh đàn ông! Đối với chị, gã đàn ông nào cũng có máu dê chúa chảy rần rần trong huyết quản! Kể cũng khổ, con đường Tú Xương khá vắng vẻ. Cổng trường Régina Pacis phía bên đường Hiền Vương, nên học trò đi cổng này hoặc cổng Bà Huyện Thanh Quan. Bên Tú Xương rất ít người đi. Trừ ngày Chúa Nhật có Thánh lễ ở nhà nguyện. Vì thế, chiều tối đàn bà con gái đi bộ một mình trên đường này rất dễ gặp cảnh ngộ vừa xảy ra. My an ủi em, nhưng Hoàng Mai ngồi thẩn thờ không nuốt nổi cơm. Cô bé thấy mình bị xúc phạm nặng nề. Ánh mắt dâm đãng và tiếng cười thô bỉ của gã đàn ông ám ảnh cô không thôi.

Và từ đó Hoàng Mai bỏ lớp luyện thi buổi chiều để khỏi về muộn. Các cô trong nội trú cũng đề cao cảnh giác hơn. Đi đâu Ái Châu và Thư đều đi chung cho đỡ sợ.

Buổi tối lên lầu, Thư đến phòng chị My mời ba chị em trưa thứ bảy đi ăn bánh bèo bì đằng tiệm Sing Sing. Thư diễn tả nó ngon đến độ chị My không thể từ chối được và hai cô Hoàng mai, Hoàng Lan cũng háo hức muốn ăn thử. Thư khấp khởi mừng thầm. Nếu lần này anh Tiến xuống được thì kể như nắm chắc phần thắng. May quá, trưa thứ sáu đi học về, Thư nhận được bức thư tay của anh Tiến nhờ bạn có việc xuống Sài Gòn đưa dùm. Anh sẽ cố gắng đúng hẹn.

*

Thứ bảy, ăn sáng xong Thư sang bàn chị em My nhắc cái hẹn trưa nay. My đùa:

- Chưa thấy ai mời người ta đi ăn mà nhiệt tình như vậy! Chị nhớ rồi. Ăn cỗ đi trước. Chị không trễ hẹn đâu. Hoàng Mai với Hoàng Lan cũng muốn ăn thử lắm đó. Chỉ nghe cái miệng cô tả thôi là cũng đủ thèm!

Thư cười duyên với My rồi nói:

- Em chỉ nhiệt tình với chị My thôi. Em quý chị nhất mà. Tí nữa gặp lại chị nhé.Thư rủ Ái Châu ra nhà nguyện. Châu nói:

- Lúc này ta thấy mi đi xin xỏ Chúa hơi nhiều đó nha.

- Chúa ở ngay sát bên thì đợi gì mà không cầu? Có xin thì Chúa mới biết đường mà giúp cho chứ!

Hai cô vừa đi vừa đấu hót, bỗng thấy một người con gái dong dõng cao, nước da ngâm ngâm, mặc cái robe serrée

ngắn bằng soa màu vàng có vẻ đắt tiền, để lộ cặp giò thuôn dài tuyệt đẹp. Cô ta đang đi dọc theo hành lang để ra cổng, mái tóc đen dài bay theo từng bước nhún nhẩy. Ái Châu thì thầm:

- Con Bích Nga bên Miên qua đây đi học đó Thư. Ba nó người Việt qua làm công chức bên ấy. Ông kết hôn với má nó nghe đâu là con nhà quý phái. Nó ở cạnh phòng của Châu, mà suốt ngày có thấy nó học hành gì đâu. Nghe mấy người nói nó cặp với một anh Dược sĩ hơi có tuổi nhưng giàu lắm. Nó hy vọng anh này cưới nó đó. Nó nói trên Miên sống không sướng bằng dưới này.Thư gật đầu nói vậy hả. Nàng chưa từng nói chuyện qua với con bé này. Trong nội trú có khoảng bốn mươi cô. Mỗi người là một thế giới riêng tư. Mỗi người một hoàn cảnh. Không ai giống ai. Có người rất hiền lành dễ thương. Nhưng cũng có người, vừa nói chuyện qua vài câu là biết ngay mình phải kính nhi viễn chi. Gần gũi ắt có phiền phức. Thư vẫn nhớ lời mẹ dặn đừng bao giờ xen vào chuyện người khác. Thế mà hôm nay nàng xen vào chuyện của chị My. Thư đã "âm mưu" rủ chị My đi ăn để gặp anh Tiến của nàng. Thư thành tâm muốn tác hợp hai người, cho nên là một âm mưu tốt. Đáng ca ngợi lắm chứ! Đâu giống như con nhỏ Bích Nga đang lợi dụng tình cảm của anh nhà giàu kia, mục đích moi tiền anh ta?

Hai cô tới trước cửa nhà nguyện đứng lại. Nhìn sang phòng khách gần cổng thì thấy một người đàn ông hơi thấp hơn Bích Nga một tí, tuổi trạc gần bốn mươi, người đẫy đà, đang tươi cười cặp tay con nhỏ đi ra cổng. Ngoài kia chắc có một chiếc xe hơi đắt tiền đang đợi. Ái Châu nhìn Thư, nhướng mày như muốn nói " Đó. Ta đâu có nói ngoa!"

Mới mười một giờ rưỡi mà mọi người đã sẵn sàng. Hoàng Mai và Hoàng Lan mặc đầm thật trẻ trung. Chị My mặc chiếc áo dài màu xanh da trời, có in từng chùm mimosa vàng tươi óng ả. Thư khen áo chị thật hợp với ngày nắng đẹp như hôm nay. Như thường lệ, chị không trang điểm mà vẫn đẹp như một đóa hoa tươi còn ngậm sương mai. Thư mặc áo dài tơ vàng. Trời mùa thu, mặc áo tơ vàng hoa cúc. Vạt áo bay bay trong gió thu phơ phất. Còn gì thơ hơn nhỉ? Riêng Ái Châu mặc quần tây ống xì gà màu nâu nhạt, áo thun màu hồng trông thật xinh xắn. Năm người đồng ý đi bộ đến nhà hàng. Trời Sàigòn tháng này đã dịu mát. Tuy không có bốn mùa rõ rệt như trên Cao nguyên Trung Phần, hoặc nơi đất Bắc xa xôi. Mùa thu Sài gòn vẫn có gió hiu hiu lạnh buổi sáng. Để các tiểu thư có dịp diện những chiếc áo len khi tung tăng đến trường. Vẫn có lá me bay vướng tóc người bộ hành và buổi trưa không còn nóng rát như mùa hạ. Tháng này cũng không còn những cơn mưa rào bất chợt, khiến các cô gái phải thẹn thùng vì tránh mưa không kịp, áo quần ướt từng mảng dán sát vào da. Năm người vào tiệm chọn một bàn ăn trong góc. Tha hồ nói chuyện, không phiền hà ai. Thư nói:

- Tuy Thư mời đến đây ăn bánh bèo bì, nhưng ai thích ăn gì cứ tự do kêu nhé. Hoàng Lan hỏi:

- Trước tiên em thử bánh bèo cho biết. Sau đó em ăn thêm món khác có được không chị Thư?

- Tự nhiên kêu. Rồi cười ý nhị. Hôm nay có người bao mà.

Mọi người đồng ý gọi bánh bèo bì trước rồi tính sau. Người hầu bàn đi rồi, các cô quay lại nói chuyện với nhau. Thư kín đáo nhìn ra ngoài cửa. Một bóng người mặc đồ bay, đội mũ ca lô đang bước vào. Thư làm bộ đứng lên rót trà, rồi kêu lên:- Ủa, anh Tiến. Anh đi đâu mà ghé đây?

Tiến đã nhìn thấy Thư. Chàng bước lại gần bàn:

- Ồ. Thư đi ăn với bạn hả? Anh đi công chuyện gần đây. Đói bụng, định ghé ăn chút gì rồi về lại Biên Hòa.

Thư chỉ My:

- Đây là chị My. Hôm trước anh đã gặp ở phòng khách đó. Đây là hai người em chị My. Hoàng Mai và Hoàng Lan. Dạ, còn đây là anh Tiến của Thư.

Tiến nghiêng mình, rất điệu nghệ:

- Hân hạnh quen cô My và Hoàng Mai, Hoàng Lan.

Trước cặp mắt của chàng trai đang nhìn sâu vào mắt nàng, My thẹn thùng, má đỏ ửng:- My cũng hân hạnh biết anh Tiến.

Thư lăng xăng kéo ghế:

- Anh Tiến ngồi xuống đây ăn luôn với tụi em. Mới gọi thôi. Anh ăn gì? Bánh bèo bì nhé?

Tiến cười nhẹ:- Các cô ăn gì anh ăn cái đó.

Thư gọi người hầu bàn kêu thêm một dĩa bánh bèo bì. Trước cặp mắt thăm dò đầy nghi vấn của My, Thư ra vẻ ngây thơ, lắc đầu ra dáng vô tội. Tiến trổ tài tán:

- Cô My tôi đã có dịp gặp qua. Nhưng không ngờ Hoàng Mai và Hoàng Lan cũng xinh đẹp tuyệt vời. Tôi nói thật không khách sáo đâu.

Thư phục ông anh luôn. "Cũng xinh đẹp tuyệt vời.", có nghĩa là gián tiếp khen chị My xinh đẹp tuyệt vời. Hoàng Lan láu táu:

- Anh Tiến nói vậy chứ ở nhà em, chị My đẹp nhất.

Trước cặp mắt biểu đồng tình của anh chàng phi công hào hoa, My thẹn thùng la em:

- Hoàng Lan lộn xộn lắm nhé. Anh Tiến đừng tin nó.

Tiến cười nửa miệng:

- Trái lại. Tôi cũng có nhận xét giống Hoàng Lan. Nhưng các em đừng lo. Vài năm nữa hai cô sẽ xinh đẹp như chị My. Tiến chỉ Thư, như Minh Thư nè, hồi bé xấu xí lắm. Đầu trọc nhẵn nhụi, bụng ỏng...thế mà lớn lên lại trở nên xinh đẹp...giống anh y chang, thấy chưa?

Thư la oai oái:

- Anh Tiến chết với em nghe. Ái Châu, mi còn nhớ hồi tụi mình mới vô Đệ thất, Đệ lục anh Tiến ra sao?

Ái Châu cũng nhập bọn, trêu Tiến:

- Lúc đó anh Tiến ốm nhách, cao nhòng. Mặt thì đầy mụn...

- Thôi! Thôi! Tôi chịu thua hai cô. Tiến đưa hai tay lên trời. Thật ra thì hồi bé, Minh Thư rất bụ bẩm dễ thương. Ái Châu thì xinh giống như công chúa Bạch Tuyết. Chịu chưa?

Ba chị em My không nín được cười trước lối pha trò vui nhộn của Tiến. Các cô không còn thấy xa lạ nữa, mà nói chuyện thật tự nhiên.

- Hôm nay tôi xin phép mời cô My và các em. Xin cứ tự nhiên nhé. Anh nghĩ Hoàng Lan chưa no đâu. Tuổi mới lớn

cần ăn nhiều mới đầy đủ chất bổ. Cứ kêu thêm món gì em thích.
Nhưng con bé bảo để bụng ăn tráng miệng. Chỉ một mình Tiến gọi café. Các cô kêu sinh tố và chè. Trong khi ăn tráng miệng, Tiến lấy trong túi ra một máy ảnh Polaroid:
- Anh có mang máy ảnh theo đây. Có lẽ chúng ta nên chụp vài tấm hình kỷ niệm lần hội ngộ hôm nay nhé.
Trong khi My có vẻ ngại ngùng thì con bé Hoàng Lan nhanh nhẩu đứng lên:
- Ô, Anh Tiến. Em thích chụp hình lắm. Đưa máy đây em chụp cho các anh chị trước nha.
My, Thư, Ái Châu, Hoàng Mai ngồi một hàng, Tiến đứng sau lưng. Nhưng con bé Hoàng Lan, sau khi đưa máy lên ngắm, lại la lên:- Không được. Anh Tiến cao quá. Nếu chụp thì chỉ thấy cái đầu của các chị thôi. Anh Tiến ngồi xuống, chị Thư và chị Châu đứng lên mới được.
Thư bấm Ái Châu, con nhỏ hiểu ý đứng lên nhường chỗ cho Tiến ngồi cạnh chị My. Hai cô đứng sau lưng.
Khi Hoàng Lan bấm máy xong, anh Tiến nói vội:
- Chụp thêm một tấm nữa cho chắc ăn. Coi chừng tấm ảnh đầu không đẹp.
Hoàng Lan lấy tấm ảnh vừa chụp ra để trên bàn, giơ máy ngắm lần nữa. Nhanh không ngờ, Tiến đưa tay ra phía sau ôm hờ bờ vai thon của My. Khi tay chàng chạm vào, My giật thót người như bị điện giật. Nhưng vẫn phải làm tỉnh, ngồi im. Lúc Hoàng Lan nói xong rồi, Tiến rút tay lại và khi thấy My ngước nhìn mình với cặp mắt đầy trách móc, chàng cười nhẹ ghé vào tai nàng thì thầm:- Cám ơn My! Cám ơn em!
Mấy cô bé mắc lo tranh nhau xem hình, đâu có để ý tới hai người. My không biết phản ứng ra sao trước sự tấn công chớp nhoáng của Tiến. Nàng nhủ thầm:
- Người ta nói không sai. Các ông không quân là ghê gớm lắm. Nhất là các ông phi công. Phải đề cao cảnh giác mới được.
Nói thì nói vậy My vẫn bị cái vẻ hào hoa, cách nói chuyện vui nhộn, khôi hài của Tiến lôi cuốn mạnh mẽ. Chàng không có vẻ đẹp trai ẻo lả, mà rất đàn ông. Khôi hài, vui nhộn nhưng không chớt nhả. Tóm lại, đây là mẫu người đàn ông khiến trái tim các cô gái rụng như...sung! Qua cái nhìn, cách nói chuyện, My thừa biết Tiến bị nàng lôi cuốn. Nhưng yêu thì biết sao được? Đây mới là lần thứ nhì hai người gặp nhau. My cũng có một người đang đeo đuổi. Người này do bạn của mẹ nàng làm mối. Anh ta đi du học bên Mỹ bốn, năm năm gì đó. Hè vừa qua đã trở về Sài Gòn với mảnh bằng Tiến sĩ Canh nông. Nghe đâu sắp được bổ xuống dạy ở Đại Học Cần Thơ về môn Canh nông. Anh chàng này suốt đời chỉ biết học và học. Khi mẹ muốn anh ta đi xem mắt My, anh ta cũng vâng lời. Cái dáng cù lần, cung cách nói chuyện nhạt nhẽo khiến My chán ngay từ lần đầu gặp mặt. Nhưng nể mẹ đã từ Pleiku xuống tận Sài Gòn, My bằng lòng gặp mặt lần nữa. Lần này càng chán hơn, vì anh ta chỉ nói về mình suốt buổi tối. Lại còn giở cái giọng chồng chúa vợ tôi nữa chứ. Anh chàng muốn một người vợ có mặt hăm bốn trên hăm bốn để săn sóc cho

anh ta. Từ áo quần đến cơm nước. Chẳng những vậy còn phải biết vâng lời, chìu chồng trong mọi tình huống. My nói với mẹ " Anh chàng này cần một con sen hơn là một người vợ mẹ ạ!"
Xem ra thì anh chàng cũng chịu My lắm. Sau khi ăn tối xong, đưa My về Régina Pacis. Trước khi nàng bước qua cổng, anh chàng đã đột ngột cầm tay My và nói:
- Anh hy vọng chúng mình sẽ tiến tới hôn nhân một ngày gần đây. Lấy anh, em không phải lo thiếu thốn bất cứ thứ gì trong tương lai. Với bằng cấp của anh, anh sẽ kiếm được nhiều tiền. Em sẽ là bà Khoa trưởng Đại học Khoa Học Cần Thơ đấy. Thấy My yên lặng không nói gì, anh chàng còn định hôn lên má nàng để từ giả. Chắc thói quen những năm tháng ở Mỹ. Lúc mặt anh ta gần sát mặt mình, My hoảng hốt giựt tay lại và thối lui, miệng lấp bấp:
- My...My đi vào đây. Chào anh!
Trước bộ mặt sửng sờ của anh Tiến Sĩ, My bỏ đi vào một nước, không dám quay đầu lại. Lên lầu rồi mà nàng vẫn còn bàng hoàng. Hai cô em thấy chị về vội vàng chạy qua phòng hỏi xem chị đi chơi có vui không? My thở dài ngao ngán:
- Chán muốn chết luôn! Chị muốn điên đầu vì cái tôi của anh ta. Chẳng những vậy mà về tới đây, anh ta còn định hôn chị nữa đó!
- Trời! Hoàng Mai kêu lên. Sao anh ta táo bạo quá vậy?
Con bé Hoàng Lan làm một màn Mao Tôn Cương:
- Chắc anh ấy quen như bên Mỹ. Ở bốn năm thế nào anh ấy chả có bồ Mỹ? Mà anh chàng này keo kiệt thiệt nha. Mời chị My đi ăn một mình, không cho tụi mình đi theo!
Hoàng Mai cười:- Đi theo để làm kỳ đà cản mũi hả? Hai người mới dễ thố lộ tâm tình. Anh ấy nói gì với chị?
- Hấp dẫn lắm cơ. My cười to, nhái giọng chàng Tiến sĩ "Em sẽ trở thành bà Khoa Trưởng Đại học Cần Thơ nếu lấy anh".
- Thế chị muốn lên chức Bà Khoa Trưởng không? Hoàng Mai tò mò!
- Xì! Nhớ tới bàn tay mềm nhũn của anh ta mà chị còn rợn da gà đây này. Ở đó là lấy ổng!
...Thế mà hôm nay, không hiểu sao My thấy anh chàng phi công này có sức thu hút lạ lùng. Nàng không thấy một chút gì nhàm chán hay e dè trong suốt bữa ăn hôm nay. Nàng cũng không nhịn được cười trước những câu khôi hài quá dí dỏm của chàng. Cái chạm vai lúc nãy cũng không làm My ghê ghê như với anh chàng Tiến sĩ Mỹ hôm trước. Mà trái lại. Mùi After Shave phảng phất từ người chàng cũng khiến nàng hơi ngây ngất.
Đến lúc phải chia tay, vì Tiến hẹn với bạn đúng hai giờ để quá giang xe về Biên Hòa, mọi người đều tiếc nuối. Thư kéo mấy người trẻ đi ra trước. Cố ý để My và Tiến đi sau. Tiến thầm cám ơn con em tinh ranh. Chàng đưa tay đỡ nhẹ tấm eo lưng thon của My dìu đi, đầu hơi cúi xuống thì thầm:
- Cám ơn em đã cho anh một bữa ăn thật vui vẻ, ngọt ngào. Đời lính chiến, hiếm có những giây phút quý báu như thế này. Anh xin luôn luôn trân trọng và biết ơn em. Về đơn vị, chắc anh nhớ My

nhiều lắm. Tha lỗi cho sự đường đột của anh nhé. Nhưng anh không có nhiều cơ hội để gặp em thường. Em biết không?

My mắc cỡ, mặt ửng hồng. Không biết trả lời sao, chỉ gật đầu. Mấy đứa nhỏ đã ra tới vĩa hè, vẫn đấu láo râm ran. Tiến nhẹ giữ cô gái lại, phía sau một cây kiểng rậm rạp chưng trước cửa:- My!

Nàng ngước lên chờ đợi. Tiến nói nhẹ như hơi thở:

- Anh yêu em. Còn em?

My thấy con tim như sắp nhảy ra khỏi lồng ngực. Bao nhiêu máu cơ hồ dồn hết lên mặt. Cô ấp úng:- Em... không biết!

Nhưng trong cặp mắt đen huyền, trong như ngọc của My, Tiến đã thấy câu trả lời. Lòng chàng ngập tràn hạnh phúc. Nếu ở một nơi chỉ có hai người, chắc chắn chàng sẽ ôm chặt tấm thân mềm mại này. Sẽ đặt hàng trăm chiếc hôn lên mặt nàng. Chỉ nghĩ đến đó thôi, Tiến đã thấy lòng rạo rực. Một ý tưởng điên rồ khiến chàng bật cười. Tiến muốn...nuốt nàng vào bụng! Haha!giống như một bộ lạc man rợ nào đó ở Phi Châu, yêu ai là làm thịt người đó ăn luôn. Như thế họ sẽ không bao giờ mất người yêu! Thấy Tiến cười, My hỏi "anh cười gì thế?" nhưng Tiến lắc đầu:

- Hôm khác anh sẽ nói cho em nghe.

Tiếng Hoàng Lan nheo nhéo:- Chị My, anh Tiến trốn đâu mất rồi? Chị My ơi...

My vội vàng đi ra:- Chị đây. Làm gì mà nhặng lên thế!

Cô nàng hiền lành Hoàng Mai liếc qua Tiến rồi nói:

- Nó sợ có người bắt cóc mất chị ấy mà!

Chị My xấu hổ, mắng con em:

- Bậy nào. Ai dám bắt cóc chị? Thôi bây giờ mình chia tay để anh Tiến còn về Biên Hòa. Cám ơn anh Tiến đã mời ăn hôm nay. Lần sau My đãi.

Bốn đứa nhìn nhau, kinh ngạc tột độ: Còn có lần sau? Chị My hẹn với anh Tiến lần sau? Thấy sự ngạc nhiên lộ trên mặt mấy con em, My giật mình thấy nói hớ, vội sửa lại:

- Thì mình phải trả nợ anh Tiến chứ phải không? Chị sợ thiếu nợ lắm.

- Có các cô làm chứng nhé. Tôi nhất định đòi món nợ hôm nay đấy. Kiếp này chưa trả vẫn còn kiếp sau. Tiến nói, nửa đùa nửa thật. Tôi đòi nợ dai lắm!

Vừa lúc đó một chiếc xe Jeep nhà binh trờ tới. Tiến ra hiệu chờ chút rồi quay sang từ giã các cô:

- Các cô bé ráng học hành đàng hoàng nghe không. My, anh chờ ngày được My trả nợ đấy nhé. Thôi anh đi đây. Nói rồi Tiến nhảy lên xe ngồi cạnh tài xế. Chiếc xe vọt đi mà Tiến còn ngoái đầu nhìn lại đám con gái đứng trên vĩa hè. Nhưng chàng chỉ nhìn thấy có một người: My!

Người bạn lái xe lên tiếng:- Nàng là cô áo màu gì?

- Áo màu thiên thanh có hoa vàng. Cô nhiều tuổi nhất đám.

Người bạn huýt sáo, tỏ vẻ ngưỡng mộ:- Đẹp lắm. Chịu tài cậu.

Tiến lấy tấm ảnh chụp lúc nảy ra ngắm. Bao nhiêu tấm chụp sau này chàng đưa hết cho các cô, chỉ giữ tấm chàng choàng tay qua vai My. Khuôn mặt cô gái ngồi cạnh chàng có một nét gì đó đáng yêu không tả được. Như một chút ngượng ngùng, một chút vui, một chút

hạnh phúc. Giọng Tiến thoáng mơ màng:- Lần này tao đã tìm ra người con gái của đời mình mày ạ.
- Chắc không đó mày? Người bạn nghi ngờ hỏi. Lần trước mày cũng nói vậy.
- Không! Lần này khác hẳn. Ngay giây phút đầu gặp My là con tim tao đã ngất ngư. Không giây phút nào là tao không nhớ đến nàng. Nhớ điên cuồng. Lạ lắm! Lúc nảy tao đã thố lộ với My.
- Nàng nói sao? Đừng quên, đời phi công tụi mình rất mong manh nghe mày. Càng ít làm khổ đàn bà con gái càng tốt.
-Tao biết. My không nói gì. Nhưng nhìn ánh mắt, tao thấy nàng không từ chối.
- Vậy mừng cho mày. Cố lên, thằng ông mãnh!
Hai người bạn cùng cười. Chỉ mấy giây sau, Tiến chìm vào suy tư. Chàng nhớ lại những giây phút ngất ngây ngồi bên My. Chắc chắn đây là mối tình lớn nhất và cũng là mối tình cuối của chàng. Giác quan thứ sáu đã bảo vậy thì không thể sai!

Riêng My thì nghĩ, từ đây, dù mẹ có nói vào cách mấy, nàng cũng sẽ không bao giờ gặp lại anh Tiến sĩ Canh nông rởm đời đó nữa. Ừ, có biết bao nhiêu cô gái hám danh, hám tiền sẽ sẵn sàng nhảy vào nâng khăn sửa túi, hầu hạ anh ta anh ta hăm bốn trên hăm bốn, để được cái chức vị bà Khoa trưởng Đại Học! Nghĩ đến đây, My không nhịn được cười. Mấy đứa hỏi, My chỉ lắc đầu bảo không có gì.

Đêm đến, nằm trong bóng tối, My thao thức nhớ tới lời tỏ tình của Tiến. Nàng tự hỏi, nếu lúc đó Tiến hôn nàng thì nàng sẽ phản ứng ra sao nhỉ? My chưa từng được hôn. Nhưng xem phim tình cảm, đọc truyện thấy diễn tả những chiếc hôn nồng cháy My cũng ao ước thầm. Chắc là rất tuyệt vời!
Nếu My biết Tiến mơ gì đêm nay, có lẽ nàng sẽ kinh hoảng. Bị ám ảnh bởi những nụ hôn tưởng tượng ban trưa, đêm đó Tiến thấy chàng và My dắt tay nhau đi trên một ngọn đồi cỏ xanh ngút ngàn. Hình như là đồi Cù ở Đà Lạt. Nắng vàng ấm áp. Gió thổi hiu hiu làm bay bay hai tà áo xanh của My. Lên tới đỉnh đồi, nơi có cây thông đứng trơ trọi, xòe tán lá rợp bóng mát. Tiến ngồi xuống, kéo My ngồi theo. Thế rồi...thế rồi chuyện gì đã xảy ra? Bỗng nhiên chàng thấy My nằm dài trên cỏ non. Mái tóc mun đen xõa rũ rượi. My nhắm mắt, miệng hé mở như một gọi mời. Tiến cúi xuống. Chàng say sưa, ngây dại đặt những chiếc hôn lên cặp môi hồng mọng. Thật là ngọt ngào, thơm tho như mật. My âu yếm đưa hai cánh tay ôm cổ chàng ghì xuống và Tiến giựt mình tỉnh dậy. Tiếc nuối!

Tiểu thu (Canada)

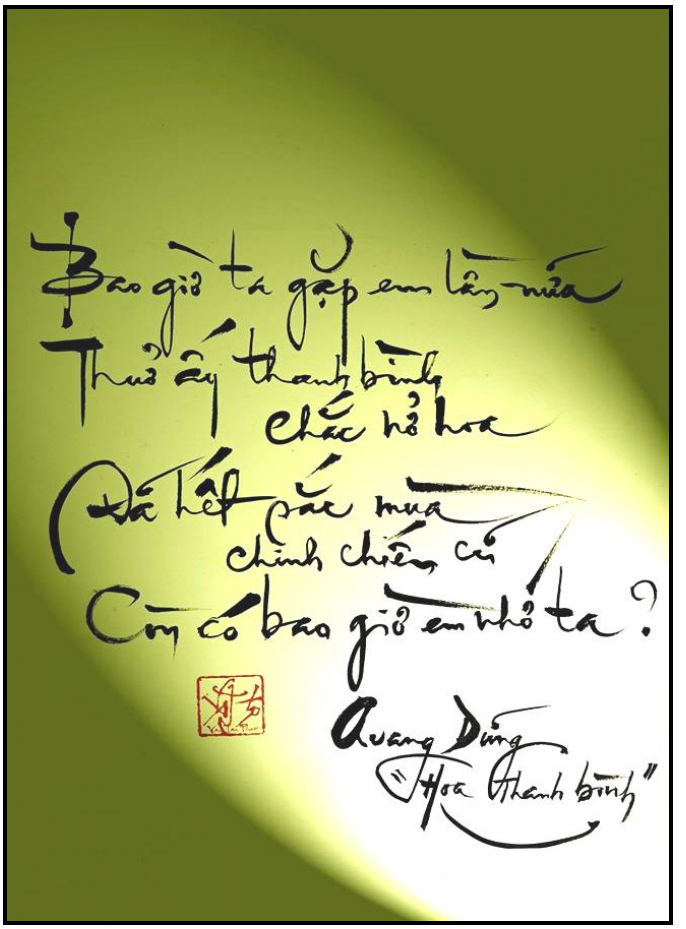

Thơ: Quang Dũng / Thư họa: Văn Tấn Phước (France)

Bao giờ ta gặp em lần nữa
Thuở ấy thanh bình chắc nở hoa
Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta?

NỖI XÚC ĐỘNG
TRONG MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN Ở VÙNG QUÊ

**** VĂN QUANG ****

Đây là lần thứ nhất tôi ăn Tết ở nhà quê sau… không biết sau bao nhiêu năm rời khỏi nơi chôn nhau cắt rốn. Điểm lại hành trình cuộc đời, chắc nhiều bạn ở nước ngoài cũng như tôi, đón tết ở nhiều nơi quá, không nhớ hết. Cái "thế hệ thứ nhất" tức là gồm những người đã có tuổi, nay còn ở nước ngoài, không thể nào không trải qua những ngày tháng "lênh đênh" ở một vùng nào đó xa quê hương. Còn những người thuộc "thế hệ thứ hai, thứ ba" có lẽ còn đỡ long đong hơn, nhưng cũng không tránh khỏi cuộc sống nay nơi này mai nơi khác ở những tiểu bang, những tỉnh, những thành phố khác nhau. Cái cảm giác đón Tết "tha hương" hầu như ai cũng có, chẳng ít thì nhiều, nhưng mỗi nơi mỗi khác. Song để nhớ lại những ngày thơ ấu sống trong không khí ấm cúng cùng với gia đình vẫn mang đến những cảm giác ngậm ngùi, bâng khuâng hơn cả. Tìm lại chút không khí Tết xưa không dễ dàng chút nào bởi phong tục tập quán mỗi nơi mỗi khác. Mỗi vùng, có khi chỉ từ làng này sang làng khác, đã có những tục lệ khác nhau. Mỗi tục lệ có những nét đặc trưng riêng và chính nó làm thành sợi dây vô hình gắn kết tâm hồn của những người đồng hương với nhau hơn. Vì thế nên ở đâu cũng có đoàn, có hội ái hữu của tỉnh này tỉnh kia.

Tuy vậy, người Việt Nam chúng ta vẫn có những tập tục chung, ở bất kỳ nơi nào cũng như nhau. Cái linh hồn của Đêm Giao Thừa ở đâu và bao giờ cũng mang ý nghĩa thiêng liêng, trang trọng và gợi lên tình cảm của sự đoàn tụ, của tình quê hương dân tộc. Bởi thế nên có những người lam lũ vất vả quanh năm, đến gần ngày 30 tết vẫn bằng mọi cách, tìm về với gia đình. Bà con Việt kiều ở nước ngoài cũng nhân dịp này trở lại thăm quê hương. Có người phải thu xếp vài ba năm mới trở lại Việt Nam được. Họ không chỉ ở thành phố mà hầu hết tìm về quê nội, quê ngoại để được hưởng cái tết ở chính nơi mình đã sinh ra với những kỷ niệm cũ và cho cái "thế hệ thứ hai thứ ba" biết thế nào mới đúng là cái Tết Việt Nam.

Cái phong bao lì xì nhỏ nhắn, đỏ chót, đã ăn sâu vào trong ký ức không thể nào quên. Và những giây phút sung sướng được cầm cái phong bao ấy sao mà sảng khoái đến thế. Dù bao nhiêu năm rồi mà vẫn muốn được sống lại với những giây phút thần tiên ấy. Người Việt Nam chúng ta ở đâu cũng vậy. Chẳng có gì khác, chẳng có gì thay đổi được. Chỉ vài nét đơn sơ thế thôi đủ nói lên tất cả. Cho nên ngày Tết đối với chúng ta, cho dù trải qua trăm ngàn thăng trầm, cũng vẫn là những ngày quan trọng trong cuộc sống.

Về quê ăn Tết

Năm nay tôi mới có điều kiện để tìm về ăn tết ở nhà quê. Tôi cho rằng đó là một sự may mắn lắm. Những năm trước, có muốn về quê cũng chẳng được vì có chỗ nào đâu mà về? Cứ ro ró trong cái căn phòng chung cư rộng không quá 4m, dài không quá 8m. Đêm 30 và ngày mùng một cúng ông bà gia tiên, không thể bỏ đi được, rồi còn họ hàng, bà con, anh em đến chúc tết, ba ngày Tết cứ như sống trong cái rọ. Rồi chạy đi chạy lại, chúc qua chúc lại, từ Sài Gòn nhẩy xuống Gò Vấp, từ Gò Vấp nhảy tuốt vào Chợ Lớn, cứ như con thoi. Đường sá chen chúc, mồ hôi nhễ nhại, cơm chẳng buồn ăn. Người ta nói *"đói ngày giỗ cha, no ba na Tết",* nhưng thực ra ba ngày Tết ăn gì cũng chẳng thấy ngon. Chỉ còn mỗi cái thú là làm mọi "thủ tục" cho nhanh rồi ngồi vào một bàn mạt chược xoa với bạn bè cho hết Tết. Hầu như trong dịp Tết, kể cả những ông bà không có máu cờ bạc cũng ngồi vào một bàn bài "lấy hên đầu năm" chung vui với lũ trẻ. Cũng chính bởi cái "thông lệ" này lâu ngày biến thành những sòng cờ bạc ngay giữa đường phố, không phải từ ngày Tết mà từ những ngày trước Tết và còn kéo dài cho hết tháng giêng, tháng hai.

Cổng Nhà Lộc Ninh

Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai cờ bạc, tháng ba rượu chè…

Các cụ đã "dạy" thế nên vào dịp đó mấy thầy cảnh sát cũng dễ dãi hơn, nhắm mắt bỏ qua cho bà con vui chơi. Méo mặt, cháy túi cũng vì cờ bạc ngày Tết, nó là một cái cớ để các ông lăn lộn trong những sòng bài.

Nếu là người thành phố, chắc hẳn ai cũng có dịp chứng kiến những sòng bài ở đầu đường, trong những xó kẹt building, gầm cầu thang chung cư… những người lao động nghèo khó túm tụm đánh bài. Nhìn họ say sưa sát phạt, không ai không động lòng thương hại, có đồng nào chui hết vào sòng bài bạc, rồi vợ con họ sẽ lấy gì mà sống? Biết bao nhiêu gia đình nheo nhóc đói khổ, lủng củng, thậm chí tan vỡ sau những ngày Tết như thế.

Từ nhiều năm nay tục lệ đốt pháo không còn nữa. Nó làm mất đi một nét truyền thống nhưng quả thật là một điều đáng mừng. Tôi nhớ những năm 87-90 khi còn ở chung cư, mỗi lần giao thừa đến là mỗi lần tưởng có thể chết ngộp vì khói. Khói và mùi thuốc pháo đặc kín, những ông già phải nhanh chân chạy ra đứng thở ở công viên cho đến hết giao thừa mới dám mò về. Nó cũng gây ra rất nhiều tai nạn. Tôi rất tiếc không còn được nghe tiếng pháo Tết, nhưng đó là một việc đáng làm. Nhưng dù thế nào thì đó vẫn là những hình ảnh thật nhất,

sống động nhất của những ngày Tết ở thành phố.

Năm nay, tôi rời Sài Gòn vào buổi trưa ngày 28 Tết để trở lại vùng quê mà tôi đã chọn. Vào ngày này, tôi cứ nghĩ xe đò sẽ chật cứng, nhưng trái lại nó lại rộng rãi, thừa khá nhiều chỗ. Lúc này tôi mới biết vào những ngày giáp Tết, người dân ở đây không còn đi lên thành phố buôn bán gì nữa. Chỉ còn lại lác đác một số người về quê ăn Tết. Có lẽ đây là một sự khác biệt giữa miền Tây và miền Đông của Nam bộ. Nhưng trên quốc lộ 13 thì xe cộ đông hơn ngày thường. Cái tất bật của ngày Tết như đã bắt đầu từ đây.

Người… "trăm năm cũ"
bây giờ là đây

Chiều 29 Tết, một người làm vườn cho nhà ông hàng xóm, cạnh nhà tôi, hấp tấp dắt chiếc xe ra cổng. Có điều lạ là chiếc xe gắn máy tuy cũ mèm song tất nhiên là vẫn còn đi được như bao nhiêu những chiếc xe từ đời "tam quốc" nào đó mà tôi vẫn nhìn thấy ở vùng này, vẫn phom phom trên mọi nẻo đường, vậy mà ông ta lại dắt xe leo lên con dốc cổng. Thì ra xe ông bị xẹp lốp. Mà từ đây phải đi gần một cây số ra đến cái chợ chồm hổm đầu đường quốc lộ mới có người vá xe. Ông ta nhìn tôi lắc đầu:

– Sửa được cái máy cho nó nổ thì bây giờ đến cái lốp. Cái này thì chịu.

Nhìn ông mồ hôi nhễ nhại, tôi mời ông vào nhà uống nước. Ông dựng xe trước cổng, vui vẻ vào nhà. Ông ngắm nhìn mấy bức ảnh treo trên tường rồi bất ngờ hỏi:

– Hồi này cụ Mạnh Đan còn khỏe không, ông?

– Cụ khỏe lắm, tôi không nhớ chính xác tuổi cụ nhưng chắc chắn là trên 80.

Và tôi nhìn người đàn ông có vẻ phong trần này, ướm lời:

– Ông cũng biết cụ Mạnh Đan sao?

Người đàn ông thoáng một nụ cười:

– Tôi cũng là dân "Sài Gòn cũ" mà. Ba mươi năm trước, thỉnh thoảng tôi cũng gặp cụ.

Gặp dân Sài Gòn cũ, tôi mừng rơn:

– Hồi ở Sài Gòn anh làm gì?

– Em làm thợ sắp chữ.

Tôi càng thú vị hơn:

– Té ra mình cùng một nghề với nhau đấy.

– Em cũng có nghe nói anh trước kia anh là nhà báo? Em không biết anh tên gì, nhưng quả là thấy quen quen thôi.

– Tên tuổi chẳng có gì quan trọng. Anh làm thợ sắp chữ ở nhà in nào?

– Em thường xuyên sắp chữ cho báo Màn Ảnh của ông Mai Châu. Rồi có sắp chữ thêm cho mấy tờ báo Trắng Đen, Sóng Thần, Chính Luận nữa. Ông Mai Châu thế nào rồi?

– Tôi chỉ nghe tin ông ấy mất lâu rồi, còn bà ấy tôi cũng không gặp.

Người đàn ông kể một loạt những cái tên con ông Mai Châu, cậu Tuấn, cô Phượng… và một loạt những ông bà chủ báo và những người "sếp typo". Dường như ông muốn chứng minh rằng ông là người Sài Gòn cũ thật hoặc lâu không được nhắc đến tên những người ấy. Ở nơi này thì kể với ai ở đây, được dịp, ông kể ra cho hả.

Sau đó ông nói về những con đường phố, nơi có những tòa báo hàng ngày

và hàng tuần trước năm 75. Đường Phạm Ngũ Lão, Bùi Viện, Võ Tánh… Ông hỏi:

– Bây giờ nó thế nào?

– Bây giờ nó khác hết rồi. Con đường trước kia nhiều tòa báo, bây giờ là Phố Tây Ba Lô, toàn những khách sạn, nhà ngủ, dịch vụ du lịch và đủ thứ dịch vụ miễn là kiếm được đô la của bất cứ khách du lịch nào dù là dân du lịch rách.

Người đàn ông thở dài:

– Ba mươi năm rồi, em chưa có dịp trở lại Sài Gòn. Hồi làm thợ sắp chữ, em mới có 18 tuổi. Được làm thợ sắp chữ, khỏi đi lính, mấy ông chủ báo bảo lãnh hết. Thế nên cả 3 anh em nhà em đều làm thợ sắp chữ. Sau này "giải phóng", tụi em cũng được… giải phóng luôn khỏi cái nghề sắp chữ, đâm ra thất nghiệp.

Anh ta cười, nụ cười… méo mó:

– Nhưng nhà nước nuôi.

Tôi tròn mắt, song chợt nhớ ra hoàn cảnh của mình nên hỏi ngay:

– Nhà nước nuôi có nghĩa là anh cũng bị đi "cải tạo"?

Anh ta xua tay:

– Chết, ông đừng đùa chứ. Em ngán cái thứ đó lắm. Nghe hết cả hồn. Hồi mới, tụi em chưa hiểu nghĩa "cải tạo" là gì, sau này mấy ông ở ngoài Bắc vào giảng nghĩa cho, tụi em cứ nghe đến hai chữ đó là hồn vía lên mây.

– Thế nhà nước nuôi anh theo kiểu nào?

– Là đi vùng kinh tế mới. Phát cho gạo ăn 6 tháng và một số tiền, rồi lên vùng rừng núi làm "kinh tế" gia đình. Được phát cái nhà, không có vách, chỉ có 6 tấm tôn.

Anh bật người ra và cười:

– Hồi đó em chẳng biết làm gì với cái cảnh rừng rú, đất đỏ hoang vu này. Đẻ ra đã là dân thành phố, không biết cầm cái cuốc. Nên sau 6 tháng, lại thất nghiệp, mà lần này thất nghiệp nặng hơn, ở một vùng xa lạ chẳng biết nương nhờ vào ai. Từ lúc đó bắt đầu cuộc đời làm mướn cho đến bây giờ.

Tôi biết khá rõ về những người làm mướn cho những nhà vườn ở đây. Nhân công thật rẻ, làm từ sáng đến tối, chỉ có 30 ngàn một ngày, phải mang cơm đi ăn, nếu chủ nuôi cơm thì chỉ còn 25 ngàn hoặc có khi không có việc thì 20 ngàn cũng phải làm. Làm bất cứ việc gì chủ vườn cần. Vét mương, đào giếng, cuốc đất, trồng cây… hầm bà làng, đủ thứ việc. Ngoại trừ một số thợ có chút nghề chuyên môn như làm nhà, làm điện, có "cánh" có "nhóm" thì đồng lương cao hơn chút đỉnh.

Hiên nhà Lộc Ninh

Anh lắc đầu:

– Hồi xưa làm thợ sắp chữ thì đồng lương nuôi cả nhà. Mỗi ngày 5 ngàn thôi, lãnh lương hàng tuần, mọi thứ đều rẻ. Bây giờ làm không đủ nuôi vợ con, nhà có bao nhiêu người đến tuổi động đậy

được chân tay là phải làm hết. Đứa con lên 10 là lao động rồi. Vợ cũng phải làm, thế mà gặp lúc ít việc cũng túng thiếu mờ mịt.

Ngày xưa thức dậy

Nói chuyện lan man, anh kể về cuộc đời mình:

– Hồi ở Sài Gòn, em cũng có vợ rồi đấy chứ. Vợ em là thợ sắp giấy, em là thợ sắp chữ, đẹp đôi lắm. Cô ấy xinh xắn, đẹp người đẹp nết, anh nào cũng muốn tòm tem, nhưng cô ấy lại chịu em. Thế là chúng em lấy nhau, nhà bố mẹ em ở bên bến Phạm Thế Hiển, bên kia cầu chữ Y. Sáng sáng đèo nhau trên chiếc xe gắn máy đi làm, chiều dắt nhau về tổ ấm, tình lắm. Nhưng đến khi lên vùng kinh tế mới thì cô ấy chịu không nổi. Không có việc làm, lại còn sinh bệnh tật, cô ấy trở lại Sài Gòn rồi không bao giờ lên nữa.

– Thế lúc đó đã có cháu nào chưa?

– Rất may là chưa. Nếu có một đứa con thì may ra giữ chân cô ấy lại chốn này được.

Đôi mắt người đàn ông mờ đi dưới ánh đèn. Rồi anh ta tặc lưỡi, buồn rầu:

– Nhưng như thế cũng may cho cô ấy. Chứ ở đây chịu cái cảnh này với em suốt 30 năm nay thì tội nghiệp cho cô ấy quá. Chẳng biết hồi sau này cô ấy thế nào.

Nhìn anh thoáng một chút mơ mộng, tôi nghĩ anh còn nặng tình với người vợ cũ lắm. Nếu không có cái vụ "kinh tế mới" chắc vợ chồng anh còn sống với nhau cho đến bây giờ. Anh lại trầm ngâm:

– Đôi lúc em cũng muốn ghé về Sài Gòn hỏi thăm tin tức xem sao, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, để cho nhau yên có lẽ tốt hơn. Vả lại cũng chẳng có tiền mà về. Ăn ở vào đâu? Thế nên ba mươi năm, em cứ ở chỗ này. Còn anh, sao anh lại về đây?

– Tôi kiếm một chỗ yên tĩnh dưỡng già.

Lúc này chúng tôi đã có vẻ thân mật hơn nên xưng hô bằng anh em cho gần. Anh lại chợt nhớ ra một người nào đó trong số những người làm báo trước kia, anh hỏi về các ông Mai Thảo, Thanh Nam, Hoài Điệp Tử, Ngọc Hoài Phương, bà Trùng Dương, ông Thanh Thương Hoàng … rồi nhảy sang mấy ông chủ nhà in, ông Hợi, cô… gì làm thư ký cho nhà in bên cạnh báo Tiếng Vang của ông Tổng cóc, có cậu con trai đeo kính cận hay ra tòa báo ngồi với mẹ… Chẳng hiểu các ông ấy bây giờ ra sao?

Anh cũng có nhắc đến tên tôi và vẫn không hề biết người đang ngồi với anh là ai, tôi cũng cứ mặc cho anh kể. Ở những chốn xa xôi này, chẳng mấy khi người ta được kể về những người quen biết xưa kia. Đó cũng là một thứ nhu cầu thầm lặng, chỉ khi nào nó đến mới biết là nó thú vị như thế nào. Có lẽ nó cũng thấm và say như men rượu. Tôi càng xúc động hơn khi người đó lại là một người nghèo khổ, nay đã có tuổi nhưng hầu như chưa bao giờ quên cái "ngày xưa" của mình, mọi thứ như đã trôi vào tiềm thức, nó đột ngột thức dậy với tất cả tình yêu thương lâu ngày đã chìm lấp kín vì khổ cực, gian nan. Càng nhìn kỹ, càng thấy người đàn ông có cái

bề ngoài rất tiều tụy, song khuôn mặt vẫn mang chút hình ảnh nào đó của một người con trai thành thị.

Tôi hỏi tiếp:

– Còn chị ấy bây giờ anh gặp hồi nào? Là dân ở đây à?

– Bà ấy cũng là dân"kinh tế mới". Nghèo nàn cực khổ cùng nhau nên dễ thông cảm và hiểu nhau hơn. Chúng tôi có 3 đứa con rồi đấy. Nhưng cũng như bố thôi, đi làm công, làm mướn cho người ta kiếm ăn.

– Tết này các con anh về sum họp với anh chị đông đủ không?

Anh lắc đầu:

– Chẳng bao giờ có Tết cả anh ạ. Tết lại là những ngày chúng em sợ nhất. Chẳng ai mướn làm việc gì. Ai cũng nghỉ Tết, họ chỉ quên một điều là chúng em nghỉ Tết thì cũng nghỉ ăn luôn. Phải dành dụm từ cả tháng trước.

Tôi không thể nào ngờ 30 năm rồi mà cuộc sống của anh vẫn chẳng thay đổi được gì. Tôi mời anh ở lại dùng bữa cơm với chúng tôi, nhưng anh từ chối:

– Em phải về kẻo bà xã em mong. Từ bao năm nay, em đi đâu giờ này cũng phải về. No đói có nhau.

Từ giã tôi ra về, anh cặïm cụi dắt chiếc xe gắn máy cũ rích ra cổng. Bóng anh đổ xuống dưới ánh đèn cùng với những bóng lá dừa trải dài bên con đường vắng tanh, lạnh ngắt. Tôi hỏi tên và hỏi nhà, hứa sẽ đến thăm anh vào những ngày Tết sắp đến.

Lửng lơ ngày ba mươi

Buổi sáng ba mươi, tôi tà tà đi chiếc xe gắn máy leo lên dốc đi thăm cái chợ Tết của thị trấn Lộc Ninh nhỏ bé này. Khu chợ nằm dưới con dốc dài, như thu gọn trong một thung lũng khá sâu. Ngay từ đầu dốc là bến xe ôm và cũng là chợ hoa của thị trấn. Hàng hoa cúc, hoa mai cùng với vài chậu quất bày rải rác theo lối đi. Giá hoa ở đây rất rẻ và những cây hoa Tết cũng chỉ là loại tầm thường, không thể kiếm được một chậu hoa quý. Mặc dầu ở đây toàn là những nhà vườn song chưa ai trồng hoa quý để bán. Họ trồng hoa ở nhà nên thường không cần mua. Chỉ có vài nhà có cửa hiệu buôn ngoài phố mới cần đến những loại hoa chợ này. Vài ba chục một cây mai hoặc một chậu cúc đại đóa vàng rực, tươi tắn. Vậy mà cũng vắng khách. Vài chiếc xe đạp chở những chiếc bong bóng ăn giỗ tiền trẻ con, bay lơ lửng trên bầu trời đầy nắng coi cũng vui mắt và cũng đủ làm thành không khí Tết ở cái chốn quê mùa được bao bọc bởi những con dốc và những vườn cây này.

Cuộc sống của những người dân ở đây cũng đang lửng lơ như những chiếc bong bóng. Kể từ khi cây tiêu không mang lại lợi tức nữa, có nhiều nhà đã phá vườn tiêu, mỗi nhà chừng vài ba mẫu, song chưa biết trồng gì. Một số nhà khác lại chưa dám phá tiêu, cứ phải để đó chờ thời mà chẳng biết bao giờ cái "thời" ấy mới đến. Họ lúng túng xoay dở mà chẳng biết đi đường nào. Cũng chẳng ai khuyên họ phải làm cái gì, trồng cái gì, cứ mạnh ai nấy đợi, mạnh ai nấy sống. Những khu vườn đất đỏ trù phú cứ như sống tạm với đủ những loại cây ăn trái, những loài hoa mà chẳng có mục đích gì rõ rệt cho kinh doanh. Bởi vậy những nhà vườn cứ như đang đi lang thang trên khu vườn của chính mình.

Những cậu con trai và những cô con gái đến tuổi lớn khôn, thường phải đi kiếm việc ở thành phố. Giờ này họ mới lác đác từ những chuyến xe đò trở về ăn Tết. Người nào cũng chỉ có một chiếc ba lô mang chút quà rất nhỏ cho gia đình. Thị trấn không phát triển được cũng vì thế. Nỗi ước ao của họ chỉ giản dị là có một khu công nghiệp nào đó ở gần thị trấn này hoặc ở Bình Long cũng được, để có nơi chốn làm việc cho con em mình, đời sống sung túc hơn, từ đó thị trấn sẽ có cơ hội phát triển mạnh chứ không èo uột như hiện nay.

Ngày hôm sau, mùng một Tết, đi trên đường phố vắng vẻ hơn ngày thường, nó mang một vẻ ngơ ngác kỳ lạ. Tuy vậy, một vài người đi chúc Tết sớm, cũng quần áo chỉnh tề, những cái áo còn thấy rõ nguyên nếp gấp, đôi khi còn nguyên nếp nhăn, dường như họ cũng chẳng cần chú ý đến sự là ủi, chỉ cần có bộ cánh tươm tất là đủ rồi. Trên thị trấn cũng có một vài cặp nam nữ thanh niên ăn diện theo lối tỉnh thành đi trên vài chiếc xe kiểu cách, cũng "tóc vàng, tóc đỏ hoe hoe" nhởn nhơ, lượn đi lượn lại cho ra vẻ ngày xuân. Vài cửa hàng dăng hàng chữ "Chúc Mừng Năm Mới", thứ băng rôn năm nào cũng có thể mang ra xài lại được. Các bà chủ xênh xang áo quần hàng "hiệu", nhưng chỉ quanh quẩn trước cửa hàng. Các ông chủ rủ nhau đi chúc Tết thành từng đoàn chứ không đi lẻ tẻ như ở thành phố, nhưng tìm mãi cũng không ra một bộ complet. Làm như ở đây người ta "cấm mặc complet" và cũng chẳng có một chiếc cravate. Năm thì mười họa mới thấy một ông đi "giày Tây", dép vẫn là thứ "ngôn ngữ đi bộ" thông dụng nhất mọi lúc mọi nơi. Nắng bắt đầu lên cao cũng là lúc thị trấn vui vẻ nhất. Vài hàng cà phê vẫn mở cửa song chỉ lèo tèo vài đám khách.

Người đồng hương

Trở lại xóm tôi, con đường nhựa cong queo vẫn vắng vẻ như chẳng có gì đổi khác. Các hội đoàn cũng đi chúc Tết thành từng nhóm, mỗi nhóm năm ba người, Nhóm của cựu chiến binh, nhóm của hội phụ nữ, nhóm của hội phụ lão. Nói cười râm ran. Đó là không khí của ngày Tết đường làng.

Về đến nhà, tôi đã thấy ngay một ông ngồi chờ sẵn. Ông tự giới thiệu là người cùng quê với tôi, dân Thái Bình. Quả là dân ở đây nhanh nhạy thật, không hiểu sao họ biết tôi là dân "Thái lọ", nhưng không biết huyện. Tôi nói là dân huyện Quỳnh Côi, nhưng ông ta "đính chính" ngay bây giờ là huyện Quỳnh Phụ (tức là hai huyện Quỳnh Côi - Phụ Dực xưa ghép lại làm một). Tôi biết ngay ông là người từ đâu tới và vào Nam từ năm nào. Ông ta còn khá trẻ, trẻ hơn tôi chừng chục tuổi. Ông là hàng xóm phía sau nhà tôi, cách một con suối, mùa này nước cạn nên ông lội qua suối sang thăm. Ông theo bố vào Nam ngay từ đầu những năm 80, làm việc ở đây một thời gian rồi ở luôn chứ không về Bắc. Ông thành thật tâm sự với người đồng hương :

– "Đất lành chim đậu", ở đây dễ làm ăn hơn chứ về Bắc làm sao có được một mẫu vườn như ở đây được.

Hàng ngày tôi vẫn nhìn sang vườn nhà ông, mùa này ông trồng cải, vừa để ăn,

vừa bán. Nhưng công việc chính của ông lại ở trong rẫy, trồng đủ thứ kiếm ra tiền kể cả tỏi, ớt, cà tím, cà chua.

Sau khi ông ra về, mấy ông bà hàng xóm lân bang "tả hữu" cũng lại đến thăm. Họ thân thiện nhưng săm soi xem nhà cửa, vườn tược của tôi như thế nào. Họ chỉ dẫn cho tôi đủ cách tưới nước làm vườn. Mỗi nơi có một "bí quyết" riêng, tùy theo thổ nhưỡng và tình hình thời tiết. Họ cũng cho tôi biết thêm về phong tục tập quán ở đây. Những ông hàng xóm thường bao giờ cũng có cái tên là ông Hai hoặc ông Ba, ông Tư. Ông Hai Thạnh, ông ba Xê, ông Tư Hoàn, bà năm Bình bán thịt heo… Tôi chưa có tên nên người ta gọi nhà tôi là nhà bà Hai Ngân. Và cái xóm tôi cũng được người ta gọi là xóm Hai Sơn. Cứ gọi thế ai cũng biết, kể cả người ở thị trấn. Đấy là cái địa chỉ nếu có ai muốn kiếm nhà tôi ở nơi này.

Buổi tối có cái Hội Hoa Xuân ở công viên được gọi là công viên Văn Hóa huyện, lối đi vào thị trấn. Nó cũng chiếm một khoảng đất rất rộng và "hùng vĩ" lắm. Nhưng có những khoảng sân gạch lớn, có lẽ người ta sử dụng nó cho những buổi mít tinh biểu tình nhiều hơn những mục đích văn hóa khác. Ở hầu hết những vùng thôn quê, cái gì nghèo thì được chứ những cái công viên, cái trụ sở ủy ban thì phải "hoành tráng" cho ra vẻ bề thế. Ít ra là cái bề ngoài.

Hội hoa xuân chính là nơi tập hợp của mọi lớp người, nhưng nó chỉ mở cửa vào buổi tối. Trong cái không khí se lạnh của vùng rừng núi nhấp nhô, "trai thanh gái lịch" đều tụ về đây vui chơi. Những trò chơi nửa dân gian, nửa giải trí, có vài chục gian hàng bán vài thứ đồ giải khát, bánh mứt lơ mơ. Vài tay chụp hình dạo khá đắt khách. Có những gia đình đứng dưới những cây hoa đồ sộ và có cả những cặp "tình nhân nhà vườn" đỏ mặt đứng bên nhau chụp tấm hình dưới gốc anh đào cho tình tứ ướt át. Những tấm pa nô quảng cáo tối mùng 5 Tết sẽ có "văn nghệ" giúp vui, có cả những "danh ca" từ Sài Gòn về "biểu diễn".

Quả nhiên, tối mùng 5 Tết, tôi ghé qua hội chợ, chiếc loa phóng thanh oang oang giới thiệu tên những danh ca như Cao Sơn, Ưng Hoàng Phúc, TVT hay TTV gì đó và "đặc biệt có danh ca hải ngoại Giao Linh". Trời đất! Tôi không ngờ ở nơi hoang dã này lại được hân hạnh đón "danh ca hải ngoại" về biểu diễn. Bộ Cali và Sài Gòn hết chỗ kiếm "cát sê" rồi sao? Giá vé chỉ có 40 ngàn nhưng đã hơn 7 giờ tối mà trước rạp còn vắng ngơ vắng ngác. Chỉ có trò đu quay cho mấy đứa con nít là đông.

Ký ức vàng son của người thợ sắp chữ

Ngày mùng 2 Tết chúng tôi đến thăm nhà anh bạn sắp chữ như đã hẹn trước. Anh là Lê Văn Một ở xã Lộc Hưng, cách nơi tôi ở chừng ba cây số. Theo đường anh đã chỉ dẫn, chúng tôi phải mò mẫm mãi mới hỏi thăm được đường đến nhà anh. Từ quốc lộ rẽ vào một con đường bờ ruộng rộng không quá 1m, chỉ đủ đi được chiếc xe gắn máy. Gặp chiếc xe đạp đi ngược đường cũng khó tránh. Nhà cửa thưa thớt, suốt cái xóm này bày ra một khung cảnh nghèo nàn, không thể tìm ra cái Tết nào trong những gian nhà này ngoài những lá cờ

treo lủng lẳng trước gió. Đến ngay cả gió cũng lười, chẳng buồn rung cây.

Vòng vèo qua mấy con đường mòn với những cành cây vươn dài ra giữa đường mới thấy vài căn nhà lụp sụp, mấy đứa trẻ đứng tròn mắt nhìn khách lạ. Chúng cũng nhem nhuốc như ngày thường, chẳng biết gì là Tết. Có lẽ cả đời chúng cũng chưa bao giờ được biết đến cái phong bao "lì xì" đỏ hay xanh.

Nhà anh Một đứng chơ vơ giữa một khu đất hẹp. Nó được dựng lên từ bao giờ, không ai đoán được số tuổi, và được "lắp ghép" bằng đủ mọi thứ: gỗ cũ, gỗ mới, tôn, ni lông, giấy bồi, bao xi măng… Kiếm được cái gì che chỗ nào được thì cứ che. Gần Tết anh mua được vài thước ni lông xanh, "trang hoàng" lại mấy cái cửa chính, cửa sổ cho ra vẻ mùa xuân. Vợ anh và mấy đứa con vẫn cặm cụi ngoài vườn, lo cho con bò mới đẻ được một con bê hơn là lo cho Tết. Đó là tất cả gia tài nhà anh sau 30 năm đi vùng kinh tế mới. Anh cho biết:

– Đất này chẳng trồng được bất cứ thứ gì. Sỏi đá khô cằn suốt bốn mùa, mưa thì lầy lội, nắng thì khô cạn, trồng gì chết nấy. Cho nên chúng tôi cứ thất bại từ mùa này sang mùa khác. Bây giờ chỉ còn biết đi làm mướn, mượn tiền của quỹ xóa đói giảm nghèo, mua được con bò làm vốn từ mấy năm nay. Đợt trước nó đẻ được con bê thì phải mang bán lấy tiền sửa nhà, chữa bệnh cho con. Đợt này con bê chắc cũng sắp phải bán lấy tiền ăn, tiền thuốc suốt mùa mưa sắp tới. Mùa nắng còn có người mướn đào giếng làm vườn chứ đầu mùa mưa, họ chỉ mướn xịt thuốc diệt cỏ rồi thôi. Mà đi xịt thuốc diệt cỏ hại người lắm, xịt xong nhà chủ "bồi dưỡng" cho thêm hộp sữa vài ngàn đồng. Biết rằng có hại nhưng vẫn cứ phải làm. Bao giờ ốm thì lại bỏ tiền nhà ra mà chữa bệnh.

Nhà anh không đủ chỗ cho hai người ngồi, chúng tôi ngồi ngay ngoài trái nhà đầu hiên, nắng chiều dọi vào chói chang. Anh thợ sắp chữ lại tiếp tục nói về cái thời xa xưa của mình, lại tiếp tục thăm hỏi về những "ông nhà văn nhà báo" mà anh chỉ biết chứ không hề quen, những ông bà chủ, cô chủ nhà in. Những con đường "tòa báo", những thay đổi của Sài Gòn mà 30 năm chưa thể quay trở lại một lần.

Nhân dịp đầu xuân, tôi xin chuyển lời thăm hỏi này của anh Một đến các bạn và cho tất cả những "người Sài Gòn cũ của anh Một". Nếu các bạn có viết thư thăm hỏi cũng khó mà đến được. Tuy vậy vẫn có thể gửi "cầu may" cho ông Lê Văn Một, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.

Mùa xuân đầu tiên của tôi ở vùng quê năm nay, đó là điều khiến tôi xúc động hơn cả.

VĂN QUANG (2005)

QUÀ GIÁNG SINH

**** Lê Mộng Hoàng ****

Ba và các con thương yêu,

Hôm nay là ngày thứ Sáu 23 tháng 11 mà người Mỹ gọi là "Black Friday" (Thứ Sáu đen) có lẽ vì vào ngày nầy sau bữa tiệc linh đình của lễ TẠ ƠN mọi người đổ xô đi mua sắm quà cáp cho lễ Giáng Sinh rồi mệt nhừ, choáng váng xây xẩm mặt mày; thấy trời "tối đen" chăng? hay là ngày các tiệm buôn kiếm lời nhiều nhất?

Riêng đối với Mẹ ngày Thứ Sáu sau lễ Tạ Ơn năm nay lại có một niềm vui âm thầm: hôm nay ngày 23 tháng 11 năm 2007 là sinh nhật thứ 67 của Mẹ. Mẹ đã hưu trí nên có thể đi shopping suốt ngày, vẫn còn khỏe mạnh nên có thể tham gia các công tác từ thiện xã hội cùng làm việc với các bạn trẻ. Trước khi lái xe đến shopping mall, mẹ đã ghi xuống một danh sách tên các người cần mua quà - không có tên của mẹ. Năm nay là năm thứ 32 ba và mẹ đón mừng Noël tại quê hương thứ hai nầy; gia đình chúng ta từ vòng tròn nhỏ số 3 nay đã mở rộng thành vòng tròn lớn số 7 vui hơn, đông hơn và còn trên đà phát triển.

Tuy nhiên với việc mua sắm quà Giáng Sinh thì từ năm 1998, lúc Sam rời nhà đi xa học đại học University of Virginia, mẹ không còn ai để cùng đi shopping với danh sách dài thườn thượt gồm quà cho bà con bên Nội, các cháu gọi ba bằng chú - khoảng độ 20 người; rồi quà cho bà con bên ngoại, các cậu mợ, dì chú; em của Mẹ - khoảng độ 18 người nữa - cộng thêm các bạn thân từ lâu cuả ba mẹ, các bác sĩ, nha sĩ chăm sóc cho chúng ta suốt năm, thầy cô giáo của các con, khiến số quà cần mua lên đến 60 - 70 gói. Một mình Mẹ phải thức đến 2-3 giờ sáng hai tuần trước lễ Giáng Sinh thật là khó nhọc! Đến năm 2000, hai năm sau ngày Sam đi học xa, Mẹ đưa ra đề nghị "Chỉ mua quà cho các trẻ em trong gia đình - tức là tuổi sinh viên trở xuống thôi. Các người lớn viết tên bỏ vào một hộp và mỗi người sẽ bốc thăm một tên; nếu người chồng bốc được tên vợ mình thì bỏ xuống lấy tên khác; lý do dễ hiểu là vợ chồng, cha mẹ, con cái của tiểu gia đình thì đã có quà cho nhau rồi. Cuộc "Trao Đổi Quà Giáng Sinh" nầy dành cho người lớn trong đại gia đình. Sau khi bốc được tên ai đó, mình sẽ giữ kín không thổ lộ và trở thành "secret Santa" của người nầy cho đến đêm 24 tháng 12 mình sẽ đem quà để dưới gốc cây Giáng Sinh, rồi người tặng quà và cho quà sẽ nhận diện cám ơn hoặc ôm hôn nhau vào tối 24 sau bữa tiệc gia đình. Năm đầu tiên vẫn còn vài người tặng quà Giáng Sinh cho Mẹ, bị Mẹ từ chối vì muốn áp dụng trò chơi "Trao Đổi Quà" trên kia, họ cũng không được hài lòng mấy, nhưng dần dần quen đi. Việc "Trao Đổi Quà Giáng Sinh" cho người lớn nầy giúp cho nhiều gia đình bớt đi một số quà phải mua sắm, đỡ phải xách nặng, mất thì giờ gói ghém. Số tiền mua quà tặng từng người ấy chúng ta có thể làm việc thiện; giúp

đỡ các người kém may mắn hơn mình. Mùa Đông năm nay bão lụt đã "đến rồi đi" 5 lần tại các tỉnh miền Trung Việt Nam như Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Miền Trung Việt Nam nơi "xứ dân gầy có đất cày lên sỏi đá" nầy hằng năm hầu như đều phải hứng chịu thiên tai tàn phá; đặc biệt là Quảng Nam và Huế, quê ngoại và quê nội của các con. Danh sách mua sắm quà Giáng Sinh của Mẹ năm nầy giới hạn và ngắn hơn, số tiền dư ra vì không phải mua quà Mẹ sẽ đóng góp vào "Qũy Cứu Trợ Nạn Nhân Lũ Lụt Miền Trung 2007" của hội Quảng Đà Miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

Đố Ba và các con biết có món quà Giáng Sinh nào mà mẹ yêu thích nhất khi nhận được không?

Đó là "Tặng Vật Tình Thương" hoặc "Gói Bánh Thủy Chung" từ miền đất xa xôi lạnh lẽo, vượt bao nhiêu dặm đường, bao nhiêu tháng ngày để làm quà tráng miệng ngon ngọt cho tiệc réveillon đêm Noël của gia đình mình từ mấy chục năm qua. Món bánh "*Fruit Cake*" (Bánh Trái Cây Bó Mứt) của dì Hà từ Ottawa, Canada rất đặc biệt ngon chưa từng thấy! Dì Hà phải sửa soạn làm bánh nầy từ tháng 9 rồi ướp rượu rhum hoặc Brandy để tủ lạnh đến đầu tháng 11 thì gởi mail qua cho gia đình mình. Dì Hà là bạn của Mẹ từ ngày xưa ở Lưu Xá Thanh Quan Sàigòn (1960) Trải qua hơn 47 năm tình thân của hai gia đình mặc dù "vật đổi sao dời, biển dâu dời đổi" vẫn gắn bó, gần gũi. Gói bánh Tình Thương nếu năm nào vì lý do kỹ thuật, bưu điện không đưa đến kịp thì các con và ba mẹ như cảm thấy thiếu thiếu hương vị đậm đà quen thuộc của tiệc Giáng Sinh các năm trước. Sáng hôm sau, ngày 25 tháng 12, Mẹ gọi điện thoại cho dì Hà hỏi thăm thì dì ấy cho biết đã gởi hơn 2 tuần rồi mà sao vẫn chưa nhận được. "Thật xui quá!" Vừa nghe giọng nói nhẹ nhàng đầm ấm của bạn, mẹ vừa cảm động vì tình thương chân thật bền lâu, chung thủy của bạn gần nửa thế kỷ qua.

Mùa Giáng Sinh năm ngoái Mẹ cũng nhận được hai món quà tuyệt vời, quý giá khác mà mẹ luôn trân quý vì đó là những tặng vật Tình Thương của hai người bạn ở xa khác. Một *khăn quàng bằng len* màu xám do dì Trà ở tận Vĩnh Long Việt Nam đan cho mẹ. Dì Trà đã hưu trí từ lâu vì ở Việt Nam 60 tuổi phải về hưu – dì đi dạy trường Trung Học trước 1975. Dì Trà bảo: "Khi ngồi đan khăn nầy cho bạn mình đã niệm Phật trong từng mũi kim nên lúc choàng khăn nầy tâm bạn sẽ được AN LẠC." Thật là dễ thương và chứa chan tình cảm phải không các con?

Món quà thứ hai là những tấm thiệp làm bằng tay có ép hoa Mimosa và hoa Pansy viết chữ nắn nót thật đẹp của dì Tuyết ở Los Angeles. Dì Tuyết cũng là bạn ở Lưu Xá Thanh Quan Sàigòn ngày xưa của mẹ hơn 47 năm rồi. Điều đặc biệt là dì ấy đang đi làm cho bộ Xã Hội ở California thì bị bệnh ung thư nên phải nghỉ việc, cả chồng của dì cũng từ chức để ở nhà chăm sóc vợ. Đã qua 5 năm rồi dì vẫn còn khỏe, minh mẫn, vui vẻ và còn dành thì giờ làm mấy tấm thiệp "Thank You - Happy Holiday" để gởi tặng mẹ. Nhận được quà, cầm trên tay mà mẹ xúc động đến ứa nước mắt!

Xin cám ơn Trời Phật đã ban cho mẹ diễm phúc có ***được những người bạn vàng tình chân, những món quà Giáng Sinh tuyệt diệu vô giá.*** Xin thâm tạ Tình Thương sắt son, lâu bền của các người bạn tuyệt vời, dễ thương, hiếm quý của mẹ.

Ba và các con yêu dấu, mỗi năm đi mua sắm quà Noël thì nhớ là món quà đắt tiền chưa chắc sẽ là món quà đáng quý, mà món quà nào gởi gấm được TÌNH THƯƠNG của mình đến người nhận quà mới là món quà tuyệt vời! Đừng quên tấm thiệp bộc lộ lòng Biết ơn hoặc Tình Thân Thương đi kèm với món quà và đặc biệt là: " Cách cho hơn của cho" nữa nha!

Mẹ ôm hôn cả nhà, gia tài hạnh phúc của Mẹ.

Hình gia đình đêm Noel 12/24/2016 (Trích Sách Nhớ Mẹ Âm Thầm - Lê Mộng Hoàng)

CÚC VIỄN PHƯƠNG

Vàng tươi từng lớp nõn nà Xuân
Cảnh ấy vườn ai Cúc ngát trầm
Thao Thức dòng thơ ... Trăng Cổ Độ
Ngẩn ngơ cánh gió, Áo Phù Vân
Non cao tuyết trắng mầu luân lạc
Biển rộng sóng trào khúc viễn âm
Muốn ngược thời gian về phố cũ
Nghe hồi chuông vọng lắng trần tâm.

Tuệ Nga

NĂM "TÝ" NÓI CHUYỆN "*MÈO CHUỘT*"

**** LS Ngô Tằng Giao ****

Chuột là một con vật chuyện nghề gậm nhấm rất giỏi. Mèo là tên gọi một loài thú nhỏ nuôi để bắt chuột trong nhà. Đa số khi nói đến chuột là người ta nhắc đến mèo, và ngược lại. Mèo và chuột kết hợp với nhau lại thành một trò chơi dân gian Việt Nam đã được lưu truyền từ rất lâu đời, mang tính tập thể, giúp giáo dục cũng như tăng tính đoàn kết cho các lứa tuổi học sinh nước ta. Đó là trò chơi "Mèo đuổi chuột".

Ấy vậy mà người đời lại còn định nghĩa "mèo" là gái nhân tình. "O mèo" là tán tỉnh để bắt nhân tình và "mèo mỡ" hay "mèo chuột" là quan hệ trai gái bất chính. Thế là chú chuột chỉ vì dính với chú mèo mà bị coi là xấu xa, tội lỗi, gian tà dâm đãng. Có tự điển còn ghi thêm "giỡ trò chim chuột" là to indulge in love-making! Chuột lại vẫn mang tiếng liên quan tới chuyện "làm tình" nữa! Chuột phải kêu Trời: "Tôi hổng có như vậy! Oan ơi ông Địa!".

Trong hầu hết các tôn giáo, tình dục và trinh tiết đều được xem là thiêng liêng. Khác với hành vi giao phối mang tính dục vọng bản năng ở loài vật, hoạt động tình dục của con người còn bao hàm tinh thần nghĩa vụ với người bạn đời của mình, với cả gia đình và xã hội nữa.

Trong Thiên Chúa Giáo, trong Mười điều răn của Thiên Chúa có ghi là: "Chớ làm sự gian dâm… Chớ ham muốn vợ chồng người". Tội ngoại tình bị coi là gian dâm là hành vi đi ngược lại sự công chính của nước Trời. Chúa Giêsu xếp tội này như là điều xấu xa nhất xuất phát từ lòng dạ con người, làm con người bị ô uế.

Trong Phật giáo, đối với người tại gia, Đức Phật khuyên giữ năm giới. Trong năm giới đó có giới: "không tà dâm". Ai phạm giới này là tự đào bỏ mất thiện căn của mình, bỏ mất đi cái gốc lành, rồi tự đào hố chôn sâu gốc rễ của mình vào vòng trầm luân, bám chặt, dính mắc vào kiếp sống sinh tử luân hồi, không bao giờ thoát ra khỏi thế gian đầy đau khổ này. "Không tà dâm" là không được lấy vợ hay lấy chồng của kẻ khác. Nếp sống tình dục lang chạ bừa bãi của con người sẽ phá hoại thiết chế gia đình. Đức Phật dạy:

"Kẻ ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất bị họa cháy tay. Kẻ say mê sắc dục như cá nuốt lưỡi câu, như thiêu thân bay vào đèn, tự dấn thân vào chỗ chết mà không hay biết."

Vào thời Quân chủ trước kia, sau khi chồng chết nhiều tiết phụ sống trong cảnh mẹ góa con côi, gánh vác hết mọi công việc của chồng, tần tảo nuôi con cho thành nhân, không tái giá. Tiếng đồn vang xa. Những bà vợ thủ tiết, thờ chồng, nuôi con như thế sẽ được nhà vua khen thưởng ban cho ấn chiếu có ghi bốn chữ "Tiết Hạnh khả phong."

Thời nay hình như từ Đông sang Tây mọi chuyện thay đổi gần hết. Nhiều khi người bạn đời hãy còn sống sờ sờ ra đó mà chuyện "ngoại tình" đã xảy ra rồi. Đa phần là lén lút, giấu giếm. Khi chưa "cháy nhà ra mặt chuột", chưa lộ chuyện thì câu trên phải đổi thành: "Tiết Hạnh… khả nghi!" Nhưng được cái tiến bộ là chuyện "tiết hạnh" không chỉ dành riêng để bó buộc phái nữ nữa. Cả phái nam cũng có thể bị chê trách về cái khoản lang chạ "mèo chuột" này. Chính vì thế mà trước pháp luật đã xảy ra lắm vụ tranh chấp. Cuộc vui xác thịt thường chẳng kéo dài được bao lâu nhưng sẽ gây ra nhiều hậu quả rắc rối tơ vò như câu khuyên nhủ: "Sex takes up the least amount of time and causes the most amount of trouble".

Giới bình dân nước Việt ta trước kia không biết có dịp học luật hay không mà cũng giỏi quá chừng chừng, biết tránh né tội gian dâm khi khuyên nhau: "*Trai tân gái góa thì chơi./ Đừng nơi có vợ, chớ nơi có chồng*."

*

Nhân nói đến chuyện "mèo chuột" người ta lại khó quên một nhân vật, đó là bà Ngô Đình Nhu (Trần Lệ Xuân). Trong thời gian làm dân biểu bà đã đưa ra Quốc Hội biểu quyết một đạo luật có tên gọi là "Luật Gia Đình". Luật này quy định mỗi gia đình chỉ một vợ một chồng, không chấp nhận ly dị. Từ 1957, Quốc hội họp bàn sôi nổi về dự án Luật này.

Đối với tín đồ Thiên Chúa giáo thì đời sống lứa đôi chỉ có một vợ một chồng và không được ly dị, nên vấn đề đa thê không cần đặt ra. Nhưng dân chúng Việt Nam không phải tất cả đều là tín đồ Thiên Chúa giáo, cho nên Luật này trên lý thuyết thì hay nhưng trong thực tế không phù hợp với bản chất và nếp sống của quảng đại quần chúng lúc bấy giờ. Cứ vô tư mà xét thì Bộ Luật Gia Đình là một bộ luật văn minh, đã cởi trói cho phụ nữ và đem lại sự bình đẳng giữa nam và nữ. Bộ luật này ra đời chính là để Bảo Vệ Hạnh Phúc gia đình, xóa đi cái tục lệ hủ lậu "*Trai năm thê bảy thiếp. Gái chính chuyên một chồng*". Than ôi! Thời… vàng son oanh liệt rất "hoành tráng" của giới mày râu nước Việt còn đâu nữa. Chấm dứt cảnh: "*Chồng giận thì vợ làm lành / Miệng cười tủm tỉm rằng anh giận gì./*

Sao anh vội giận em chi / Muốn cưới vợ bé em thì cưới cho."

*

Khi người chồng hoặc người vợ phạm lỗi "mèo chuột", ngoại tình thì biện pháp giải tán hôn nhân mà người ta thường hay theo nhất là "ly dị" vì có sự bất hòa và vợ chồng không còn thấy thích hợp để tiếp tục chung sống cùng nhau nữa. Cũng có thể gọi đây là trường hợp cô đơn. Một nỗi cô đơn "đồng sàng dị mộng", tuy chung sống dưới cùng một mái nhà nhưng hai tâm hồn lại "gửi gió cho mây ngàn bay" theo hai hướng khác nhau. Tây họ gọi là "solitude à deux" (cô đơn tay đôi). Không rõ sau khi tan hàng có bên nào hối tiếc mà rên rỉ cất tiếng hát rằng: "Lệ xóa cho em được không những kỷ niệm đắng. Lời nói yêu thương ngày xưa có trở về tìm?…"

Cũng cần lưu ý rằng "ly dị" (divorce) là một từ ngữ pháp lý nói về chuyện vợ chồng chính thức có "hôn thú" hợp pháp mà bỏ nhau. Có nhiều trường hợp nam nữ cùng nhau chung sống nhưng không làm hôn thú. Tuy có yêu nhau nhưng họ đều ngần ngại cưới xin vì cùng theo quan niệm của cách ngôn Pháp cho rằng: "*Yêu là bình minh của đám cưới và đám cưới là hoàng hôn của tình yêu*." Hơn nữa trong tiếng Anh thì cần lưu ý rằng ngay trong chữ "lover" (người yêu) có ẩn tàng chữ "over" (chấm dứt) rồi còn chi nữa!

Chuyện vợ chồng ở nước Hoa Kỳ này cũng bỏ nhau dễ dàng... "như thay áo", mới nghe tưởng như giễu! Ai ngờ lại chẳng xa sự thực là mấy! "Đá mòn thì tình cũng… mòn theo" đó mà! Chứ không phải như câu hát "Thương hoài ôi ngàn năm còn đó đá mòn mà tình có mòn đâu. Tình đầu là tình cuối người ơi. Suốt đời mình nguyện cầu lứa đôi."

Theo thống kê pháp lý vào những năm gần 2000 thì hầu như một nửa các cuộc hôn nhân trên đất Hoa Kỳ đều được chấm dứt bằng một màn ly dị. Con số này so với năm 1950 đã tăng gần gấp đôi. Chắc chắn con số thống kê mới cho những năm sau 2000 của thế kỷ 21 này sẽ phải gia tăng thêm nữa vì đó là… "chân lý" không bao giờ "nhúc nhích"! Khắp trên thế giới, Hoa Kỳ vẫn là "cường quốc" dẫn đầu về mọi thứ, kể cả chuyện ly dị. Nghe nói gấp đôi nước Anh và gấp mười lần nước Nhật cơ đấy!

Cái vụ tan hàng này chắc là do ảnh hưởng từ mấy chàng "quân tử" Tàu trước kia vì mấy chàng này có quan niệm chê chuyện luyến ái nam nữ là "Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản", khi mê đắm đàn bà, đàn ông kém đi cái chất oai hùng; vì thế cần coi nhẹ chuyện luyến ái. "Huynh đệ như thủ túc – Phu thê như y phục", vợ chồng như tấm áo cái quần, không có cái này thì shopping mua cái khác, chuyện nhỏ!

Từ buổi ân ái "động phòng" cho tới khi "động tâm" vì chuyện "mèo chuột" và cuối cùng đưa tới hồi "động thủ" tay chân loạn đả nhiều khi cũng chẳng lâu

la gì cho cam. Hồi nào còn cùng “ka ra ô kê” bài “Yêu ai yêu cả một đời...” vậy mà bây giờ lại chuyển giọng diễn ngâm “tao đàn” bài “Giây phút chạnh lòng” của Thế Lữ: “Anh đi đường anh, tôi đường tôi / Tình nghĩa đôi ta có thế thôi”. Buồn!

*

Theo luật pháp Hoa Kỳ thì “ly dị” (divorce). có hai hình thức: “ly dị không lỗi” (no-fault divorce) và “ly dị vì lỗi” (fault divorce).

- “Ly dị không lỗi” (no-fault divorce): Là thủ tục ly dị trong đó người nạp đơn xin ly dị không cần phải minh chứng rằng người “phối ngẫu” (spouse) kia (tức là người vợ hay người chồng kia của mình) đã phạm vào một điều tội lỗi gì. Một số tiểu bang chấp nhận kiểu ly dị không lỗi này. Hai vợ chồng chỉ cần cùng đồng ý là mình vì không hợp nhau (get along) nữa là đủ “bái! bai!” nhau rồi!

- “Ly dị vì lỗi” (fault divorce): Về mặt pháp lý thuần túy thì đa số các cuộc ly dị là do một bên vợ hay chồng phạm “lỗi”. Nguyên do ly dị vì lỗi thay đổi trong từng tiểu bang ở xứ Hoa Kỳ, nhưng nói chung là: (1) “Bạo hành, ngược đãi” (cruelty), tức là gây ra những sự đau đớn về thể xác hay về tinh thần cho người kia. “Bạo hành về thể xác” là “physical cruelty”. Còn “Bạo hành về tinh thần” là “mental cruelty”. (2) “Bỏ phế gia đình” hay “Bỏ cư sở hôn nhân” (desertion and abandonment). (3) Bị kết án và bị “giam giữ trong lao tù” (confinement in prison) thường là về một tội hình sự (crimes). (4) “Không có khả năng về sinh lý” (physical inability to engage in sexual intercourse) để có thể hoàn tất nghĩa vụ vợ chồng trong việc “chung chăn chung gối”, nếu điều này không được tiết lộ trước khi kết hôn... Đây là sự "bất lực" (impotency). (5) “Điên, mất trí” (insanity). Nếu bị bệnh tâm thần vĩnh viễn không thể chữa khỏi và (6) “Ngoại tình” (adultery).

Ngoại tình hoặc còn gọi là hành động “chuyển nhượng tình cảm” (alienation of affection). Đây là hành động tình dục, sự liên hệ xác thịt giữa một người đang có vợ có chồng với một người khác, khác hơn là người chồng hay người vợ của chính mình. Ngoại tình có thể vừa là một tội phạm về mặt hình sự, vừa là một lý do để ly dị về mặt dân sự, tùy theo pháp luật từng tiểu bang.

Cụ Trần Tế Xương từng phán: “Một trà, một rượu, một đàn bà / Ba cái lăng nhăng nó quấy ta / Chừa được cái gì hay cái nấy / Có chăng chừa rượu với chừa trà!” Vì tại quê nhà có lắm “cỏ non” nên nhiều quý ông lớn tuổi nghĩ đến việc hưởng thụ, tìm những quan hệ tình cảm mới để tô điểm cho tuổi vàng “golden years” của mình được có thêm phần ý nghĩa theo đúng câu “trâu già ham cỏ non”. Cái tội ngoại tình không phải chỉ dành riêng cho người chồng, người vợ cũng có thể phạm tội chứ vì “Nam nữ bình quyền” mà! Nên

nghe nói cũng có lắm "phi công trẻ" hành nghề… "lái máy bay bà già" nữa đấy. Các tay trẻ này sẵn sàng hầu hạ chiều chuộng quý bà… xồn xồn nhưng lắm bạc! Nếu cả đôi bên vợ chồng đều phạm tội ngoại tình thì cái cảnh "ông ăn chả, bà ăn nem" này dễ bị tòa án bác đơn xin ly dị.

Một điểm khác là khi có chuyện ngoại tình xảy ra nếu muốn ly dị thì phải ly dị ngay. Nếu nghe lời nỉ non đường mật cho rằng "Chuột khôn cũng thể chuột nhà / Dầu khôn dầu dại cũng là chồng em" hoặc nghe bản nhạc "Kiếp đam mê" của Duy Quang: "…Tôi xin người cứ gian dối. Nhưng xin người đừng lìa xa tôi...." mà bỏ qua và tiếp tục chung sống hoà bình thì coi như một sự "tha thứ ngoại tình" (condonation), sau này nếu đổi ý thì không còn có quyền để nêu vấn đề ngoại tình mà đòi ly dị nữa. Nhưng nếu người "phối ngẫu" sau khi được "tha thứ" lại ngựa quen đường cũ, giở thói trăng hoa "mèo chuột" một lần thứ hai nữa thì đây là một sự kiện "mới" và lần "tái phạm" này vẫn có thể bị kiện ly dị vì ngoại tình.

Ly dị cũng còn được gọi là "ly hôn" hay "giải tán hôn nhân" (dissolution of marriage). Đây là bản án của tòa án tuyên phán một cuộc hôn nhân không còn tồn tại nữa. Tòa án hủy bỏ các trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm của hôn nhân và các ràng buộc dân sự khác. Bản án ly dị giúp cho cặp vợ chồng được phân chia tài sản, quyền giám hộ, quyền thăm viếng và trợ cấp con cái (nếu còn nhỏ) v.v… Sau đó cả hai người hôn phối được trả lại đời sống độc thân và tự do tái hôn làm lại cuộc đời.

Phán quyết ly dị của Tòa án thể hiện dưới hai hình thức: (1) Nếu hai bên vợ chồng thuận tình ly dị thỏa thuận với nhau giải quyết được tất cả các nội dung quan hệ vợ chồng thì toà án công nhận và ra phán quyết dưới hình thức là "quyết định". (2) Nếu vợ chồng có mâu thuẫn, tranh chấp thì Tòa án ra phán quyết dưới dạng "bản án" ly dị.

Bọn trẻ "bái bai" nhau sau năm, bảy năm "đầu gối tay ấp" thì người ta gọi là "ly dị nóng" (hot divorce), còn quý vị cao niên hát bài ca giã từ nhau sau ba, bốn chục năm "quạt nồng ấp lạnh" thì đó là "ly dị nguội" (cold divorce). Có người triết lý: "Biết bao người đàn ông chỉ yêu một má lúm đồng tiền mà dại dột cưới nguyên cả một người đàn bà!" Để rồi sau đó chẳng còn ca tụng "tình em như tuyết giăng đầu núi, vời vợi muôn thu nét tuyệt vời" nữa!. Khi chưa lấy nhau, Nguyên Sa bảo "em là con mèo ngái ngủ trên tay anh". Lấy nhau rồi, em có thể biến thành một sư tử Hà Đông lúc nào chẳng biết! Thật hồi hộp quá!.Người ta còn nói: "Tuổi trẻ thì ao ước: 'tình yêu, tiền bạc và sức khỏe.' Một ngày kia khi về già họ sẽ ước ao: 'sức khỏe, tiền bạc và tình yêu!'." Kể cũng chí lí đấy chứ nhỉ?

*

Nhân dịp năm mới và tán chuyện "mèo chuột" chúng ta thử điểm qua một số chuyện ái tình và hôn nhân của một số lãnh tụ "tai to mặt nhớn" xem sao?

Tại nước Pháp thì thấy Tổng thống của nước này là François Hollande khôn quá. Chàng không bao giờ chịu ký hôn thú gì hết trơn hết trụi! Chàng đã từng lần lượt hứa đưa mấy em về… "chân trời tím". Sau khi "gom hết mây hai đứa xây lâu đài yêu" tại điện Elysée chàng lại chơi trò "có mới nới cũ". Chàng cho về hưu sớm hai bà vợ không bao giờ cưới của mình nay đã về già là Ségolène Royal, 61 tuổi, từng là lãnh tụ trong đảng Xã Hội Pháp, rồi đến Valérie Trierweiler, 51 tuổi, một nhà báo làm cho tờ báo nổi tiếng của Pháp, Paris Match, để tòm tem với một em sexy hơ hớ xuân xanh là Julie Gayet, 41 tuổi. Chắc chàng khoái câu ngạn ngữ Đức: "Thiếu nữ là nho tươi, gái già là nho khô".

Các bà vợ (cũ) của Tổng thống Pháp muốn vào ở điện Elysée vì thương chàng Hollande hay chỉ muốn làm Đệ nhất Phu nhân với quyền lực tột đỉnh, với đời sống kiêu sa? Con người ta say mê quyền lực có khi còn mãnh liệt hơn tình yêu nữa. Kissinger từng đưa ra nhận xét: "Quyền lực là chất kích thích và quyến rũ đàn bà mãnh liệt hơn hết". Với thành tích tình cảm "sống chung hòa bình" không hôn thú này François Hollande quả thật là một tay "playboy" Phú Lãng Sa thứ thiệt. (Vớ vẩn, cứ khen phò mã tốt áo mà làm chi!) Mới đây vào đầu năm 2014 chuyện của chàng bị tờ báo lá cải Closer phanh phui ra tùm lum cả. Điện Elysée lên cơn rung chuyển.

Vào tháng 1-2014, chính ông Hollande xác nhận với Valérie Trierweiler nguồn tin ông có quan hệ tình cảm thầm kín với Julie Gayet là sự thật. Valérie Trierweiler liền nổi cơn "tam bành lục tặc", không thể kiềm chế nổi, bị khủng hoảng thần kinh cực kỳ hung hãn. Sau đó có tin là trong cơn giận dữ, bà này đã chụp những chiếc dĩa, đồng hồ xưa, chiếc bình cổ của Điện Elysée ném vào ông Hollande. Nhơn viên an ninh đã phải can thiệp để bảo vệ Tổng thống. Công ty Động sản Quốc gia (Mobilier National) được Elysée gọi tới khẩn cấp để tu bổ đồ đạc bị hư hỏng ước tính sự thiệt hại phải lên tới 3 triệu euros. Đó không phải là tài sản của riêng ông Hollande, mà là tài sản quốc gia. Sau đó Valérie Trierweiler ra một cuốn sách, tựa đề "Cám ơn thời hạnh phúc ấy" (Merci pour ce bon moment). Nàng kể chuyện tình ái giữa nàng và ông Tổng Thống, luôn tiện "tố cáo" tất cả tính xấu của ông. Trước để trả thù, sau tiện thể làm ăn kiếm "tí tiền". Tại Pháp cuốn sách này bán rất chạy, chỉ mới ba tháng đầu, mà bán sơ sơ đã 600,000 cuốn rồi. Tác giả có khoảng cả triệu tiền huê hồng. Đấy là chưa kể từ nay sách sẽ được dịch ra đủ thứ tiếng!

Đây không phải là lần đầu tiên chuyện tình cảm của một lãnh đạo

Pháp chuẩn bị sắp đi thăm viếng ngoại giao nước Mỹ khiến Nhà Trắng đau đầu. Năm 2007, Tổng thống Pháp khi đó là Nicolas Sarkozy từng bất ngờ tuyên bố ly dị người vợ thứ hai, Cécilia Attias, chỉ vài tuần trước một chuyến công du chính thức thăm Washington. Chương trình tiếp đón cả hai vợ chồng "quốc khách" nay phải thay đổi vào giờ chót. Thật phiền hà!

Riêng Tổng thống Pháp Félix Faure (sinh năm 1841) nổi tiếng về số bồ đông đảo. Ông phải cho làm một con đường hầm dẫn vào điện Elysée để các bà bồ ra vào kín đáo hơn. Qua đời vào năm 1899, lúc mới 58 tuổi, ông còn nổi tiếng là "hiệp sĩ chết trên lưng ngựa" trong khi đang cùng nhau làm tình trong văn phòng với cô đào Marguerite Steinheil mới 30 tuổi (died suddenly while engaged in sexual activities in his office). Cái chết của ông một thời làm sôi nổi báo chí Pháp. Nhân đó người ta nhớ lại là Vua François 1er từng có một câu nói để đời, có lẽ câu này đã gây ảnh hưởng mạnh đến các vị Tổng thống và chánh khách Pháp trong các thế hệ sau đó. Ông vua này nói: "Cung điện mà không có đàn bà (hoặc tình nhân hay cung phi) thì cũng giống như khu vườn trong hoàng cung mà không có bông có hoa vậy".

Tại nước Cờ Hoa thì chuyện về chàng Tổng Thống Bill Clinton cũng hấp dẫn không kém. Ai cũng biết tội "mèo chuột" khó chứng minh được trước tòa án khi "dâm vô tang, đạo vô tích", khó bắt được quả tang chuyện "trai trên gái dưới", chuyện... "ma ăn cỗ", trừ khi chính các con "ma" đó sau khi "ăn cỗ" linh đình cùng nhau xong lại không chịu chùi mép mà còn viết sách, viết hồi ký để hào hứng tường thuật lại nội vụ thì không kể.

Thật vậy! Cứ theo rõi chuyện người đẹp Gennifer Flowers vào năm 1995 viết sách lấy tựa đề giật gân là "Passion & Betrayal" (Đam mê và Phản bội) thì rõ ngay. Người đẹp viết sách kể lại những chuyện hào hứng của mình với ngài Clinton. Nàng vốn là ca sĩ kiêm ký giả đã yêu chàng từ khi chàng chưa làm Tổng Thống, mà còn là Bộ Trưởng Tư Pháp của tiểu bang mà thôi. Chàng thường hay lân la đến căn phòng của nàng để... "giao du thân mật", dù chàng "ván đã đóng thuyền" (nhiều người quá bi quan nên sửa lại là "ván đã đóng hòm") với bà vợ cũng là một thày kiện!

Là gốc thày kiện Mỹ nên chàng không được quen thi sĩ Đinh Hùng để mà nghe lời khuyên: "Ôi cám dỗ! Cả mình em băng tuyết, / Gợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân. / Ta gần em, mê từng ngón bàn chân, / Mắt nhắm lại, để lòng nguôi gió bão". Đáng tiếc. Thế rồi không rõ chàng đã mở mắt ra "chiêm ngưỡng" thân thể nàng theo kiểu nào mà nàng viết để "diễn tỏa" về cái nhìn gió bão của chàng như sau: "Cái nhìn không những như muốn thoát y em (undress me)... Cái nhìn như muốn lật ngửa em lên và xuyên từ trong ra ngoài

(turning me upside down and inside out just by looking at me)". Trong một đoạn khác nàng viết: "Chúng em thèm khát thân xác nhau vì lâu chưa được thỏa mãn. Em thèm khát chàng và rồi chúng em làm tình với nhau hưng phấn như thủa ban đầu gặp gỡ (I was starved for him, and we made love as if it was our first time)". Khỏi cần phải làm thầy bói, thày tướng số, nghe chuyện này người ta cũng có thể đoán trúng ngay phóc rằng chàng thì tuổi… "con dê" còn nàng thì cầm tinh con... "ngựa".

Chưa hết! Lại còn thêm một chuyện nữa về nàng Monica Lewinski. Monica gặp Clinton (lúc này đã là Tổng Thống) lần đầu vào mùa hè 1995, khi đó nàng mới 22 tuổi. Chàng tuổi tác hơn nàng gấp đôi. Nàng được tuyển dụng làm thực tập viên tại Toà Bạch Ốc. Một hôm nàng giáp mặt Clinton khi chàng đứng một mình trong căn phòng của chánh văn phòng. Nàng nói: "Bốn mắt chạm nhau" (intense eye contact) và nàng muốn đứt thở (my breath was taken away). Ngay tối hôm đó hai người chung đụng thể xác lần đầu (blow job) và sau đó tái diễn nhiều lần… Nàng nói chàng có tia nhìn "chết người" như muốn lột trần quần áo trên người nàng, rất ham muốn, rất thèm thuồng và rất đáng yêu (his eyes were very soul-searching, very wanting, very needing, and very loving).

Trong cuốn "Monica's story" nàng kể lại buổi gặp gỡ đầu tiên: "Ông ôm tôi, hôn tôi trước và thoáng chốc cả hai không còn một mảnh áo che thân. Nhiều người chê cười tôi để mất phẩm giá khi thoả mãn ông như thế. Nhưng ông đã chứng tỏ là người đàn ông tuyệt vời. Thú thật tôi đã đạt tới cực điểm trước ông (I had the first orgasm of the relationship). Lần gặp thứ nhì, cũng tại thư phòng, trong bồn tắm. Tôi chậm rãi cởi từng nút áo ông. Phản ứng tự nhiên, ông thót bụng lại, bối rối (vì bụng ông hơi to), tôi nói vài câu ve vuốt, trấn an ông. Và trước mặt tôi, là một người đàn ông đời thường, không có vẻ gì là một Tổng Thống Hoa Kỳ." Mãi tới tháng 5 năm 2014 Lewinski mới thỏ thẻ nói rằng mối quan hệ hồi thập niên 1990 với Clinton là sự việc giữa hai người trưởng thành và có sự đồng thuận. Lên tiếng trên Vanity Fair, nàng giờ đây đã 40 cái xuân xanh tuyên bố: "I, myself, deeply regret what happened between me and President Clinton…" (Bản thân tôi rất ân hận về những gì đã xảy ra giữa tôi và Tổng thống Clinton…)

Ái tình có những lạc thú chan chứa ngọt ngào như mật ong nhưng cũng luôn luôn có những hình phạt chen lẫn với mật đắng như thi sĩ La Fontaine từng phát biểu: "L'amour a ses plaisirs aussi bien ses peines." Mark Twain cũng có nói: "Everyone is a moon and has a dark side which he never shows to anybody" (Mỗi người là một mặt trăng và có một phía tối tăm mà không hề phô bày ra cho ai thấy cả).

*

Trong hôn nhân chúng ta cũng không nên quá bi quan khi nghe được dăm ba cái chuyện "phản bội nhau" trong cõi đời ô trọc này! Ba cái lặt vặt đó không đáng để tâm làm gì! Xin mời đọc đôi lời tâm sự đăng trên mục "tưởng nhớ" cạnh bên mục "cáo phó" của tờ báo Washington Post ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn để thấy cái tình cảm mặn nồng vợ chồng không phải lúc nào cũng dễ phai, đồng thời ngẫu hứng xin chuyển dịch thành đôi vần thơ "lục bát" tiếng Việt.

Đây là lời một bà vợ nhớ chồng, nhờ nhà báo đăng tải để phơi bày nỗi lòng chung thủy:

- "On this 51st year of our wedding day,
These are lonely times,
Recalling joys which we shared,
Only yours and mine.
I can feel you near, although you're far away,
Sharing your love with me on our special day."
(Forever, your Wife, Fran)

- "*Ngày này, xưa kết lứa đôi*
Đã năm mươi mốt Xuân rồi chóng qua
Giờ Em cô độc xót xa
Một mình nhớ lại tình ta thuở nào
Chung vui hạnh phúc ngọt ngào
Chỉ riêng đôi lứa, dạt dào yêu thương.
Nay dù Anh khuất Thiên Đường
Mà Em vẫn tưởng Anh đương cạnh mình
Để cùng chia sẻ duyên tình
Nhân ngày kỷ niệm Lễ Thành Hôn xưa!"
(Muôn đời, Vợ của Anh, Fran)
(Tâm Minh chuyển dịch thơ)

Đây là lời một ông chồng nhớ vợ (sinh 1944 - mất 1998):

- "I lost a life companion,
A life linked with my own,
Day by day, I miss you more,
As I walk through life alone.
How sad is this day to me,
The day on which you died
Your memory will cling to my heart,
Until I rest by your side."
(Your Loving Husband)

- *"Bạn đời Anh đã mất rồi,*
Ta từng khăng khít lứa đôi yêu kiều,
Ngày trôi càng nhớ thêm nhiều
Khi Anh lẻ bước cô liêu dòng đời.
Nhớ ngày sầu não giăng trời
Là ngày Em vội lìa nơi dương trần,
Nhớ Em, lòng nhớ vô ngần
Mong khi chết được mộ phần bên nhau!"
(Người Chồng Yêu Thương của Em)
(Tâm Minh chuyển dịch thơ)

Như vậy trên bàu trời tình ái thênh thang không thiếu chi những vì tinh tú rực rỡ thủy chung, phô ra muôn vẻ đẹp đẽ của tình nghĩa vợ chồng đấy chứ nhỉ? Thôi thì nhân dịp năm hết Tết đến sao chúng ta không tạm gác chuyện "mèo chuột" qua một bên. Đừng truy tìm quá khứ! Đừng kỳ vọng tương lai! Hãy vui với hiện tại! Cùng nâng ly đón mừng năm mới, năm con Chuột! Cung Chúc Tân Xuân! Happy New Year!

LS. Ngô Tằng Giao

HẠNH-PHÚC

Em thấy đấy: vì sao anh đã quyết
Chọn đưa em về giới-thiệu gia-đình?
Dẫm sau gót những tình yêu tha-thiết
Của bao cô hy-vọng chiếm tim mình!

Từ dạo ấy lòng anh mang mối hận
Bởi không làm thỏa-mãn mọi tình yêu,
Với ý nghĩ: biết bao người oán giận
Mình đong-đưa như gió sớm,
mây chiều!

Đời thắm đẹp
nhờ muôn hương vạn sắc;
Một cánh hoa khôn dệt nổi xuân vàng!
Anh biết thế nên lòng anh thắc-mắc
Thương bao cô mắt lệ ướt hai hàng.

Nhưng nghĩ lại: lòng tham vô-giới-hạn,
Túi hẹp nông khôn nhốt hết kho trời!
Anh đã chọn một riêng em làm bạn,
Các cô kia đành lỗi mộng chung đời!

Như thế đó, tình anh như thế đó,
Em biết không? em có hiểu cho không?
Chọn một đóa để buông lìa cả bó
Vì anh tin em sắc thắm, hương nồng.

Em đã thấy vai trò em hệ-trọng:
Một bông hoa đại diện cả mùa hoa?
Anh sung-sướng, anh tràn-trề hy-vọng;
Em, em ơi, đừng để mộng phai nhòa!

Em hãy quyết cùng anh xây tổ ấm,
Dù chông-gai, dù bão-tố ngang trời;
Xây cho trọn một túp lều hoa gấm
Từ hôm nay cho đến lúc xa đời.

Vì đất nước chỉ thanh-bình thịnh-vượng
Khi dân-nhân xã-hội được vui hòa,
Mà họ-mạc xóm-giềng là viễn-tượng
Của gia đình xây dựng giữa hai ta!

17-01-1955

THANH-THANH

TẾT NÀO MÌNH GẶP LẠI?

** Nguyễn Lân **

Cả nhà quây quần bên bàn ăn. Đêm Ba Mươi thật êm đềm, ấm cúng. Tấm khăn ren trải bàn trắng càng làm nổi những món ăn đặc thù ngày Tết… nào bún mọc, chân giò hầm măng, giò thủ, miến xào cua, hạnh nhân, chả giò, cuốn ăn cặp với dấm bỗng bên cạnh hơn chục bát bún thang tươm tất những sợi vàng mỏng trứng chiên, giò lụa thái chỉ, thịt lợn nạc xé phay nổi trên nền bún trắng muốt, đĩa bánh chưng dền xanh mát màu cẩm thạch to dầy trông đậm đà nằm giữa bàn… đặc thù của dân Hà Nội trước 54. Đúng là một gia đình Bắc Kỳ chạy Cộng Sản. Và đêm nay, đêm Ba mươi tại thủ đô Sài Gòn hoa lệ.

Hoàng ngồi lặng trong cảnh đoàn tụ mỗi năm chỉ có một lần vào đêm Ba Mươi rạng sáng Mồng Một. Có bà, có mẹ, có cậu nuôi, có anh chị em, có các cháu như những Tết năm xưa nhưng sao chàng vẫn thấy trống vắng. Chàng đương nghĩ tới Vân Kiều, cô cựu nữ sinh và là người yêu của chàng vừa chia tay chiều nay. Hai người chưa chính thức thành hôn nhưng hai bên gia đình đã mặc nhiên chấp nhận. Sáng mai, Hoàng sẽ sang chúc Tết mẹ người yêu và nàng sẽ theo chàng về chúc thọ bà và chúc Tết cả nhà. Chỉ có đêm nay xa vắng mà sao Hoàng bồn chồn lo lắng thế? Có cái gì báo trước một sự việc không lường sắp xảy tới? Không, có gì đâu! Cậu Tân vẫn châm chọc chị Thủy, anh Sơn vẫn vui vẻ nói bố láo những chuyện trong trí tưởng tượng, em Vân vẫn liếc mắt tình tứ với hôn phu, chàng nhạc sĩ có giọng ngọt ngào đầm ấm. Tối nay cậu em rể tương lai Ngu Ý sẽ ca nhiều bài để tặng gia đình vợ và để đánh dấu một đêm trừ tịch, đêm đầu tiên bước vào gia đình này.

Hoàng lại nhớ ánh mắt Vân Kiều chiều nay, một chiều tà u tịch trước lối rẽ vào nhà nàng. Đôi mắt huyền mở rộng hơn trong bóng tà hôn buồn bã như trao lời vĩnh biệt.

Hoàng kêu lên: “Em! Em làm anh lo! Sáng mai quãng 9 giờ anh tới mừng tuổi má rồi chúng mình về đằng anh chúc thọ bà và mừng tuổi me anh. Từ mai trở đi, mình sẽ không xa nhau nữa! Đừng nhìn anh như thế!”

Ánh mắt não nùng thoáng tia vui nhưng trong không gian thoảng tiếng thở dài.

Bóng Vân Kiều mờ dần trong ngõ… Hoàng nhắm mắt lại tưởng như khuôn mặt thanh tú, đôi mắt huyền mơ ẩn sau hàng mi cong đậm, đôi môi hồng như hé đóa hàm tiếu mà nhiều lần chàng vẫn đắm đuối đặt lên nụ hôn nồng ấm. Hoàng thấy mình hạnh phúc quá. Cái gì đến với chàng cũng toàn bích như ý. Thế sao vẫn tiềm ẩn một nỗi lo âu trong con người chàng?

Giọng mẹ rỉ rót: “Con sao thế? Đã ăn chậm mà còn thừ người buông đũa như mất hồn vậy?”

Hoàng giật mình, thú nhận: “Con đang nghĩ tới Vân Kiều. Ban chiều đưa về sao cặp mắt em thấy buồn quá, mẹ à”.

Mẹ giục giã: “Ăn đi. Ngày mai đến đón em”.
Bỗng… ầm… một tiếng nổ dữ dội không xa. Rồi… ầm ầm… tiếng bom rơi…
Cậu Tân đứng bật dậy nói như ra lệnh: “Việt Cộng tấn công! Các anh các chị về nhà ngay thu xếp đêm nay lên Sài Gòn. Chúng nó tiến chiếm Gia Định. Tôi lo vài việc rồi về đón bà và me đêm nay. Mình sẽ tụ họp tại căn nhà trống ba tầng của me tại Trần Quí Cáp. Thôi, giải tán!”.
Cả nhà xôn xao. Anh Sơn giữ cậu Tân lại giọng lo lắng: “Cậu biết VC ra tay đêm nay?”
Cậu Tân lắc đầu: “ Tình báo bên mình đã cho hay chúng sẽ tấn công Gia Định nhưng không biết lúc nào. Không ngờ đúng đêm Giao Thừa!”
Tạch… tạch… đùng… đùng… véo… véo…
Trẻ con đang chơi rút bất, quăng cả bài, ôm lấy bố mẹ. Cu Út, con chị Thủy sợ quá, khóc thét. Các anh, các chị vội vã ôm hôn bà ngoại và mẹ, tay bồng tay dắt đám con cái ra khỏi nhà.
Hoàng nói với cậu Tân: “Cháu ở lại với bà và mẹ chờ cậu!”
Cậu Tân giọng gắt: “Anh lên Sài Gòn trước đi, thu xếp nhà cửa phòng ốc để bà, mẹ lên có chỗ nghỉ ngơi đêm nay. Tôi đi chừng nửa tiếng sẽ về ngay mà”.
Hoàng không dám cãi lời, vội vã ra khỏi nhà. Nhưng thay vì lên ngả cầu Bông phía bắc hướng Sài Gòn, Hoàng hối hả lái xe về phía nam hướng nhà Vân Kiều. Trên đường xe cộ tấp nập xô bồ hỗn loạn, người bộ hành giàng giật nhau đi. Tiếng la thét, tiếng rên rỉ… Không thể chen lấn được nữa, Phong đành bỏ xe tại góc đường Ngô Tùng Châu, đầu đường nhà Vân Kiều. Khu này đang bị VC tấn công. Tiếng súng càng lúc càng to, càng gần xen lẫn tiếng bom dội vang vọng xé màng tai. Quân đội ta đang trả đũa, không quân thả bom đúng tiêu điểm. Đây, Ngã Năm Bình Hòa, vùng tử địa của tàn quân Việt Cộng. Nhưng đau lòng thay, bao nhiêu mái nhà đổ nát, những vách tường tan hoang vì bom đạn, người dân gục ngã trên vũng máu đào! Xác bọn chiến binh Cộng Sản xấp ngửa đó đây, mặt mũi bê bết bùn và máu, thân thể tả tơi, tay cụt chân gẫy. Nhìn những khuôn mặt trẻ măng của bọn du kích Việt Cộng mà Hoàng không khỏi ngậm ngùi. Những đứa con nít này hy sinh cho ai, cho lý tưởng gì? Chúng còn trẻ quá, 15, 16, tuổi đương lớn. Chúng đã hy sinh cho một lũ bán nước, cho một chủ nghĩa phi nhân bản. Thật vô lý! Thật tội nghiệp!

Nhớ tới người yêu Hoàng mạnh dạn dấn mình trong lửa đạn, tránh những mảnh bom tan vụn trên đầu rồi rơi vào vũng nước còn xèo xèo bốc khói bên cạnh. Có vật gì đu đưa trên đầu… thì ra… trên một cành cây lớn còn vắt vẻo cánh tay trần nuột nà đẫm máu của ai đó, một người con gái nào chết không toàn thây. Mùi khói thuốc súng khét lẹt, bụi mịt mù nguyên cả vùng Hoàng đương lao tới để tìm đến người yêu. Quanh chàng là một bãi chiến trường còn lại… cây cối gẫy đổ ngổn ngang, xác người rải rác, những mái nhà thủng lỗ, những vữa tường loang lổ bể từng mảng, những mảnh đất bị cầy nát, những chiếc xe hơi rúm ró, những chiếc xe đạp cong queo. Mùi chiến

tranh lợm giọng đau thương.

Nhà nàng kia… nhà đấy sao mái như lệch hẳn, như muốn xụp. Hoàng dượm chạy tới nhưng tiếng đạn vèo bên tai khiến chàng phải nằm rạp, úp mặt xuống đất rồi trườn mình bò đi. Trông nhà không xa mà thật khó khăn tới gần. Thời gian như ngưng trôi. Tim chàng như lửa đốt. Cả gia đình ra sao dưới mái bị tróc nóc?

Bước qua xác một chiến binh Việt Cộng, né tránh những mảnh bom tơi tả, nép mình trước hàng dậu nhà Vân Kiều, chàng trườn mình lách những bụi cây, bò dần vào bên trong nhà. Một cảnh tượng hỗn độn tan tác ngay trước mắt. Bàn ghế gẫy đổ, chậu kiểng tan tành, vật dụng trong tủ kính bể rơi nát bấy, tranh ảnh tung toé trên sàn đá hoa đây đó bị xới tung.

Hoàng hét to: "Vân Kiều! Vân Kiều!".

Ầm ì tiếng bom, vi vút tiếng đạn trả lời.

Xác Ba nàng nằm xấp ngay sau lưng chiếc tràng kỷ gỗ gụ, máu còn rịn rỉ trên lưng. Mẹ nàng co quíu ngay bên cạnh, máu đã bầm đầy đặc quanh đường đi của viên đạn xuyên qua trán. Trước cửa bếp, anh Phong chết đứng, lưng tựa vào tủ lạnh kẹt cứng bởi vách tường màu hồng kế bên, tay còn cầm chai rượu mùi, cổ anh nơi lỗ đạn chọc thủng khô đặc máu đen. Còn nàng, Vân Kiều đâu, Vân Kiều, Vân Kiều ơi?!

Hoàng khựng lại trước cửa phòng ngủ. Nàng đấy, bất động trên nệm chăn trắng toát loang lổ máu đào. Hoàng chồm tới, ôm đầu Vân Kiều ấp vào ngực. Người nàng chưa lạnh hẳn dù tim đã ngưng đập, môi đã tái, nhưng cặp mắt còn mở rộng… như chờ đón thu hình ảnh của Hoàng. Hoàng hoa mắt… chàng thấy nàng đứng ngay trước mặt, cười mỉm y như tháng trước nàng diễn vở Vân Muội của thi sĩ Vũ Hoàng Chương kỷ niệm Tết Mậu Thân sắp đến cho trường Gia Long – thi kịch liêu trai – mà vai Vân Muội là một oan hồn xuất hiện. Nàng đã diễn thật xuất sắc đắm mình trong những câu thơ não nùng mà chính tác giả cũng phải xúc động:

"Em đã chết, thôi rồi, Vân Muội
Còn nói chi rằng nối tiền duyên
Đành thôi ngàn kiếp ly uyên
Luân hồi đây vẫn còn nguyên hận tình".

Hoàng dang rộng tay chồm tới… nàng vẫn còn đó cho cặp mắt chàng nhưng không có trong vòng tay chàng. Bàn tay ai manh mẽ giữ cứng chàng lại: "Cô ấy đã đi rồi!".

Hoàng tỉnh hẳn ngơ ngác nhìn những người lính cứu hỏa đang thu dọn vùng tử địa vừa vào tới.

Tết nào mình gặp lại nhau? Không có ai đáp lại. Câu trả lời là một cái Tết bi thảm, sầu thương không riêng cho chàng mà cho toàn dân miền Nam nước Việt, Tết Mậu Thân, cái Tết vô cùng đau đớn không bao giờ quên!

NGUYỄN LÂN

Virginia, một ngày đầu Thu 2018
Để tặng những ai đã sống tại Sài Gòn Tết Mậu Thân

NHỮNG MÙA LỄ TẠ ƠN

**** Ỷ Nguyên ****

Nhặt chiếc túi giấy mầu nâu (brown bag) nằm chờ đợi ở góc cầu thang lối vào nhà, tôi nhác thấy có in cái logo Safeway và một tờ rơi đính kèm của hội đoàn Boy Scout, tôi chợt nhận ra ngày Thanksgiving đã gần kề.

Mỗi năm hội đoàn Boy Scout of America đã lợi dụng dịp lễ Thanksgiving để vận động quyên góp đồ hộp (Food Drive) ở khắp các thành phố trên nước Mỹ, có thể họ cho rằng vào dịp lễ Tạ Ơn người ta sẽ tỏ ra hoan hỉ làm phước và dễ dàng mở rộng tâm lành để cho đi nhiều hơn, để bố thí nhiều hơn. Khi chiến dịch này khởi xướng các em Hướng Đạo Sinh là chủ động đi thu nhặt những đồ hộp, ngoài ra còn có rất nhiều người tình nguyện làm công việc này. Họ đem những túi giấy hoặc bao nylon để ở trước cửa từng nhà cư dân vào tuần lễ đầu tiên của tháng 11 và trở lại thu góp tuần lễ sau đó, thường là vào ngày thứ Sáu. Vào ngày này, đã có những xe truck do các cơ quan thương mại cho mượn, đậu sẵn ở đâu đó trong khu phố chờ cho các em Hướng Đạo hay người tình nguyện thâu nhặt các gói đựng đồ hộp chất lên xe. Sau đó những đồ hộp thu thập được sẽ được gửi đến các cơ quan từ thiện như Shelters for the Homeless, International Rescue Commission, Central Union Mission hay Food Pantries v.v…ở rải rác khắp mọi nơi trong tiểu bang để họ có phương tiện giúp đỡ gia đình nghèo quanh năm chứ không riêng gì vào mùa Lễ Tạ Ơn. Nhớ lại những ngày còn làm việc tại Trung Tâm Cộng Đồng Zuni tại thành phố Albuquerque, New Mexico cá nhân tôi cũng đã từng làm công tác này, một công việc từ thiện truyền thống của nước Mỹ nói chung và của hội đoàn Boy Scout of America nói riêng, rất đáng được ca ngợi.

Tình nguyện viên phân loại đồ hộp

Nói về ngày Lễ Thanksgiving mà người Việt mình gọi là ngày Lễ Tạ Ơn

thì ai ai cũng đều biết rõ nguồn gốc của nó. Một ngày lễ được coi như quốc lễ nên các công tư sở, trường học đều đóng cửa để đón mừng và cũng là dịp để gia đình xum họp, con cháu đi làm xa được về nhà thăm viếng bố mẹ họ hàng. Tuy thời gian nghỉ không lâu như vào ngày lễ Noel nhưng hình như mọi người lại coi ngày lễ này rất quan trọng để tạ ơn trời đất đã ban cho mưa thuận gió hòa, đã cho cuộc sống an bình, hạnh phúc, ấm no.

Lúc xưa khi còn ở Saigon, tôi chưa biết nhiều về lễ hội này, nhưng cũng đã từng được đi dự tiệc "Con Gà Tây" do mấy người bạn Công Giáo mời đãi. Dần rồi ngày lễ này không chỉ dành riêng cho người theo Kito Giáo hay Tin Lành mà dường như nó đã trở thành ngày lễ cho nhiều người vì ai nấy đều được nghỉ mấy ngày cuối tuần. Những người có tiền, khá giả, lợi dụng ngày lễ này để tiệc tùng ăn uống vui chơi thỏa thích.

Khi định cư tại Hoa Kỳ thì ngày Lễ Thanksgiving đã trở lên khá quen thuộc với chúng tôi. Tôi nhớ gia đình chúng tôi được mời ăn tiệc Thanksgiving đầu tiên tại nhà ông bà Aragon vào năm 1975 là thời gian chúng tôi mới tới định cư tại thành phố Albuquerque, New Mexico. Ông bà cụ là bố mẹ chồng của cô em gái nhà tôi, người bảo lãnh chúng tôi. Họ là người Hispanic, rất ngoan đạo nên ngày lễ này đối với họ rất quan trọng. Vào dịp lễ này, những món ăn thuần túy của người Spanish đã được sửa soạn tươm tất để đãi gia đình chúng tôi, chẳng hạn như món Posole, Tamale, Enchilada, và Burrito. Món ăn chính hôm đó là một con gà tây được nướng thơm phức, kế đến là món khoai tây nghiền (mashed potatoes) nước chấm (gravy) để ăn với gà tây, củ cải đỏ (beets), bánh mì và rau trái. Đặc biệt có cả bánh pumpkin cake (Bánh ngọt làm bằng bí đỏ) do cô con dâu của ông bà cụ nướng đem tới. Các món ăn lạ miệng ngon lành đã đành nhưng không bằng cái tình thân quí mà gia đình chú John, em rể nhà tôi, đối xử với chúng tôi mới là đáng kể, khiến chúng tôi rất cảm kích trước tấm lòng nhân hậu và tử tế của họ đã dành cho chúng tôi, làm ấm lòng kẻ tha hương chân ướt chân ráo vào những ngày mới đặt chân tới miền đất mới lạ, lạ người, lạ cảnh. Đây cũng là dịp để chúng tôi bầy tỏ lòng biết ơn của mình đối với đất nước Hoa Kỳ cũng như những người bảo trợ đã sẵn sàng đón nhận và giúp đỡ chúng tôi tận tình. Và cũng từ đó chính đất nước tự do này đã cho chúng tôi cơ hội vươn lên và đứng vững trên đôi chân của mình. Thanksgiving - Xin tạ ơn Trời Đất đã cho chúng tôi một cuộc sống an lành hạnh phúc sau những ngày gian lao thử thách trên biển cả bao la.

Trong những năm làm việc cho Trung Tâm Cộng Đồng Zuni thuộc thành phố Albuquerque thì những ngày lễ Thanksgiving đã trở thành cái duyên nghiệp của tôi. Mỗi năm sau những

sinh hoạt tổ chức lễ Halloween cho cộng đồng, chúng tôi lại lên kế hoạch cho ngày lễ Thanksgiving ngay lập tức. Trung tâm Zuni nằm trong khu Southeast Heights của thành phố, một khu vực dành cho cư dân có mức lợi tức thấp không nói đến có nhiều gia đình rất nghèo, chỉ sống nhờ vào an sinh phúc lợi của chính phủ. Cũng tại khu vực này nhiều gia đình người Việt mới tới định cư tại thành phố này đều qui tụ về đây vì nhà cửa tương đối rẻ hơn những vùng phía Northeast. Hai tuần trước ngày lễ, chúng tôi phải sửa soạn nướng từ 8 tới 10 con gà tây để góp thêm với nhiều cơ quan thiện nguyện khác trong thành phố lo tiệc Thanksgiving tại Trung Tâm Cộng Đồng Cesar Chavez vùng Southeast Heights. Ông David Wilson là một handyman kỳ cựu của trung tâm Zuni, năm nào ông cũng lo việc nướng gà tây. Không biết ông ướp những gia vị gì mà gà có vị thơm ngon đặc biệt cùng với stuffing rất đậm đà. Khi gà được nướng xong, nhiệm vụ của tôi là huy động mấy bà nội trợ trong cộng đồng Việt Nam tiếp tay xé gà thành từng miếng nhỏ vừa miệng ăn rồi xếp vào khay nhôm đem đông lạnh, đợi đến ngày lễ đem ra xả đá và bỏ vào lò hấp nóng trước khi đem sang trung tâm Cesar Chavez, để thiết đãi cộng đồng. Hàng năm chương trình tiệc Thanksgiving này đã tiếp nhận cả ngàn người, như vậy cho thấy đã có rất nhiều người tốt bụng, sẵn sàng tình nguyện lo từ A-Z để bữa ăn của ngày Lễ Tạ Ơn luôn luôn được trọn vẹn. Hiện nay tập tục này vẫn còn tiếp diễn mỗi năm như một sự quan tâm của Trung Tâm Cộng Đồng Cesar Chavez thuộc Tòa Đô Chánh thành phố Albuquerque đối với cộng đồng hỗn hợp đủ mọi sắc dân vùng Southeast.

Tôi về hưu đã khá lâu, có đến hơn 14 năm, nhưng mỗi khi mùa Lễ Tạ Ơn đến tôi đều nghĩ tới sinh hoạt này mà nhớ về Albuquerque miên man. Nói tới Thanksgiving, có một nghịch lý đã làm tôi luôn luôn thắc mắc và quan tâm là mùa Lễ Tạ Ơn là dịp để người ta tỏ lòng biết ơn và thương yêu mọi người nhưng chính vào dịp lễ này đã có hàng triệu triệu con gà tây phải lên "máy chém" để đáp ứng nhu cầu và niềm hạnh phúc của con người? Phải chăng ý nghĩ của tôi hơi "kỳ dị" khác người, chắc hẳn sẽ có nhiều bạn đọc không đồng quan điểm? Vì lẽ vào dịp lễ này người ta đã giết quá nhiều gà tây, nên theo truyền thống của nước Mỹ diễn ra hằng năm vào dịp Lễ Thanksgiving, vị Tổng Thống đương thời sẽ có một buổi lễ "ân xá tha mạng" tượng trưng cho cặp đôi gà tây thay thế cho cả triệu con bị hóa kiếp. Trước ngày Lễ Tạ Ơn một ngày, người ta cho cặp gà này ở trong một khách sạn, hôm sau mới đươc diện kiến Tổng Thống. Năm nay, 2019 năm con heo, vào ngày 26 tháng 11, môt cặp gà tây thật đẹp đôi với lớp lông trắng như tuyết, giống y hệt như đôi thiên nga trắng phau đã biệt ngụ ở tại

khách sạn “5 sao” sang trọng Willard Intercontinental vùng Thủ Đô Washington DC trước ngày “gặp” Tổng Thống Trump để được “ân xá tha mạng”.

Lẽ thường, là người Việt Nam, chúng ta đâu có cần phải đợi đến ngày Thanksgiving mới biểu lộ lòng biết ơn của mình đối với Trời Đất hay đối với đất nước Hoa Kỳ và người dân Hoa Kỳ đã mở rộng bàn tay nhân ái đón nhận chúng ta và giúp đỡ chúng ta trong bước đầu định cư, phải không ạ? Trong cuộc sống phức tạp này, hàng ngày chúng ta phải vất vả lo việc mưu sinh phiền toái. Chúng ta quên đi nhiều điều quan trọng, cần quan tâm và biết ơn vô cùng… Mỗi khi lái xe trên mặt đường nhựa phẳng nhẵn, sạch sẽ, tôi cảm thấy an tâm và biết ơn không biết bao nhiêu người: chính phủ Hoa Kỳ, những kỹ sư công chánh, những người phu lục lộ trải đá trải nhựa v.v… cũng như khi tắm trong phòng tắm với nước nóng lạnh tiện nghi, điện thắp sáng quanh năm ngày tháng chưa từng bị cúp bao giờ. Mùa đông có máy sưởi ấm, mùa hè có máy lạnh điều hòa thoải mái. Khu phố tôi ở đường xá sạch boong không một cọng rác. Đồ ăn thức uống được bảo đảm an toàn tối đa. Bệnh tật thì có Bác sĩ, đau răng có Nha sĩ, tương đối mọi nhu cầu hằng ngày đã thích ứng tự nhiên không phải bận tâm. Nói chung, chính phủ rất quan tâm đến đời sống của người dân. Những điều nêu trên cũng chưa hẳn là đủ và ai ai cũng rõ thì không có lý do gì để than vãn và trách cứ đất nước tự do mà chúng ta chịu ơn không sao trả nổi. Chúng ta hiện có cuộc sống đầy đủ nếu không muốn nói là sung túc mà không biết hưởng thì thật đáng trách! Cũng như thế, điều quan trọng là muốn hưởng mọi lợi ích trên quê hương mới này mỗi cá nhân chúng ta đều phải đóng góp công sức và tài nguyên bằng cách đóng thuế nghiêm chỉnh. Chính tiền thuế của người dân là điều tối quan trọng để chính phủ lo tu bổ mọi cần thiết của thành phố mà chúng ta là người thụ hưởng.

Tóm lại, đối với người Việt Nam chúng ta, từ một vùng địa cầu xa xôi trôi dạt về mảnh đất hiền hòa này chúng ta đã thọ ơn không biết bao nhiêu người. Đã trên 40 năm qua đi, hầu như đa số chúng ta đều đã có cuộc sống hạnh phúc và thành đạt. Bạn thử nghĩ xem, nhờ ai mà chúng ta có được cuộc sống may mắn như thế, con cái chúng ta được ăn học đến nơi đến chốn, khi về hưu chúng ta có lương hưu trí, có bảo hiểm sức khỏe và còn không biết bao nhiêu điều lợi lộc khác nữa. Phải đi đến những quốc gia nghèo khó, chúng ta mới thấy cuộc sống của họ so với cuộc sống hiện tại của chúng ta nó khác biệt hoàn toàn. Không khác gì Thiên Đàng và địa giới. Nếu xứ sở này không là vùng đất hứa thì tại làm sao đã có không biết bao nhiêu người mơ ước, đã tìm đủ mọi cách để đạt tới

dù đôi khi phải đổi cả mạng sống của họ.

Nhân đây xin mượn vần thơ đặc sắc của nhà thơ Trần Quốc Bảo trong bài "Tạ Ơn Hoa Kỳ" để nói lên tâm trạng đau buồn của người Việt phải bỏ nước ra đi cũng như để tỏ bày lòng tri ân thắm thiết đối với đất nước Hoa Kỳ:

Trời cho còn có hôm nay,
Lòng rưng rưng nhớ
những ngày bi thương,
Rời Quê hương, bỏ chiến trường
Ra đi, trước mặt đại dương ngàn trùng,
Cơn bĩ cực, đến vô cùng!
Ơn Trời phù hộ, đến vùng thái lai.
Hoa Kỳ mở rộng vòng tay,
Đón người Tỵ Nạn, giúp xây dựng đời
Trao nhau nhân ái, nụ cười,
Miếng cơm, manh áo
tặng người Di Dân
Từ vật chất, đến tinh thần
Cưu mang tận tụy, ân cần yêu thương
Chúng tôi, lữ khách tha phương,
Tới đây, xin nhận Quê Hương thứ nhì.
Tạ Ơn Người Bạn Hoa Kỳ,
Ủi an, khích lệ nhau khi cơ cùng
Giúp nhau mảnh đất tạm dung,
Cho nhau ngạo nghễ
vươn chung Quốc Kỳ.
Ơn này lòng dạ khắc ghi!
Nguyện cầu Thượng Đế
quyền uy vô lường,
Hộ phù Nước Mỹ phú cường
Ban cho dân Mỹ, bốn phương an bình.

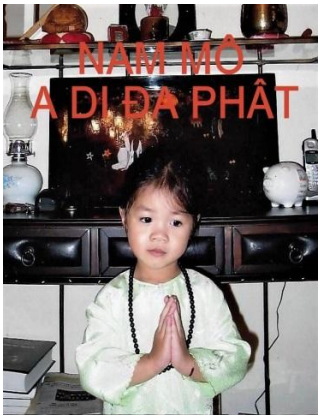

Mùa Lễ Tạ Ơn năm 2019 lại về, không gì tốt đẹp hơn là xin nguyện cầu cho nhân loại lấy tình yêu thương lấp đi những hố sâu hận thù để thế giới mãi mãi hòa bình, không chiến tranh, không bom đạn, không chết chóc. Mọi người sẽ sống trong công bằng bác ái. Một người an lạc, mọi người sẽ an lạc và thế giới sẽ bình an. Cầu xin cho đất nước Việt Nam sớm được tự do, thanh bình thực sự, giầu có, cường thịnh để người dân có đời sống ấm no không phải vượt biên vượt biển đi tìm sự sống ở các quốc gia khác như thảm cảnh 39 thanh thiếu niên nam nữ công dân Việt Nam bị chết cóng trong thùng đông lạnh (refrigerated container) tại Anh Quốc mới đây. Cuối cùng nhân dịp lễ Tạ Ơn, xin cầu nguyện cho linh hồn của 39 nạn nhân xấu số đó sớm được yên nghỉ đời đời nơi cõi Vĩnh Hằng.

Ỷ Nguyên
Maryland - Thanksgiving 2019

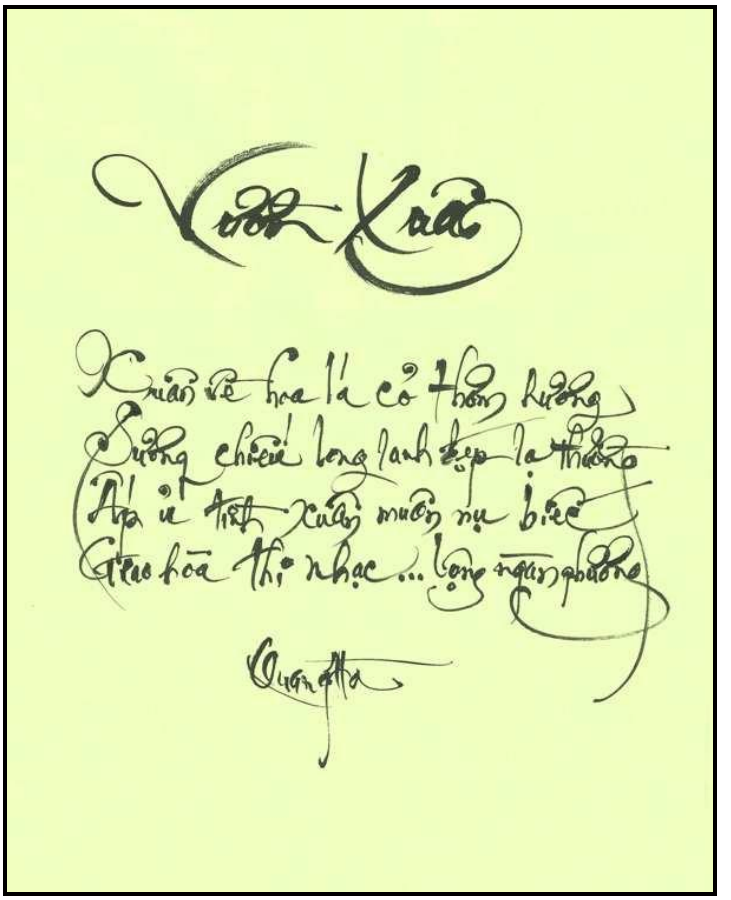

VƯỜN XUÂN – Thơ & Thư họa: **Quang Hà**

Xuân về hoa lá cỏ thơm hương
Sương chiếu long lanh đẹp lạ thường
Ấp ủ tình xuân muôn nụ biếc
Giao hòa thi nhạc … lộng ngàn phương

PAULINE NYIRAMASUHUKO, BÀ LÀ AI?

Theo các nhà sử học, từ thời xa xưa cho tới cuối thế kỷ 20, nhiều nước dấy lên các cuộc xung đột vũ trang thường coi hiếp dâm như một vũ khí chiến tranh và đàn áp chính trị để gây kinh hoàng cho địch quân. Đặc biệt trong thế kỷ 20, có bốn vụ hiếp dâm tập thể vô cùng tàn bạo gây nhức nhối lương tâm nhân loại như đã diễn ra tại Nam Kinh, Bangladesh, Nam Tư cũ và Cộng Hòa Rwanda ở Trung Phi. Các nạn nhân bị cưỡng hiếp, trong mỗi vụ nói trên, không phải ở mức độ hàng chục ngàn người mà ở quy mô lớn đưa tới con số kinh khủng hàng trăm ngàn người ngoài sự tưởng tượng của cộng đồng quốc tế.

Dựa vào cuộc điều tra của Liên Hiệp Quốc, ít nhất 250.000 phụ nữ thuộc sắc dân thiểu số Tutsi bị hãm hiếp trong vụ diệt chủng 100 ngày xẩy ra vào mùa xuân năm 1994, và đa số nạn nhân bị tàn sát chôn vùi ở các ngôi mộ tập thể khắp nơi tại Rwanda. Bảy mươi phần trăm (70%) những nạn nhân sống sót nhiễm siêu vi HIV và mắc bệnh liệt kháng (AIDS) đang chết từ từ vì bệnh nan y. Hàng ngàn trẻ em ra đời trong các vụ hiếp dâm ghê tởm đó đã gây biết bao hậu quả tai hại cho nhiều thế hệ tương lai.

Một trong năm thủ phạm chóp bu nằm trong âm mưu vạch ra kế hoạch tiêu diệt hết sắc dân thiểu số Tutsi và kích động các cuộc hiếp dâm tập thể lại là Bà Tổng Trưởng Gia Đình và Thăng Tiến Phụ Nữ, Pauline Nyiramasuhuko. Âm mưu vừa đề cập đã được đem ra thi hành triệt để vào ngày 06.04.1994 do vụ ám sát Tổng Thống Hutu Juvénal Habyaramina làm nổ bùng cuộc diệt chủng tại Rwanda giết chết 1.074.000 người trong tổng số tám triệu dân và 117.000 can phạm đang bị đưa ra Tòa xét xử.

Chính quyền Hutu do Thủ Tướng Jean Kimbanda lãnh đạo đã sử dụng phương tiện truyền thông và báo chí, đặc biệt đài phát thanh quốc gia Radio Rwanda, lên án gay gắt sắc dân Tutsi tòng phạm sát hại Tổng Thống của họ và châm ngòi nổ cho vụ diệt chủng 100 ngày. Cho đến nay vẫn chưa rõ thủ phạm bắn hỏa tiễn hạ chiếc máy bay đó là ai khiến Tổng Thống Hutu Rwanda và Tổng Thống Burundi tử nạn tại phía nam thủ đô Kigali, Rwanda. Lợi dụng biến cố này, Pauline đọc trên đài phát thanh quốc gia, những bài diễn văn nẩy lửa chống sắc dân Tutsi hăng hái hơn ai hết, và nhấn mạnh coi sắc dân Tutsi như những con dán dơ bẩn Inyensi (cock-roaches) cần phải diệt trừ. Đặc biệt phụ nữ Tutsi cao ngạo về sắc đẹp và sự giàu sang để cám dỗ đàn ông Hutu cũng phải chịu chung một số phận. Sự cáo buộc chính trị đầy ác ý đó như đổ dầu vào ngôi nhà đang cháy nhằm cổ súy đám đông Hutu

cuồng loạn nhảy vào cuộc chém giết không gớm tay.

Chính quyền do sắc dân Hutu đa số lãnh đạo sắp hoàn thành kế hoạch đã tiêu diệt được ba phần tư (3/4) sắc dân Tutsi (tổng số 8 triệu dân, sắc dân Hutu chiếm 84% và sắc dân Tutsi 15%). Và nếu không có dân Tutsi lưu vong ở Cộng Hòa Uganda ùn ùn gia nhập đạo quân do Đại Tướng tài ba Paul Kagame chỉ huy xâm nhập thần tốc vào Rwanda để cứu đồng bào của họ, thì chắc rằng chỉ chậm trễ chừng vài tuần lễ nữa, sắc dân thiểu số Tutsi còn lại sẽ bị xóa sạch sổ tại Cộng Hòa Rwanda.

Sợ bị trả thù, Pauline cùng người con trai độc nhất Shalom chỉ huy một Đội hành quyết, cải trang chạy theo hai triệu người xin tị nạn tại các nước láng giềng Rwanda. Hai mẹ con đều bị bắt tại Kenya và dẫn độ về nhà tù Arusha tại Cộng Hòa Tanzania ngày 18.07.1997 để chờ ngày lãnh án có thể tuyên vào năm 2004 (2).

Hành động phạm pháp kỳ quái của Pauline vượt qua nhiều án lệ gây bối rối cho các nhà phạm tội học vì đi trái với bản chất của nữ giới, đã bị đưa ra ánh sáng trong cuộc điều tra và thẩm vấn tại Tòa án hình sự quốc tế riêng cho Rwanda. Đây là một phụ nữ đầu tiên bị truy tố về tội diệt chủng vô cùng tàn bạo và kích động các vụ hiếp dâm tập thể man rợ nhất trong Lịch Sử.

PAULINE NYIRAMASUHUKO, BÀ LÀ AI?

Sơ lược tiểu sử:

Pauline Nyiramasuhuko chào đời năm 1946 tại một làng nằm giữa khu rừng chuối với những thung lũng xanh ngắt chìm trong mây cách 10 cây số về phía Tây thành phố yên bình Butare. Cha mẹ Pauline trồng trọt và sản xuất trái cây vừa đủ sống. Pauline là một trong số những phụ nữ Rwanda rất hiếm hoi ghi danh theo học trường Luật. Tại Đại Học Butare, Pauline quen rồi trở nên thân với người bạn học Agathe Kanziga và sau này Kanziga kết hôn với Tổng Thống Hutu Juvénal Habyarimana. Cuộc gặp gỡ định mệnh này đánh dấu khúc quanh rất quan trọng quyết định sự nghiệp chính trị và cuộc đời của Pauline.

Ra trường năm 22 tuổi, Pauline được sự giúp đỡ tận tình của người bạn học Kanziga, rời thành phố Butare để đến thủ đô Kigali, Rwanda và vào làm việc tại Bộ Xã Hội. Vào thời điểm đó, Bộ này có nhiều trung tâm xã hội phụ trách hướng dẫn phụ nữ trông nom gia đình, săn sóc trẻ em và dạy khoa nấu ăn. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, Pauline mau chóng vượt qua mọi hệ cấp hành chánh và được bổ nhiệm giữ chức Thanh Tra quốc gia tại Bộ Xã Hội.

Vào năm 1968, Pauline lập gia đình với Maurice Ntahobali. Cũng lại nhờ sự vận động của bạn vợ, Maurice đảm nhận chức Chủ Tịch Quốc Hội, tiếp theo Tổng Trưởng Giáo Dục và nhiệm sở cuối cùng Viện Trưởng Đại Học Quốc Gia Butare. Công danh và sự nghiệp của hai đương sự thật thênh thang, lên như diều gặp gió. Chớp ngay cơ hội hiếm có này, Pauline gia nhập độc đảng cầm quyền, Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia nhằm phát triển đất nước (MRND), hăng say nêu cao hệ tư tưởng chống sắc dân thiểu số

Tutsi được Tổng Thống Habyramina cùng các nhân vật cao cấp thân tín trong chính quyền nhiệt liệt khen ngợi.

Thanh Tra quốc gia Pauline trở nên một trong những nhà lãnh đạo nổi tiếng của Phong Trào Cách Mạng MRND, rồi lần lượt được cử giữ chức Cố Vấn Tổng Thống Habyramina, Tổng Trưởng Gia Đình và Thăng Tiến Phụ Nữ, một thành viên cốt cán trong Hội Đồng Tư Vấn Phủ Thủ Tướng, và là một trong số năm đầu sỏ thực hiện kế hoạch tiêu diệt toàn thể sắc dân thiểu số Tutsi trong cuộc diệt chủng 100 ngày bắt đầu từ 06.04.1994 đến tháng 7 năm 1994.

CON ĐƯỜNG TIẾN THÂN

Lúc nào cũng quan tâm tỏ ra tuyệt đối trung thành với Đảng cầm quyền MRND và nhà lãnh đạo tối cao, Pauline mau chóng nhận ra rằng con đường dẫn tới thành công trong sự nghiệp chính trị phải qua nơi sanh đẻ của mình: thành phố Butare hiếu khách ở miền Nam Rwanda.

Pauline đã lớn lên trong một làng nhỏ bé chuyên trồng chuối ở miền quê ngay cạnh thành phố Butare. Tuy thuộc sắc dân Hutu đa số, gia đình đương sự cũng như nhiều gia đình Hutu khác sống rất hài hòa với sắc dân thiểu số Tutsi.

Thành phố Butare có 140.000 dân, trong đó sắc dân thiểu số Tutsi chiếm 75% (bảy mươi lăm phần trăm) dân số. Những cuộc hôn nhân hỗn hợp thấy rất bình thường. Tất cả hai sắc dân đều nói hai ngôn ngữ chính thức: tiếng Rwanda và Pháp. Cả hai sắc dân đều theo một tôn giáo, đạo công giáo hay tin lành. Tuy nhiên cũng có một số nhỏ và bộ lạc Twa theo đạo Hồi. Đặc biệt Butare có một Đại Học Quốc Gia nổi tiếng, một Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật và nhiều cơ sở giáo dục khác. Đây là vườn ươm nhân tài của đất nước Rwanda. Nhiều nhân vật tên tuổi đều xuất thân từ các Đại Học trên. Pauline đã học và tốt nghiệp Cử Nhân luật khoa tại đây.

Kể từ khi tham gia chính quyền, Pauline đã thay đổi hẳn. Hệ tư tưởng chống sắc dân Tutsi bắt đầu ăn sâu bám rễ vào đầu óc của người phụ nữ khao khát danh vọng và say mê quyền lực này. Theo nhận xét của một cộng sự viên thân cận với Pauline và cũng là người bạn học cũ Leonsie Mukamisha: "Pauline tuyệt đối tuân thủ lệnh của thượng cấp và lúc nào cũng tỏ ra nhiệt tình hơn ai hết thù ghét sắc dân Tutsi nhằm mục đích được hưởng đặc ân của Tổng Thống Habyarimana." Cộng tác với các nhân vật thân tín theo tinh thần tộc trưởng bao vây Tổng Thống Habyarimana cũng như Thủ Tướng Kimbanda, cô gái trẻ tuổi Pauline, muốn ngoi lên để được nổi tiếng, đã chọn quê hương của mình

làm nơi tiến thân: thành phố Butare. Theo kế hoạch diệt chủng, chính quyền Hutu chú ý nhất hai thành trì chống đối mạnh mẽ chủ trương tiêu diệt hết sắc dân Tutsi và những người Hutu ôn hòa không chịu tham gia vào vụ giết người tập thể. Đứng đầu là thủ đô Kigali, tiếp đến thành trì thứ hai Butare. Sự thành công của cô gái ở địa phương Butare được Thủ Tướng Kimbanda cùng các nhân vật cao cấp trong chính quyền đặc biệt chú ý. Do đó, Pauline được ủy thác thanh toán thành trì thứ hai để răn đe, ngăn ngừa và rập tắt mọi mầm mống chống chính phủ có thể lan tràn khắp nước Rwanda.

QUYỀN LỰC VÀ TỘI ÁC

Vào mùa Xuân năm 1994, sự kinh hoàng tới Butare, thành phố bình lặng nóng bỏng ở miền Nam Rwanda. Lúc đó, các đội tử thần đeo băng vàng và đỏ, trang bị mã tấu và gậy gắn đinh, đốt, giết và cướp bóc khắp nước Rwanda. Khi cuộc diệt chủng lên tới cao điểm vào tuần lễ thứ ba trong tháng 4 năm 1994, đã có hàng ngàn xác chết sình thối trên các đường phố tại thủ đô Kigali. Butare, thành trì của người Tutsi và Hutu ôn hòa đã chống lại lệnh giết người tập thể của chính phủ ban ra. Bắt đầu từ đó, dân thành phố nghe thấy tiếng nổ trong các đám cháy ở các ngọn đồi về phía Tây vọng lại; ban đêm, họ nhìn thấy ánh lửa ở các làng mạc lân cận bốc cháy. Những đội Hutu võ trang kéo đến bao vây Butare, nhưng dân chúng, tuy sợ hãi, không chấp nhận cho họ ra tay hành động. Dân thành phố đã nổi loạn.

Phẫn nộ về cuộc nổi loạn trên có thể lan sang làng mạc, quận hạt và tỉnh thành, chính phủ lâm thời Kigali cử Pauline về Butare có nhiệm vụ diệt thành trì nằm trong mục tiêu thứ hai, sau Kigali. Pauline tới Butare được chốc lát, nhiều xe hơi gắn loa phóng thanh chạy chung quanh thành phố loan báo cho dân chúng biết Hội Hồng Thập Tự đang thiết lập trụ sở tại sân vận động để phân phối thực phẩm và nơi trú ẩn cho tất cả mọi người. Ngày 25.04.1994, hàng ngàn người đã lũ lượt kéo tới sân vận động thành phố. Đó chỉ là cái bẫy. Các đội hành quyết Interahamwe nhận được lệnh đến bao vây chặt chẽ sân vận động. Bất thần xuất hiện trên bục cao, Pauline giám sát cuộc chém giết, lúc đó 48 tuổi.

Theo lời khai của nhân chứng Foster Mivumbi thú nhận đã tham gia vào vụ giết người tập thể đó tại sân vận động. Pauline khuyến khích các đội hành quyết và ra lệnh nói như sau: “Trước khi giết những người đàn bà này, các đội viên phải hãm hiếp họ.”

Chọn lọc các phụ nữ trong đám đông, các đội viên Interahamwe dẫn họ ra các bụi cây ở ngoài sân vận động để diễn trò bỉ ổi. Sau đó, các nạn nhân bị dẫn giải tới các khu vực riêng để làm nô lệ tình dục cho các trai tráng Interahamwe giải trí vào những buổi chiều.

Hành động tàn bạo này được Bà Tổng Trưởng chấp thuận coi như phần tưởng thưởng cho các đội viên về thành tích sát nhân. Tiếp theo, Pauline rung rung hai cánh tay lên cao rồi lặng lẽ quan sát đội hành quyết nã súng liên thanh và ném lựu đạn vào đám đông bị

mắc bẫy. Những người sống sót đều bị chém chết bằng mã tấu hoặc nhận phát súng ân huệ bắn vào thái dương. Cảnh tàn sát man rợ đó kéo dài một tiếng và chấm dứt vào buổi trưa. Pauline vẫn lạnh lùng đứng trên bục cao, chờ xe bulldozer tới ủi các xác chết vào các hố sâu đào sẵn ở cạnh sân vận động rồi mới đi thanh tra các nơi khác.

Cũng theo lời khai của nhân chứng khác, Pauline và đám tùy tùng tới một khu giam giữ 70 thiếu nữ Tutsi được đội tử thần Hutu canh gác cẩn thận. Bà Tổng Trưởng ra lệnh thiêu sống các thiếu nữ đó và còn nói thêm: "Tại sao các anh không hãm hiếp trước khi giết đám người này?"

"Chúng tôi giết nhiều người suốt cả ngày nên chúng tôi quá mệt mỏi rồi. Chúng tôi chỉ còn đủ sức mang những chai đựng xăng dội vào những người này rồi nổi lửa thiêu." Một nhân chứng trả lời và chỉ vào các nạn nhân.

Trong khi Pauline giám sát công tác của các đội viên Interahamwe tại sân vận động thì người con trai duy nhất Arsène Shalom Ntahobuli, sinh viên y khoa thực tập, 24 tuổi tại bệnh viện địa phương, đang khoe khoang y được bà mẹ "cho phép" hãm hiếp phụ nữ Tutsi. Nhân chứng Rose ẩn trú tại bệnh viện khai đã bị Shalom cưỡng hiếp tại đây khi y chỉ huy một đội hành quyết Interahamwe. Nhân chứng hoặc nạn nhân còn sống sót ra khai trước Tòa thật hiếm hoi vì sợ bị trả thù và nền văn hóa Rwanda làm thối chí người đàn bà nào đề cập tới vấn đề tình dục. Do đó, có một số nhân chứng quan trọng được đưa ra khỏi nước Rwanda thường mang bí danh Q.C hay J.J. đang ở một nơi an toàn dưới sự bảo vệ của Ủy Ban Tội Ác Chiến Tranh của Liên Hiệp Quốc.

Biết bao nhiêu nạn nhân đã bị giết nên không có thể kể lại hết những chuyện gì đã xảy ra trong vụ diệt chủng. May mắn thay cũng còn có những nạn nhân trong năm khu vực nô lệ tình dục tại Butare bị giết rồi sống lại. Những phụ nữ nào chống đối đều bị đội Interahamwe chém chết bằng mã tấu. Tỷ như hai phụ nữ trẻ Tutsi, Mary Munkangoga, 24 tuổi, và Chantal Kantaramana, 28 tuổi, bị ném xuống một hố đầy xác chết. Mỗi ngôi mộ đó ước khoảng 40 thước vuông. Chantal đã nằm ở cái hố đó suốt một đêm và một ngày, rồi đến đêm hôm sau, tỉnh dậy trèo lên một đống xác chết cố chui qua lỗ hổng đi tìm nơi ẩn trốn (3).

Nay hai nạn nhân cùng các nhân chứng mang bí danh như J.J. hay bí danh khác, ra khai trước Tòa nhận diện được Pauline và người con trai đã nhúng tay vào vụ tàn sát và hiếp dâm tập thể cùng những cảnh tra tấn man rợ nhằm hủy hoại bộ phận sinh dục của phụ nữ Tutsi tại Butare (người viết tránh đề cập tới các chi tiết rùng rợn về những vụ cưỡng hiếp và cảnh tra tấn phụ nữ Tutsi cực kỳ tàn bạo vì, nếu tả ra, e có thể đi trái với thuần phong mỹ tục).

TẠI SAO HẬN THÙ PHỤ NỮ TUTSI ?

Nước Rwanda đi vào lịch sử khi nhiều nhóm dân du mục và những chiến sĩ can trường Tutsi hợp nhất thành lập triều đại các vua Nyiginya cho đến thế kỷ thứ 19 thì bị xâm chiếm. Dưới sự cai trị của thực dân Đức vào

năm 1894 và Bỉ từ năm 1923 đến 1962, sắc dân Tutsi rất được ưu đãi. Họ được cả hai chính quyền thuộc địa cho nắm giữ nhiều chức vụ then chốt trong bộ máy cai trị. Tuy thuộc thành phần thiểu số, dân Tutsi trở nên giai cấp chủ yếu trong xã hội Rwanda. Bị xếp vào giai cấp hạng hai, dân Hutu đa số ngày càng tỏ ra uất hận đối với vẻ đẹp và sự ngạo mạn của dân Tutsi. Theo cái nhìn của người Đức và Bỉ, sắc dân Tutsi thông minh, chăm chỉ, cần kiệm nên thành công trong việc tìm kiếm các mỏ kim cương, chất coltan (nguyên liệu chế biến điện thoại di động), khai thác lâm sản, ngà voi và biết tận dụng đất đai màu mỡ. Đặc biệt vóc dáng cao, nét thanh, da sáng sủa có vẻ "trắng" hơn so với dân Hutu. Những phụ nữ Tutsi nào đáp ứng được mẫu mực trên đều trở nên hấp dẫn và đã là đề tài gây hiềm thù trong sự tuyên truyền bôi nhọ đàn bà Tutsi vào đầu thập niên 1990 (3).

Cuộc cách mạng năm 1959 đã đưa dân Hutu đa số lên cầm quyền. Cuộc xung đột đẫm máu đã nổ ra giữa hai sắc dân. Hận thù ngày càng chồng chất do chính sách chia để trị của thực dân để lại. Dưới chính quyền Habyarimana, các nhà chính trị bắt đầu từ thập niên 1990, đưa ra đường lối tuyên truyền tố cáo phụ nữ Tutsi là những kẻ dùng sắc đẹp và lòng tà dục để quyến rũ làm đổi bại xã hội. Các báo chí không ngớt in những tranh hí họa chứng minh người đàn bà Tutsi quyền thế, giàu sang và kiêu căng về nhan sắc là đối tượng nguy hiểm cần phải diệt trừ. Sự tuyên truyền xảo trá đó gây ấn tượng cho mọi người thấy việc sử dụng bạo lực đối với phụ nữ Tutsi trở nên chính đáng. Như vậy, số phận người đàn bà Tutsi đã được quyết định chỉ chờ ngày chặt đầu. Ngày đó đã tới: mùa Xuân Kigali năm 1994 khởi động cuộc diệt chủng tàn bạo nhất trong Lịch Sử mà kẻ khát máu nhất lại là Bà Tổng Trưởng Thăng Tiến Phụ Nữ, Pauline Nyiramasuhuko.

VÀI HÀNG TẠM KẾT

Từ thời cổ sơ, mối liên quan giữa hiếp dâm và chiến tranh đã được nhìn nhận rộng rãi. Tuy nhiên, những vụ xâm phạm tình dục ở quy mô lớn diễn đi diễn lại mãi vẫn không có một Tòa án nào ra đời để trừng phạt thủ phạm cả. Ta phải đợi, vào thời Trung Cổ, mới thấy tại Anh, Đạo Luật Richard II (1385), và Henry V (1419) ban hành dự liệu hình phạt tử hình. Và gần đây, vào thế kỷ 19, Đạo Luật Lieber (1863) coi tội hiếp dâm như tội phạm chiến tranh, có thể bị kết án tử hình áp dụng trong cuộc nội chiến tại Mỹ. Tiếp đến thế kỷ 20, quy chế Tòa Án quân sự quốc tế Nuremberg (1945) cũng dự liệu hình phạt tương tự.

Mặc dầu đã có những điều luật minh thị ở trên, chưa có một Tòa án nào áp dụng hình phạt tử hình đối với kẻ vi phạm tội hiếp dâm riêng rẽ cả mà muốn phạt kẻ vi phạm tội đó tới mức án tối đa cần phải có thêm tội đại hình khác đi kèm theo tỷ như tra tấn, cố ý gây thương tích trầm trọng, giết người hoặc có hành động vô nhân đạo. Do đó, tội hiếp dâm vẫn còn nằm trong bóng tối. Quan niệm coi tội hiếp dâm như những tai ách không tránh khỏi trong các cuộc chiến đã chấm dứt.

Bắt đầu từ năm 1998, sau nhiều lần dò dẫm qua các án lệ, Tòa án hình sự quốc tế riêng cho Rwanda đã nhận ra rằng có mối liên hệ giữa các vụ hiếp dâm với kế hoạch diệt chủng của chính quyền Hutu nên đã dứt khoát coi các vụ hiếp dâm đó nằm trong các tội ác chống nhân loại. Tiền lệ vụ án nổi tiếng Akayesu tuyên ngày 02.09.1998 được coi như mẫu mực có thể áp dụng trong tương lai. Jean Paul Akayesu giữ chức Tỉnh Trưởng Taba cũng lại là nhà lãnh đạo chính trị đã lên đài phát thanh "Radio Hate" kêu gọi dân chúng Taba tham gia chiến dịch tiêu diệt hết sắc dân Tutsi trong vùng(4).

Các nhà điều tra thuộc Ủy Ban Tội Ác Chiến Tranh của Liên Hiệp Quốc đã phát giác có 500 phụ nữ Tutsi bị hãm hiếp tại Taba trong tuần lễ cuối tháng 4 năm 1994. Hầu hết các phụ nữ đó bị giam giữ rồi bị giết và chôn vùi tại các ngôi mộ tập thể. Khoảng 10 người trốn thoát tỷ như nạn nhân H. hay J. J. được sự bảo vệ của ủy ban điều tra do Pierre Richard Prosper, Đại Sứ Mỹ hướng dẫn, đã đưa hai nhân chứng đó ra khai trước Tòa Arusha xét xử Akayesu. Nạn nhân H. đã nhận diện được thủ phạm Akayesu và tố cáo y đã đưa H. vào bụi cây để hãm hiếp. Còn nhân chứng J.J. cáo buộc Akayesu nhìn thấy và để cho các đội viên Interhamwe hãm hiếp nạn nhân nhiều lần. Chính Akayesu đã khuyến khích và cho phép các đội viên tử thần hãm hiếp hàng loạt các phụ nữ bị giam giữ rồi sau đó chém chết bằng mã tấu.

Ngày 2 tháng 9 năm 1998, Tòa đã tuyên phạt Akayesu ba án tù chung thân và 80 năm tù ở về tội diệt chủng và những tội ác chống nhân loại trong đó có tội hiếp dâm. Phạm nhân hiện đang thụ hình tại nhà tù ở Cộng Hòa Mali đặt dưới sự kiểm soát của Liên Hiệp Quốc. (Tòa Án Hình Sự Quốc Tế không áp dụng án tử hình.) Ngày 10.08.1999, một năm sau vụ án Akayesu, tội danh cáo buộc Pauline cũng giống như trường hợp phạm pháp của Akayesu. Hiện nay các luật sư đã sẵn sàng bào chữa cho Pauline và phiên Tòa sẽ nhóm họp vào năm 2004 để quyết định số phận của hai mẹ con bà Pauline (5).

Kết thúc bài viết này, chúng tôi xin ghi ý kiến đáng chú ý của nhà điều tra Pháp, Peter Landesman và sự nhận xét sâu sắc của Bà Alison Des Forges từng nghiên cứu trên 30 năm, các biến cố xảy ra tại Rwanda, và hiện đang đảm nhiệm chức Cố Vấn cạnh Human Rights Watch tại Phi Châu. Những tội đại hình mà Pauline bị cáo buộc thật gớm ghiếc. Nhưng nếu đi tìm một sự minh giải cho hành động man rợ của bà ta thì phải nhớ đến đoạn viết sau của Alison Des Forges: "Cách ứng xử đó không nằm sâu trong mỗi chúng ta. Những câu chuyện đơn giản hóa về các vụ diệt chủng giúp tạo nên một khoảng cách giữa chúng ta và các thủ phạm. Nó ghê rợn đến mức độ không thể tưởng tượng được là chúng ta có thể làm như vậy. Nhưng, nếu chúng ta để ý tới áp lực đáng sợ buộc họ đã phải hành động thì lúc đó nhân tính của họ tự động hiện lên rõ nét, và điều này trở thành kinh khủng. Chúng ta bắt buộc phải tự đặt mình vào những trạng huống khắt khe đó và tự hỏi: 'Ta phải làm gì?' Đôi khi, câu trả lời không làm phấn khởi chút nào cả."

NGUYỄN VĂN THÀNH 23

CHÚ THÍCH:

1) Justice on a Hill- Genocide Trials in Rwanda by George Packer- Dissent Spring 2002

2) *Remember Rwanda by James Gasana - World Watch Institute - September/October 2002 Volume 15, Number 5 Rwanda Ghosts by Victor Peskin-After the genocide, an international Tribunal is failing to sort the criminals from the victims – legalaffairs September/October 2002 - A Magazine of Yale Law School.*

3) *Rwanda Portrait de Pauline Nyramasuhuko, Ministre du viol-Enquête au Rwanda- Courrier International No 228 du 14 au 20 Novembre 2002*

4) *Radio Hate by Dina Temple-Raston – legal affairs - September/October 2002. Le viol comme méthode de genocide - Courrier International No 228 du 14 au 20 November 2002*

5) *A famous example was the recent judgment of the ICTR in the Akayesu case on September 2, 1998 - Image and Reality of War Crimes Justice by Kingsley Chiedu Moghalu - The Fletcher Forum of World Affairs Summer/Fall 2002*

Nghe Mưa Nhớ Huế

Thức giấc trong tiếng mưa rơi,
Tha phương vời vợi, một trời nhớ thương.
Nhớ ai mang đến vấn vương,
Tóc buông mộng mị chải tương tư sầu.
Nhớ ai áo trắng qua cầu,
Bóng lồng sóng nước tỏa màu trinh nguyên.
Nhớ ai ánh mắt thuyền quyên
Cho thông tô đậm lời nguyền tóc tơ.
Môi ai đêm tưởng ngày mơ,
Tên ai giáng xuống giòng thơ dậy thì...
Nhớ thương, thương nhớ răng ri!
Gió len khe cửa thầm thì hẹn xưa...
Đêm ngoài tí tách còn mưa!

Githéa Hoàng Hy - January 2016

CẢM NHẬN VỀ TÁC PHẨM "MỘT KHU VƯỜN THƠ NHẠC VIỆT NAM" của NHÀ THƠ VƯƠNG THANH

Đây là một tuyển tập thơ song ngữ của Nhà thơ dịch giả Vương Thanh. Mới mở bản thảo được gửi qua email tôi đã có cảm tình ngay với nền bìa sách rất hòa hợp màu tranh của Họa sĩ Thanh Trí. Trang sách được trình bày giản dị, chuyên nghiệp. Tôi cũng nhận thấy *Một Khu Vườn Thơ Nhạc Việt Nam (MKVTNVN)* là một tác phẩm đồ sộ, gần 500 trang mà một nửa là Anh ngữ.

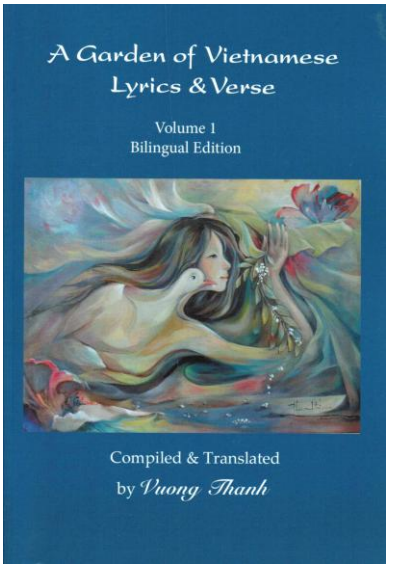

Tôi không đủ khả năng cảm xúc nhanh chóng Anh ngữ nhưng cũng cảm thấy những từ ngữ tiếng Anh rất lãng mạn trong văn chương của Vương Thanh. Dịch gần 250 trang Anh ngữ thì phải công nhận khả năng Anh ngữ của tác giả đáng nể rồi.

Thực vậy, tôi cảm phục Nhà thơ Vương Thanh đã miệt mài chọn lựa những bài thơ, những lời nhạc nổi tiếng của Việt ngữ sang Anh ngữ.

Vương Thanh viết rằng anh dịch những bài thơ, những lời nhạc đó là vì thích hay quen biết tác giả. Ngọc Dung tôi cũng được đọc những bài thơ, cũng được nghe và thích những bản nhạc Vương Thanh dịch nên *MKVTNVN* bị lôi cuốn đi sâu vào tác phẩm hấp dẫn này.

Những bài thơ hiện đại được Vương Thanh dịch là của các nhà thơ Tuệ Nga, Nguyên Sa, Nhất Tuân, Cao Tần, Cao Nguyên, Trần Trung Đạo, Song Nhị… Những áng thơ của các thi sĩ nổi danh đã khuất bóng như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Hà Thượng Nhân, Mộng Tuyết… Những bài thơ tiền chiến của Nguyễn Bính, TTKH, Thế Lữ... Những bài thơ cổ, học trò đã phải học từ bậc trung học như của Hồ xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Tản Đà, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu…

Đã là thi sĩ dịch giả, Vương Thanh cũng không thể bỏ qua truyện Kiều của Đông Các Đại Học Sĩ Nguyễn Du (trang 416) và dịch 166 câu thơ trong pho thơ truyện Việt Nam và nổi tiếng trên thế giới mà quý vị nào đang đọc những dòng chữ này đều biết, đều đã đọc đi đọc lại, thưởng thức nhiều lần…

Yêu lịch sử Việt Nam, Vương Thanh đã dịch bài *Hịch Tướng Sĩ* dài bẩy trang của Quốc Quân Trần Hưng Đạo, trang 434; Tác giả biết chữ Hán nên đã dịch bài thơ của Quốc Sư Nguyễn Trãi, trang 267…

Trong *MKVTNVN* Vương Thanh đã dịch lời những bản nhạc được yêu thích như của Ngô Thụy Miên, Anh Bằng, Cung Tiến, Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Hà Huyền Chi, Trần Thiện Thanh, Văn Phụng, Đoàn Chuẩn, Văn Cao… hợp với cái *taste* của giới yêu nhạc.

Tôi không thông thái Anh ngữ, không dám lạm bàn về thơ Anh Ngữ của Vương Thanh. Nhưng nhìn số lượng Anh ngữ tràn đầy tác phẩm *MKVTNVN,* phải công nhận rằng nhiệt huyết quyết tâm của Vương Thanh muốn giới thiệu thơ Việt Nam ra ngoài thế giới, đủ đáng tin cậy và ngưỡng phục.

Một ngưỡng phục đáng được nói tới nữa là thi tài của Vương Thanh. Nhà thơ không những có nhiều thơ mới, cũng có những thơ khác đủ các thể loại.

Lẽ dĩ nhiên trong tuyển tập *MKVTNVN* Vương Thanh cũng có nhiều bài thơ Việt ngữ của chính anh được dịch sang Anh ngữ và ngược lại.

Thơ mới cũng có vần có điệu của Vương Thanh:

Để mến yêu và chia sẻ muôn vàn kỳ ảo của nhân gian,
Nối Xưa, Nay những tâm hồn và ước lồng lộng không non ngàn.
(Đôi khi Tôi Ước, trang 5)

Thơ 7 chữ 8 câu được trong sáng và trang trọng giữ niêm luật:

Tối vào sa mạc coi sao mọc
Chiều xuống thảo nguyên nhặt nắng phai
Uống giọt thủy tinh trên xứ tuyết
Theo vầng minh nguyệt nhập cung mây
*(*Mơ Với Chim Bằng, trang 8)

Thơ 7 chữ 4 câu cũng thật thơ mộng, trau chuốt:

Em đến như trăng đẹp diệu huyền
Đường mây tha thướt dáng người tiên
Muôn vì tinh tú sâu lòng mắt
Hoa sóng lung linh gót bạch liên
(Khi Em Đến, trang 13)

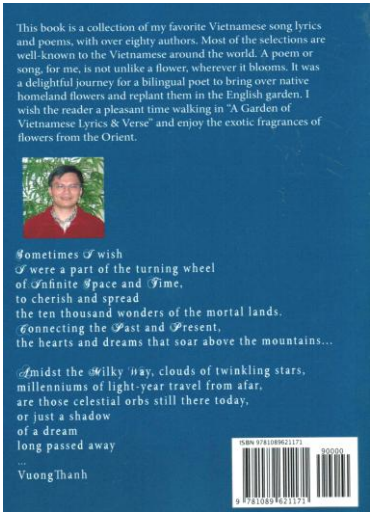

Nhà thơ trẻ Vương Thanh cũng có lúc ngất ngưởng say, đã rủ Nguyệt Hằng:

Xuống đây, xướng họa đôi lời
Cùng nhau ngâm vịnh cho Trời đất ghen
*(*Cuồng Ngâm, trang 437)

Hay!!! Chính hiệu thi nhân.

Bài thơ lục bát đẹp mượt mà, đúng là một *Tình Tự Khúc* lãng mạn, xứng đáng được phổ nhạc.

Như ánh sao đêm đẹp cuối trời
Như giòng suối biếc nhẹ nhàng trôi
Như vầng trăng ngọc soi thềm trúc
Như đóa quỳnh hoa rực rỡ ngôi…
(Tình Tự Khúc được phổ nhạc, trang 450)

Vương Thanh cũng không thiếu thơ tình yêu quê hương, lịch sử dân tộc hào hùng về đất nước ta. Những dòng thơ mang tình cảm, suy tư thâm thúy của tác giả lôi cuốn, cảm xúc người thưởng lãm. Điển hình là bài thơ cuối cùng trong tuyển tập thơ nhạc song ngữ *Tháng Tư Cho Quê Hương*, *April Poem for My Homeland,* trang 532. Nói tới cụm từ Tháng Tư-April, Homeland-Quê hương đã cảm thấy trái tim nhức nhối, ngậm ngùi rồi. Vương Thanh đã đưa người đọc tới những danh lam thắng cảnh, những thành phố, những sông dài, biển rộng, địa linh, nhân kiệt của ba miền Bắc Trung Nam để thương nhớ miền đất mà chúng ta phải rũ áo ra đi. Thi nhân rất hãnh diện về quốc hồn, quốc túy và tặng cho quê hương những lời thơ mỹ lệ, hào hùng, kể ra không hết.

Ở cuối tuyển tập thi phẩm *MKVTNVN*, Tác giả Vương Thanh không quên giải thích ngắn gọn và dễ hiểu về các thể điệu thơ Việt Nam, rất hữu ích cho những người trẻ muốn làm có vần điệu, niêm luật trang trọng và giới thiệu với thế giới biết thơ Việt Nam đặc biệt có vần điệu được ngâm nga ca hát ra sao.

Toàn tập *Một Khu Vườn Thơ Nhạc Việt Nam* biểu hiện tinh thần yêu quê hương, văn thơ Việt Nam, tác giả có công giới thiệu với thế giới. Đồng thời cũng chứng tỏ tài năng Anh ngữ, một sinh ngữ phổ biến nhất hoàn cầu.

Mong Nhà thơ dịch giả Vương Thanh sẽ tiếp tục việc làm hữu ích cao quý này với những tuyển tập thi nhạc phẩm khác.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

08/22/2019

Sách dầy 620 trang, 500 câu Kiều và hơn 150 bài thơ.

Amazon: US$28.50
Ebook: US$ 8.00

Link:
https://drive.google.com/file/d/10YyyXavE_BPvdxfBv-qHZNtSRO1haPIN/view?fbclid=IwAR0l49LtdGq361eIZ_tM1S8SVXyVlAbecHfAlnGWAfF-aJV-K8WV3AsSpVs

Liên lạc tác giả:
vuongthanh@gmail.com

THỨC TRẮNG MỘT ĐÊM

Thiên hạ giờ này đang ngủ cả,
Can chi mà thức một mình ta.
Trần Tế Xương

Canh ba, canh bốn, canh năm,
Đêm khuya trằn trọc tôi nằm trơ trơ.
Thuốc men, giường, chiếu hững hờ
Buồn tênh nghĩ ngợi mịt mờ chi đâu.

Da nhăn, tóc bạc u sầu
Tim, gân, cốt, não... từ lâu yếu rồi!
Tháng ngày đôi lúc quên thôi,
Âm thầm vẫn tưởng cái thời xa xưa

Quãng đời sung sức có thừa
Bây giờ đã hết, như chưa đã từng.
Bần thần như "hổ nhớ rừng"
Quạnh hiu, lụm khụm cố đừng phiền ai.

Canh ba canh bốn hơi dài
Canh năm vẫn thức nằm hoài bơ vơ
Nào người chưa ngủ mong chờ
Để tôi gửi mấy vần thơ tuổi già

Nguyễn Phú Long

THƠ XUÂN

Em chưa đọc, đã biết rồi!
Hình như...như vậy thế thôi! Nào ngờ!
Hôm qua nhận được bài thơ
Tính đem trả lại, đợi chờ làm chi.

Em chưa tâm sự điều gì,
Cũng tần ngần đấy,
đôi khi... ngập ngừng.
Đôi khi không nỡ dửng dưng,
Tội người đem tặng nỗi mừng,
vấn vương.
Em chưa gắn bó yêu đương.
Với em, xin hãy bình thường trước sau,
Đừng cầm tay, chẳng chịu đâu!
Khoan khoan hò hẹn,
chớ cầu rong chơi...

Em chưa... gì cả! Ai ơi!
Tình còn lơ lửng tận trời mây xa
Nhởn nhơ em vẫn đậm đà
Nụ cười hoa nở mặn mà gửi trao.

Em vui, chưa định thế nào!
Gió đưa chim hót cuốn vào ước mơ
Hôm nay thêm một bài thơ!
Em đang lưỡng lự... thôi chờ đợi thôi!

Nguyễn Phú Long
Dấu Thời Gian. 2019

LÒNG NHÂN ÁI

** Nguyễn Quý Đại (Germany) **

Lòng Nhân Ái có hậu ngay ở đời này

Câu chuyện thứ nhất xin kể về ông Gandhi. Ông là một vị anh hùng của dân tộc Ấn Độ, ông đã chỉ đạo cuộc kháng chiến chống chế độ thực dân của Đế quốc Anh và giành độc lập cho Ấn Độ với sự ủng hộ nhiệt liệt của hàng triệu người dân. Ông được dân Ấn Độ gọi một cách tôn kính là "Linh hồn lớn", "Vĩ nhân", "Đại nhân" hoặc là "Thánh Gandhi".

Người ta kể chuyện là có thời ông Gandhi đi một chuyến xe lửa. Khi xe bắt đầu chuyển bánh thời ông nhảy vội vã lên tàu khiến cho một chiếc giày của ông rơi xuống đường. Ông không thể nào nhảy xuống để nhặt lại chiếc giày trong khi tàu chạy càng lúc càng nhanh. Ông bèn tháo luôn chiếc giày còn lại trong chân và ném về phía chiếc giày kia ở dưới đường. Hành khách trên tàu tỏ vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy thế và lấy làm lạ về hành động kỳ quặc của ông.

Gandhi mỉm cười và ôn tồn giải thích rằng: "Nếu có một người nghèo nào lượm được chiếc giày thứ nhất thì người đó có thể tìm thấy chiếc thứ hai và như thế là có được đủ đôi giày để đi."

Chúng ta ít khi nghĩ đến các người khác mà thông thường chỉ nghĩ về chính bản thân mình mà thôi. Khi bị mất mát thì điều đầu tiên chúng ta nghĩ đến là những thiệt thòi và bất hạnh của mình. Kế đó mất thêm nhiều thời gian nữa để nuối tiếc, than thở, rồi sinh ra chán nản. Nhiều khi trở nên bực bội và gắt gỏng nữa.

Gandhi đã có một hành động thật cao quý vì trong khi bản thân mình bị mất mát như thế, ông vẫn để tâm nghĩ đến người khác. Hành động này chứng tỏ việc nghĩ đến người khác đã trở thành một phần trong tâm tưởng và nguyên tắc sống của ông.

Nếu trong những lúc mà chúng ta được sống an bình và thành công mà chúng ta còn không quan tâm tới những kẻ bị bất hạnh hơn mình thì liệu khi gặp gian khó, mất mát, ta có thể làm được điều đó hay không? Trong xã hội, xung quanh chúng ta hàng ngày có biết bao nhiêu người thiếu thốn đang cần sự giúp đỡ. Những gì họ cần đến không nhất thiết phải luôn luôn là vật chất, nhiều khi họ chỉ cần một lời động viên an ủi. Cõi ta bà này sẽ hạnh phúc biết bao nếu mỗi chúng sinh không chỉ chăm lo cho lợi ích riêng mình mà còn chăm lo cho lợi ích của người khác nữa.

Câu chuyện thứ hai liên quan tới vị danh tướng Dwight Eisenhower.

Ông là một vị tướng 5 sao trong Lục quân Hoa Kỳ và là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 34 từ năm 1953 đến 1961. Trong thời Đệ nhị Thế chiến, ông phục vụ với tư cách là Tư lệnh Tối cao các lực lượng đồng minh tại Châu Âu, có trách nhiệm lập kế hoạch và giám sát cuộc tiến công xâm chiếm thành công vào nước Pháp và Đức năm 1944-45 từ mặt trận phía Tây.

Vào thời xa xưa đó, một hôm ông Eisenhower cùng với đoàn tùy tùng của ông vội vã lái xe về tổng hành dinh quân đội ở Pháp để tham dự một cuộc họp khẩn cấp. Lúc đó trời đang mùa đông lạnh buốt lại thêm mưa tuyết rơi phủ đầy khắp nơi. Xe đang chạy thì ông bất ngờ để ý nhìn thấy có hai vợ chồng già người Pháp ngồi ở bên lề đường đang run rẩy vì cái lạnh giá buốt. Ông lập tức ra lệnh cho đoàn tùy tùng ngừng lại và muốn phái một thông dịch viên tiếng Pháp tới hỏi thăm cặp vợ chồng này. Một viên tham mưu nhắc nhở ông là nên để cho nhân viên công lực tại địa phương lo chuyện này, phái đoàn phải đi nhanh lên vì sợ trễ cuộc họp. Ông nói nếu đợi cảnh sát địa phương tới thì sợ là quá muộn và hai người này sẽ chết cóng.

Sau khi hỏi thăm, ông Eisenhower biết được là họ đang muốn tới Paris để gặp con trai nhưng xe của họ bị chết máy giữa đường. Ông bảo hai vợ chồng già mau lên xe của ông. Ông không hề quan tâm đến chức phận của ông và không hề tỏ thái độ gì trước hai kẻ đang gặp nạn này. Ông chỉ theo bản tính lương thiện vốn sẵn có của ông là luôn luôn muốn giúp đỡ người hoạn nạn mà thôi. Ông liền ra lệnh thay đổi lộ trình, đưa cặp vợ chồng tới Paris trước, rồi ông và đoàn tùy tùng mới lái xe tới tổng hành dinh để dự cuộc họp. Không ngờ chính sự chuyển hướng đi thình lình ngoài kế hoạch này đã cứu mạng ông! Quân Quốc Xã có tin tình báo nên biết chính xác hành trình của ông và đã bố trí sẵn các tay súng bắn tỉa nấp rình tại các ngã tư. Nếu ông tới thì sẽ bị hạ sát ngay chỗ đó. Nhưng hóa ra chỉ nhờ vào cái tâm lương thiện, cái lòng từ bi đã giúp ông đổi lộ trình và tránh thoát cuộc mưu sát này. Quả là tự cứu mình bằng cách giúp người khác.

Câu chuyện thứ ba kể về một cậu bé nhà nghèo tên là Howard Kelly. Quá nghèo nên hàng ngày cậu thường phải đến gõ cửa từng nhà để bán báo trên đường đi tới trường học của mình. Một hôm cơn đói nổi lên thình lình, cậu thò tay vào túi thì thấy chỉ có một đồng duy nhất cuối cùng. Đồng tiền này cậu định dành lại để mua thức ăn cho mấy đứa em ở nhà. Sau vài giây phút lưỡng lự cậu quyết định đi tới ngôi nhà ở phía trước để xin chút đồ ăn. Nhưng người mở cửa cho cậu lại là một cô bé xinh đẹp và dễ thương. Cậu tỏ ra bối rối và ngại

ngần, nên cậu chỉ dám mở miệng xin một cốc nước để uống mà thôi.

Cô bé trông thấy cậu có vẻ nghèo nàn và đang mệt lả đi vì đói nên thay vì mang nước cô lại đem cho cậu một cốc sữa lớn. Cậu từ từ uống một cách ngon lành rồi mới rụt rè khẽ hỏi cô gái: “Tôi nợ cô bao nhiêu?” Cô gái trả lời: “Bạn không nợ nần gì tôi cả. Mẹ tôi đã dạy là không bao giờ làm điều tốt mà còn chờ được trả công.” Cậu cảm động nói: “Tôi thành thực biết ơn cô.”

Sau khi rời khỏi ngôi nhà cô bé tốt bụng đó, cậu Howard Kelly không chỉ cảm thấy cơ thể khỏe khoắn trở lại mà cậu còn có lòng tin tưởng hơn vào từ tâm của con người. Điều này giúp ý chí cậu mạnh mẽ thêm lên và không chịu khuất phục số phận hẩm hiu của mình.

Nhiều năm sau đó, cô gái trẻ nói trên mắc phải một căn bệnh rất hiểm nghèo. Các bác sĩ tại địa phương đã cố gắng nhưng đành bó tay, không thể làm thuyên giảm bệnh. Cuối cùng họ quyết định chuyển cô lên bệnh viện thành phố nơi có nhiều chuyên gia mong chữa khỏi bệnh cho cô.

Trong số các bác sĩ được mời tới hội chẩn có một người tên là Howard Kelly. Khi nghe tới cái tên nơi quê quán của cô gái, một tia sáng chợt lóe lên trong ký ức của Kelly. Kelly vội đứng dậy, chạy xuống phòng cô gái. Bước tới gần giường bệnh ngay lập tức Kelly đã nhận ra đó chính là cô gái cho mình sữa ngày xa xưa. Kelly quay trở lại phòng hội chẩn và đề nghị được là người phụ trách ca bệnh đó.

Kelly làm hết sức mình với một sự quan tâm đặc biệt để chữa bệnh cho cô gái. Sau một thời gian chống chọi bệnh tình cô thuyên giảm và cuối cùng là khỏi bệnh hoàn toàn. Trước ngày cô gái xuất viện, bác sỹ Kelly đã yêu cầu nhân viên quầy thu ngân chuyển hóa đơn tới bàn giấy của mình. Kelly viết ít chữ lên trên hóa đơn trước khi nó được gởi tới phòng bệnh để trao cho cô gái.

Khi mở ra đọc cô gái thầm nghĩ rằng có lẽ cô sẽ phải ra sức làm việc cả đời mới trả hết món tiền này. Nhưng cô thật sự ngạc nhiên khi đọc thấy trên phần đầu hóa đơn đã ghi sẵn dòng chữ: “Hóa đơn đã được thanh toán bằng một ly sữa”. Và người ký tên là: “Bác sĩ Howard Kelly.”

Câu chuyện thứ tư xảy ra tại Đại học Stanford vào năm 1892.Thời đó có một học sinh 18 tuổi gặp khó khăn trong việc trả tiền học. Là một trẻ mồ côi anh ta không biết đi nơi đâu để kiếm ra tiền, anh bèn nảy ra một sáng kiến. Anh cùng một người bạn khác quyết định tổ chức một buổi nhạc hội ngay trong khuôn viên trường để gây quỹ cho việc học.

Họ đến mời Ignacy J Paderewski, một nghệ sĩ dương cầm đại tài. Người quản lý của Paderewski yêu cầu một khoản tiền

là $2000 cho buổi biểu diễn. Sau khi họ thỏa thuận xong, hai người sinh viên bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị buổi trình diễn. Ngày ấy cuối cùng đã đến. Paderewski đã tới biểu diễn tại Stanford. Nhưng không may là vé không bán được hết. Sau khi tổng kết số tiền bán vé họ chỉ có được $1600. Họ thất vọng, đến để trình bày hoàn cảnh của mình với Paderewski. Họ đưa cho ông toàn bộ số tiền bán vé, cùng với một check nợ $400 và hứa rằng họ sẽ cố gắng trả số nợ ấy thật sớm. Không ngờ Paderewski lại xé bỏ tờ check, trả lại số tiền cho hai chàng thanh niên và nói: “Hãy giữ lấy 1600 đô này, sau khi trừ hết tất cả các chi phí cho buổi biểu diễn còn bao nhiêu các cậu cứ giữ lấy cho việc học. Còn dư bao nhiêu nữa thì mới đưa cho tôi.” Hai chàng thanh niên vô cùng bất ngờ, xúc động nói lời cảm ơn… Đây chỉ là một việc nhỏ, nhưng đã chứng minh được nhân cách tuyệt vời của Paderewski. Ông giúp hai người mà ông ấy không hề quen biết. Trong cuộc sống hầu hết chúng ta đều nghĩ: “Nếu giúp họ, chúng ta sẽ được gì?” Nhưng những người vĩ đại lại nghĩ khác: “Nếu mình không giúp họ, điều gì sẽ xảy ra với những con người đang gặp gian khó này?” Người có từ tâm giúp ai không mong đợi sự đền đáp và chỉ nghĩ đó là việc nên làm mà thôi. Người nghệ sĩ dương cầm tốt bụng Paderewski nói trên sau này trở thành Thủ Tướng của nước Ba Lan. Ông là một vị lãnh đạo tài năng. Không may chiến tranh thế giới bùng nổ và đất nước của ông bị tàn phá nặng nề. Hơn một triệu rưỡi người dân đang bị chết đói. Chính phủ của ông không còn tiền. Không biết đi đâu để tìm sự giúp đỡ ông bèn đến Cơ Quan Cứu Trợ Lương Thực Hoa Kỳ để nhờ trợ giúp. Người đứng đầu cơ quan đó chính là Herbert Hoover, người sau này trở thành Tổng Thống thứ 31 của Hoa Kỳ. Ông Hoover đồng ý giúp đỡ và nhanh chóng gửi hàng tấn lương thực để cứu giúp những người Ba Lan đang bị đói khát ấy. Cuối cùng thì thảm họa cũng đã được ngăn chặn. Thủ Tướng Paderewski lúc bấy giờ mới cảm thấy thoải mái. Ông bèn quyết định đi sang Hoa Kỳ để tự mình cảm ơn ông Hoover. Thế nhưng khi Paderewski chuẩn bị nói câu cảm ơn thì ông Hoover vội cắt ngang và nói: “Ngài không cần phải cảm ơn tôi đâu. Có lẽ ngài không còn nhớ, nhưng vài năm trước, ngài có giúp đỡ hai cậu sinh viên trẻ tuổi ở bên Mỹ được tiếp tục đi học, và tôi là một trong hai chàng sinh viên đó đấy.”

Thế giới này quả là một nơi tuyệt vời. Bạn cho đi thứ gì thì sẽ nhận được những điều tốt đẹp đáp lại! (The world is a wonderful place. What goes around comes around!). Người ta cũng còn nhớ ông Winston Churchill từng nói đại ý rằng chúng ta sinh sống bằng những gì chúng ta kiếm được, nhưng chúng ta tạo lập đời mình bằng chính những gì mà chúng ta bố thí. Sống trên đời phải có một chút gì cho đi. Một chút đó chính là cái mình cố gắng (We make a living by what we get, but we make a life by what we give.)

NGUYỄN QUÝ ĐẠI (Germany)

XUÂN XƯA

Nhớ thời vang bóng xa xưa?
Hà thành hoa lệ trong mưa bụi mờ.
Xuân về quê Mẹ đến giờ,
Saú mươi năm lẻ đợi chờ gặp "EM"

Hồ Gươm, Thủy Tạ thân quen,
Ngọc Sơn, Thê Húc
người chen chật đường.
Du xuân đi khắp phố phường,
Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Đường,
Hàng Ngang.

Thăng Long rộn rã xuân sang,
Trẻ, già, trai, gái xênh xang áo quần,
Bốn mùa thay đổi đồng lần?
Mùa Xuân hoa nở muôn phần đẹp sao.

Giọng người Hà Nội thanh tao
Khi xa Ta vẫn ước ao trở về.
Nhật Tân Đào nở đê mê.
Cổ Ngư chiều xuống trên đê Hồng Hà.

Xuân quê Ta thực đậm đà.
Giao thừa pháo nổ nhà nhà chưng hoa.
Hai Ta trời bắt chia xa.
Bắc Nam phân cách lệ ta tuôn trào.

Vì sao không hiểu vì sao?
Phái xa Hà Nội biết bao hận sầu.
Chính quyền Nam, Bắc đối đầu.
Con sông Bến Hải với cầu Hiền Lương.

Đồng bào Nam Việt yêu thương
Mở vòng tay đón
tha hương triệu người?
Duyên Nam, tình Bắc ơn Trời.
Saigon Hòn Ngọc một thời vàng son.

Từ ngày xa cách nước non,
Được đi du học mộng tròn ước mơ.
Một mình đất lạ bơ vơ
Mùa Xuân viễn xứ xác xơ u sầu .

Tóc xanh sớm đã bạc đầu,
Ước mơ xuân tới phép mầu gặp nhau?
Xuân này sẽ hết thương đau?
Niềm vui Hội Ngộ, bên nhau trọn đời.

Nhìn bầy Én lượn trên trời,
Tai nghe chim hót tuyệt vời biết bao
Bên hoa bướm lượn xôn xao
Bâng khuâng thương nhớ,
dạt dào Xuân xưa.

Thái Hưng/PGH

THÔI MIÊN THUẬT VÀ MỐI TÌNH CỦA TÔI

** Phạm Thành Châu **

Người già trí nhớ rất kém. Bạn thân, gặp mặt, lại ngớ ra, không nhớ anh ta tên gì? Cầm chìa khóa xe trong tay mà cứ loay hoay đi tìm chìa khóa xe! Nhưng kỳ lạ nhất là lại nhớ chuyện xưa rất rõ. Chuyện lúc năm, sáu tuổi cho đến thời đi học, đi làm, lập gia đình, bạn bè, những biến động trong cuộc đời… thì nhớ từng chi tiết, nhưng hiện tại, thì lại chẳng nhớ chuyện vừa xảy ra! Tôi than phiền với ông bạn, ông ta trấn an: “Quên, chứ không phải mất trí nhớ. Mất trí nhớ điển hình như câu chuyện sau đây. Bà già nói với con gái. Sao tối nào cũng có một ông lạ hoắc vô phòng tao ôm hôn tao rồi đi ra? Đó là chồng bà ta, là cha của cô con gái”. Thì ra, ai lớn tuổi cũng hay quên và cũng nhớ rõ chuyện xưa. Cũng may, chuyện xưa còn nhớ đều là chuyện vui, để nhiều ấn tượng đẹp, nhất là chuyện tình cảm. Chuyện buồn, chuyện rủi ro, tai nạn, xui xẻo… không ai muốn nhớ. Kể chuyện nầy, tôi xin quí bạn đừng chờ đợi những tình tiết lãng mạn, gay cấn, rồi kết cục có hậu hoặc chia lìa bi thảm. Chuyện nầy chỉ để đọc cho vui thôi.

Đây là một chuyện tình thời trung học, mà tôi đã kỳ công chuẩn bị, cố sao cho một cô bé lớp tám (đệ ngũ) hiểu được nỗi “thổn thức” của lòng tôi. Chúng tôi học cùng trường công ở một tỉnh lỵ miền Trung. Tỉnh lỵ nhỏ, bọn trẻ biết rõ nhau, nhưng con trai đi chơi với con trai, con gái với con gái, không giống như bây giờ, chưa rụng răng sữa mà đã cập kè nhau, làm chuyện người lớn. Trong bọn con gái mà tôi “trồng cây si”, có một em rất dễ thương. Em tên Bình Minh. Tôi thích ngắm trộm em khi có dịp. Tuổi em, con gái mười lăm, mười sáu như hoa mới nở, đẹp tinh khiết. Nước da trắng mịn, nụ cười tươi, tóc đen tuyền phủ bờ vai, dáng đi uyển chuyển… như nàng tiên. Buổi tối, cùng các bạn lang thang trên các đường phố tù mù ánh đèn vàng, khi ngang qua nhà em, tôi thường nhìn vào, thoáng thấy em là tôi vui. Bọn con trai, con gái, thấy vẻ mặt ngu ngơ của tôi trước em là chúng biết ngay, nhưng chúng không chọc ghẹo tôi mà tôn trọng sự “đơn phương” của tôi vì biết em chẳng hề cảm động tấm chân tình của tôi. Lý do, theo chúng nghĩ, là tôi thì xấu trai mà em còn quá nhỏ, quá ngây thơ, chẳng biết gì. Khi thằng con trai như tôi, học lớp mười một (đệ nhị), đã đến tuổi mơ mộng, lang thang với nỗi buồn không tên, thấy em nào tôi cũng yêu. Tôi yêu nhiều em lắm, và tôi là thằng con trai duy nhất đủ can đảm, viết thư tỏ tình nhiều em cùng một lượt. Cách đưa thư đơn giản nhất là nhờ một cô học cùng lớp với em chuyển thư. Cô nào cũng vui vẻ nhận nhiệm vụ vì được dịp xem lá thư viết gì?

Tôi xin kể chuyện yêu em Bình Minh, nữ sinh lớp tám nầy, như một chuyện tâm lý hơn là tự sự để bạn, có thể, bắt gặp mình trong đó, của thời niên thiếu. Tôi yêu cô nào mà không được đáp lại

là tôi hết yêu, nhưng với em Bình Minh thì tôi lại yêu mãi! Yêu em, nhưng biết em vô tình nên tôi phải tìm mọi cách cho em đáp lại tiếng gọi của lòng tôi. Tôi để tâm nghiên cứu sách vở, học hỏi bạn bè làm cách nào chinh phục người đẹp.

Tôi vốn là con mọt sách. Nhà tôi nghèo, không có tiền mua sách, cuối tuần hoặc giờ rảnh, tôi ra nhà sách của một thằng bạn, đọc sách cọp. Tôi đứng một góc tiệm sách, đọc ngấu nghiến, chỉ một buổi có thể xong nửa tập, hôm sau ra đọc tiếp. Tôi đọc truyện ngắn, truyện dài, truyện dịch rồi qua sách nghiên cứu, phong thủy, tử vi đẩu số, bói bài, xem chỉ tay… Tôi đọc gần hết tiệm sách. Nghĩa là hễ thấy chữ là tôi đọc, (thời đó) cả đến cái nhãn Nhị Thiên Đường, cái gói Tiêu Ban Lộ, vỏ hộp Cứu Cấp Lục Thần Thủy (thuốc bắc)… tôi cũng đọc. Ngay hiện nay, đến nhà ai, thấy quyển sách, tờ báo là tôi vớ lấy, đọc luôn mấy cái quảng cáo bán nhà, cho thuê phòng, sang tiệm nail, tìm thợ nail (làm móng tay)… Sách báo tiếng Tây, tiếng Anh tôi cũng đọc dù chỉ hiểu lõm bõm. Người ta bảo tôi bị "cuồng chữ", cũng là thứ bịnh điên nhưng "điên hiền".

Thời đó, tôi thích nhất là môn xem chỉ tay. Ra tiệm sách, tôi đem theo một tờ giấy, vẽ bàn tay, các gò, các chỉ tay, ghi chú tỉ mỉ các chi tiết của bàn tay. Nhân cách, tính tình, dĩ vãng, tương lai, bịnh hoạn, tai nạn… Về nhà, tôi học thuộc rồi ra nhà sách ghi tiếp, học tiếp. Tôi thường cầm bàn tay bạn bè, nhìn chỉ tay nói vanh vách đủ thứ, khiến chúng ngạc nhiên "Mầy nói đúng!". Đứa nào cũng lo lắng, hỏi về chuyện học hành. Năm nay thi cử ra sao? Đậu hay rớt (đỗ hay hỏng)? Chuyện thi cử đâu có nói trong sách chỉ tay, nhưng tôi vẫn quả quyết: "Đường trí đạo, dài, rõ ràng, đường tâm đạo sáng sủa, chỉ rõ quyết tâm, chăm chỉ, chắc chắn thi là đậu". Bọn con gái, đa số siêng học, thuộc bài nên thi dễ đậu. Thỉnh thoảng các cô tụ tập ở nhà một bạn nào đó rồi mời tôi đến xem chỉ tay. Tôi lần lượt cầm tay từng em, thao thao giải thích đường nào là mạng đạo, là tâm đạo, là trí đạo. Em nào cũng nghe say mê và "học lóm" được chút ít về chỉ tay rồi coi chỉ tay cho nhau, cười nói vui vẻ. Dĩ nhiên, tôi phán em nào cũng thi đậu. Các em rất vui mừng, nhưng tôi lại hãnh diện và sung sướng hơn vì được công khai cầm tay các em. Những bàn tay trắng trẻo, mềm mại, ấm áp. Bọn con trai thèm lắm. Đụng chéo áo em còn không được nói gì cầm tay em. Nhưng cô bé mà tôi trồng cây si chỉ mới lớp tám, đâu thi cử gì nên tôi chịu thua, không cách nào "tiếp cận" được em. Tôi nghĩ cách khác. Tôi luyện thôi miên. Thời đó, trong tiệm sách có bán quyển "Thôi Miên Thuật". Tôi đến, đem theo một tập giấy. Tôi chép lại, về nghiền ngẫm và

áp dụng. Tôi không nhớ tên tác giả nhưng nhớ rõ các phương pháp thôi miên mà bây giờ mới biết là, có lẽ, để đọc giải trí chứ chẳng phải sách nghiên cứu, khoa học gì. Nhưng lúc đó tôi tin lắm, quyết chắc mình sẽ là nhà thôi miên tài ba. Tôi sẽ thôi miên cô bé mà tôi si mê.

Quyển "Thôi Miên Thuật" chia làm hai phần. Phần lý thuyết và phần thực hành. Phần lý thuyết đại ý nói rằng. Thôi miên là dùng khả năng của ý chí điều khiển ý nghĩ của người khác khiến họ làm theo ý mình. Trong con người có một năng lực đặc biệt ở đôi mắt, đó là nhãn lực. Con rắn thấy con mồi từ xa, như con chuột chẳng hạn, đã dùng đôi mắt thôi miên khiến con mồi khiếp đảm, tê liệt, không cử động được, đành đứng yên chờ chết. Con người, ngoài đôi mắt còn có bàn tay. Những ngón tay có thể phóng nhân điện. Bạn thử dùng ngón tay trỏ chỉ vào chỗ trán, giữa hai lông mày của một người nào đó, đương sự sẽ thấy choáng váng. Đó là do nhân điện đã phóng ra từ ngón tay, tác động lên thần kinh não bộ.

Tiếp theo là phần thực hành. Phần nầy quan trọng nhất. Sơ khởi là tập "Nhìn mặt trời". Buổi sáng, đứng nhìn về hướng đông, khi mặt trời mọc thì phải chăm chú nhìn, đến khi chói mắt thì thôi. Tôi thực hành được một tuần thì mắt tôi sưng đỏ lên, đổ ghèn. May mà tôi ngừng kịp, nếu không tôi đã thành hiệp sĩ mù rồi! Giai đoạn tiếp theo là nhìn nhang. Buổi tối, học bài xong, đi ngủ. Tôi chui vô mùng thắp một cây nhang, ngồi kiết già, cách cây nhang độ một mét, bắt đầu tưởng tượng có những dòng sinh lực từ vũ trụ hội tụ vào đỉnh đầu, chuyển dòng sinh lực đó đi dọc theo sống lưng xuống đan điền (dưới rốn), từ đó, đưa dòng sinh lực đi lên hai cánh tay, tập trung ở mười đầu ngón tay, hai tay thẳng về phía trước, mười ngón hướng về cây nhang, mắt nhìn chăm chăm vào đầu cây nhang đang cháy đỏ, không được nháy mắt, tập trung tư tưởng, luyện cho thần lực trong đôi mắt thêm sức mạnh, có thể khống chế người khác, đồng thời chuyển ý chí đến mười ngón tay, phóng "nhân điện" về phía đối tượng (tưởng tượng), miệng thầm thì như niệm chú "Ta có thần lực vô biên, ngươi phải tuân theo lịnh ta…" Cứ làm như thế cho đến khi cây nhang tàn thì đi ngủ. Sau một tháng tu luyện, tôi thử áp dụng "ngoài đời". Sách dạy, đàn bà yếu bóng vía, dễ dùng nhân điện để điều khiển. Một buổi tối, tôi ra đường. Đường vắng, tôi thấy một chị đàn bà đi phía trước, khoảng hơn mười mét. Tôi đưa mười ngón tay hướng về chị ta, tập trung tư tưởng, đăm đăm nhìn vào gáy chị ta miệng lầm thầm ra lịnh "Hãy bước sang bên trái theo lịnh ta. Bước ngay! Bước ngay sang bên trái theo lịnh ta!"... Phóng nhãn lực, chuyển "mười thành

công lực" về phía người đàn bà, gần nửa giờ mà chị ta vẫn đi thẳng, chẳng quẹo đi đâu cả! Bạn mà thấy cảnh tôi đi lựng khựng trên đường phố vắng như quỷ nhập tràng, hai tay đưa ra phía trước, miệng lảm nhảm, mắt mở trừng trừng thì biết ngay đó là người bị bịnh tâm thần. Nhưng tôi không nản lòng, tôi vẫn tiếp tục luyện thần với cây nhang mỗi đêm khuya, vì tình yêu là sức mạnh giúp tôi kiên trì theo đuổi giấc mộng sẽ làm xao xuyến quả tim cô bé dễ thương kia. Cho đến một buổi tối, cô bé đó đi trên đường phố với các bạn, hướng ngược chiều với bọn tôi. Thường thì thấy em đi từ xa thì tôi ngắm, khi em đến gần là tôi khớp, không dám nhìn em. Lần nầy, tôi tự tin là mình có thuật thôi miên, nên từ xa, tôi nhìn đăm đăm em, miệng lầm thầm ra lệnh "Hãy yêu anh! Hãy yêu anh!" Quả nhiên, khi đến gần, em nhìn tôi nở nụ cười, tôi cười lại, tim đập loạn xạ. Mấy đứa bạn đi chung bảo tôi "Em cười với mầy đó!" Từ đó tình tôi yêu em thêm sâu đậm vì tin chắc là em đã yêu tôi.

Bước tiếp theo trong chương trình chinh phục em là gửi đến em lá thư. Một buổi sáng chủ nhật, tôi lang thang trên đường phố thì gặp em đi với các bạn. Vì tự tin, tôi dừng lại, nói với em "Tối chủ nhật anh đưa em quyển sách nghe!" Bọn bạn tò mò, ngạc nhiên vì cách giao tiếp công khai của hai đứa tôi. Lúc đó em cười, gật đầu. Ngay khi về nhà, tôi cặm cụi viết lá tình thư. Tôi viết dài lắm. Tôi viết nháp, rồi thêm bớt, sửa chữa, đọc đi, đọc lại, cho đến khi tự khen là một bức thư tình hay nhất thế gian, tôi mới chính thức viết vào tờ giấy màu xanh, màu của hi vọng. Sau khi đề ngày tháng vào đầu lá thư, tôi ghi một câu tiếng Tây "Loài người không có tình yêu như trái đất không có ánh mặt trời" (Viết đến đây, dù đã lớn tuổi mà nhớ lại, tôi vẫn còn mắc cỡ bởi câu thành ngữ đó. Sến không chịu được!) Càng sến hơn nữa khi cuối lá thư, tôi ký tên "Người Tình Si". Tối chủ nhật tôi bỏ lá thư vào phong bì, để vào một tờ tạp chí khổ nhỏ, đến nhà em. Tôi lang thang, lên xuống trước nhà em cho đến khi nhà đóng cửa đi ngủ mà chẳng thấy em ra! Tối hôm sau, tôi áp dụng thôi miên thuật. Tôi đứng bên lề đường, đối diện nhà em. Dù không thấy em, tôi vẫn phóng nhãn lực vào nhà em, tập trung tư tưởng, ra lịnh "Em Bình Minh. Hãy ra nhận thư. Hãy ra nhận thư!" Hơn cả giờ đồng hồ, nhà em lại đóng cửa đi ngủ cũng chẳng thấy em ra. Cả tuần, tối nào tôi cũng đi lên, đi xuống trước nhà em, dùng thôi miên thuật mà em vẫn biệt tăm. Thời may, một lần em đi đâu về, tôi mừng rỡ trao tờ tạp chí có lá thư cho em và nói "Tối chủ nhật sau trả lời thư anh nghe". Em gật đầu, cầm lấy, đi vô nhà. Chủ nhật sau, khoảng chín giờ tối, tôi đến nhà em. Em như chờ sẵn, bước ra, đưa tôi

tờ tạp chí. Tôi cầm lấy, đi như bay vì sung sướng, nhất là khi thấy cái phong bì kẹp trong tờ tạp chí. Tôi về, để tờ tạp chí trên bàn học, ngồi ngắm cái góc phong bì ló ra từ tờ tạp chí để thong thả hưởng cái sung sướng lần đầu trong đời được một đứa con gái gửi cho lá tình thư. Tôi hạnh phúc đến độ ngồi mỉm cười, đê mê cả giờ đồng hồ mới long trọng lấy cái phong bì, cẩn thận lấy lá thư, mở ra. Ngay lúc đó cả người tôi rã rời, chán nản, không muốn thở. Tôi chỉ muốn chết quách. Bạn biết sao không? Lá thư của tôi đã gửi em, em trả lại thư. Hèn chi, tôi vừa đến là em chờ sẵn. Có thể em đã đưa lá tình thư của tôi cho cha mẹ em đọc và họ bảo trả lại. Nghĩ đến đó tôi lại mắc cỡ, tự hỏi, mình đã viết những gì? Người nhà em đọc, đã nghĩ gì về tôi? Đau hơn nữa là em đã đưa lá thư của tôi cho mấy đứa bạn đọc nên sau đó, gặp tôi ngoài đường chúng nói vu vơ như hát "Ơi. Người tình si!". Bạn ắt còn nhớ, trước đây, đã một lần, tôi kể chuyện, cũng viết thư gửi mấy em, rồi bị trả lại. Vậy mà vẫn chưa tởn. Lần nầy cũng bị trả lại thư và cái cảm giác xấu hổ, chán đời vẫn y chang như lần trước. Tôi không dám nhìn lá thư của tôi bị trả lại. Tôi ngồi chết lặng cả buổi rồi thở dài "Kiểu nầy phải chui xuống đất mới không gặp ai!" Mà tôi ít ra đường thật, vì mắc cỡ và cũng vì phải học để chuẩn bị thi tú tài một. Nhưng rồi tuổi trẻ ham vui và mau quên. Ít lâu sau, ra đường, gặp em, em cười, tôi cũng cười với em. Em và bạn bè, có lẽ, đã quên mọi sự. Thi đậu tú tài một, tôi học lớp mười hai (đệ nhất), là lớp cao nhất của trường trung học, sắp vào đại học, sẽ là sinh viên, oai lắm nên tôi vênh mặt, coi các cô như bầy em nhỏ, khi chuyện trò thì ra vẻ "ta đây". Nhưng với em Bình Minh, tôi vẫn thấy vui và sung sướng mỗi khi được nhìn thấy em. Thỉnh thoảng gặp nhau, chúng tôi đứng lại chuyện trò đôi câu "Đi đâu đó?" "Đến nhà bạn" Tôi hỏi ngớ ngẩn "Đến chơi hả?" "Đến học chung" Rồi em nói "Đi nghe!" Tôi trả lời "Ừ!" Chỉ có vậy mà tôi thấy yêu đời, thì thầm ca hát suốt mấy ngày, càng siêng đi ngang nhà em, dù không thấy em, tôi vẫn vui thích, sung sướng. Đậu tú tài hai, tôi vù ngay vào Sài Gòn để kịp nộp đơn thi vào đại học, bỏ lại sau lưng thành phố tỉnh lỵ thân yêu và cô bạn gái dịu dàng, xinh đẹp. Cuộc sống cứ quay cuồng theo thời gian. Năm 1968, lệnh tổng động viên, tôi vào lính. Năm 1972 thất trận, bị bắt làm tù binh. Rồi qua Mỹ theo chương trình HO, tha phương nơi xứ người. Mấy mươi năm trôi qua. Bây giờ tôi (chúng tôi) đã trên bảy mươi. Tuổi đời đã đè nặng trên tâm hồn lẫn thể xác mỏi mệt, rả rời. Thời gian như những giọt nước tí tách, triền miên rơi vào bầu nhiệt huyết, dập tắt những ước vọng, tự tin của thời trai trẻ sung mãn.

Hằng năm, cứ mỗi lần Tết đến, hội cựu học sinh trường của chúng tôi tổ chức

Hội Ngộ Mừng Xuân ở tiểu bang California, tôi ở tiểu bang khác cũng lặn lội đến chung vui. Bạn trai, thời học trò, tôi còn nhớ mặt, dù đã quá già, quá thay đổi, chỉ cần xưng tên là nhớ ra ngay, Với các bạn gái thì tôi chịu thua, lâu quá! Đã mấy mươi năm. Họ từ các cô gái ngây thơ thành những người đàn bà lạ hoắc! Trước giờ khai mạc, chúng tôi tụ tập trước hội trường, chuyện trò. Lúc quay vào, một ông bạn, chỉ vào một cô hỏi nhỏ "Ông còn nhớ em Bình Minh của ông không?" "Chuyện cũ thì nhớ, nhưng người cũ thì không chắc, lâu quá!" Ông bạn cười "Tới hỏi xem, người đẹp ngày xưa còn nhớ ra ông không?" Tôi đứng giữa lối đi, sau lưng cô Bình Minh. Tôi nhận ra ngay cô ta. Thời gian và những biến động của thời cuộc không xóa được những nét thanh tú, dịu dàng ngày xưa, những nét thân yêu đó đã in đậm trong ký ức tôi với tình cảm không hề phai nhòa. Tôi nhớ lại trước kia, vì yêu cô mà tôi kỳ công học Thôi Miên Thuật để chinh phục cô. Bây giờ tôi thử lại trò chơi cũ. Tôi nhìn chăm chú vào gáy cô, miệng thì thầm ra lệnh "Bình Minh. Hãy quay ra phía sau! Bình Minh. Hãy quay ra phía sau!" Độ năm phút, cô đang chuyện trò với người bên cạnh bỗng ngưng lại, nhìn quanh, rồi đứng lên, nhìn về phía sau. Thấy tôi, mắt cô mở lớn, kêu lên "Anh Thành!" Cô bước ra khỏi dãy ghế, tiến về phía tôi. Tôi cười "Xin lỗi! Tôi không phải tên Thành. Chị là ai, coi quen quen?" Cô đập vai tôi, rồi với cả thân tình, cô nắm tay tôi, kéo ra trước sân hội trường. Chúng tôi ngồi xuống một ghế dài. Cô tíu tít "Anh qua đây khi nào? Em hỏi nhiều người, ai cũng nói anh ở tiểu bang miền Bắc, ít khi về đây. Anh khỏe không?" Tôi cười "Gặp em là anh khỏe rồi. Còn em ra sao?" "Cũng như anh. Gặp được anh là em khỏe và vui mừng lắm. Gia đình anh ra sao? Được mấy cháu?" "Sắp cưới vợ, vợ anh tên Bình Minh". Cô véo hông tôi, không nói gì. Chúng tôi có biết bao nhiêu là chuyện để kể, để hỏi han nhau. Những kỷ niệm xưa như một sợi dây vô hình đã kết hợp hai chúng tôi thành đôi bạn thân thiết và tín cẩn nhau. Tôi nhắc chuyện cũ "Thật tức cười và cũng rất ngây ngô khi anh viết thư gửi em. Nhưng đến bây giờ anh vẫn không rõ, lúc đọc thư anh, em nghĩ gì?" Cô cười "Anh làm em hết hồn khi thấy lá thư của anh. Em run quá, sợ ở nhà thấy được thì chết. Em dấu dưới hộc bàn, buổi tối, lúc học bài, chờ cả nhà đi ngủ, em đem ra đọc. Em đưa cho mấy đứa bạn đọc. Có đứa đọc hai ba lần" "Em đọc có rung động không?" "Em không hiểu anh viết gì, bạn bè đọc cũng không hiểu, xúm nhau giải thích lung tung nhưng vui lắm" "Rồi sao nữa?" "Mẹ em bắt gặp, la em, bảo trả lại cho người ta" "Sau đó quên luôn?" Cô trầm ngâm "Không hiểu sao. Ít lâu sau, em mong được gặp anh, được nhìn thấy anh. Em không nhớ anh viết

những gì, nhưng em cảm động lắm vì biết anh để ý đến em, thương em. Có điều lạ là, buổi tối em và các bạn đi dạo phố, hễ em cầu mong gặp anh là thấy anh xuất hiện cùng với bạn bè. Về nhà vẫn còn vui. Hôm anh chuẩn bị vào Sài Gòn đi học, anh gặp em, từ giã em. Lúc đó em chỉ cười mà không biết nói gì. Đi một lúc, em bỗng ôm bạn em, đứng khóc. Mấy đứa sợ quá, không biết chuyện gì? Anh hứa sẽ về thăm em mà anh đi biệt, chẳng về quê nhà lần nào. Em chỉ biết theo dõi anh qua tin tức bạn bè. Anh chẳng thèm nhớ đến ai cả!" "Nhưng năm 1968 anh có về gặp em" "Em không hiểu sao, năm đó, thình lình, anh đến tìm em nơi trường em đang dạy học. Anh đi xa, bộ không có cô nào theo anh sao mà anh phải về gặp em? Rồi còn hẹn hò sẽ cưới em…" "Anh vào Sài Gòn học sư phạm, bốn năm, rồi đi dạy được một năm thì có lệnh tổng động viên, anh nhớ lại, chỉ có em là người bạn gái anh tin cẩn nhất, nhiều cảm tình nhất. Anh nghĩ mình vào lính phải có một người yêu để nhớ nhung và viết thư cho nhau, rồi sẽ cưới làm vợ…" "Bộ anh bị cô nào phản bội mới về quê nhà tìm em?" " Đôi khi cũng quen biết vài cô, thấy đẹp, cũng xao xuyến, nhưng tính anh hời hợt lắm, chỉ như cơn say, sau đó quên ngay. Anh chẳng yêu ai, sau sực nhớ đến em" Cô vùng vằng "Hóa ra anh chẳng yêu em mà còn ngỏ ý muốn cưới em. Nãy giờ em chờ anh kể rằng anh thương yêu em, nhớ em. Thật uổng công em yêu anh, nhận lời xin cưới em, rồi chờ đợi anh, bao nhiêu năm!" Tôi thấy cô không giận mà đang nhìn tôi cười, nụ cười hết sức nhu mì, hiền hậu "Khi anh ngỏ lời xin cưới em là anh coi em như đã là vợ anh rồi, cần gì phải nói nhớ nhung, mơ mộng như với tình nhân, hơn nữa, tính anh khô khan, lại thêm đời lính luôn đối diện với máu lửa, với cái chết, nghĩ đến em đã rất hiếm hoi nói gì đến mơ mộng như trong tiểu thuyết" Cô nắm tay tôi đặt trên đùi cô, đầu tựa vào vai tôi "Em cũng vậy. Từ khi anh ngỏ lời cưới em, em tự coi như chính thức đã là vợ anh. Thư anh gửi, em chỉ chờ được nghe anh kể những gì xảy ra trong cuộc sống quân ngũ, như người vợ nghe chồng chuyện trò. Đọc thư anh, em rất hạnh phúc, ấm áp như có anh bên cạnh. Năm 1971, anh đưa ba mẹ anh ra nhà em xin làm đám hỏi, hẹn sang năm sẽ về phép làm đám cưới. Rồi sau đó em nghe tin anh mất tích trong một trận đánh năm 1972…" "Và em lấy chồng?" "Đâu có! Em là vợ anh mà. Em chờ anh về với em. Em biết chắc, anh có chết đi cũng sẽ về với em trong giấc mộng" "Sau năm 1975, chuyện gì xẩy ra cho em?" "Em cùng gia đình vượt biên qua Mỹ" Tôi kể "Anh hành quân liên miên, định khi nào được dưỡng quân thì về phép làm đám cưới mà chưa có dịp, sau đó, anh bị thương trong một trận đánh, bị bắt làm tù binh. Mạng sống của mình còn chưa biết ra

sao, tâm trí đâu mà nghĩ đến người khác. Đi tù về, sống lây lất, nếu có nhớ đến em, đến chuyện chúng mình, cũng tưởng như xảy ra từ kiếp trước của vòng luân hồi xa xăm, mịt mù nào, và lời hẹn hò cưới nhau cũng chỉ là lời vô vọng" Cô thì thầm "Ở Mỹ, em không được tin tức gì về anh, nhưng em vẫn tin rằng chúng ta đang tìm nhau. Em vẫn chờ anh" Rồi vẫn tựa đầu vào vai tôi, cô khóc thút thít như cô thiếu nữ có tâm sự buồn "Đúng như lời anh nói. Anh và em đã hẹn lời vợ chồng từ kiếp trước, kiếp nầy tìm nhau, sau mấy mươi năm, với bao biến động của cuộc đời, đến khi gặp được nhau, thì anh và em, tuổi đã về chiều, không biết có còn được hạnh phúc như những ước mơ của tuổi thanh xuân thuở nào?"

Tổ chức Xuân Hội Ngộ cựu học sinh trường trung học của chúng tôi gồm hai phần. Tiệc Hội Ngộ và tiệc Chia Tay. Tiệc Hội Ngộ long trọng hơn, có phần giới thiệu các cựu giáo sư, các cựu học sinh từ các tiểu bang, từ châu Âu, châu Úc, Canada đến, có diễn văn, ca nhạc, kể chuyện, rất vui. Riêng tiệc chia tay, ở một nhà hàng khác, thân mật hơn. Các cô đi một mình ngồi với nhau, các ông độc thân ngồi các bàn riêng để dễ chuyện trò, nhất là các ông "Thần Ve Chai" (dân nhậu) nhậu nhẹt, bù khú chuyện bậy bạ, tôi ở trong số đó. Trong khi chờ đợi nhà hàng dọn thức ăn lên, chúng tôi đang cụng ly với nhau thì cô Hồng (tôi biết và nhớ tên cô) đến nói với tôi "Mời anh qua bàn tụi nầy có chút chuyện" Tôi lưỡng lự "Có chuyện gì quan trọng không?" "Mời anh qua gặp Bình Minh" Tôi qua, thấy còn ghế trống bên cạnh Bình Minh, tôi ngồi xuống. Thấy chỉ mình tôi là đàn ông nên các cô bắt đầu chọc ghẹo tôi với cô Bình Minh "Anh chị định bao giờ làm lễ cưới để tụi nầy làm phụ dâu đây?" Cô Bình Minh mỉm cười không nói gì. Tôi nói "Lớn tuổi rồi. Chỉ coi nhau như bạn thân thôi. Phải không Bình Minh?" Cô yên lặng gật đầu. Tính tôi không hứng thú khi chuyện trò với phái nữ nên cứ ngồi yên. Các cô hỏi, tôi chỉ trả lời từng câu "Anh ở tiểu bang nào?" "Tiểu bang Michigan, thành phố Saginaw" Cô Hồng ngạc nhiên, hỏi "Tôi cũng ở Michigan, thành phố Saginaw mà sao không gặp?" "Tôi ở thành phố khác, mới dọn đến" "Đường nào?" "Tôi ở đường McCarty Rd" Cô Hồng mừng rỡ "Tôi ở đường Weiss st. gần nhà anh rồi. Tôi có mời mấy cô nầy lên Michigan, ở nhà tôi chơi mấy bữa. Khi nào đi chơi, tụi nầy mời anh cùng đi cho vui" Tôi lắc đầu "Tôi là đàn ông mà theo các cô, các cô sẽ mất tự nhiên, mất vui. Hơn nữa, tôi ở Michigan đã lâu, tôi biết hết rồi" Chúng tôi trao đổi số điện thoại cho nhau. Cô Hồng nói "Ở Michigan lạnh lắm. Anh cần một người bên cạnh để sưởi ấm tâm hồn cô đơn" "Trên đó lạnh thật, nhưng sống một mình cũng quen" Thấy chuyện hơi nhạt

nhẻo mà cô Bình Minh cứ ngồi yên, tôi đoán chừng, cô có điều gì giận tôi nên tôi xin phép về chỗ và chào Bình Minh "Anh đi, Bình Minh nghe!" Cô ngước nhìn tôi với đôi mắt kỳ lạ, như vui, như buồn và gật đầu.

Như tôi đã thưa với bạn đọc ở phần trên. Chuyện tình của tôi vừa nhạt nhẽo vừa không có hậu. Câu chuyện coi như chấm dứt ở đây nếu không xảy ra một sự việc bất ngờ.

Khi tôi về Michigan được vài hôm thì có điện thoại "Anh Thành hả? Hồng đây!" "Cô Hồng về hôm nào?" "Hồng về hai hôm rồi. Gọi anh để nhờ anh một việc. Số là nhà Hồng chỉ có hai phòng mà tụi nầy có đến bảy cô. Ba cô một giường đã chật quá rồi, còn một cô, không lẽ nằm dưới đất, thấy tội nghiệp quá. Anh có thể cho "quá giang" một cô qua anh được không?" Tôi la lên "Trời đất! Tôi thì độc thân mà cho một cô qua ở chung? Không được đâu. Mang tiếng chết!" Cô Hồng cười trong điện thoại "Thì anh qua ngủ chung với tụi nầy, còn cô bạn thì ngủ một mình trong nhà anh" "Giỡn hoài. Hai cô thì có thể ngủ phòng riêng, để khỏi bị dị nghị" "Chỉ một người mà thôi. Anh chịu không?" "Không được đâu!" Đầu dây im lặng một lúc, giọng quan trọng "Bình Minh. Chịu không?" Tôi kinh ngạc "Bình Minh có ở đó à? Sao không nói trước? Mà Bình Minh có chịu không?" "Bình Minh cũng không chịu. Cứ "Em chả. Em chả" mãi, tụi nầy mới nói. Anh chị hứa hôn với nhau rồi. Mấy mươi năm chờ nhau, tìm nhau, bây giờ gặp lại sao không chịu đến với nhau. Còn anh. Không có ai vô tình như anh. Bình Minh yêu anh nhiều lắm. Chờ đợi anh. Anh có biết không? Hồng mà như Bình Minh thì không thèm tìm kiếm, không thèm chờ đợi. Lấy chồng quách cho bỏ ghét".

Vậy là tối đó, có tiếng gõ cửa. Tôi ra mở cửa. Cô Hồng xách va li (của Bình Minh) vào để ở phòng khách rồi đi ra, không nói tiếng nào. Sau đó hai cô bạn đẩy cô Bình Minh vào và nói "Nhiệm vụ phù dâu của tụi nầy xong rồi. Chúc cô dâu, chúc rể trăm năm hạnh phúc". Sáu cô cứ đứng ngoài cửa nhìn vào, cười nói rộn ràng một lúc rồi đóng cửa lại, lên xe đi. Cô Bình Minh đứng xây mặt vô vách, im lặng. Tôi đến bên cô, ôm vai cô, xoay người cô ra, tôi thì thầm "Anh xin lỗi Bình Minh". Cô vẫn im lặng "Cho anh hôn em. Được không?". Cô cúi mặt nhưng gật đầu. Tôi ôm cô. Cả người cô run rẩy như con chim non, hai tay co lên trước ngực. Tôi hôn lên trán cô, nâng mặt cô ngước lên, tôi hôn lên đôi má đẫm nước mắt của cô.

Phạm thành Châu

Xuân Tiêu Lữ Thứ
Nguyễn Du

春宵旅次

蕭蕭蓬鬢老風塵
暗裡偏驚物候新
池草未闌千里夢
庭梅已換一年春
英雄心事荒馳騁
名利營場累笑顰
人事蕭條春自好
團城城下一沾巾

阮攸

Xuân Tiêu Lữ Thứ

Tiêu tiêu bồng mấn lão phong trần,
Ám lý thiên kinh vật hậu tâm
Trì thảo vị lan thiên lý mộng
Đình mai dĩ hoán nhất niên xuân
Anh hùng tâm sự niên trì sính
Danh lợi trường trung lúy tiếu tân
Nhân sự tiêu điều Xuân tự hảo
Đoàn Thành thành hạ nhất triêm cân.

Nguyễn Du

Bản dịch:

Đất Khách Đêm Xuân

Phất phơ mái tóc nhuốm phong trần,
Lòng sợ cơ trời thoắt chuyển luân
Bờ cỏ ven hồ còn đắm mộng
Cội mai trước ngõ đã sang Xuân.
Anh hùng tâm sự dường mòn mỏi
Danh lợi khóc cười chuyện thế nhân
Xuân đẹp nhưng hồn người héo hắt
Dưới thành khăn thấm lệ bao lần.

Trần Quốc Bảo tuyển dịch

Nguyễn Du *(1765-1822) tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, biệt hiệu Hồng Sơn Hiệp Lộ, quán làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Con thứ bẩy của Hoàng Giáp Quận Công Nguyễn Nghiễm làm Tể Tướng thời Lê Trịnh.*

Nguyễn Du tư chất thông minh từ nhỏ, năm 19 tuổi đã thi đỗ Tam Trường (Cử Nhân xưa). Năm Gia Long thứ 12 (1813), làm Sứ Thần Việt Nam đi Sứ qua Tầu, khi về nước nhận chức Lễ Bộ Hữu Tham Tri. Ông là tác giả nhiều sách viết bằng chữ Hán như Thanh Hiên Tiên Hậu Tập, Bắc Hành Thi Tập, Nam Trung Tập Ngâm, Lê Quý Kỷ Sự. Về thơ nôm, ông để lại một tuyệt tác phẩm cho hậu thế là: Đoạn Trường Tân Thanh (tức Truyện Kiều).

(Trích từ tác phẩm "Hàn Thi Đường Thi Tuyển Dịch" của Dịch Giả Trần Quốc Bảo, do Bút Việt Văn Đoàn mới xuất bản vào đầu tháng 11/2019)

NỤ CƯỜI XUÂN

**** Thu Lê ****

Mới đây đọc báo Reader's Digest thấy người ta nói đến những ích lợi của cái CƯỜI, trong đó có nói là cười nhiều có thể làm cho người ốm bớt đi. Lý do gì mà các nhà khảo cứu lại quả quyết như vậy? Vài phút cười vui có thể thay thế thời gian đi bộ trên máy "treadmill" chăng? Tơi không tin như vậy.

Nhưng theo các chuyên gia ở Vanderbilt University thì những cái cười có thể đốt vài ca-lo-ri nhiệt lượng và càng cười thì bạn càng mất bớt nhiệt lượng. Mấy vị này mộ được 45 cặp bạn bè và để cho họ xem phim hài hước ngắn, gồm cả các chương trình như " Saturday Night Live" và những phim như "There's Something about Mary"... Những người tình nguyện xem các cảnh của phim được ở trong phòng có trang bị máy đo số nhiệt lượng bị đốt cháy, và mỗi người được mắc vào một máy điều hoà nhịp tim. Vào cuối buổi thí nghiệm, các chuyên gia quả quyết: Cười làm tăng nhịp đập của tim từ 10 đến 20% và đốt chừng 1 tới 3 ca-lo-ri mỗi phút – ngang bằng với nhiệt lượng tiêu thụ khi bạn đánh máy, xếp hồ sơ, hay chơi bài. Chạy bộ thì đốt chừng 10 ca- lo-ri mỗi phút. Cũng đừng nghĩ 1,3 ca lo ri thì nhằm nhò gì, chẳng đáng kể. Nhưng nếu bạn cười 15 phút mỗi ngày và cứ cười cả năm như vậy thì có thể mất đi 4 pounds chứ không có rỡn đâu à!

Thật vậy, trong bộ óc của người sắp sửa cười, trung khu vận động thi hành một số mệnh lệnh cùng một lúc gửi các tín hiệu đến cả chục bắp thịt và tuyến. Cái công việc "Cười' này được các nhà khoa học xếp loại. Ta có thể làm nhiều tiếng động và bộ mặt khác nhau, cười theo các cường độ khác nhau và tính cách khôi hài cũng khác, nhưng những mệnh lệnh mà bộ óc gửi ra đều theo một công thức chính xác ảnh hưởng đến toàn thân thể:

Khi ta cười có ít nhất là 15 bắp thịt chuyển động ở mặt để làm thành nụ cười. Lượng máu chạy trong mạch máu tăng lên làm cho mặt trở nên rạng rỡ. Nếu cười thả ga thì có thể tác động đến các ống dẫn nước mắt. Hèn chi có người vui quá mà cười đến chảy nước mắt và người ta cũng chứng minh được là nước mắt, dù là do vui hay buồn, đều có thể làm giảm đi những triệu chứng lo sầu. Mình chẳng đã thấy mỗi lần khóc xong thấy người nhẹ nhõm đấy ư? Tất nhiên là lúc cười miệng phải há ra để 'hà hà, hề hề, hì hì'. Người ta cũng xác nhận là nước miếng sau khi cười có mực độ chống bệnh tật cao hơn, nghiã là cái cười có thể nâng cao chức năng miễn nhiễm của thân thể. Dây thanh âm cũng phải làm việc để tạo được giọng cao. Phần bắp thịt bụng ở phía dưới phổi cũng phải bơm lên xuống làm đầy lá phổi rồi thổi không khí ra khỏi buồng phổi vào

thanh quản để tạo cái cười. Vì phải trao đổi không khí nhiều hơn bình thường nên nó làm cho máu thêm dưỡng khí.

Nhịp tim và áp suất máu vọt lên khi chúng ta cười, cũng tăng lên chút ít khi chúng ta ngồi ghế xem phim và cười khúc khích. Nụ cười, ngoài cái lợi lạc về miễn nhiễm, hình như cũng giúp điều hành lượng đường cho những người tiểu đường. Cái cười còn có ảnh hưởng trên màng phía trong của mạch máu (inner lining of the vessel). Cái cười làm nở màng này ra và như vậy chế tạo ra những chất tốt như là nitric oxide (giúp không bị tụ máu và viêm). Khi màng trong này co lại (vì sợ hãi hay lo lắng) thì cơ thể lại chế tạo ra những hormone như cortisol có tính cách làm đọng máu và có thể dẫn đến bệnh tim. Cái cười còn như làm giảm thiểu sự đau đớn. Chúng ta làm như chịu đau được nhiều hơn.

Các bạn vẫn nghe nói "cười đau cả bụng", có phải không? Cái cười to có thể làm mình bò ra mà cười và làm mấy bắp thịt chính căng lên cùng một lúc và đến mấy phút lận! Ông bạn Lee Berk nói "Cười là tập thể dục, là 'chạy phía trong'" (Laughter is inner jogging). Mạch tim và áp xuất máu tăng lên khi ta cười, và rồi lại tụt xuống y hệt như đi tập thể dục. Với người già hay người bịnh thì cái cười này là quan trọng vì họ không thể ra ngoài để chạy 2, 3 cây số được. Thật vậy, ông William Fry, một người chuyên nghiên cứu về nụ cười nói rằng ông cần 10 phút tập cái máy kéo (roving machine) để nâng nhịp tim bằng cái nhịp tim mà cái cười nghiêng ngả đến… đau cả bụng, đem lại. (Chắc ta chỉ nên xem những chương trình như "I Love Lucy" hay "Friends" đều đều trên TV mà không cần đi tới phòng tập chăng?)

Báo Reader's Digest có cái mục gọi là "Laughter, the Best Medicine" chắc cũng cùng cái quan điểm trên. Vậy thì chúng ta nên cười thật nhiều, cười ngả nghiêng để thân thể được tập thể dục tại chỗ mà không tốn công, tốn tiền và thì giờ, có phải không các bạn? Trở lại ngôn ngữ Việt, chúng ta thử xem có những lại cười nào có thể dùng trong năm mới này đây:

Xếp loại theo độ rộng của miệng khi cười, không nhìn thấy răng, không nghe thấy tiếng thì chúng ta có: cười mỉm, cuời nụ, cười tủm tỉm, cười mím chi... mà chỉ có nhìn mặt người ta thì mới biết là họ đang cười. Cũng trong nhóm không âm thanh này có thể có: cười duyên, cười tình... như mấy chàng trai muốn làm quen vơí mấy cô gái dễ thương mà…. thương không dễ! Khi bị người ta từ chối thì hơi ngượng nghịu, tẽn tị, chẳng nói được câu gì, chỉ biết cười trừ hay cười ruồi... Cười ngặt nghẹo, cười ngỏn nghẻn (miền nam) thì chắc chỉ dành cho mấy cô gái tuổi ô mai. Nếu miệng mở lớn hơn thì chắc có: cười toe (toét).

Khi đến giai đoạn có âm thanh, thì người nào cười xoà, cười khì, cười khà khà, hề hề, hì hì, hi hi… thì có vẻ là người vui tính, dễ dàng, không hay bắt

lỗi ai, chín bỏ làm mười. Mấy cô gái mà rủ rỉ vơí nhau chẳng biết nói chuyện chi mà hay cười khúc khích (nụ cười khúc khích trên lưng...). Những tiếng cười ồ, cười rộ, cười phá, cười ngất... nói lên được sự hồn nhiên, thẳng thắn, biết vui chung với đám đông, không để ý tặt mặt, sắc mắc...trong khi những tiếng cười hô hố thì có vẻ nói lên nhiều cái cá tính của người cười không được nghiêm chỉnh lắm? Nghe từng chuỗi âm thanh cao của các em bé chơi vui thì mình mắng "Làm cái gì mà "cười như nắc nẻ" thế? (không biết 'nắc nẻ" là cái gì hay con gì?) Còn cười ha hả, cười đắc chí, cười hả hê hay cười ngạo nghễ thì có vẻ tự cao, tự đại và tự mãn chăng? Đến cái trình độ cười rũ, cười bò, cười đau cả bụng, chảy cả nước mắt nước mũi ra thì là tốt nhất cho sức khoẻ đấy.

Riêng có những cái cười sau đây thì chúng ta không nên sử dụng: cười mũi (chế nhạo, coi thường), cười khẩy (chứng tỏ sự bất bình, không đồng ý, khinh mạn), cười mát (giận hờn nhưng làm bộ không có gì, nhưng nuốt cũng không trôi), cười nhạt (giận thật rồi), cười gằn (giận sôi sục và có vẻ sẵn sàng ăn thua đủ?). Còn những gì nữa đây? xin mọi người góp thêm cho tôi một mớ nữa... để cho tôi được 'cười góp' với, nhưng đừng có cười kiểu "Cười người hôm trước hôm sau người cười" nhé vì đây không phải là cười thật mà là cười ích kỷ, cười chê, cười thầm trong bụng hoặc cười khinh mạn khi thấy người ta không bằng mình.

Nhân dịp xuân về, xin tặng các bạn một nụ cười xuân, một câu chuyện góp nhặt từ cuốn "Thư gửi người bận rộn" của nhà văn Đỗ Hồng Ngọc:

Trong giới sinh viên y khoa vẫn thường truyền tụng nhau câu chuyện về Gs. Th., một vị thầy khả kính của nhiều thế hệ, một chuyên gia hàng đầu về mổ tim, ghép tim. Khi thầy mất, vào tuổi 80, hàng ngàn học trò đưa thầy về nơi vĩnh hằng, Trong đám tang, nhiều biểu ngữ và pa-nô vẽ trái tim đỏ rực lồng ảnh chân dung của thầy vào giữa, tượng trưng lòng yêu quí thầy cũng như nhắc đến chuyên khoa của thầy. Có một giáo sư cũng đã lớn tuổi, bạn thầy, cũng đi tiễn đưa người đồng nghiệp khả kính. Vị giáo sư cứ vừa đi vừa khóc lại vừa cười. Một sinh viên ngạc nhiên hỏi sao thầy vừa khóc lại vừa cười như thế? Vị giáo sư nói: "Tôi hết sức cảm động vì tấm lòng thành của sinh viên đối với các thầy nên tôi khóc, còn tôi cười là vì nghĩ đến thân phận mình, mai này tôi mất đi thì các sinh viên sẽ lồng ảnh tôi vào các pa-nô vẽ hình chi đây..?" "Nhưng thưa thầy, chuyên khoa của thầy là gì ạ?" Vị giáo sư đáp: "Tôi ấy à? Chuyên khoa sản phụ!"

THU LÊ

Đông

Nắng nhạt ngày đông gợn nỗi sầu
Đông về lá rụng suốt canh thâu
Mong manh sợi nhớ mùa đông lạnh
Chất ngất đông sang bạc trắng đầu
Mộng tối đông tàn xuân hé nụ
Mơ trưa tuyết chảy đông qua cầu
Miền Đông giá buốt người tê dại
Vọng tiếng đông gào có biết đâu?

Tuyết

Đông về tuyết rụng sáng đêm thâu
Tuyết trắng tung bay nhuộm mối sầu
Ngập cả sân vườn hoa tuyết lạnh
Chìm trong tuyết đổ kín chân cầu
Âm thầm tuyết đến ngang qua ngõ
Lặng lẽ mùa sang tuyết phủ đầu
Mắt dõi chờ người nghe bão tuyết
Sao tìm chẳng thấy Tuyết nơi đâu?

Xuân

Đông tàn chẳng thấy bóng xuân đâu
Nắng chiếu xuân rơi khắp địa cầu
Lặng lẽ xuân về chừng mấy buổi
Xuân thầm chợt đến độ bao lâu
Xuân sang cỏ lá hoa bừng tỉnh
Nụ biếc chào xuân thức giấc sâu
Chắc tại mùa xuân vừa chớm nở
Xuân này rực rỡ sáng như châu!

Y Thi - RIC111719

TỲ BÀ HÀNH (Kỳ 2)

Nguyên tác thơ chữ Hán BẠCH CƯ DỊ

Thơ diễn nôm PHAN HUY THỰC

** Phạm Thị Nhung - France **

C- Đoạn 3 (cc. 13-38): **Để tạ lòng tri ngộ của khách, nàng ca kỹ đàn**. Suốt đoạn thơ tả cuộc chơi đàn lần đầu của nàng ca kỹ Bến Tầm Dương, đã cho ta thấy mối giao cảm nẩy nở sâu đậm giữa thi sĩ họ Bạch với chủ nhân của nó.

- Trường hợp nàng ca kỹ: Nàng vốn là người sống nơi thị tứ (kẻ chợ), đã có một thời tài sắc lẫy lừng khi làm xướng nữ chốn đế đô Trường An. Nay tuổi già sắc suy, sống bơ vơ lưu lạc nơi Bến Tầm Dương hiu quạnh này. Bỗng đâu có khách văn nhân phong lưu kinh kỳ tìm đến, tỏ ra rất trân trọng và biết thưởng thức giá trị tài đàn tỳ bà tuyệt kỹ của nàng, bảo sao nàng không vui mừng, cảm động? Thế nên, nàng đã đem tất cả ngón đàn điêu luyện cùng để hết tâm tư tình ý mà phổ vào bốn dây tơ, để tạ ơn lòng tri ngộ của khách. Chúng ta cũng biết, chơi đàn không chỉ là một trò giải trí mua vui hay một cách di dưỡng tính tình; mà còn là một phương tiện diễn tả tâm tư, giải tỏa những nỗi u uất trong lòng. Đây cũng chính là trường hợp của nàng ca kỹ Bến Tầm Dương. Nay gặp được khách tri âm, bao nỗi bất bình, ấm ức trong lòng bấy lâu được dịp trào ra theo đường tơ não nuột. Tiếng đàn của nàng vì vậy tựu trung nghe rất buồn và day dứt:

Nghe não nuột mấy dây bứt rứt
Dường than niềm tấm tức bấy lâu
Mày chau, tay gẩy khúc sầu
Dãi bầy hết nỗi
trước sau muôn vàn (cc.17-20)

-Trường hợp thi nhân họ Bạch: Nàng ca kỹ chốn đế kinh xưa đã đem hết tâm tình thổ lộ qua tiếng đàn điệu nghệ của nàng. Tác giả họ Bạch cũng lắng hết tâm tư để thưởng thức tiếng đàn tuyệt kỹ kia.

Vẫn hay tiếng đàn tỳ bà vốn có giọng buồn, nhất là với tài thẩm âm vi tế và nhạy cảm của họ Bạch, ông đã nhận ra ngay nỗi lòng u uất, tâm sự thê lương thầm kín của nàng qua tiếng tơ não nuột, bứt rứt kia.

Lại nữa, khi nghe đàn, họ Bạch đã chú tâm theo dõi, không bỏ sót một chi tiết nào. Tiếng đàn của nàng nghe thật uyển chuyển, biến động không ngừng; hết khúc Nghê Thường sang khúc Lục Yêu. Tiếng đàn khi khoan, khi nhặt, lúc trầm lúc bổng đã đưa tâm hồn họ Bạch vào một thế giới âm thanh tuyệt diệu. Ở đó, ông thấy hiển hiện ra bao nhiêu

hình ảnh, bao nhiêu âm thanh kỳ thú của vạn vật, của đất trời:
Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt
Trước Nghê Thường,
sau thoắt Lục Yêu
Dây to dường đổ trận rào
Nỉ non dây nhỏ
như chiều chuyện riêng.
Tiếng cao thấp lựa chen lần gẩy
Mâm ngọc đâu bỗng nẩy hạt châu
Trong hoa oanh ríu rít nhau
Suối tuôn róc rách
chảy mau xuống ghềnh. (cc.21-28)

Tiếng tơ đang rộn ràng lưu loát bỗng ngưng bặt như nước suối lạnh bị đông lại, không chảy thoát được:
Nước suối lạnh dây mành ngừng dứt
Ngừng dứt nên phút bặt tiếng tơ. (cc.29-30)

Đó chính là phút ngưng nghỉ cần thiết để cho âm hưởng của tiếng đàn lắng sâu vào tâm hồn thính giả. Thi sĩ họ Bạch cảm thấy phút im lặng tuyệt đối này lại hay hơn cả khi có tiếng đàn:
Âm thầm đau giận ngẩn ngơ
Tiếng tơ lặng ngắt bây giờ càng hay (cc.31-32)

Đột nhiên tiếng đàn lại ào ạt mạnh mẽ như tiếng bình bạc vỡ toang, nước tuôn trào tung tóe; như đoàn ngựa sắt chạy ùa ra, tiếng binh khí chọi nhau vang dội:
Bình bạc vỡ tuôn đầy mạch nước
Ngựa sắt giong xô xát tiếng đao.
(cc.33-34)
Và rồi tiếng đàn được kết thúc bằng một tiếng buông cực mạnh xiết trên bốn dây tơ, nghe như tiếng xé lụa rơi vào thinh không:
Cung đàn trọn khúc thanh tao
Tiếng buông xé lụa
lựa vào bốn dây. (cc.35-36)

Tiếng đàn đã dứt, nhưng âm hưởng của nó còn vang vọng mãi trong không gian mênh mông và sâu thẳm của đất trời. Thi sĩ họ Bạch không thốt được một lời nào để khen ngợi, để tán thưởng tài đàn tuyệt vời của nàng. Ông khiếm nhã chăng? Không đâu, vì tâm hồn ông còn đang ngây ngất, còn đang say sưa, chìm đắm trong cái dư vang của các âm hưởng vừa qua. Nàng ca kỹ cũng hiểu, sự im lặng tuyệt đối lúc này chính là sự tán thưởng nồng nhiệt nhất, tế nhị nhất. Như cảm thông, chia sẻ với họ giây phút trầm lắng thiêng liêng này, cả không gian Bến nước Tầm Dương đêm ấy toát ra một khí vị tĩnh mặc, lắng đọng và thanh khiết lạ thường:
Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt
Một vầng trăng trong vắt lòng sông. (cc.37-38)

D- Đoạn 4 (cc. 39-80): **Tâm sự nàng ca kỹ và cảnh ngộ của thi sĩ họ Bạch**. Nàng ca kỹ đất Trường An nơi Bến Tầm Dương đã cảm được sự tri âm hết mức của khách thì cảm động lắm. Nàng không cần đợi khách hỏi, tự đứng lên kể hết thân thế cùng nỗi lòng u uất bấy lâu của mình. Đó là điều tự nhiên, vì khi gặp được khách tri âm rồi thì chẳng có điều gì phải giấu diếm nữa. Bao nhiêu nỗi đau, nỗi buồn nàng được dịp thổ lộ hết:
Rằng xưa vốn là người kẻ chợ

Cồn Hà Mô trú ở lân la
Học đàn từ thuở mười ba
Giáo phường đệ nhất,
sổ đà chép tên (cc.41-44)

Đến tuổi thanh xuân tài sắc lẫy lừng, nàng đã khiến người đời phải ghen tức, nể sợ:

Gã Thiện tài sợ phen dừng khúc
Ả Thu nương ghen lúc điểm tô
(cc.45-46)

Nàng được bao nhiêu khách Vương tôn, Công tử ái mộ tán thưởng, ganh đua nhau mua chuộc. Cuộc đời cầm ca nơi đế đô của nàng thủơ ấy thật tưng bừng, rộn rã:

Ngũ Lăng chàng trẻ ganh đua
Biết bao the thắm
chuốc mua tiếng đàn.
Vành lược bạc gẫy tan nhịp gõ
Bức quân hồng hoen ố rượu rơi.
(cc.47-50)

Nàng mải vui quên cả tháng năm trôi qua:

Năm năm lần lữa vui cười
Mải trăng hoa
chẳng đoái hoài xuân thu. (cc.51-52)

Sau đó, những đau buồn trong cuộc đời xảy ra, hết em bị đi lính xa, lại đến dì chết; nhan sắc mỗi ngày một sa sút. Hậu quả tất nhiên của thế tình bạc bẽo là :

Cửa ngoài xe ngựa vắng không
Thân già mới kết đôi cùng khách thương. (cc.55-56)

Những tưởng vợ chồng được sống gần nhau, an ủi, chia sẻ nhau từng nỗi vui buồn. Nào ngờ người khách thương mải điều buôn bán, chẳng thèm đoái hoài đến vợ, để mặc nàng sống bơ vơ, cô độc trên bến Tầm Dương hiu quạnh này:

Thuyền không đậu bến mặc ai
Quanh thuyền trăng dãi,
nước trôi lạnh lùng.(cc.59-60)

Sau khi nghe đàn, thi sĩ họ Bạch đã cảm được phần nào nỗi khổ tâm của nàng, lòng đã "chạnh buồn". Nay lại được nghe chinh nàng tâm sự về cuộc đời lưu lạc, bi thương hiện tại, lòng ông càng dạt dào thương cảm. Họ Bạch nhận thấy, nàng, một khách má hồng, còn ông, một trang tài tử đã có chung một số phận hẩm hiu, phải sống lạc loài nơi đất trích hoang vắng tịch liêu đây. Nên đã đem cả tấm lòng xót thương, trân trọng của bậc "tri âm", "tri kỷ" mà đối đãi với nàng:

Cùng một lứa bên trời lận đận
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau.
(cc.65-66)

Đến lúc này Giang Châu Tư Mã họ Bạch thấy chẳng cần phải giấu diếm thân thế hiện tại của mình nữa, ông đã lên tiếng thổ lộ hết cùng nàng:

Từ xa kinh khuyết bấy lâu
Tầm Dương đất trích
gối sầu hôm mai.(cc.67-68)

Họ Bạch đã bao ngày đêm gậm nhấm nỗi buồn u uất, chỉ vì nhà vua đã không hiểu ông. Khi ra làm quan, ông đã cố gắng đem hết tài sức để thực hiện chí nguyện bình sinh, giúp vua bổ khuyết thời chính, giúp thứ dân đạo đạt ước nguyện; những mong cải thiện xã hội cho dân được ấm no, hạnh phúc. Nào ngờ nhà vua đã chẳng tin dùng, còn nghe lời bọn cận thần giá áo túi cơm gièm pha, sàm tấu; khiến ông bị giáng trích đến đất Giang Nam cùng kiệt này.

Tình cảnh đã đau buồn như vậy, cảnh vật chung quanh lại tiêu điều hoang dại. Bên tai tiếng cuốc kêu, tiếng vượn

hót rên rỉ tối ngày... Bảo sao Giang Châu Tư Mã không nẫu ruột, mềm gan?

Sông Bồn gần bến cát lầm
Lau vàng, trúc võ âm thầm quanh hiên.
Tiếng gì thế nghe liền sớm tối
Cuốc kêu sầu vượn hót nỉ non
(cc.71-74)

Đôi khi trước cảnh đẹp:

Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn

Ông cũng muốn nâng chén rượu mà vui với thiên nhiên. Nhưng khi nghiêng chén chực uống, trực diện với cảnh độc ẩm của mình, vui buồn không người chia sớt, lòng lại thấy nghẹn ngào tủi thân và mất hết cả hứng:

Lần lần tay chuốc
chén son riêng ngừng. (cc.75-76)

Chẳng phải nơi đây không có tiếng "ca rừng", "địch nội" của thôn xóm từ xa vọng lại. Song vì thổ âm xa lạ nên khó lọt tai. Chúng còn như nhắc nhở đến thân phận của kẻ lạc loài, khiến lòng ông càng thêm bực bội:

Há chẳng có ca rừng, địch nội
Giọng líu lo nhiều nỗi khó nghe.
(cc.77-78)

Thế nên, khuya nay nơi Bến Tầm Dương, nghe được tiếng đàn tỳ bà tuyệt vời của người xướng nữ đất Trường An xưa, tác giả tưởng chừng như nghe được tiếng đàn từ cõi tiên vọng về:

Tỳ bà bỗng lắng canh khuya
Dường như tiên lạc gần kề bên tai.
(cc.79-80)

Kết - Gồm 8 câu chót (cc.81-88)

Tám câu thơ chót nói lên mối giao cảm gia tăng sâu đậm giữa Tư Mã Giang Châu và nàng ca kỹ Bến Tầm Dương.

Sau khi nghe quan Tư Mã Giang Châu tâm sự, nàng ca kỹ xúc động lắm. Nàng chẳng những thương cho phận mình bị lưu lạc rẻ rúng, mà còn cảm thương cho thân phận khách bị lưu đầy oan ức. Lòng nàng thổn thức… Giữa lúc đó, Quan Tư Mã Giang Châu lại lên tiếng mời nàng đàn thêm một lần nữa, và hứa "Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca" (c.82). Nàng ca kỹ rất hiểu, đối với nàng lúc này, tiếng đàn là tiếng lòng, đánh đàn tức sẽ trực diện với mối thương tâm của mình. Nhưng với khách "tri âm", "tri kỷ" thì có gì phải ngại ngùng? Do đó nàng đã nhận lời.Tiếng đàn lần này không còn giọng nỉ non, kể lể như lần trước, mà là mối xúc động, mối thương cảm, là tiếng khóc từ đáy lòng của nàng trào ra thành những tiếng tơ não nuột tha thiết khiến ai nghe cũng phải động tâm, rơi lệ:

Nghe não nuột khác tay đàn trước
Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi
(cc.85-86)

Nhưng người rơi lệ nhiều hơn cả chính là quan Tư Mã Giang Châu. Ông khóc thương nàng ca kỹ Bến Tầm Dương, đồng thời cũng là khóc thương cho chính bản thân "Cùng một lứa bên trời lận đận " của mình

Lệ ai chan chứa hơn người
Giang Châu Tư Mã đượm mùi áo xanh.
(cc.87-88) ./.

PHẠM THỊ NHUNG France

Bản Tỳ Bà Hành Diễn Nôm ở đây được lấy ra từ Cuốn VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ Giản Ước Tân Biên ** của GS Phạm Thế Ngũ (Quốc Học Tùng Thư xb).

Còn tiếp kỳ 3: Hình Thức Nghệ Thuật Bản Tỳ Bà Hành Diễn Nôm của Phan Huy Thực

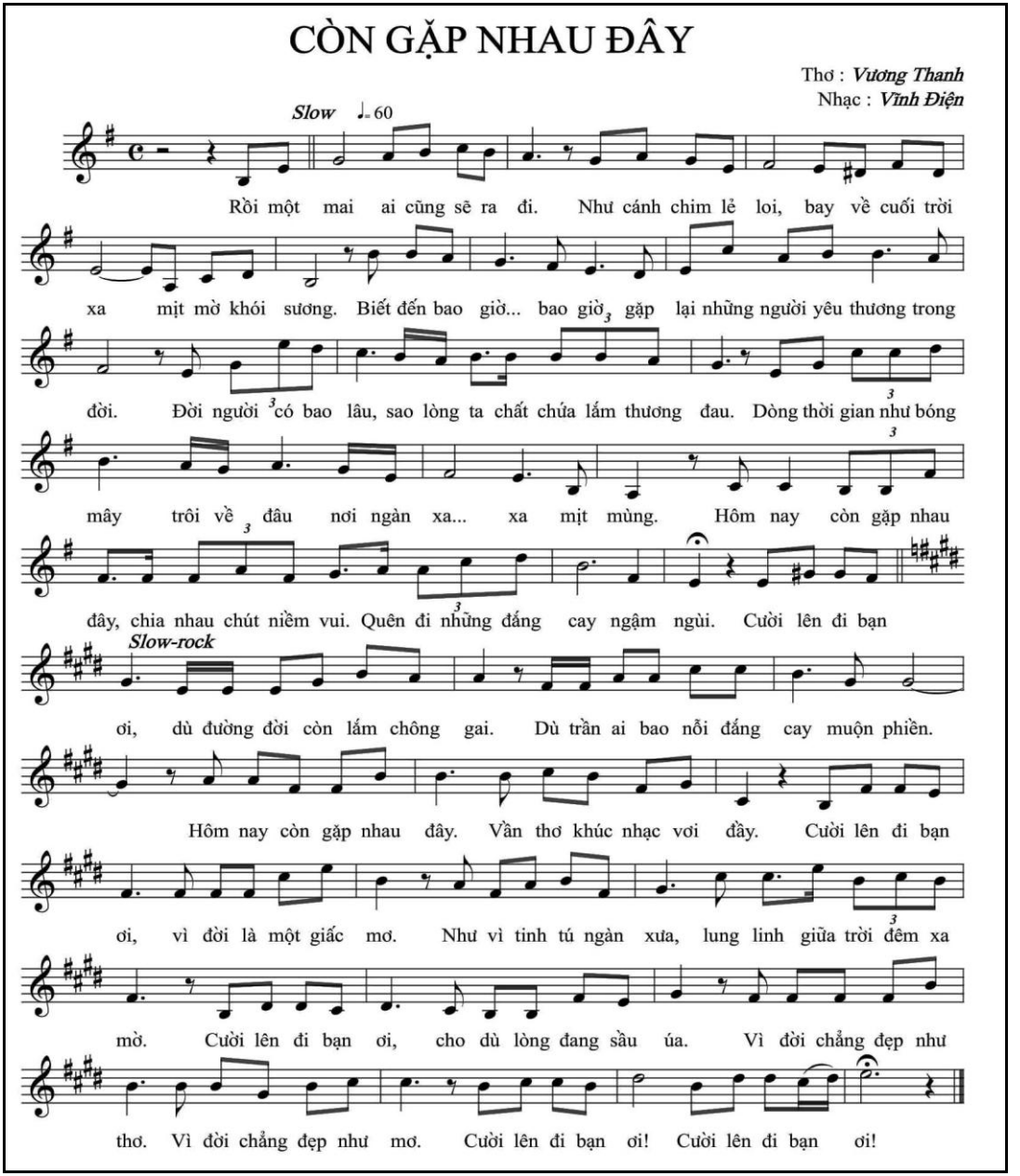

CÒN GẶP NHAU ĐÂY – Thơ: **Vương Thanh;** Phổ nhạc: **Vĩnh Điện**
Mời nghe **Ngọc Quy** hát:
https://www.youtube.com/watch?v=xFtJrgqCVt8

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

CHIẾC XE KÉO

** Mỹ Phước Nguyễn Thanh **

Năm 1889, trong cuộc Đấu xảo Quốc tế Paris nhân kỷ niệm 100 năm Cách mạng Pháp, người ta thấy những du khách thích thú ngồi trên xe kéo dạo chơi qua các con đường chạy ngang dọc trong khu triển lãm. Trong số muôn vàn sản phẩm mang từ các nước thuộc địa đến giới thiệu với khách năm châu, xe kéo thuộc vào loại hàng lạ mắt, ngộ nghĩnh, một phương tiện chuyên chở nhẹ nhàng, tiện lợi, dễ sử dụng. Những anh phu xe hiền hòa, nhẫn nhịn không ai khác hơn là những chàng trai trẻ đến từ đất Việt xa xôi. Nhân dịp này, nhà văn Fernand Hue chọn xe kéo làm đề tài cho quyển chuyên khảo «Autour du monde en pousse-pousse» (Vòng quanh thế giới bằng xe kéo), thuật lại chuyến du ngoạn kỳ thú trong khu đấu xảo ấy. Từ đấy liên tiếp trong nhiều năm, mỗi kỳ Đấu xảo Quốc tế tại Paris, Lyon, Marseille xe kéo đều đúng hẹn, du khách vừa được thỏa mãn tính hiếu kỳ, vừa đỡ mỏi chân dạo thăm khu hội chợ rộng thênh thang.

Xe kéo đến Việt Nam.

Chưa ai biết rõ danh tính người phát minh ra xe kéo. Nhật Bản là quốc gia đầu tiên sử dụng rộng rãi phương tiện giao thông này vào đầu thời kỳ Minh Trị (1868). Từ Nhật Bản xe kéo được xuất cảng sang nhiều nước châu Á kể cả các thuộc địa phương Tây. Khoảng 1884, xe kéo lần đầu đến Hà Nội và chỉ vài ba năm sau đã trở thành loại xe cạnh tranh với xe ngựa, lại được mang đi dự Hội chợ Đấu xảo Paris 1889 vừa nói trên đây.

Tại Sài Gòn xe kéo được quyền lưu thông từ tháng 5-1888. Nhiều sắc luật quy định về thủ tục hành chính, luật giao thông, quyền khai thác chuyên chở, thuế môn bài v.v. đã được các đốc lý Sài Gòn, Chợ Lớn ban hành vào năm 1892, 1894, 1896, 1900 và sau đó. Theo dược sĩ Holbé, nghị viên hội đồng quản hạt thời ấy, người Nhật du nhập xe kéo đến Sài Gòn và cũng chính họ là những phu xe đầu tiên tại đây. Từ đấy có thêm nghề mới là nghề cho thuê xe kéo và đáng nói hơn hết là nghề phu xe dành cho những ai lâm cảnh đường cùng.

Xe kéo dần dần trở nên thông dụng vì là loại xe rẻ tiền, dễ chế tạo, sử dụng tiện lợi dù chạy nơi đường hẹp. Giá tiền chuyên chở khách cũng rẻ hơn so

với xe ngựa, hơn nữa những người cùng quẫn nhờ vào nó dùng làm kế sinh nhai.

Nghề xe kéo thịnh hành chưa được bao lâu đã bộc lộ những tai hại của loại nghề nguy hiểm. Năm 1901, hội đồng quản hạt Nam Kỳ báo cáo: «Nghề xe kéo gây ra nhiều bệnh tật, thường chỉ sau vài tháng dẫn đến cái chết cho người tận tụy với nghề này». Đây là hậu quả hiển nhiên, vì luật lệ đã ban hành chỉ chú trọng đến chiếc xe kéo và chủ xe, còn quyền lợi người phu xe không được nhà cầm quyền Pháp quan tâm.

Năm 1904 một sắc lệnh yêu cầu phu xe đi khám sức khỏe, người có đủ điều kiện sẽ được cấp giấy chứng nhận có dán ảnh, mục đích nhằm loại bỏ những thành phần chưa đủ tuổi, hoặc già nua, bệnh tật. Mặc dù đấy là quyết định có tính cách nhân đạo, nhưng phu xe cho đó là sự giới hạn quyền tự do hành nghề, nên phản đối bằng cuộc tổng đình công, 600 xe kéo ngưng chạy khiến thống đốc Rodier phải bãi bỏ sắc lệnh ấy.

Nghị viên Diệp Văn Cương đã nhiều lần phát biểu: «Nên có biện pháp y tế công cộng nhằm nâng đỡ các phu xe. Chính quyền cần phải quan tâm đến việc thay thế xe kéo bằng những phương tiện hiện đại hơn». Thỉnh nguyện này đã được nêu ra từ năm 1910, nhưng bị bác bỏ. Năm 1917, ông lập lại yêu cầu trên đây, nhưng một lần nữa không được chấp thuận. Dai dẳng mãi năm này qua tháng nọ, cho đến năm 1928, một nhà báo lên tiếng than phiền về tình trạng đáng thương của phu xe: «Điều rất đáng ngạc nhiên là từ ngày xe kéo đến xứ này, nhất là từ lúc báo chí phát động những cuộc tranh cãi về thân phận phu xe, nhà cầm quyền chưa bao giờ quy định biện pháp đúng đắn nào, chẳng hạn như ban hành quy chế bảo đảm sức khỏe và an toàn nghề nghiệp cho phu xe kéo».

Cấu trúc chiếc xe kéo.

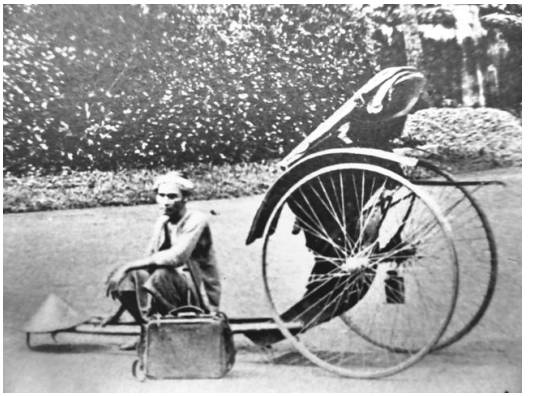

Xe kéo có cấu tạo giống xe ngựa hai bánh. Lúc ban sơ bánh xe gồm căm và vành bằng gỗ, vành mang đai sắt hay đai cao su đặc. Ở xe kéo tân thời, căm và vành bằng kim loại, vành mang lốp bơm hơi. Sườn xe bằng gỗ, sau thay thế bằng hợp kim nhẹ. Ghế gồm có đệm ngồi, lưng dựa và hai tay dựa. Sàn xe phía trước dùng làm chỗ cho khách đặt chân. Mui xe gồm bộ khung mở ra xếp lại được, che bọc bằng vải bố dầy không thấm nước. Hai gọng xe gắn chặt vào sườn xe. Đầu cùng phía trước của hai gọng xe nối liền nhau bằng nẹp sắt. Phía trên mỗi bánh xe còn có cái chắn bùn.

Chiếc xe kéo Sài Gòn năm 1920 nặng trung bình 57 kg, sườn xe cấu tạo bằng nhôm. Cùng năm ấy xe kéo Hà

Nội sườn còn bằng gỗ nên nặng khoảng 80 kg, tuy nhiên ghế ngồi tiện nghi cho hành khách hơn so với xe kéo Sài Gòn.

Hình ảnh người phu xe.

Phu kéo xe xuất thân từ giới cùng đinh, vô nghề nghiệp, hoặc xuất thân từ thợ khuân vác tại các bến cảng, có khi họ là nông phu bỏ nghề cày thuê cuốc mướn ở thôn quê lên Sài Gòn để kiếm sống v.v. Phu xe thường ăn mặc sơ sài, có người trên thân chỉ còn chiếc nón và cái quần đùi. Những người may mắn hơn thì được mặc đồng phục tươm tất nếu chủ cho thuê xe là công ty lớn.

Khách cần đi đâu cứ gọi xe trống đang chạy qua hoặc đến thẳng bến đậu xe gần nhất, nơi ấy xe kéo đang xếp hàng đợi khách. Các bến xe kéo thường nằm ở những địa điểm quan trọng như nhà thờ Đức Bà, nhà hát Tây, cột cờ Thủ Ngữ, ga xe lửa, đại lộ Charner v.v. Luật giao thông cấm xe kéo đậu bên ngoài khu vực bến xe đã chỉ định, cấm cả phu xe đi rảo tìm khách. Khi phu xe muốn tìm chỗ nghỉ mệt cũng phải quay về bến đậu xe. Hầu như không bao giờ phu xe tôn trọng các luật ấy. Thỉnh thoảng ở nơi đường vắng phu xe tụ tập cờ bạc trên lề đường, bỏ mặc xe kéo đậu vô trật tự. Mỗi lúc đúng ngọ, trước thềm các quán cà phê, xe kéo nối đuôi nhau chờ đến lượt rước khách. Vào giờ khai vị nơi các quán rượu Tây, đám phu xe kiên nhẫn rình rập, vì trong số các khách đang ngồi nhấp rượu không chừng có người sẽ gọi xe.

Khi một người khách đứng bên đường vẫy gọi, anh phu xe dừng lại, thỏa thuận xong giá cả và nơi đến, nếu thấy cần anh ta kéo mui xe ra để che cho khách, chờ khi khách đã an tọa rồi anh ta ngoan ngoãn vào đứng giữa hai gọng, kéo cho xe chạy. Anh ta đâm đầu phóng tới, mắt nhìn đăm đăm dưới đất để tránh những đá gạch hay ổ gà. Anh ta chạy với tốc độ khá nhanh, nhanh hơn một người chạy bộ bình thường. Vừa chạy vừa để ý những chiếc ô tô đi ngược chiều, hoặc đang qua mặt, chạy cắt ngang, chạy ép sát. Anh ta vẫn giữ bình tĩnh khi nghe tiếng chuông xe đạp, tiếng lục lạc xe ngựa. Anh phu xe chạy không ngừng suốt mấy cây số dưới mưa dầm hay dưới nắng chang chang. Đến nơi, vừa thở hổn hển, vừa ướt đẫm mồ hôi, anh ta hạ gọng xe xuống, nhận tiền công, đó là cái giá của công việc lớn lao vừa làm xong. Vào năm 1920 tiền thuê xe mỗi ngày là 70 xu. Nếu tính giá trung bình mỗi cuốc xe được trả 10 xu, trong ngày phu xe phải chạy ít nhất mười chuyến mới tạm đủ ăn.

Có hôm gặp may kiếm được số tiền kha khá, anh phu xe dừng lại bên đường vắng tìm giấc ngũ trưa. Ngồi

thoải mái trên chiếc xe kéo, dưới bóng mát hàng cây me, anh ta ngủ say đến quá hai giờ chiều. Tìm đến máy nước công cộng bên đường, anh ta rữa ráy sơ sài, xong xuôi lại chen vào giữa hai gọng xe, chạy lanh quanh tìm kiếm khách. Chạy mãi mỏi chân, anh ta ngừng lại, gác hai gọng xe lên lề đường, ngồi nghỉ trên ghế hoặc trên sàn đặt chân, cũng có khi anh ta «chổng gọng», tức là cho xe dựng đứng, hai gọng chĩa lên cao, ngả lưng trên ghế ung dung tìm giấc ngủ. Cũng có anh biết khéo xoay xở, hôm nào kiếm ăn đầy đủ, cho người khác thuê xe lại với giá thỏa thuận trước, người ấy mặc tình kéo xe trong khi anh ta vừa được nghỉ xả hơi lại vừa được thu lợi.

Sống như nhà hiền triết, mặc cho ngày mai ra sao, cũng chẳng lo lắng đến sức khỏe của mình, anh phu xe chịu mang thân phận làm người ngựa, lê tấm thân gầy gò bầu bạn với chiếc xe kéo và kết thúc cuộc đời trong tình trạng bi đát. Những ngày nộp đủ tiền thuê xe cho chủ, phu xe tạm xem là ngày «bình an vô sự». Những hôm khác phu xe hồi hộp lo lắng khi mang về chiếc xe hư hỏng hoặc móp méo vì tai nạn, nhẹ nhất cũng bị chủ xe mắng mỏ hoặc tặng cho mấy tát tai, nặng hơn là cho cặp rằng đánh đập, lại bắt phải kéo xe lấy tiền trừ nợ bồi thường xe bị thiệt hại. Không ít phu xe quá uất ức trốn nợ bỏ đi mất, có anh táo bạo hơn, quẳng xe xuống sông trước khi bỏ đi biệt tích.

Chủ xe kiểm soát không xuể các phu xe kéo, lại chẳng thích đôi co với những anh phu ương ngạnh, họ mượn tay bọn cặp rằng để trừng trị các anh phu «vô kỷ luật». Cặp rằng, còn gọi là cai xe, được chủ tuyển mộ trong đám du côn. Chủ xe giao cho họ trách nhiệm về việc thu tiền phu xe đóng mỗi ngày, khám xét tình trạng tốt xấu lúc xe đem giao trả. Họ là tai mắt của chủ, lùng bắt phu xe nào bỏ trốn hoặc trừng phạt phu xe lỡ đóng tiền thiếu hay trễ. Họ không ngần ngại đánh đập phu xe ngoài đường bất chấp nơi nhiều người qua lại. Gặp phu xe đang chổng gọng nằm ngủ sau buổi làm việc mệt nhọc họ cũng không tha, chửi mắng chưa đủ có khi quất roi đánh thức bảo dậy kéo xe, nếu không sẽ dành xe cho người khác mướn.

Phu xe bị chủ xe bạc đãi vì không có tổ chức hiệp hội nào bảo vệ họ. Người đời khinh khi gọi họ là «cu li xe kéo». Thường ngày lúc hành nghề họ còn gặp biết bao nỗi đắng cay. Hành khách trả tiền xe quá thấp, phu xe đòi thêm cũng có thể mắc họa. Hai anh phu xe nọ bị đấm đá lúc đang ngồi ăn điểm tâm chỉ vì đậu xe làm cản trở lối ra vào của một tư gia. Một phu xe khác lỡ va chạm vào vè một chiếc ô-tô, bị tài xế đánh đập trước mắt người đi đường, v. v.

Ngoài tiền thuế thân, nhiều phu xe còn đóng thêm hai sắc thuế rất nặng mà không hề hay biết, đó là rượu và thuốc phiện. Có thống kê không chính thức cho biết trong số mười phu xe có đến sáu, bảy là đệ tử của ả phù dung. Phu xe nào chưa bước chân vào tiệm hút trước sau gì cũng bị bạn đồng nghiệp lôi cuốn, dần dần tìm quên những nỗi cơ cực bằng cách đắm mình trong bầu không khí nồng nặc mùi ma túy của động tiên nâu. Người nghiện

nặng mỗi ngày hút ba cử sáng trưa tối. Người đã mắc chứng nghiện hút, bị nhiễm độc nha phiến thì không còn hăng hái kéo xe nếu không hút đủ liều lượng. Hôm nào vắng khách kiếm không ra tiền hoặc không vay được tiền để vào tiệm hút, anh ta đành tạm thời ngưng việc chạy xe. Khi tới cử hút, cơn nghiện của anh ta bộc phát thì đầu gục xuống, đôi mi chỉu nặng, dáng đi chậm chạp, lai vãng ít lâu trước động hút để ngữi hơi khói bay ra cho đả cơn thèm. Đệ tử của nàng tiên nâu không thể chống chọi nhiều năm với số kiếp ngựa người, và khi anh ta bắt đầu nhuốm thứ bệnh như lao phổi chẳng hạn thì triệu chứng của bệnh càng nặng hơn, việc chữa trị cũng khó khăn hơn người không nghiện thuốc.

Xe kéo và nhân phẩm.

Mặc dù được xem là phương tiện vận tải có ích, xe kéo vẫn bị nhiều người chỉ trích. Trước kia người phương Tây lúc mới đặt chân đến châu Á đều rất ngạc nhiên khi thấy chiếc xe kéo vì họ chưa từng chứng kiến việc một người kéo xe chở một người khác. Họ cho đó là hình ảnh của chế độ nô lệ, lại càng sâu sắc hơn nếu cảnh ấy diễn ra ở một nước thuộc địa, nơi thường thấy người bản xứ yếu đuối gầy còm kéo xe chở một gã thực dân to béo. Trong khi ấy tại nhiều nước châu Á, xe kéo đã trở thành phương tiện chuyên chở «truyền thống», người nghèo làm nghề kéo xe không khác là mấy so với nghề nô bộc hay đổ thùng.

Những chiếc xe kéo đầu tiên đến Hà Nội hay Sài Gòn được xem không hơn không kém gì các phương tiện chuyên chở đã có từ xưa như võng, cáng hay xe ngựa. Lúc ban đầu vì chú trọng đến sự mưu sinh của phu xe nên phần đông dư luận dành ưu tiên cho việc bảo vệ sức khỏe của họ mà thôi. Nhưng dần dần mọi người ý thức hơn về sự tôn trọng nhân phẩm nên đặt ra vấn đề xoá bỏ xe kéo, nói đúng hơn là tìm cách chấm dứt thảm cảnh «ngựa người».

Những người theo khuynh hướng tích cực chủ trương cấm hẳn xe kéo vì theo họ ngày nào còn xe kéo thì còn người tình nguyện làm nghề kéo xe. Trong nhóm này nhiều người đề nghị: vận động chiến dịch báo chí chống lại việc sử dụng xe kéo, tăng thuế đánh lên xe kéo và phu xe, chỉ dùng phương tiện chuyên chở khác (xe điện, xe bus, taxi, xe ngựa, xe đạp), chế tạo loại xe kéo gắn máy v.v. Họ hô hào phu xe đổi nghề vì còn nhiều nghề vừa cao quý vừa dễ làm hơn nghề kéo xe, chẳng hạn như nghề nông. Cũng theo họ, việc dẹp bỏ xe kéo sẽ thúc đẩy tinh thần phát minh, sáng tạo những phương tiện chuyên chở tốt đẹp hơn.

Đối lập với khuynh hướng trên là những người cho rằng nếu cấm xe kéo, nhất là vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế, số người thất nghiệp gia tăng, từ đó bộc phát thêm nhiều tệ đoan. Theo họ

cứ để mặc xe kéo hoạt động sẽ tránh được sự xáo trộn xã hội, hơn nữa sớm muộn gì xe kéo cũng nhường chỗ cho những phương tiện chuyên chở khác tối tân hơn, giống như đường sắt đã kết liễu xe ngựa tại châu Âu. Trong nhóm này có người đề nghị quy định lại nghề kéo xe. Phu xe phải được tuyển lựa qua các cuộc thi về thể dục và về luật giao thông. Phu xe phải hội đủ các điều kiện về tuổi lao động, lý lịch tư pháp, hạnh kiểm, sức khỏe v.v.

Đấy là những nét khái quát về cuộc tranh luận chung quanh vấn đề xe kéo vào những năm 1920 – 1930. Đến năm 1936 chiếc xích lô xuất hiện, tạm đáp ứng phần nào sự mong mỏi của các nhà tranh đấu cho nhân phẩm. Nhưng xe kéo vẫn dằng co kháng cự lại sự đào thải tất yếu, những chiếc cuối cùng thỉnh thoảng bắt gặp đâu đó trên đường phố Sài Gòn trước khi hoàn toàn biến mất vào đầu thập niên 1950.

Một số luật lệ tiêu biểu áp dụng cho xe kéo tại Sài Gòn.

Vài điều khoản trích từ các sắc luật ban bố từ năm 1892 đến 1922 tại Sài Gòn:

- Các xe kéo sắp đem ra sử dụng phải là mẫu xe mới sản xuất và có cùng một kiểu với các xe đang lưu thông tại Singapore. (1892)
- Khi khách gọi xe đi ra ngoài ranh giới thành phố, giá mỗi cuốc xe tính theo đường dài hoặc tính theo giờ tùy thuộc vào sự thỏa thuận giữa khách và phu xe. Phu xe có quyền từ chối chở khách ra khỏi ranh giới thành phố. (1892)
- Cấm phu xe ngừng xe trên đường phố nếu không cần thiết và cấm kéo xe đi tìm kiếm khách. Sau khi đã đưa khách đến nơi yêu cầu, phu xe phải đi ngay về bến đậu xe gần nhất. (1894)
- Khi trời tối, phu xe phải trang bị cho xe đèn chiếu sáng đúng theo luật quy định, đèn ấy phải đặt bên trái của xe và phải thắp sáng lúc xe chạy cũng như lúc xe đậu tại bến. (1894)
- Xe kéo chỉ được phép lưu thông trong thành phố Sài Gòn khi có đủ các giấy tờ sau đây: 1) Giấy phép lưu thông. 2) Sổ lưu thông. 3) Bảng giá biểu. 4) Thẻ môn bài. (1896)
- Trong trường hợp đang chở khách, phu xe muốn tạm ngừng kéo xe vì mệt mỏi, đương sự bắt buộc phải đưa khách đến bến đậu xe gần nhất, hoặc nhường khách cho phu xe khác có đủ khả năng chở khách, nhưng phải đóng góp cho phu xe ấy số tiền là 4 xu. (1896)
- Tất cả các xe kéo đều phải được kiểm tra thường xuyên để bảo đảm xe trong tình trạng chắc chắn và sạch sẽ. Các xe kéo phải mang số tô bằng sơn trắng, chiều cao chữ số ít nhất là 10 cm. Các số vẽ phía sau xe phải được thấy rõ ngay cả khi mui xe xếp lại. Các số cũng được tô hai bên thùng xe, ở nơi gắn dính hai gọng xe. (1896)

- Phu xe đủ 20 tuổi trở lên và phải có đủ sức khỏe để làm nghề này. (1896)
- Chỉ có xe kéo một chỗ ngồi được phép lưu thông. Các xe hai chỗ trước đây vẫn được phép sử dụng cho đến khi bị hư hỏng, nhưng chỉ được chở một người khách mà thôi. (1896)
- Cấm phu xe mang xe kéo vào các nơi dạo chơi công cộng dành cho người đi bộ. Khi kéo xe trên đường phố, phu xe đi bên phải, sao cho ít nhất còn phân nửa lòng đường dành cho xe cộ đi ngược chiều. Và khi dừng lại đón khách, xe kéo phải đậu sát bên đường hầu không làm cản trở lưu thông. (1896)
- Cấm phu xe tự ý đậu xe nơi công cộng. Trong trường hợp bị mệt nhọc, đương sự có thể đến nghỉ ngơi tại các bến đậu xe sau đây: 1) Công trường nhà thờ Đức Bà. 2) Đại lộ Charner (Nguyễn Huệ). 3) Cột cờ Thủ Ngữ. 4) Thương cảng, đối diện đường Catinat. 5) Ga xe lửa Mỹ Tho (đại lộ Hàm Nghi). 6) Công trường Rigault de Genouilly (công trường Mê Linh). (1896).

Riêng các xe kéo đến từ Chợ Lớn hay Gia Định, sau khi chở khách vào khu vực Sài Gòn, vì lý do mỏi mệt phu xe có thể đến nghỉ tại các nơi sau đây : 1) Bến Arroyo Chinois (bến Chương Dương / đường Võ Văn Kiệt), hoặc tại đường Lagrandière (Gia Long / Lý Tự Trọng), nếu xe kéo đến từ Chợ Lớn. 2) Đại lộ Norodom (Thống Nhất / Lê Duẩn), nếu xe kéo đến từ Gia Định. (1896)
- Chủ nhân xe kéo phải chịu trách nhiệm dân sự về các khoản tiền phạt, tiền bồi thường, và các chi phí do phu xe nộp cho nhà cầm quyền hoặc cho tư nhân. (1896)
- Cấm các xe chuyên chở công cộng, kể cả xe kéo chạy tìm kiếm khách trên đường Catinat. (1898)
- Hai nơi đậu xe kéo được thành lập phía hai bên bãi cỏ giữa trục đại lộ Bonard (Nguyễn Huệ), đoạn từ đường Catinat (Tự Do) đến đại lộ Charner (Nguyễn Huệ). (1898)
- Một chỗ đậu xe kéo vừa được thành lập: đường Amiral Page (Hàn Thuyên), từ đường Pellerin (Pasteur) đến đường Mac Mahon (Công Lý / Nam Kỳ Khởi Nghĩa). (1899)
- Các phu xe kéo và người đánh xe ngựa phải ăn mặc chỉnh tề, sắc phục được giữ hoàn toàn sạch sẽ. (1900)
- Bất cứ tại bến xe nào, xe kéo phải xếp hàng và cùng quay mặt về một hướng, xe đến sau chót phải đậu ở phía đuôi hàng xe. Khi có khách gọi thì chỉ có chiếc xe ở đầu hàng được quyền chở khách. Tại bến đậu xe trước nhà ga xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, các xe kéo phải xếp hàng dọc theo lề đường bên cạnh nhà ga, quay mặt về phía công trường Cuniac (công trường Quách Thị Trang).

Các xe trống khách, đi từ phía công trường Cuniac theo đường Colonel Boudonnnet (Lê Lai) đến nhà ga, không được dừng lại trước ga để đón khách,

mà phải đi thẳng đến nơi đậu nối đuôi với các xe đang xếp hàng chờ khách. (1922)

Xe xích lô, đáp số của bài toán xe kéo.

Từ đầu thế kỷ 20 tại Sài Gòn vấn đề thay thế xe kéo đã được nêu lên nhưng gần ba thập niên sau chưa có phát minh nào đáng xem là vật cứu tinh mang lại sự cải thiện đời sống phu xe kéo.

Năm 1924, báo Écho Annamite đưa tin về một chiếc xe kéo kiểu mới vừa đem ra sử dụng tại Thượng Hải, người kéo xe được thay thế bởi người đi xe đạp. Cũng như đa số người dân, tác giả bài báo đặt câu hỏi khi nào có thứ xe này tại Sài Gòn. Năm 1935, kiểu xe đạp kéo nói trên đã ra mắt tại thành phố Nam Vang nhưng vấp phải sự chỉ trích vì bị xem là loại xe cồng kềnh, nặng nhọc và khó xoay trở cho người đạp xe. Kiểu «xe lôi» này hiện nay còn thấy sử dụng ở các tỉnh Miền Tây Nam Bộ.

Cũng vào năm 1935, Pierre Coupeaud, một kỹ sư sống tại Nam Vang có sáng kiến chế tạo ra chiếc xích lô, loại xe ba bánh, hành khách ngồi phía trước, phu xe ngồi đạp phía sau. Coupeaud thời tuổi trẻ là một thanh niên yêu chuộng các môn thể thao như xe đạp, bóng đá. Rời đất mẹ đến lập nghiệp tại Nam Vang mặc dù đã luống tuổi, ông ta mở hãng bán xe đạp và phụ tùng thể thao, ngoài ra còn cho thuê xe kéo. Ông ta lập bản vẽ kỹ thuật chiếc xích lô, sang Pháp đặt hãng Dilecta chế tạo chiếc xe mẫu, xong mang các bộ phận của xe về Nam Vang lắp ráp. Được sự chấp nhận của bộ Thuộc địa và hội đồng thành phố Nam Vang, Coupeaud cho sản xuất một loạt xe, từ đấy xích lô bắt đầu chạy trên đất Chùa Tháp.

Thành công tại Nam Vang, năm 1936 Coupeaud ước mong mang xích lô chinh phục Sài Gòn nhưng ông ta thất vọng vì chính quyền địa phương phản ứng dè dặt. Nếu xe xích lô được sản xuất hàng loạt có thể sẽ làm đảo lộn trật tự sẵn có từ trước đến nay, không thể nào cùng một lúc dẹp bỏ hơn 4000 xe kéo, đe dọa chén cơm manh áo của hằng ngàn gia đình. Coupeaud kiên nhẫn tìm mọi cách thuyết phục nhà cầm quyền, ông ta muốn chứng minh rằng xe xích lô có thể lập được thành tích mà xe kéo không làm được. Ông ta tổ chức cuộc chạy xe xích lô đường trường Nam Vang - Sài Gòn qua ngả Xoài Riêng, đường dài 240 km. Về việc chọn người đạp xe, Coupeaud huấn luyện hai anh lực sĩ xuất sắc về bộ môn xe đạp, đã từng tham dự nhiều cuộc đua. Chiếc xích lô khởi hành vào 4 giờ chiều ngày thứ Bảy 9 tháng 2-1936, ngay trước Phòng Thương mại thành phố Nam Vang. Hai anh phu xe thay phiên nhau đạp xe từ chiều đến suốt đêm và sang ngày hôm sau, lúc người

này đạp xe thì người kia ngồi nghỉ trên ghế dành cho hành khách. Xe của ban tổ chức chạy kèm hai lực sĩ để theo dõi, kiểm tra thời gian xe chạy. Sáng hôm sau lúc 9 giờ 30 phút đến Sài Gòn. Thời gian xe chạy tổng cộng là 17 giờ 30 phút, nếu không kể 50 phút qua phà vượt sông, trung bình chiếc xích lô chạy khoảng 14 cây số một giờ. Hai anh phu xe được tiếp tế thức ăn và chăm sóc sức khỏe lúc vận động trên đường nên đến nơi trong tình trạng sức khỏe hoàn hảo.

Coupeaud không dừng lại với «kỳ công» này. Nhân dịp tham dự Hội chợ Bài lao tổ chức tại vườn Ông Thượng (nay là vườn Tao Đàn) vào đầu năm 1937, ông ta dùng nhiều xích lô chở các quan khách thượng thặng đi xem các gian hàng triển lãm: toàn quyền Sylvestre và phu nhân, thống đốc Pagès, hai ông bà thượng nghị sỹ Godard. Ít lâu sau đó, tháng 3-1937, thống đốc Pagès hoạch định trong thời hạn mười năm phải chấm dứt nghề kéo xe. Nhưng nhà cầm quyền còn thận trọng, e ngại xích lô là kiểu xe nguy hiểm nên chỉ cho chạy thử nghiệm hai mươi chiếc.

Tháng Sáu năm 1937, Coupeaud lại sang Pháp, giới thiệu xe xích lô nhân dịp Hội chợ Đấu xảo Quốc tế Paris. Xích lô được hai nhà vô địch xe đạp người Pháp chạy biểu diễn trên đường vòng quanh trường đua ngựa Longchamp. Tuy chiếm được cảm tình của công chúng Paris nhưng không gặt hái được thành công về thương mại.

Tại Sài Gòn, Coupeaud được hưởng quyền ưu tiên sản xuất xe xích lô, nhưng không bao lâu (1938) phải đương đầu với đối thủ cạnh tranh là ông bà Laguens. Đôi vợ chồng này nguyên là chủ cho thuê xe kéo, đặt hàng chế tạo những chiếc xích lô tại trường máy đường Đỗ Hữu Vị (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng) do ông Rosel làm giám đốc. Coupeaud đệ đơn kiện những «người làm giả mạo», tòa tuyên xử ông ta được bồi thường 300 đồng. Bên bị kiện xin chống án, kết quả xét xử tòa cho rằng Coupeaud không còn giữ độc quyền và không được hưởng bồi thường vì tòa tuyên bố kiểu xe này đã có người sáng chế từ lâu. Thực ra tại Sài Gòn trước đó đã có loại xe ba bánh chở hàng, sự khác biệt đáng kể ở chiếc xích lô là yên xe của người đạp ở vị trí cao hơn và thùng xe có ghế đệm, mui xe v.v.

Năm 1939 có khoảng 200 chiếc xích lô tại Sài Gòn, con số tăng dần, trong khi xe kéo và xe thổ mộ ngày càng giảm. Dù Coupeaud không được công nhận là người sáng chế xe xích lô nhưng ít ra ông ta đáng được xem là người tạo ra bước tiến kỹ thuật thay chân chiếc xe kéo lỗi thời.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
France

NHƯ YÊU NHƯ MƠ

Như yêu không muốn rời xa
Cùng đêm ấp ủ mặn mà là đây
Như mơ gởi hạt vào mây
Và mưa rơi xuống mộng đầy nhân gian.

Ý Anh

NHƯ KHÔNG

Như không có chút muộn phiền
Em cười mắt sáng tâm hiền bình an
Như không có gió bay ngang
Hương em đọng lại ươm vàng tuổi xuân.

Ý Anh

TÌNH HOA ĐÊM 30 TẾT

Lòng hoa thổn thức từng giây
Mùa sang tô điểm má hây hây hồng
Hương đêm ngan ngát bên song
Trời ba mươi Tết chờ mong giao thừa
Vạn vật trổi dậy âm xưa
Trời đà hừng sáng người chưa kịp về?
Sắc hương rủ cánh hoa thề
Vườn xuân một đóa hôn mê lịm dần…

Kim Oanh
2017

LÒNG XUÂN

Dịu dàng hoa nắng lối quanh
Lượt là hương áo mong manh gió lùa
Xuân lòng thầm nhớ mùa xưa
Ngày Ba Mươi Tết chợt vừa đâu đây
Xuân tình gối mộng giữa ngày
Hồn hoa mơ bướm ngát say nắng vàng.

Kim Oanh
Giao Thừa-2019

MẾN CHÀO SEOUL (Kỳ 2)

** Nguyễn Mây Thu **

SUỐI CHEONGGYECHEON (THANH KHÊ XUYÊN)

Suối **Cheonggyecheon** (Thanh Khê Xuyên) bắt đầu từ công trường Cheonggye (Thanh Khê) bên cạnh đường Sejong-daero (Thế Tông đại lộ) chảy đến gần bên cổng Dongdaemun (Đông Đại Môn) và đi xa hơn nữa. Dài gần 11 km, dọc suối có nhiều thác nước nhỏ, có đá xếp làm lối đi qua lại giữa hai bờ. Mực nước của nó thấp hơn đường phố hai bên, từ trên đường có cầu thang để bước xuống tận hai bên bờ suối. Có tất cả 22 chiếc cầu bắt qua cho xe cộ lưu thông.

Từ nhiều thế kỷ trước, dưới thời các vua Joseon (nhà Triều Tiên), Suối Cheonggyecheon phân chia kinh thành làm hai khu vực: Phía Bắc dành cho giới quý tộc, quan lại. Phía Nam là nơi sinh sống của dân nghèo và giới trung lưu. Nước mưa theo dòng suối này chảy ra sông lớn, nhờ vậy giảm đi phần nào những cơn lũ lụt. Khi đô thị phát triển, dân số ngày càng tăng thì suối Cheonggyecheon trở thành nơi ô nhiễm.

Năm 1958, suối này là một lạch nước hôi tanh nên bị san lấp làm đường tráng nhựa và người ta còn xây thêm bên trên những đường cao tốc chạy ngang rẽ dọc. Đến năm 2003, Thị trưởng Lee Myung Bak (Lý Minh Bác), người chủ trương chính sách xây dựng đô thị vừa đẹp vừa tôn trọng môi trường, cho bắt đầu thực hiện dự án phục hồi dòng suối và lập một công viên sinh thái nằm dọc hai bên bờ. Sau ba năm trùng tu, kết quả thật tuyệt vời mặc dù hao tốn nhiều nổ lực về tài chánh và năng lượng. Một dòng suối mát được tái lập giữa khung cảnh xinh tươi. Từ khi mở ra vào năm 2005 cho công chúng đến giải trí, suối Cheonggyecheon được nhiều người tìm đến dạo chơi để hòa mình với thiên nhiên, tạm lánh xa tiếng ồn ào của đô thị hoặc thả đôi chân vào dòng nước mát trong những ngày hè. Mỗi năm vào dịp lễ hội đèn lồng (Lantern Festival) khoảng tháng 11, hàng ngàn chiếc đèn màu

được treo lủng lẳng dọc theo dòng suối, thu hút hàng trăm ngàn người đến thưởng lãm.

Vào dịp lễ Phật Đản, hai bên đường dọc theo suối có nhiều gian hàng mua bán tổ chức giống như "chợ Noel" ở Châu Âu. Về đêm, từ trên cầu bắt qua suối nhìn xuống, thấy đèn lồng thắp sáng rực phản chiếu trên mặt nước. Những chiếc đèn lồng to đủ màu sắc, đặt trên các tảng đá nằm giữa lòng suối, mang hình ảnh những đứa trẻ đang múa, bắt bướm, chơi thể thao, cảnh núi đồi, xe lửa v.v.. đèn màu chiếu sáng hòa hợp bên dưới gầm cầu tỏa ra như chiếc cầu vồng làm say mê khách nhàn du. Trên đường phố cách đó không xa có buổi rước đèn và diễu hành. Từng nhóm đoàn thể, các thiếu nữ mặc áo *hanbok*, tăng ni, phật tử đại diện các chùa đi nhịp nhàng theo từng cổ xe trang trí đèn lồng to hình chim công, chim phụng, rồng phun lửa v.v.. đệm tiếng nhạc hòa tấu vang lừng cả góc phố, khán giả đứng bên đường cổ võ đám rước đèn bằng những tràng pháo tay thật nồng nhiệt.

KHU PHỐ INSADONG (PHƯỜNG NHÂN TỰ ĐỘNG)

Đường Insadong-gil là đường chính của khu phố thương mại Insadong, cũng có thể bảo là khu phố du lịch hay văn hóa. Tại đầu đường thấy ngay một sân khấu ngoài trời, là nơi các nghệ sĩ đến trình diễn âm nhạc và các vũ điệu cổ truyền để giúp vui. Ngày thường trông có vẻ yên tĩnh nhưng ngược lại đến cuối tuần người đi đông đúc, chen chúc nhau như trẩy hội. Đây là khu du lịch được nhiều người biết đến. Du khách đến đây vừa dạo chơi nhìn ngắm các cửa tiệm, hàng hóa phong phú đầy màu sắc, vừa có thể mua sắm kỷ vật đủ các loại và còn được thưởng thức món ngon vật lạ.

Dọc theo hai bên đường, những cửa hàng nối tiếp nhau mời mọc du khách dừng chân để ngắm nghía, hoặc bước vào mua một vài món hàng làm quà lưu niệm gồm có áo quần, nón, quạt, các món lặt vặt để trang trí, cổ vật, y phục cổ truyền *hanbok* v.v..

Rẽ vào các ngõ hẻm, du khách còn gặp các xưởng thủ công, các phòng triển lãm, những cửa hàng bán cổ vật, giấy, bút lông, đồ gốm sứ, tượng và tranh ảnh v.v.. Nhà hàng, trà thất phần nhiều là những ngôi nhà duyên dáng, được sửa chữa phỏng theo kiểu các ngôi nhà cổ của thời xa xưa, cống hiến cho thực khách món ăn cổ truyền hay món trà độc đáo của dân tộc Đại Hàn.

Đến đây không thể bỏ qua thương xá Ssamzigil, du khách bước dọc theo hành lang qua các cửa hàng, đi dần lên cao theo đường xoáy ốc đến tầng thứ tư mà

không cần đến bậc thang. Thương xá tuy đông người nhưng lại cảm thấy thoáng đãng vì khoảng trống giữa các hành lang không có mái che, như một kiểu "giếng trời" đón nhận ánh sáng mặt trời từ trên cao chiếu xuống.

Đứng nhìn toàn thể khu phố Insadong sinh động thật khó tả với những y phục cổ truyền nhiều màu sắc, các thiếu nữ nắm tay nhau đi trong chiếc áo *hanbok*, rất tự nhiên qua lại bên các cửa hàng buôn bán tấp nập. Có đời sống mới nhưng không quên nguồn gốc cũ. Một sự pha lẫn hài hòa giữa thời cổ xưa và thời hiện đại. Dùng trong các buổi hội hè, tiệc tùng, lễ cưới… hầu như trong mỗi gia đình của dân tộc Đại Hàn đều không thể thiếu chiếc áo cổ truyền *hanbok*.

BUKCHON HANOK (LÀNG BẮC THÔN HÀN ỐC)

Làng **Bukchon Hanok** nằm về phía Đông của cung điện Gyeongbok. Trong khu phố này còn lại khoảng 900 ngôi nhà xây dựng theo phong cách cổ xưa thời Joseon (nhà Triều Tiên). Ngày xưa nơi đây là khu tư thất dành cho những bậc vương hầu, giới quý tộc. Qua nhiều biến động lịch sử, làng này không còn nguyên vẹn như xưa. Ngày nay người ta xây dựng lại và cố khôi phục hình ảnh xác thực của thời quá khứ qua những ngôi nhà có kiến trúc truyền thống.

Vào trong làng, đi dạo trên những con đường dốc, đi sâu vào các hẻm nhỏ giữa các bức tường gạch cũ kỹ, các dãy nhà kiểu dáng cầu kỳ, ta mang cảm giác đi lạc vào một vùng xa lạ. Nhiều hãng phim, hãng truyền hình đã đến đây lấy ngoại cảnh để thực hiện phim tài liệu, phim lịch sử v.v.. Đây đó, thấy gắn trên tường những tấm bảng yêu cầu du khách tránh gây ồn ào, vì có lúc số người đi ngoạn cảnh tới lui không ngớt làm xáo trộn sự yên tĩnh của người dân sinh sống tại đây. Nhiều ngôi nhà cổ mở cửa đón du khách vào thăm, họ tìm hiểu cách kiến trúc, cách trang trí, ngồi bên sân trong phía sau nhà, vừa thưởng thức chén trà ngon vừa ngắm khu vườn êm ả. Thỉnh thoảng ta gặp bên đường phòng trưng bày tranh họa cổ truyền và bán nhạc khí dân tộc, xưởng sản xuất hàng thủ công, hoặc ngôi nhà trọ đang chờ người du khách hiếu kỳ muốn đến đây sống trọn vẹn với khu di tích lịch sử.

DONGDAEMUN DESIGN PLAZA (DDP)

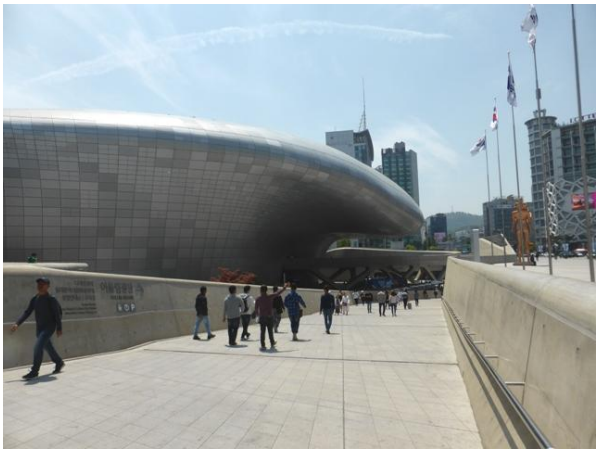

Thường khi muốn đến DDP bằng metro, du khách xuống trạm gần nhất là "Dongdaemun History & Culture Park" (Công viên Văn hóa và Lịch sử Dongdaemun). Vừa bước ra khỏi cửa metro này thấy ngay một tòa nhà khổng lồ có hình dáng lạ lùng như một phi thuyền không gian trong các phim giả tưởng, đang đáp trên những chiếc cột to hình chữ V. Đó là tòa nhà **Dongdaemun Design Plaza (DDP)**, do nữ kiến trúc sư Zaha Hadid thiết kế, khánh thành vào năm 2014, vật liệu cấu tạo chính là bê tông và nhôm. Tòa nhà không xây theo những đường vuông góc thông thường, nhưng theo đường cong uốn lượn. Mặt ngoài tòa nhà lấp lánh ánh sáng do được che phủ bởi khoảng 45.000 tấm nhôm. Bên trong tòa nhà có nhiều phòng triển lãm, phòng khách, bảo tàng dành cho ngành design, cửa hàng bán vật lưu niệm v.v..

Cạnh bên DDP là lề đường rộng trồng nhiều cây thông, trang trí bằng hàng cột cờ treo quốc kỳ Đại Hàn. Một pho tượng cao màu đồng thau mang dáng một phụ nữ khỏa thân, thân trên xẻ ra làm 6 phiến mỏng mở ra như những trang sách. Từ vĩa hè này nhìn qua phía bên kia đường Jangchungdan-ro (Tưởng Trung Đàn lộ), sẽ thấy các thương xá cao ngất gồm các thương hiệu: Lotte Fitin, Goodmorning City, Hello apM, Migliore, Doota, đứng nối tiếp nhau, chuyên về các hàng mỹ phẩm cao cấp, y phục hợp thời trang và các vật dụng, máy móc dành cho phái đẹp.

CHỢ GWANGHUI (QUANG HY)

Rời tòa nhà DDP, băng qua công viên, theo đường Majang-ro (Mã Dương lộ), ngang qua thương xá Belpost, cạnh một con đường nhỏ hẹp nhưng sầm uất gồm nhiều cửa hàng bách hóa, nhiều thương xá chuyên về áo quần bán sỉ và lẻ. Đó là đường đi vào **chợ Gwanghui**. Hằng nghìn gian hàng chen chúc nhau trong các tòa nhà nằm đến sát cạnh con đường bên suối Cheonggyecheon (Thanh Khê Xuyên). Nối dài qua đến cổng Dongdaemun (Đông Đại môn) là khu vực buôn bán hàng hóa liên quan tới sự may mặc: áo quần, đồ lót, vớ, găng tay, cà vạt, áo đầm, khăn choàng cổ và cả dụng cụ máy móc dành cho việc may vá như kim chỉ, máy may v.v.. Đặc biệt có các loại vải hảo hạng dùng để may áo cổ truyền *hanbok* và

khách hàng có thể đặt may bộ y phục vừa ý theo giá cả hợp với túi tiền. Ở đây, người mua bán sỉ đã hoạt động hăng say nhộn nhịp từ sáng tinh mơ. Du khách nên đến đây muộn hơn, việc mua sắm và nhìn ngắm hàng hóa chỉ tiện lợi vào lúc xế trưa đến chiều tối.

CHỢ TRỜI HWANGHAK-DONG (HOÀNG HẠC ĐỘNG)

Chưa đến khu chợ trời Hwanghak-Dong nhưng trên vĩa hè, ngoài đường lớn đã thấy bày bán dưới đất, trên sạp đầy dẫy những món hàng cũ lặt vặt. Đi sâu vào trong các con đường nhỏ của chợ, tại đây, thấy trưng bày thiết bị máy lạnh, nồi niêu xoong chảo, các dụng cụ nấu ăn khác như vá múc canh, chày cối để giả thức ăn v.v.. đa số dùng trong nhà hàng. Nồi cơm điện to đủ nấu cho hàng chục người ăn. Ngoài ra còn có các con thú giả, người giả bằng nhựa dùng để trang trí trước các cửa hàng. Các loại máy móc cơ khí, tranh ảnh, máy hát cũ, hi-fi cũ, máy hút bụi, DVD, cassette, game v.v…

Đi quanh quẩn qua nhiều đường và hẻm trong khu bán đồ cũ của chợ trời **Hwanghak-Dong Flea Market (chợ trời Hoàng Hạc Động)**, đến suối Cheonggyecheon (Thanh Khê Xuyên), qua cầu Yeongdogyo (Vĩnh Độ Kiều), bắt đầu đến một khu khác bán đồ cũ cũng to lớn không kém gì nơi chợ trời vừa đi qua. Nhìn ngắm tìm tòi suốt mấy cây số cũng chưa hết chợ trời… nào áo quần, đĩa hát, sách cũ, máy móc, đủ thứ dụng cụ linh tinh, có nơi bán thuốc cổ truyền, thực phẩm khô, đặc biệt là các bao gói đựng ớt đỏ.

Len lỏi ngang dọc qua các đường phố của khu Changsin-il-dong (Xương Tín Nhất Động) cuối cùng chúng tôi đến cổng Dongdaemun. **Cổng Dongdaemun** còn có tên khác là **Heunginjimun** (Hưng Nhân Chi Môn), một trong 8 cửa ra vào hoàng thành. Bên cạnh cổng Dongdaemun còn có di tích của bức tường thành cổ bao quanh Seoul. Đứng giữa công trường này nhìn về phía xa có thể thấy tòa nhà DDP với lớp cỏ phủ trên nóc, trông như một ngọn đồi xanh.

ĐẠI HỌC NỮ SINH EWHA (EWHA WOMANS UNIVERSITY)

Bước ra ngoài trạm metro Ewa Womans University, đi theo con đường lớn thẳng tới cổng chính trường đại học, con đường này có biệt danh là “Street you

want to visit", nổi tiếng là nơi mua sắm hàng thời trang thích hợp cho nữ giới trẻ tuổi. Hai bên đường tập trung nhiều hiệu y phục, hiệu nữ trang, thẩm mỹ viện. Tên trường đại học được gọi tắt là E-Dae, nên khuynh hướng thời trang tại khu phố này vào thập niên 1990 được gọi là "E-Dae Style".

Đây là trường đại học nữ đầu tiên và lớn nhất Hàn Quốc, thành lập vào năm 1886. Logo của trường là hoa lê năm cánh trên đó ghi khẩu hiệu Chân, Thiện, Mỹ. Nhiều phụ nữ nổi tiếng xuất thân từ trường này, họ là những chính khách, kỹ nghệ gia, tiểu thuyết gia v.v.. Tòa nhà đại học có đường nét độc đáo do kiến trúc sư Dominique Perrault thiết kế. Thay vì xây tòa nhà cao nhiều tầng như thường thấy, ông chọn giải pháp ngược lại. Dựa theo địa hình của khu vực, ông xây hai tòa nhà theo chiều sâu dưới lòng đất, đối xứng nhau, khoảng trống lớn giữa hai tòa nhà dành làm lối ra vào. Đường vào phía trước là một dốc thoai thoải như đi xuống thung lũng, phía sau là những bậc thang trang trí bằng những chậu hoa. Tóm lại, đây là một kỳ công nghệ thuật hiện đại, một kiến trúc đồ sộ không làm che lấp hình ảnh cổ kính chung quanh, nhất là các tòa nhà xây từ thế kỷ trước.

VIỆN BẢO TÀNG KỶ NIỆM CHIẾN TRANH

Chúng tôi đi về hướng Nam của núi Namsan để đến thăm Viện Bảo Tàng Kỷ Niệm Chiến Tranh. Từ trạm métro Noksapyeong (Lục Toa Bình) đi bộ theo đường Itaewon-ro (Lê Thái Viện lộ) bên cạnh căn cứ quân sự Yongsan (Long Sơn) của quân đội Hoa Kỳ, độ chừng 10 phút, thấy ngay phía bên phải là tòa nhà viện bảo tàng. Nơi đây không chỉ trưng bày các chứng tích lịch sử và chiến tranh mà còn là đài kỷ niệm các chiến sĩ Hàn Quốc đã hy sinh trên chiến trường trong cũng như ngoài nước. Bước qua cổng chính, du khách nhìn thấy chiếc cột tháp cao giữa hai hàng tượng biểu hiện những binh sĩ và thường dân trong thời

chinh chiến. Nhìn từ trái sang phải là công viên xinh xắn điểm rải rác những tượng đài cạnh bên lối đi, đáng để ý là pho tượng "Huynh Đệ" nhắc đến câu chuyện thật về sự gặp gỡ bất ngờ trên chiến trường giữa hai anh em không cùng chiến tuyến. Tượng này còn là biểu tượng của ước mơ hòa bình và thống nhất của dân tộc Đại Hàn. Trước khi vào thăm viện bảo tàng, du khách không quên khu triển lãm ngoài trời những loại vũ khí cở lớn như phi cơ, chiến xa, hỏa tiễn v.v.. đặc biệt có chiếc B52 khổng lồ nằm tại góc công viên giáp với vệ đường.

Vào thăm viện bảo tàng chiến tranh này, người xem dễ bị lôi cuốn với cách trình bày khéo léo, sinh động, mang tính khoa học và nghệ thuật, qua những bảng chú thích, mô hình, bản đồ, tài liệu, vũ khí, v.v. bổ ích cho người yêu lịch sử Hàn Quốc từ thượng cổ đến thời hiện đại. Phần liên quan đến chiến tranh Việt Nam cũng được gợi lại, khiến cho người xem xúc động ngậm ngùi nhớ lại cuộc nội chiến đau thương đã qua.

Trước khi rời bảo tàng viện, du khách đi qua dãy hành lang nằm ở hai cánh bên của tòa nhà. Đứng tựa cột hai bên hành lang có những tấm bia cẩm thạch đen, chạm khắc chữ vàng, ghi tên họ của các chiến sĩ Đại Hàn đã bỏ mình trong chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam.

KHU PHỐ ITAEWON (LÊ THÁI VIỆN)

Trở về trạm metro Noksapyeong (Lục Toa Bình), qua chiếc cầu vượt dành cho người đi bộ, chúng tôi bắt đầu đi vào khu phố Itaewon. Xưa nơi đây có nhiều vườn trồng cây lê. Sau cuộc chiến tranh Triều Tiên, quân đội Hoa Kỳ đến lập căn cứ quân sự, từ đó nhiều người dân kéo đến làm ăn sinh sống chung quanh các doanh trại. Binh sĩ Hoa Kỳ cần nơi giải trí nên các quán rượu, nhà hàng mọc lên. Mảnh đất Itaewon đón chân người ngoại quốc trong bối cảnh hậu chiến ấy. Năm tháng trôi qua, Itaewon khoát lên hình ảnh một thế giới thu nhỏ, nơi nhiều cộng đồng dân tộc sống bên cạnh nhau, nơi hội nhập của những luồng văn hóa khác biệt. Itaewon ngày nay là tụ điểm của những quán rượu, nhà hàng, nổi tiếng là nơi ăn chơi về đêm, vui vẻ nhộn nhịp nhất là vào những chiều thứ bảy. Nhấm nháp món ăn lạ miệng, họp bạn vui chơi, đi mua sắm những sản phẩm ngoại quốc là các thí dụ điển hình về mục đích của người

du khách khi đến nơi này.

Itaewon-ro là trục đường huyết mạch của khu vực. Chúng tôi thả bộ trên đoạn giữa các trạm metro Noksapyeong và Itaewon. Hai bên phố xá là các cửa hàng chuyên về thời trang (y phục, giày dép, xách tay, kính mắt...), mỹ phẩm, nữ trang, các quán cà phê, quán ăn. Nhìn cách trình bày mặt tiền hay tủ kính tại các cửa hàng, ta có cảm giác như đang đi lạc trên đường phố của một quốc gia nào đó. Nơi đây ngoài tiếng Anh được sử dụng phần lớn bởi các nhân viên bán hàng, các người hầu bàn, còn nghe đây đó nhiều ngôn ngữ khác cũng được dùng để giao tiếp với khách hàng. Nổi bật nhất trên khúc đường này là khách sạn Hamilton, tòa nhà nhiều tầng vuông vắn màu nâu đỏ.

Từ đường lớn chuyên về mua sắm, chúng tôi quẹo vào một ngõ hẻm đi sang con đường chuyên về ẩm thực nằm phía sau khách sạn Hamilton, đó là đường Itaewon 27 ga-gil. Mỗi bảng hiệu, mỗi tủ kính của nhà hàng hay quán rượu mang màu sắc riêng biệt, được trang trí bằng đèn màu muôn hình vạn trạng, cộng với đèn lồng, hoa nhân tạo, cờ xí lòe loẹt. Màu sắc và ánh đèn tạo cảm giác đẹp cho du khách, nhưng nếu nhìn kỹ hình như có gì hơi hỗn độn, nhà xây cao thấp không đều, nhà gỗ bên cạnh nhà gạch, bảng hiệu quảng cáo chiếm mất lề đường. Đa số du khách đến đây là những người trẻ tuổi, họ tìm nơi để giải khuây trong những quán rượu, phòng trà khiêu vũ, hay để thưởng thức các món cao lương mỹ vị đến từ khắp bốn phương trời.

CHÙA BONGEUNSA (PHỤNG ÂN TỰ)

Chùa Bongeunsa tọa lạc tại phường Samseong-dong (Tam Thành Động), Gangnam-gu (Giang Nam Khu). Chùa được xây vào cuối thế kỷ thứ 8, ngôi chùa cổ qua nhiều lần trùng tu vẫn còn giữ lại nét kiến trúc lộng lẫy, huy hoàng của thời quá khứ. Là chùa Phật tiêu biểu nhất Seoul, nằm trên triền đồi phủ cây xanh, một kiến trúc tôn giáo trang nghiêm cổ kính, lạc lõng giữa khu phố đầy xa hoa, chung quanh chùa là những nhà chọc trời cao nghều nghệu.

Qua cổng Jinyeomun (Chân Như Môn), nơi có tượng 4 vị thần giữ cửa, đi thêm nữa sẽ tới một khoảng sân rộng, bên trên sân treo kín những hàng đèn lồng che rợp ánh mặt trời đang chiếu rọi, làm cho các đèn lồng sáng rực lên phô đủ màu sắc. Phía bên trái sân được trang trí vườn hoa, tượng người, tượng thú, linh vật làm bằng đèn giấy.

Đến cuối sân là chính điện Daewungjieon (Đại Hùng Điện), xây trên thềm cao, nơi lúc nào cũng đông người đến chiêm bái, phía trước điện có nhiều người xếp hàng để chờ đến phiên mình múc nước tắm Phật. Sang sân bên phải chính điện nơi đây chỉ thấy treo đèn lồng màu xanh lơ và màu trắng. Từ sân này leo cầu thang lên dốc đồi gặp nhiều kiến trúc cổ khác nằm phía sau chính điện, đó là Linh Sơn Điện, Bản Điện.

Rẽ sang bên trái của khuôn viên chùa sẽ đến một khoảng rộng dựng tượng Phật Di Lặc cao lớn đội mũ vuông, đứng trên đài sen trước bức tường xây thành vòng cung, dùng làm nơi chứa đựng bài vị gồm vô số tượng Phật nhỏ đặt trên những kệ, ngăn chia thành nhiều tầng. Phía trước tượng Phật Di Lặc là một sân làm bằng đá láng cho thiện nam tín nữ ngồi cầu nguyện, có cả nơi dành cho họ thắp nhang. Sau lưng tượng Phật Di Lặc là tượng các vị Bồ Tát, các vị Đại Tăng. Ngoài ra trong sân chùa còn có hồ nước, gác chuông "Phạm Chung Các", "Chung Lâu Điện" chứa cái trống to, "Di Lặc Điện" trông giống một nhà sàn.

THÁP LOTTE WORLD (LOTTE WORLD TOWER - LWT)

Lotte World Tower (LWT) là nhà chọc trời cao 123 tầng. Độ cao lên tới tột đỉnh là 555 mét. Việc xây dựng hoàn tất vào năm 2015. Được xếp vào hàng thứ 6 trong số nhà chọc trời cao nhất thế giới.

Vào bên trong tầng trệt của LWT, nơi có nhiều cửa hàng bách hóa trang trí thật sang trọng. Mua vé để lên chơi trên tầng cao của nhà chọc trời, thang máy đưa chúng tôi lên đến tầng thứ 117 chỉ mất 2 phút. Đứng trên tầng cao này, nhìn bao quát thành phố bên dưới qua khung kính các cửa sổ lớn, ta có thể dừng mắt tại vài địa điểm đáng chú ý, thấy được một phần lớn của đoạn sông Hán chảy qua Seoul hoặc định hướng được vị trí của núi Namsan v.v.. Thú vị hơn nữa là khi bước lên thang cuốn để tới tầng thứ 118, có "Sky Desk", tức là thềm làm bằng kính dầy, bước trên thềm đó nhìn xuống thấy cảnh đường phố, xe chạy ngay dưới chân. Vì đứng trên những tấm kính trong suốt, có người cảm thấy rờn rợn lúc chưa quen đặt chân thử, tưởng mình sắp rơi vào khoảng không.

Lên đến tầng thứ 120, bước ra sân thượng có rào bằng kính bảo vệ được đặt tên là "Sky Terrace", nơi đây không mái che, thông với ngoài trời và ở độ cao nên chỉ một cơn gió nhẹ thoảng qua đủ cảm thấy rùng mình lạnh buốt. Mặc dù gió lộng và rét nhưng nơi đây rất đông người ra đứng ngoạn cảnh, nhất là lúc chờ ngắm và chụp ảnh vào buổi hoàng hôn, nhìn thấy dòng nước bạc của sông Hán uốn khúc, bóng núi Namsan hiện rõ trên nền trời màu cam và phía xa xa núi đồi trập trùng hiện rõ trên vầng mặt trời dần dần khuất. Du khách cố chờ thêm ít lâu, sau khi mặt trời lặn, sẽ thấy đèn đường và nhà cửa dưới chân thắp sáng, đến một lúc các đường phố trở thành những lằn sáng rực, từng đường thẳng cắt nhau ngăn các khu phố thành từng ô nhỏ nối dài ra đến vùng vô tận. Những chiếc xe hơi nhỏ li ti nối đuôi nhau liên tiếp thành hàng, chiếc đang chạy bên đèn xanh, chiếc đang dừng bên đèn đỏ. Ở nơi cao này không nghe tiếng động nào, nhưng thấy rõ cả

một thành phố về đêm vẫn sôi động như giữa ban ngày.

LỄ HỘI HOA ANH ĐÀO

Bên cạnh tháp LWT là hồ nước Seokchon (Thạch Thôn), ven bờ hồ có công viên Songpa Naru (Tùng Pha Độ Khẩu), trồng nhiều cây anh đào. Mỗi năm vào độ tháng tư, hoa anh đào nở đầy nên nơi đây được chọn tổ chức lễ hội hằng năm "Cherry Blossom Festival". Ban ngày hoa đào nở thắm quyến rũ người đến xem, buổi tối đèn lồng đủ màu thắp sáng chiếu rọi vào, làm muôn vàn cánh hoa bừng sáng giữa trời đêm. Cách hồ này một đại lộ là một hồ nước khác, giữa hồ có đảo nhỏ là giải trí trường Magic Island, trên xây một lâu đài tráng lệ như chỉ thấy trong các truyện thần tiên.

OLYMPIC PARK (CÔNG VIÊN THẾ VẬN HỘI)

Dễ nhận ra nhờ hình dạng đặc sắc của cổng Hòa Bình Thế Giới (World Peace Gate). Công viên này là di sản của Thế Vận Hội 1988, với diện tích to rộng dành cho các sân vận động, các nơi thi đấu, nơi chờ đón hằng trăm ngàn khán giả đến xem tỉ thí… Nay tất cả biến thành công viên, thoạt nhìn qua giống như một nơi đã từng tổ chức hội chợ đấu xảo hay là một bảo tàng viện ngoài trời. Cảnh sắc ngoạn mục do được tô điểm bằng những tượng điêu khắc, đồi cây, vườn hoa, đường đi uốn khúc, những di tích khảo cổ trong đó có pháo đài Mongchontoseong (Mộng Thôn Thổ Thành). Ngoài thú thưởng ngoạn vẻ đẹp thiên nhiên, du khách đến đây còn có dịp tìm hiểu sâu rộng về đất nước Đại Hàn khi đến xem các viện bảo tàng lịch sử, viện bảo tàng nghệ thuật. Công viên này còn thích hợp cho việc tổ chức những buổi biểu diễn văn hóa nghệ thuật trước số lượng công chúng đông đảo. Micheal Jackson và Lady Gaga đã đến nơi đây trình diễn trước khán giả ái mộ.

KOREA HOUSE

Trên đường đến nhà hàng Korea House để dùng bữa ăn tối, chúng tôi đi ngang qua ngõ vào ngôi làng cổ du lịch Namsangol Hanok Maeul (Nam Sơn Cốc Hàn Ốc Thôn). Làng này nằm cạnh núi Namsan, gồm những ngôi nhà xây theo phong cách truyền thống đã có từ thời Joseon, được bảo tồn toàn vẹn hơn cả trong các làng cổ còn thấy hiện nay. Du khách chụp ảnh kỷ niệm trong bộ y phục cổ truyền, đóng vai giới quý tộc của các triều đại xưa hoặc tham dự nghi thức uống trà trong tòa dinh thự giữa khu vườn cảnh, bên cạnh hồ nước và dòng suối.

Cổng chính của nhà hàng Korea House là tòa nhà rộng xây theo kiểu kiến trúc thời Joseon dùng làm nơi đón khách, vừa là cửa hàng giới thiệu và bán hàng thủ công mỹ nghệ. Sân rộng phía sau cổng có ao nuôi cá chép *Koi* nhiều màu. Từ sân này chúng tôi bước lên những bậc thang đưa vào khu vườn cảnh, đến ngôi nhà kiểu *hanok*. Vào gian phòng ăn đã dành sẵn, chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn tròn thật to để dự bữa tiệc cung đình. Các cô hầu bàn mặc *hanbok* duyên dáng, lần

lượt mang ra nhiều thức ăn trình bày đẹp mắt đựng trong những chiếc hộp gồm nhiều ngăn nhỏ. Sau bữa ăn tối, chúng tôi bước sang rạp hát cũng nằm trong khuôn viên nhà hàng để xem trình diễn vở tuồng cổ Đại Hàn có tên là Sim Cheong (Trầm Thanh), kể lại câu chuyện đề cao lòng hiếu thảo của một cô gái. Khán giả được xem trình diễn gồm cả ca, vũ, nhạc, nhạc khí, trang phục sân khấu v.v.

Trải qua những ngày du lịch ngắn ngủi, chúng tôi được tìm hiểu về đất nước và con người Hàn Quốc. Còn có nhiều nơi chúng tôi chưa được xem qua, nhưng bấy nhiêu cũng đủ để làm hành trang mang theo khi trở về nhà với muôn vàn kỷ niệm khó quên. Hẹn gặp lại Seoul một ngày không xa.

Nguyễn Mây Thu (15-07-2019)

GIỌNG HÀ NỘI XƯA

Tưởng đâu xa lắc xa lơ
Tiếc ngẩn tiếc ngơ Hà Nội
Cảm ơn Em thầm giọng nói
Còn trong tuổi Nguyệt Tây Hồ
Sợi tình tưởng như sợi khói
Còn nguyên giọng nói, đâu ngờ.
Sóng nước Hồ Gươm còn gọi
Đêm vàng Thuỷ Tạ năm xưa
Trăng già, trăng không có tuổi
Tình ta xanh biếc đôi bờ
Thầm cảm ơn Em giọng nói
Lay hồn ta tỉnh trong mơ!

HOÀNG SONG LIÊM

MỪNG SINH NHỰT 90 CỦA THI HỮU TRẦN QUỐC BẢO

Chúc mừng Sinh Nhựt tuổi Chín Mươi
Quốc Bảo Trần Huynh, bạn của tôi.
Tuổi tác càng cao, thơ càng tuyệt
Tác phẩm Trần Huynh tiếng để đời.
Kết bạn thi nhân trong bốn biển,
Quên nỗi đắng cay cuộc đổi đời
Bầu rượu, túi thơ, qua ngày tháng,
Thăng trầm, vinh nhục cứ mỉm cười.

Trần Gò Công/ Lão Mã Sơn
Hoa Đô, 30 tháng 12-2019

KÍNH CHÚC

Thì cứ theo sau... hơn tám mươi!
Bao lâu rồi nhỉ? Bác và tôi.
Kiếm Cung khó nhọc đâu còn nữa,
Thơ Phú lai rai vẫn sống đời.
Tổ Quốc cõi lòng luôn nhắc mãi;
Quê Hương tấc dạ cũng đành thôi.
Đó đây hội ngộ tình nồng nhiệt
Ánh mắt vòng tay lại cả cười.

Nguyễn Phú Long
Richmond, Virginia

MỪNG ANH CHÍN MƯƠI

Lão ca nay đà đáo chín mươi,
Bốn năm anh lớn tuổi hơn tôi.
Nhìn đầu mà xót xa thân phận,
Bóp trán chung hờn tủi cuộc đời.
Biết mấy hy sinh thân xác đó,
Bao nhiêu mộng ước khói mây thôi.
Nay nơi ngoại xứ chiều nghiêng bóng
Gượng gạo nhếch môi tạo chút cười.

Githéa Hoàng Hy
Santa Clara, cuối năm 2019

NGUYỄN BỈNH KHIÊM & SẤM TRẠNG TRÌNH

Có Thể Tin vào Những Lời Tiên Tri hay Sấm Ký Được Không?

** William Hoàng **

Trước hết phải phân biệt hai loại tiên tri:

(1) Tiên tri dựa vào các sách bói toán như Kinh Dịch, Thiên Văn, Tử Vi, Thái Ất Thần Kinh, Truyện Kiều, xin Xâm, xem chỉ tay, v.v.; và thường gọi là "bói toán" .

(2) Tiên tri không dựa vào kinh sách nào mà hoàn toàn dựa vào trực giác hay linh giác để ghi ra những điều bí mật được chỉ dẫn bởi một vị thần linh nào đó (mạc khải) và thường gọi là "tiên tri".

Tiếp theo, phải nhìn nhận là nhân loại có một số người có những khả năng kỳ diệu đầy huyền bí và có cả hàng trăm, hàng ngàn hiện tượng khó tin xẩy ra như thôi miên, cầu cơ, lên đồng thiếp, chữa trị bằng nhân điện, khí công, tiên tri, v.v. mà các nhà khoa học đã không thể chối bỏ và đang có những nỗ lực giải thích.

Từ ngàn xưa, trong địa hạt tín ngưỡng, nhân loại đã có cả hàng trăm ngàn tiên tri cả nam lẫn nữ và hầu hết các tôn giáo đều được xây dựng trên tư cách của những vị tiên tri như Abraham (Do Thái), Jesus (Thiên Chúa Giáo), Mohamed (Islam), Phật Thích Ca (Phật Giáo), Huỳnh Phú Sổ (Hòa Hảo), Phạm Công Tắc (Cao Đài), v.v.

Nhà tiên tri Nostradamus ngồi tĩnh lặng trong một cái đỉnh bằng đồng và nhìn chăm chú vào một thau nước cũng bằng đồng để ghi ra những tiếng nói huyền diệu đến với ông qua trực giác và ông cống hiến cả cuộc đời của ông cho sự nghiệp tiên tri.

Trái lại, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm không dựa vào trực giác mà dựa vào lý trí, dựa vào Thái Ất Thần Kinh để đưa ra những điều tiên tri. Nhưng chủ yếu sự nghiệp của ông là truyền đạt đạo lý làm người, đưa ra những điều khôn lẽ phải nhằm giúp con người sống thọ, thân được an nhàn, trí được thảnh thơi, hồn được thanh nhẹ chuẩn bị cho mình trở về với "Đạo" tức là Nguồn Gốc của vạn vật.

Trong địa hạt tiên tri, người ta thường nhắc tới câu: "thiên cơ bất khả lậu" – "cơ trời không thể tiết lộ" để cảnh giác những người đặt niềm tin quá mạnh vào tiên tri hay bói toán. Trong khoa tướng số cũng có câu: "Đức năng thắng số" để khuyên con người chớ ỷ lại vào số mệnh mà không tự mình cố gắng tự tu sửa. Vậy liệu có thể tin vào những lời tiên tri được không? Tin tới mức độ nào? Và, liệu có thể tránh được số mệnh đã an bài không?

Sự thực thì khả năng tiên tri của con người không phải là vô giới hạn. Trong những buổi cầu cơ, các vị Tiên hay

Thánh thường xác định là họ cũng chỉ được phép tiết lộ một phần nào những hiểu biết của họ. Đức Phật cũng đã nói đại ý là những sự hiểu biết của Ngài có thể ví bằng một nắm lá trong bàn tay so với cả rừng lá kia. Mặt khác, những lời tiên tri thường được ghi lại bằng những câu thơ khó hiểu hoặc ai giải đoán thế nào cũng được và vấn đề tin hay không tin vào những lời tiên tri tùy thuộc vào niềm tin ở mỗi cá nhân. Có lẽ Thượng Đế đã gài đặt tinh tố niềm tin trong con người để giúp nhân loại không đi lạc hướng trên con đường tìm về nguồn gốc là Trời, Đạo, hay Đại Ngã. Tinh tố này biểu hiện ở mỗi người một khác vì chịu ảnh hưởng của hàng ngàn, hàng triệu tinh tố khác chứa trong tâm tố.

Ngoài đời, vào đầu thế kỷ thứ 16, vị tiên tri Nostradamus, người Pháp nổi tiếng nhất hoàn cầu với cuốn Thế Kỷ vì được đa số người đọc nhìn nhận sự chuẩn xác của những điều ông tiên tri.

Riêng ở nước ta, vào thế cuối thế kỷ thứ 15 thì có Nguyễn Bỉnh Khiêm với tập thơ của ông được nhiều người thán phục và gọi là Sấm Trạng Trình.

Trước hết, vấn đề đặt ra là Nguyễn Bỉnh Khiêm có tự nhận mình là nhà tiên tri không? Theo như nhận định phân biệt hai loại tiên tri nêu ở trên thì Nguyễn Bỉnh Khiêm không phải là nhà tiên tri vì những điều ông tiên đoán hoàn toàn dựa vào Thái Ất Thần Kinh và những dữ kiện trong cuộc sống thực tế. Ông chỉ là một nhà lý số, dựa vào sách vở mà đưa ra những điều tiên đoán dưới dạng những câu thơ không dễ hiểu khiến cho mỗi nhà giải đoán ở mỗi thời đại có thể giải ra theo nhận định riêng của mình.

Những điều ông khuyên họ Mạc, họ Trịnh, và họ Nguyễn đã xẩy ra chính xác là do ông dựa vào kiến thức sâu rộng về con người và tình hình đất nước. Trong thơ văn, không có bài nào chứng tỏ ông tự nhận là một nhà tiên tri mà ông chỉ viết những bài khuyên ăn ở cho hợp đạo lý lấy chữ Trung làm chuẩn như ông đã bày tỏ trong bài khắc trên tấm bia trước Quán Trung Tân bên nhà ông. Tóm lại, ông chỉ là một người học nhiều, biết rộng và chia sẻ những điều khôn ngoan với mọi người. Như vậy, ông chỉ là một nhà Hiền Triết (Wiseman). Nhưng, vì lý do này hay lý do nọ, người ta đã tôn sùng ông lên đại bậc tiên tri và dân gian cứ tin thế mà truyền tụng.

Ông đã viết những gì trong Sấm Trạng Trình và một số người đã tán giải những câu gọi là tiên tri của ông như thế nào?

Như mọi người đã biết, Nguyễn Bỉnh Khiêm vốn là một nhà tinh thông về khoa lý số và là tác giả của cuốn sách bói toán Thái Ất Thần Kinh. Thái Ất là gì? Cơ sở của khoa bói toán là Kinh Dịch. Ở Đông Phương, Vua Phục Hy (khoảng 3 hay 4 ngàn năm Trước Tây Lịch) được coi là người phát kiến ra Kinh Dịch. Dựa vào Kinh Dịch, Thái Ất là sách nghiên cứu về sự vận chuyển của các vì tinh tú ảnh hưởng đến trái đất và con người. Đây là một môn học rất khó của văn minh cổ Đông

Phương. Trong khoa Tử Vi, sao Thái Ất là sao chủ đoán gió mưa, lụt lội, đói kém, chiến tranh, đất nước hưng vong, và v.v.

Có sách ghi: nguyên tác giả Thái Ất Thần Kinh là Đạo Sĩ Triệu Nga, đời Tống (thế kỷ X).
Đó là cuốn sách coi như là sách thần có thể vận đoán biết được chuyện quá khứ và vị lai. Thầy dạy Nguyễn Bỉnh Khiêm là Lương Đắc Bằng trong dịp đi sứ Nhà Minh, Trung Quốc gặp học sĩ Lương Như Hốt. Ông này tặng cho Lương Đắc Bằng cuốn Thái Ất Thần Kinh để tham khảo về lý số. Khi qua đời, Lương Đức Bằng trao Thái Ất Thần Kinh cho Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Trong Thái Ất Thần Kinh, Nguyễn Bỉnh Khiêm viết:

Thái Ất, kể ngày, luận về mệnh hạn người đời. Đo biết hoạ phúc, định luận không sai. Suy rõ mấu chốt, nên cẩn thận tinh tường, diệu ở huyền vi tỏ biết. ... Phép này mọi người dân gian sử dụng để đo lường hoạ phúc cho mình, vào đời dựng nghiệp lớn hay nhỏ, được hưng hay suy, biết mấu chốt mà định luận không sai về vận hạn sống trong đời sao cho hợp với đạo nhà, đạo nước và đạo học đúng nghĩa quen gọi là Đạo Người.
Và,
Xem Thái Ất, kể giờ, chú trọng vào con toán nhất, rồi xem xét các chướng ngại (tù, giam, cấp ...) được sử dụng cho công việc hàng ngày, nhất là xem cho việc binh bị, chủ khách thắng thua, nước ngoài động tĩnh, vận trù kế sách; đặc biệt xem thiên văn đổi thay, xã hội bị ảnh hưởng vì mưa nắng, bão gió, giặc cướp không.

Lê Quý Đôn viết:
Thuyết ấy [Thái Ất] phần nhiều nói về binh pháp: địch ta, chủ khách, lợi hại, được mất, cái cơ thịnh suy, trị loạn; cái thế thắng thua, yên hay nguy; không điều gì là không bày rõ. Nếu hiểu lẽ ấy mà biết phòng bị, ứng phó thì có thể tìm điều lành, tránh điều dữ, tiêu hoạ, vời phúc thì mới là người giỏi dùng sách Thái Ất vậy... Làm tướng mà không biết sách ấy thì sẽ mờ tối ở chỗ đánh hay giữ, tiến hay ngừng; không lấy gì mà quyết đoán các nghi mưu khi ra trận tuyến. Làm tể tướng mà không biết sách ấy thì sẽ sai lầm ở sự động hay tĩnh, cất lên hay đặt xuống; không lấy gì để quyết đoán những nghị luận lớn cho triều đình ...

*

Như vậy, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm dựa vào Thái Ất Thần Kinh để đưa ra những lời tiên đoán chứ không phải là dựa vào tâm linh hoặc những huyền cảm hay mạc khải như trường hợp của các nhà tiên tri khác trong đó có Nostradamus. Tuy nhiên, thật khó xác quyết những lời tiên đoán của ông xẩy ra đúng vào những sự kiện nào trong lịch sử và vì vậy, mỗi nhà giải đoán đã đưa ra những tán luận theo chiều hướng riêng của mình. Trước khi tìm hiểu về Sấm Trạng, xin tóm trình một vài mẩu chuyện truyền tụng chứng tỏ tài tiên tri của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Trước hết xin nêu lên lời giải đoán của Tiến Sĩ Hương Giang Thái Văn Kiểm (hiện là thành viên của Viện Hàn Lâm Văn Học Pháp). Hai câu thơ:

Hà thời biện lại vi vương.
Thử thời Bắc tận, Nam trường xuất bôn

tiên tri về sự nghiệp của Nhà Tây Sơn: Nguyễn Nhạc vốn làm biện lại ở huyện Vân Đồn, Qui Nhơn, nổi dậy xưng Vương khiến Nhà Lê ở miền Bắc bị dứt điểm và Chúa Nguyễn ở miền Nam phải đào tẩu.
TS Thái Văn Kiểm cũng căn cứ vào các câu:

Cũng có kẻ trẻ to lớn Ất Ngày
Lánh mình vào ở nội Ngô Tề
Có thấy nhân thập đi về
Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh

để đưa ra lời giải đoán là 4 câu thơ đó ám chỉ vào biến cố 30 tháng Tư, 1975 với những sự vượt biên ồ ạt của người Việt tị nạn Cộng Sản.

TS Thái Văn Kiểm viết:
Hai câu đầu ám chỉ người di cư tỵ nạn cộng sản, gồm có những người trốn đi bằng đường bộ (Việt nhân, land people) và những người vượt biển trên ghe thuyền (thuyền nhân, boat people). Họ trốn ra khỏi nước để trôi giạt vào các nước lân cận, hoặc được vớt chở đi các nước xa xôi khắp năm châu. Còn hai câu sấm nối sau thì chúng ta có thể hiểu rằng sẽ có vị lãnh đạo, cứu tinh là Nhân Thập (có phải chữ Nhân cộng với chữ Thập thành chữ Ngọ chăng?) là nhân vật nào, đố ai mà biết!

Câu cuối cùng "Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh" của Sấm Trạng khiến tôi nhớ bài thơ cầu cơ năm 1975 của Thạch Hà và Minh Đức, có đăng trong Việt Nam Hải Ngoại, San Diego, USA năm Kỷ Mùi 1979, như sau:

Tiếu khấp hưng vong thử tự tiền
Cửu niên bĩ cực đãi doanh niên
Hồng quân tà ố hà vô thức
Nhất tịch hà năng miễn đảo điên
Thảo mộc giai binh bình Việt quốc
Thịnh hưng nhi lai kiến thánh hiền
Thảm nhục thương tâm ai liệt sĩ
Khả tri minh chủ giá kim liên

Bài này được Thạch Hà, Minh Đức giải nghĩa như sau:

Cười khóc hưng vong là chuyện từ xưa nay vẫn có
Hãy đợi qua chín năm đến năm thứ mười
Ai mà không biết cộng sản là đáng ghét
Một đêm nào đó chúng nó không tránh được đảo điên
Khi đó thì cỏ cây sẽ là binh lính để bình định nước Việt
Mọi người sẽ hưng thịnh và gặp thánh hiền
Chỉ buồn cho các liệt sĩ đã chết vì nước từ trước
Và khi ấy có thể biết người minh chủ như đoá sen vàng

Trong sấm Trạng Trình còn có hai câu này, thường được thiên hạ đem ra bàn luận:

Cửu cửu càn khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tàn

Chúng ta thấy chữ cửu là 9 như trong bài thơ cầu cơ của Thanh Hà Minh Đức xin vua Nguyễn Huệ khi xưa. Số 9 đánh dấu một tiết đoạn trong cuộc tuần hoàn của vũ trụ, trong sự diễn tiến lịch sử của một dân tộc. Theo ông thấy thì cửu cửu là 9 lần 9 thành 81. Số này là thời kỳ đô hộ Pháp tính từ năm 1862 (hoà ước Nhâm Tuất) mất ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, tiếp đến năm 1867 thì mất luôn 3 tỉnh miền Tây, cho đến năm 1945 với cuộc đảo chính Nhật, mồng 9 tháng 3 dương lịch, và sự sụp đổ của nền đô hộ Pháp, đúng vào lúc thanh minh thời tiết hoa tàn. Nhưng theo tôi, cửu cửu đây cũng có thể giải thích là cứ 9 năm thì xảy ra một sự việc lớn, ảnh hưởng đời sống quốc gia và tương lai dân tộc.

Nhìn lại lịch sử cận đại Việt nam từ đầu thế kỷ XX tới nay, chúng ta có thể ghi những thời điểm rất quan trọng sau đây:

1907: vua Thành Thái bị truất phế đày vào Nam.
1916: vua Duy Tân khởi nghĩa thất bại, bị đày sang đảo Réunion, cùng với vua cha Thành Thái.
1925: vua Khải Định mất, vua Bảo Đại nối ngôi (2-1926).
1936: Phong trào Bình dân có nhiều cuộc biểu tình.
1945: Đảo chính Nhật (9-3).
1954: Việt minh cướp chính quyền (23-8); Hiệp định Genève (20-7) phân ra Nam Bắc.
1963: Sấm Trạng: Trực đảo đương đầu mã vỹ. Hồ binh bát vạn nhập Tràng An nói đến đảo chính 1-11 lật đổ Đệ Nhất Cộng hòa.
1972: Thành lập Đệ Nhị Cộng hoà.
1981: Cộng sản đưa Nam VN vào con đường phân hoá, bần cùng; thuyền nhân tràn ngập Đông Nam Á.
1990: Quốc tế xét lại toàn bộ các vấn đề Đông dương và Đông Nam Á trong chiều hướng thuận lợi cho người Việt quốc gia, ứng nghiệm hai câu:

Thảo mộc giai binh bình Việt quốc
Thịnh hưng như lai kiến thánh hiền

Lúc đó, cỏ cũng sẽ biến thành binh lính, hợp cùng hải ngoại hồi hương bình Việt Nam, đem lại tự do và hạnh phúc cho trăm họ.

Đó là những lời tán luận của Tiến Sĩ Hương Giang Thái Văn Kiểm.

Sau đây là vài mẩu truyện chúng tỏ tài tiên đoán của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.

1. Chuyện "Sắt ngắn, gỗ dài":

Tối 30 Tết, Cụ Trạng Trình đang ngồi luận lý số cùng một học trò ở xa đến thăm và biếu cụ lễ vật. Bỗng ở ngoài cổng có tiếng người gọi mở cửa. Cụ sai gia nhân ra bảo hãy chờ cụ một chút. Rồi Cụ bảo học trò bấm quẻ đoán xem người kêu cổng ấy gọi mở cửa để làm gì.
Cả hai thầy trò đều bấm ra quẻ "Thiết đoản, mộc trường" dịch ra là: "Sắt ngắn, gỗ dài". Cụ hỏi học trò:
- Vậy anh đoán nó vào đây có việc gì?
Anh học trò đáp:
- Thưa Cụ, theo ý con thì sắt ngắn gỗ

dài, ắt hẳn người ấy vào đây mượn cái xuổng hay cái cuốc.
Cụ cười đáp:
- Khác với anh, tôi đoán nó vào đây mượn cái búa.
Nói xong, Cụ cho gia nhân ra mở cửa và mời người gọi cửa vào, thì đó là người láng giềng đi vào yêu cầu cho mượn cái búa, đúng như lời Cụ đoán.
Cụ giải thích cho anh học trò:
- Anh bấm quẻ giỏi, nhưng đoán còn thấp. Ngày 30 Tết thì ai đi mượn cái xuổng hay cái cuốc làm gì. Cho nên tôi đoán nó mượn cái búa để chẻ củi nấu bánh cúng Tết mà thôi. Bấm quẻ trúng nhưng khi đoán phải có ý thức cơ biến mới tránh khỏi sai lầm.

2. Số phận chiếc quạt giấy và cái gối.

Cụ Trạng muốn thử xem lý số mà cụ học được có hiệu nghiệm không. Cụ làm hai thí nghiệm sau đây:
* Cụ làm một chiếc quạt giấy. Làm xong, Cụ bói số mệnh của cây quạt giấy nầy thì được quẻ: "Nữ nhân phá hủy".
Cụ viết 4 chữ nầy lên quạt và treo quạt ở đầu giường.
Đến gần tới ngày giờ quẻ ứng, Cụ ngồi trên giường luôn luôn để mắt theo dõi quẻ ứng hiện như thế nào?
Chợt bên hàng xóm có người đến mời Cụ qua dự đám giỗ, nhưng Cụ bận theo dõi chiếc quạt nên chưa thể qua ngay được. Người hàng xóm đến mời nữa, và nói với Cụ Bà giục Cụ đi qua để trễ tiệc. Cụ Bà vào phòng hối Cụ đi mấy lần, nhưng Cụ vẫn lo theo dõi cái quạt nên chưa thể đi được. Cụ Bà bực tức thấy ông ngồi không mà chưa chịu đi, mắt lại nhìn cái quạt không rời. Cụ Bà liền giựt phăng cái quạt, xé đi, rồi nói:
- Quí báu gì cái quạt giấy nầy mà ông cứ nhìn nó hoài như mất thần, để người ta qua đây ba bốn phen mời mọc.
Cụ cười xòa vui vẻ và liền đi ngay qua đám giỗ.
Cụ nhận thấy lẽ nhiệm mầu trong khoa lý số đã thể hiện rất chính xác. Nhưng Cụ vẫn còn chút hồ nghi sự việc xảy ra có phải do ngẫu nhiên chăng? Do đó, Cụ làm thêm thí nghiệm thứ nhì:
* Cụ làm một chiếc gối bằng gỗ để ở đầu giường. Cụ bói số mệnh chiếc gối thì được quẻ: "Thử đầu nhi phá".
Cụ rất ngạc nhiên vì gối kê ở đầu giường luôn luôn thì làm sao chuột phá hỏng được. Cụ ghi lên gối 4 chữ ấy rồi chờ thời gian xem kết quả. Tới ngày tháng đúng như trong quẻ đã định, có một ông bạn thân đến thăm Cụ và ngồi nói chuyện với Cụ trong phòng. Chợt có một con chuột thập thò ở gầm ghế, ông bạn quơ tay xua đuổi, con chuột không chạy đi, mà cứ ở đó nhìn ông lau láu như có ý chọc tức. Ông bạn nổi giận, thuận tay lấy ngay cái gối gỗ ném vào con chuột. Con chuột lanh chân chạy thoát, còn chiếc gối gỗ thì va vào gạch gãy ra làm nhiều mảnh.

3. Thánh nhân mắt mù:

Khi sắp mất, Cụ Trạng Trình có ghi vào gia phả và dặn con cháu rằng: "Bình sanh ta có một tấm bia đá để sẵn và đã sơn kia. Khi ta nhắm mắt rồi, các con phải nhớ, hễ hạ quan tài xuống, phải để tấm bia ấy lên nắp rồi mới lấp đất lại.

Sau 50 năm, hễ khi nào có một người lạ đến viếng mộ ta mà nói rằng: Thánh nhân mắt mù, thì phải lập tức mời người ấy về nhà, yêu cầu họ đặt hướng lại ngôi mộ cho ta. Chúng bây phải nhớ kỹ và canh chừng, chớ không được cải cát. Nếu trái lời ta, dòng dõi về sau sẽ suy đồi lụn bại". Con cháu nghe lời và làm y theo lời Cụ dặn.
Đúng 50 năm sau, có một người Tàu đến viếng mộ, nhìn ngôi mộ của cụ một lúc thì cất tiếng than rằng:
- Cái huyệt ở đàng chân sờ sờ thế kia mà không biết, lại tự đem để mả thế nầy? Vậy là Thánh nhân cái gì đâu? hay là Thánh nhân mắt mù đó!

Người nhà nghe câu "Thánh nhân mắt mù", liền chạy về báo cho Tộc trưởng hay. Ông nầy vội vàng ra rước người Tàu đó vào nhà, thết đãi tử tế, rồi nhờ đặt giùm ngôi mộ lại. Khi nói chuyện mới hay người Tàu đó là một nhà địa lý nổi tiếng ở bên Tàu mới sang nước ta. Ông ta đến đây là để xem di tích của Cụ Trạng thế nào mà tiếng đồn qua tới bên Tàu rằng: An Nam lý học hữu Trình Tuyền.

Khi nghe ông Trưởng tộc yêu cầu đặt hướng lại cho ngôi mộ thì người Tàu tỏ ý sẵn sàng giúp, để chứng tỏ Trạng Trình còn thua ông ta một bực. Do đó ông ta cảm thấy rất thích chí, hiu hiu tự đắc và thầm nghĩ rằng: Với Cụ Trạng, thực ra chỉ nghe đồn chớ thực mục sở thị thì có gì giỏi đâu?
Ông ta bảo:
- Không cần phải đem đi đâu xa cả, chỉ đào lên rồi táng lại tại chỗ, nhích ra sau một chút và quay đầu lại là được.

Ông Trưởng tộc cả mừng, vội tụ họp con cháu lại, đưa thầy địa lý người Tàu ra mộ rồi đào lên. Khi đào xuống sắp tới quan tài thì gặp một tấm bia đá, ông thầy Tàu lấy làm lạ, sẵn tính hiếu kỳ, ông bảo đem rửa sạch bia đá, để xem trên đó khắc chữ gì, thì thấy trên bia ấy có khắc bài thi:

Ngũ thập niên tiền mạch tại đầu
Ngũ thập niên hậu mạch tại túc
Hậu sinh nhĩ bối ná năng tri
Hà vị Thánh nhân vô nhĩ mục?
Dịch nghĩa:
Năm chục năm trước mạch tại đầu
Năm chục năm sau mạch tại chân
Biết gì những kẻ sanh sau
Thánh nhân có mắt mù đâu bao giờ?

Khi xem xong bài thơ trên, ông thầy Tàu mới bật ngửa ra, bái phục Cụ Trạng Trình sát đất. Cụ tiên tri tài thiệt. Sao Cụ lại biết trước những lời của mình sẽ nói? Quả thật, mình chỉ đáng là học trò của Cụ thôi.

4. Thằng Khả làm ngã bia tao:

Trước ngày Cụ Trạng qui Tiên, Cụ tạc một bia đá và dặn chôn ở rìa mộ của Cụ, trên đó có ba câu:
Cha con thằng Khả,
Đánh ngã bia tao,
Làng biết được bắt thường tam quán

Lúc đó người coi bia chẳng hiểu ra sao, cứ làm đúng lời Cụ dặn. Cho tới một thời gian rất lâu về sau, đến một hôm có hai cha con người đó tên là Khả, đi đào chuột. Khi hai cha con đến gần nơi mộ của Cụ Trạng thì thấy có hang

chuột, liền đào xuống để bắt chuột. Hang chuột chạy lòn xuống đáy bia đá, chỉ lo đào hang mà quên để ý đến tấm bia đá, đào một hồi thì tấm bia đá mất chưn đứng, ngã kềnh ra mà chưa bắt được con chuột nào. Bọn trẻ mục đồng thấy bia ngã, chúng tri hô lên, rồi làng biết, kêu cha con ông Khả lên làng, bắt nộp tiền phạt và phải dựng bia lại như cũ. Cha con anh Khả đành chịu nộp phạt, nhưng nhà nghèo, trong nhà chỉ có một quan tiền tám, nên xin làng cho nộp phạt bao nhiêu đó mà thôi. Làng cũng đành chịu. Thế mới biết Cụ Trạng Trình rất tài giỏi về khoa lý số, biết được tên người làm ngã bia của Cụ, và lại biết số tiền nộp phạt là tam quán, nói lái là quan tám.

5. Ông Nguyễn Công Trứ phá Đền:

Năm Minh Mạng thứ 14, vua Minh Mạng bắt khai con sông Hải Dương. Lúc ấy, ông Nguyễn Công Trứ đang làm Tri Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, lãnh chiếu chỉ của vua thi hành việc khai con sông đó. Địa chính theo lịnh của vua phải cắm cho thẳng, nhưng khổ thay lại trúng thẳng vào Đền thờ của Cụ Trạng Trình, mà ngôi Đền nầy nổi tiếng linh thiêng. Ông Trứ truyền lịnh cho dân phải phá Đền khai sông. Dân chúng không ai dám phá. Ông Trứ cũng phân vân, vì trên là lịnh của vua, dưới là ý của dân, nếu không tuân lịnh vua thì sợ vua bắt tội, mà tuân lịnh vua thì trái lòng dân. Ông Trứ sắm nhang đèn vào Đền vái Cụ Trạng Trình xin Cụ cho phép phá Đền, vì lịnh vua, ông phải thi hành, xin Cụ hiểu lòng của ông. Rồi ông Trứ xin chịu hết trách nhiệm cho công việc phá Đền. Lúc đó dân quân mới dám phá. Khi đào phá tới cái bệ thờ, thấy hiện ra một tấm bia đá chôn dưới bệ, có chạm khắc bốn câu sau đây:

Minh Mạng thập tứ,
Thằng Trứ phá Đền.
Phá Đền thì phải làm đền,
Nào ai lấn đất tranh quyền của ai

Ông Nguyễn Công Trứ thấy Cụ Trạng Trình nói đúng tên của mình thì sợ quá, truyền cho dân chúng ngưng việc phá Đền, và lo việc cất Đền trở lại như trước. Khi đó, lại tìm thấy trên đầu cột cái có đề 4 hàng chữ:

Hỏng Đền thì lại làm đền,
Rồi sau tìm thấy bạc tiền của ta.
Của ông, ông để còn xa,
Ai mà tìm được ắt là thưởng công.

Ông Tri Huyện Nguyễn Công Trứ đọc 4 câu thơ nầy xong thì suy nghĩ mãi, chợt nẩy ra ý nói lái: CÒN XA nói lái lại là XÀ CON. Ông Trứ liền quan sát các cây xà con đã tháo xuống, thấy có một cây khá nặng, nặng hơn các cây khác. Ông Trứ mừng rỡ, cho bửa cây nầy ra thì có bạc nén văng ra. Ông Trứ liền dùng số bạc nầy đi mua các thứ vật liệu, cất Đền trở lại cho Cụ Trạng, với tấm lòng vô cùng kính phục Cụ Trạng. Số bạc còn dư, ông Trứ giao cho dân làng Vĩnh Lại để dành tu bổ các đền chùa đình miễu trong làng.

6. Cây xà nhà đổ:

Khi Cụ Trạng Trình sắp mất, Cụ kêu

con cháu lại giao cho một cái ống tre sơn son thếp vàng, gắn bít hai đầu lại và dặn đúng ngày giờ ấy, tháng ấy, năm ấy, phải để cái ống lên kiệu, rước lên dinh quan Tổng Đốc Hải Dương, thì sẽ cứu được tình thế quá nghèo khổ của gia đình, nhưng tuyệt đối không được mở ra xem, chỉ có quan Tổng Đốc được mở mà thôi. Cái ống tre ấy truyền đến cháu 7 đời của Cụ Trạng thì mới đúng ngày giờ đã định. Người cháu ấy mới đưa lên quan Tổng Đốc Hải Dương đúng theo lời Tổ tiên đã dặn ghi trong gia phả. Quan Tổng Đốc cầm cái ống, mở ra xem, thấy có hai câu thơ như vầy:

Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách
Nhĩ cứu ngã thất đại chi bần
Nghĩa là:
Ta cứu mầy khỏi cây xà đổ
Mày cứu ta cháu bảy đời nghèo

Quan Tổng Đốc đang lúc làm việc quan, thấy hai câu thơ nói xấc xược, gọi quan là MẦY thì cả giận, sẵn cầm cây quạt, ông bước tới đánh người vừa dâng cái ống tre có hai câu thơ ấy. Khi vừa bước ra khỏi chỗ ngồi thì bỗng nhiên cây xà nhà to lớn trên nóc nhà đổ xuống ngay cái ghế mà quan vừa ngồi, đánh rầm một cái, làm cho cái ghế gãy nát. Quan Tổng Đốc hốt hoảng, kêu la inh ỏi, giựt mình ngó lại, nếu còn ngồi tại cái ghế đó, cây xà nhà đập xuống ắt phải chết nát xương. Khi quan bình tĩnh suy nghĩ trở lại hai câu thơ vừa rồi thì mới biết người viết hai câu thơ đó đã cứu quan thoát khỏi tai nạn hiểm nghèo hy hữu đó. Quan hỏi đến người dâng cái ống tre, mới rõ đó là cháu 7 đời của Cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, và hai câu thơ trên là Cụ Trạng Trình viết ra để cứu ông thoát nạn. Quan Tổng Đốc cho dọn dẹp, rồi mời người cháu 7 đời của Cụ Trạng vào nhà trong, thết đãi cơm rượu, và giúp cho một món tiền lớn.

*

Nội Dung Sấm Trạng Trình

Cuốn Sấm Trạng Trình gồm 487 câu thơ mang nhiều dấu vết lịch sử đương thời Nhà Lê và Nhà Mạc trong đó có nhiều câu không mấy dễ hiểu khiến cho đại ý của toàn bài thật là mông lung và do đó, mỗi người có thể đưa ra những giải thích khác nhau. Có những giải thích dẫn tới cả thời kỳ Thế Chiến Thứ Hai (1939 – 1945). Đây là đoạn mở đầu:

Vận lành mừng gặp tiết lành
Thấy trong quốc ngữ lập thành nên câu
Một câu là một nhiệm mầu
Anh hùng gẫm được mới hầu giá cao
Trải vì sao mây che Thái Ất
Thuở cung tay xe nhật phù lên
Việt Nam khởi tổ gây nên
Lạc Long ra trị đương quyền một phương
Thịnh suy bi thới lẽ thường
Một thời lại một nhiễu nhương bên lề
Đến Đinh Hoàng nối ngôi cửu ngũ
Mở bản đồ rũ áo chắp tay
Ngự đạo phút chốc đổi thay
Thập bát tử rày quyền đã nổi lên
Đông A âm vị nhi thuyền
Nam phương kỳ mộc bỗng liền lại sinh

*

Ngay trong đoạn mở đầu này, có người đã tán luận là Nguyễn Bỉnh Khiêm đã tiên tri nước ta sẽ mang tên là Việt Nam căn cứ vào câu thứ 7: "Việt Nam khởi tổ gây nên". Vào thời đại của ông, nước ta quả chưa có tên là Việt Nam mà chỉ mang tên là Nam Việt, Đại Nam, hay Đại Việt. Mãi tới đời Nhà Nguyễn, đời vua Minh Mạng, quốc hiệu nước ta mới đổi là Việt Nam. Rất có thể từ "Việt Nam" của ông dùng là do từ "Nam Việt" đổi ra "Việt Nam" chỉ là để cho đúng với âm vận: chữ thứ hai của câu 6 trong thơ lục bát hay song thất lục bát thường là âm bằng. Thế thôi.
Có nhiều đoạn người ta trích ra bảo là Sấm và đưa tự đưa ra những tán luận. Và đây là vài đoạn mà người ta thường đưa ra những lời bàn tán nhiều nhất:

Thung thăng tưởng thấy Đạo Trời
Phù Lê, Diệt Mạc nghỉ dời quân ra
Cát lầm bốn bể can qua
Nguyễn thì chẳng được sẽ ra lại về

Nước Nam thường có thánh tài
Ai khôn xem lấy hôm mai mới tường

Ma Vương sát Đại Quỷ
Hoàng Thiên tru Ma Vương
Đào Viên đỉnh phát quần dương tranh hùng
Cơ nhị ngũ thư hùng vị khuyết
Đảo Hoành Sơn tam liệt, ngũ phân

Phá điền thiên tử giáng trần
Dũng sĩ nhược hại mưu thần như lâm

Cửu cửu càn khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hao tàn
Trục đáo Dương đầu, Mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập Tràng An
Bảo Giang thiên tử xuất
Bất chiến tự nhiên thành

Trong những đoạn Sấm kể trên, người ta bàn tán nhiều nhất là đoạn:
Long vĩ, Xà đầu khởi chiến tranh
Can qua, tứ xứ khởi đao binh
Mã đề, Dương cước anh hùng tận
Thân, Dậu niên lai kiến thái bình

Bốn câu trên có nói tới 6 năm: Thìn (Long), Tị (Xà), Ngọ (Mã), Mùi (Dương), Thân và Dậu và người ta cho là ứng với những năm 1940, 1941, 1942, 1943, 1944, và 1945 thuộc Thế Chiến Thứ II.

Tóm lại, trong hàng trăm năm qua, nhiều người đã tán luận những câu thơ trong 487 câu của cuốn gọi là Sấm Trạng Trình theo nhiều cách khác nhau mà vẫn được nhiều người tin tưởng. Ở Tây Phương thì người ta tán luận Sấm Nostradamus.

Trong những thập niên trước năm 2000, có nhà tán luận đã mạnh dạn tán luận rằng thế giới sẽ bị hủy diệt bởi chiến tranh nguyên tử vào đầu những năm 2000!

William Hoàng

THỦY TIÊN KIỀU NỮ

Một đêm Trừ Tịch
Em đến bên anh
Vóc mai, mình hạc thanh thanh
Đợi chờ em… một năm tròn xa vắng…

Trong tay anh Thủy Tiên mảnh khảnh
Trang nhã và ý nhị làm sao
Chiêm ngưỡng em, anh tự hào
Em vẫn đẹp, vẫn vô cùng thu hút!

Ngày từng ngày, nâng niu chăm chút
Em héo mòn ủ dột nét hoa
Em ra đi trong nắng chiều tà
Nhìn nhau lần cuối,
tưởng là vĩnh quyết!

Ba tháng qua , tin em biền biệt
Em ở đâu? Em ở nơi đâu?
Nhớ em, trằn trọc canh thâu
Nhớ em, rưng rưng mắt lệ…

Bỗng, một chiều…
Trong huy hoàng tráng lệ
Em trở về ngào ngạt hương hoa
Em trở về đẹp lộng lẫy, kiêu sa
Em trở về như lòng ta mơ ước!

Lặng ngắm em trầm mình
trong giòng nước
Thân nõn nà, tươi mát Thủy Tiên ơi!
“Bên minh, một đóa hoa trời
Bao nhiêu hoa thế rã rời hết hương…”

NGUYỄN LÂN

FÉE THUỶ TIÊN

Une nuit magique
Tu m’es revenue
Fragile comme un phénix
Je t’attend... Déjà un an!

Ta silhouette si fine
Que savoure mon âme tourmentée
Dans mes mains, je rêve
De ta beauté si pûre d’espoirs.

Puis, de jour en jour
Tu es partie, loin de moi, fânée
Dans mon coeur en lambeaux.
Est-ce le fin de nos rêves?

Comme ces mois sans fin
Où es-tu? Je te recherche en vain
Mes nuits ne seront plus les mêmes
Dans ce clair de lune
qui boit mes larmes.

Un beau soir est venu, surpris
Dans ta robe aux milles facettes
Tu m’apparais éclatante encore
Dans ton parfum inondé de fleurs...
...Tu es là, épousant mes rêves.

Te regardant tremper dans l’eau claire
Ton corps ruisselant de fraicheur
Ô Thủy Tiên, ma narcisse céleste
Innonde encore mon coeur
de ton parfum.

Traduction de **DIỄM HOA**

HỒN CỐ THỔ

** Đoàn Xuân Thu **

Tết nào cũng vậy, tệ nạn cờ bạc nó rộ lên như nấm mối gặp mưa. Sòng bầu cua, sòng tài xỉu ngoài xóm. Đang ăn, nhà cái chưa kịp chung tiền, ai đó hô 'lính tới' cả bọn chạy thục mạng. Sau mới biết tụi nó chơi đểu, ăn vùa thua giựt. Thiệt là tức trào máu họng!

Còn bài xấu, cái đầu sù sụ con mắt trỏm lơ, mình đi phất phơ như con chó đói. Do đó lỡ binh xập xám, ba phé ba nơi hoài, đầu hôm xao xác bạc tốt như tiên, đến khuya không tiền bạc như chim cú!

Theo tui thì Tết đừng đánh bài là hay hơn hết. Lỡ mình ăn mình vui; thì người thua cũng bà con lối xóm không hè, họ buồn... Mà Tết nhứt mà làm thiên hạ buồn thì lương tâm mình cũng kẹt... 'phé'.

Cờ bạc là chuyện không nên chơi; thôi mình nói đến chuyện ăn Tết cho nó no, nó vui hơn.

Tết là mứt bí, mứt dừa, mứt me, mứt mãng cầu, mứt gừng, kẹo chuối, chuối khô, ... để quý bà uống trà rồi đàm đạo trong những ngày xuân.

Quý anh sui thì đem cái nhạo rượu nếp rót vô ly hột mít, sùi bọt tăm, thơm lừng mùi nếp; gắp miếng củ kiệu tôm khô, đưa vô mồm nhai ngồm ngoàm, xong khà một tiếng!

Đó là sui gia đến nhà nhau chúc Tết, nhậu chơi chút đỉnh để giao tình thương mến thương... Sương sương rồi dông qua chúc Tết bà con lối xóm, đủ mặt văn võ bá quan không sót đứa nào, kẻo nó vạc miễng chén, miễng sành, rủa sả: "Giàu hổng bao nhiêu mà làm bày đặt làm phách!"

Cái vụ đi xông đất nầy tui hổng ham rồi vì rất ngại chủ nhà tin dị đoan, kiêng cử cái nầy cái nọ. Anh Phát, Chú Tài mới đặng. Chớ anh Tài đang ngồi với lai rai với chủ mà ỷ mình tên "Quan' (chớ không phải lính) lọ mọ bước vào thì bà chủ nhà sẽ lấy cái chổi chà để mà rượt 'Quan Tài' đầu năm chạy xịt khói.

Tên Quan cứ ở nhà làm 'quan', nhậu với em yêu là 'phẻ' nhứt hạng. Ôi thôi lủ khủ, hầm bà lằng, bao nhiêu món ngon ngày Tết sợ ăn tới ra Giêng còn chưa hết.

Món ăn ngày Tết của bà con mình ba miền Bắc, Trung, Nam coi vậy cũng khá khác nhau. Tết thay vì ăn cơm thì người Bắc ăn xôi gấc có màu đỏ cho nó hên. (Rồi có câu 'đen bạc đỏ tình'. Quánh bài thua là dê được gái. Cái nầy coi bộ khó tin nhe. Thua sạch bóc, không còn một xu dính túi, áo vũ cơ hàn, lại thả dê ra, tui e rằng em nào cũng bĩu môi chê hết ráo.)

Nói chuyện phong tục ngày Tết mấy nhà văn, biên khảo quê mình 'phét' nghe rất 'bốc'. Chẳng hạn như trên bàn thờ, cúng trái cây phải có trái dừa, trái đu đủ, trái mãng cầu và trái xoài thì quý thức giả nầy phán rằng: "Sở dĩ có 4 loại trái nầy là vì bà con miệt Lục tỉnh quê mình tin dị đoan chưng trái cây cúng ông bà tiên tổ với lời ước nguyện là năm mới 'cầu vừa đủ xài'. (Phải vậy hông?)

Chớ theo ngu ý của tui, Tết tới, mùa trái cây đang chín rộ, thơm ngon thì mình cúng ông bà trước để nhớ ơn người xưa đi mở đất, xong người nay rinh xuống ăn, đâu còn y nguyên đấy chớ ông bà vốn thảo ăn chỉ hưởng cái hương hoa thôi.

Rồi các bực thứ giả nầy tán hưu tán vượn, nói bà con mình tin dị đoan vì chịu ảnh hưởng của mấy chú Ba trong quận Năm, Chợ Lớn.

Tết, chú Ba người Quảng Đông, ăn tôm vì tôm là 'há', đồng âm với "hí há tài xiu", là cười to ha hả trong nhà suốt tháng quanh năm.

Rồi ăn thịt heo, tức là 'trư', đồng âm với 'châu', ý là "châu long nhập thủy', châu báu tràn vào nhà như nước. Rồi ăn cải xà lách là 'phát soi', đồng âm với 'phát tài'.

Còn chú Ba, người Triều Châu, ăn bánh tổ là 'niên cao', mang ý nghĩa là ước mong cho năm mới, gia chủ được may mắn, phát tài, năm mới sẽ tốt hơn năm cũ.

Rồi chè 'ỉ' là viên nếp nhỏ, tròn, không nhưn, được nấu chung với nước đường và gừng, khi ăn rắc thêm muối mè. "Ỉ" nghĩa là "viên", "tròn". Ăn chè 'ỉ' với mong muốn gia đình sẽ luôn được đoàn viên. (Phải vậy hông?)

***

Cứ mỗi độ xuân về, miền Bắc hoa đào nở rộ, miền Nam mai vàng đua sắc thắm nên có bực thức giả phán như thánh rằng: "Chưng mai vàng vào dịp Tết vì sẽ đem đến may mắn". (Phải vậy hông?)

Có ông còn đi xa hơn (tui e rằng ổng đi lạc) cắt nghĩa trong mâm cơm ngày Tết của dân Lục tỉnh Nam kỳ bao giờ cũng có canh khổ qua dồn thịt, vì ăn khổ qua là mong muốn cái khổ sẽ qua đi.

Dân vưỡn, miệt vườn như tui, gọi khổ qua là 'hủ qua', không có sướng khổ gì ở đây hết ráo, (người Bắc gọi là mướp đắng cũng nó đó). Hổng lẽ ăn mướp đắng dồn thịt heo bằm nhuyễn với bún tàu, nấm mèo thì mong đời mình sẽ đắng nghét như trái mướp đắng hay sao?

Ca dao cũng có câu: "Đói lòng ăn trái khổ qua. Nuốt vô thì đắng, nhả ra bạn cười."

Khổ qua, ăn sống, nó đắng nghét như thuốc Tetracycline; nhưng dưới tài nghệ 'cook, cook' của em yêu, trái khổ qua bào mỏng, bóp muối cho bớt đắng, làm gỏi thịt bò cho chàng ăn và uống với beer. Quá đã!

Phần đói ăn rau đau uống thuốc nên mấy ông thầy thuốc Nam có cắt nghĩa vầy thuyết phục được tui nè: Trái khổ qua ăn mát, giải nhiệt trong cái nóng ẩm ngày Tết miền Nam, loại cholesterol (mỡ xấu trong máu), ăn với thịt kho hột vịt không bao giờ ngán ngược.

Tui cho rằng bà con mình ăn Tết món gì là theo kinh nghiệm mấy ngàn năm ăn uống của ông bà mình truyền lại. Nên nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm đưa ra cái định đề về nghệ thuật ăn là mùa nào thức nấy, trong bài Cảnh Nhàn "...Thu ăn măng trúc, đông ăn giá. Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao..."

Em yêu đã chỉ dạy tui một cách có lý rằng: ăn Tết không dị đoan gì hết ráo. Đừng nghe những nhà văn, nhà báo

tán láo. Một mâm cơm ngày Tết ngon là phải có cay, chua, ngọt, bùi, đắng mới làm đã cái lưỡi của mình.
Nhà nào Tết cũng có nồi thịt kho hột vịt sắc cầm hòa hiệp với tô canh khổ qua hầm. Món mặn và món canh nầy nầy nó hợp rơ hết biết, như tình anh với em, chớ không phải ăn khổ qua để cầu mong cái khổ nó qua đâu (?!)
Nhắc tới món thịt kho, không cần tới Tết mới ăn mà giỗ chạp hay ngay cả ngày thường cũng có. Em nào trước khi về nâng khăn 'móc túi' anh yêu cũng được má dạy cho cách kho thịt nên rành sáu câu vọng cổ.
Thịt heo tươi, mua về rửa sạch bằng nước muối, cắt miếng vừa ăn có đầy đủ da, thịt và một lớp mỡ mỏng ở giữa. Ướp với nước mắm nhỉ, đường, bột ngọt, tỏi băm... Thêm một ít ớt sừng trâu chín đỏ. Hột vịt to đùng, lòng đỏ mới nhiều, luộc xong, lột vỏ. Nồi thịt màu cánh kiến, ớt đỏ sừng trâu, chén cơm trắng, dĩa củ kiệu hay cải làm dưa. Bảo đảm ăn hết nồi thịt kho, cây kim trên cái cân sẽ vụt cái rét, gãy làm hai vì cái thân bồ tượng của mình sau ba bữa Tết, nếu mình không ăn canh khổ qua để nó làm tan bớt mỡ.

***

Lại nhớ khoảng năm 65, 66 gì đó, thế kỷ trước, hồi tui nhỏ chút éc hè, Má tui kho nồi thịt không phải với hột vịt mà là trứng cút để giúp đồng bào mình qua cơn hoạn nạn.
Chẳng qua dân nghèo thành thị Sài Gòn bị lọt vào bẫy của mấy tay trùm tài phiệt Chợ Lớn cấu kết cùng bè đảng tuốt bên Hương Cảng để xí gạt dân mình. Đó là phong trào nuôi chim cút.
Cái mồi câu bằng cách mướn báo chí rầm rộ đăng tin trứng cút lên giá hàng ngày còn mắc hơn trứng gà, trứng vịt. Có bao nhiêu 'bao tiêu' hết bấy nhiêu nên đừng có lo nhe. Cứ mua cút giống về nuôi đi. Cút giống chừng hai tháng là bắt đầu đẻ ngày một trứng, kéo dài đến 9 tháng.
Sau hết đẻ trứng, cút đem ra bán thịt. Rồi lại mua cút giống về gầy đàn mới.
Trứng cút đem bán cho ông chủ tiệm chạp phô người Tàu, cười hè hè nói trứng cút bán chạy lắm, có bao nhiêu nị mang đến đây ngộ bao hết cho.
Trứng cút ăn với muối tiêu như trứng hột vịt lộn đều bổ, cường dương (chắc như viên màu xanh huyền diệu 'Viagra' bây giờ vậy). Thịt cút rô ti, chiên bơ lót dưới dĩa là cà tô mát đỏ xắt lát với cải xà lách, cút chấm muối tiêu nhậu với beer 33 là một trăm em ơi chiều nay một trăm phần trăm.
Cái thủ đoạn tinh vi, thâm độc nầy bơm giá chim cút giống phình từng ngày một. Cút giống từ 5,000 đồng một cặp cút giống bằng gần 20 đô la bấy giờ, tăng lên gấp đôi 10 ngàn, rồi tăng lên gấp 15 ngàn đồng một cặp.
Người dân Sài Gòn thuở ấy, cũng có mấy chú Ba nghèo nhưng lương thiện nhắm mắt, nhắm mũi có bao nhiêu tiền để dành, cũng xuất ra mua cút giống về nuôi.
Sau khi đã hốt được hàng chục triệu đô la của dân nghèo, bọn đầu cơ Chợ Lớn cùng đám đại xì thẩu Hong Kong dông mất. Trứng cút, thịt cút ê hề, ế nhệ rớt giá từng ngày nhưng vẫn ít người mua vì dội chợ.

Bà con mình ngơ ngác hổng biết đứa nào cầm đầu mà chơi quá ác, không để đức gì lại cho con cháu hết trơn?
Thôi thì bị xí gạt, bà con mình xúm lại giúp đỡ nhau qua cơn hoạn nạn. Trứng cút được làm nhân bánh bao, thay trứng vịt như bánh bao bà Cả Cần chẳng hạn.
Còn đứa nào làm ác, gạt tiền mồ hôi nước mắt của dân nghèo thì để bà bắt nó.

***

Mấy chú Ba Chợ Lớn, dân buôn bán, thường dán câu đối liễn giấy đỏ chữ vàng như: 'Tân xuân đại cát. Nhất bổn vạn lợi'. Một đồng vốn bỏ ra mà kiếm được tới 10 ngàn đồng lời thì nằm mơ cũng không có. Nếu có, chỉ bằng cách đầu cơ như phong trào nuôi chim cút. Nhưng làm ăn như vậy thất đức lắm nhe.
Cuối năm, quê người, em yêu cũng nấu canh khổ qua rồi kho một nồi thịt bự ế kinh, nhưng tui thấy vẫn còn thiêu thiếu. Ước chi có được một nồi thịt kho hột vịt do Má tui nấu như ngày xưa cũ mang cái hồn cổ thổ cho tui lúc sống xa quê.

đoàn xuân thu melbourne

Anh Cho Em Mùa Xuân

Mỗi đêm một gói thuốc,
Hút nhiều nứt cả môi,
Nỗi buồn không nói được,
Nỗi buồn ăn vào tôi.

Trời mùa đông rừng núi,
Đời mùa đông vô cùng!
Bánh xe nào tung bụi,
Nhịp chim nào đã ngưng.

"Anh cho em mùa xuân"
Giọng ca buồn quá sức!
Cô gái đầu cúi gục:
Anh cho em mùa xuân.

Mớ tóc xanh đã bạc,
Mớ môi hồng đã phai,
Anh cho em gió lạc,
Anh cho em mưa dài!

Trời mùa đông rừng núi,
Đời mùa đông vô cùng!
Hút thuốc trong bóng tối,
Khói có bay lên không?

Tạ Ký
(tặng Phạm Công Thiện)

TIẾNG ĐÀN HỪNG SÁNG

**** Nguyễn Văn Sâm ****

Nhớ về tiếng đờn của một nghệ nhân tài ba một thời. (NVS)

Dì Ba Bành thức dậy theo tiếng chuông công phu vọng lại. Lâu nay, từ lúc mới dọn về đây, chung quanh nhà nước kinh còn ngập, những cây bình bát, cóc kèn, ô rô, dừa nước, bần… còn lừng lững chứa những khoảng sình rộng chừa cho mấy gian nhà là lụp xụp đó đây những mảnh đất nhỏ hí, lúc gần trưa nước đã mấp mé thềm, chuông công phu buổi sớm ngay từ những tiếng đầu tiên đã lâng lâng lòng dì. Qua bao đổi thay, xóm vắng giờ đã đông đúc hơn, nhưng mọi ngày âm thanh văng vẳng boong boong quyện trong không khí đánh nhịp xen lẫn tiếng mõ lốc cốc đều đặn tạo nhạc điệu buồn nhẹ nhàng hòa với quang cảnh tịch mịch của lúc bắt đầu ngày vẫn kéo dì vào cảnh giới thoát trần, u tịch… Buổi tối nhiều khi bực mình. Thường là vài đứa không góp tiền. Biết chúng nó dấu để dành đánh bài đánh bạc ở nhà thằng Tư Cồ hay nhà thằng Năm Mụn, đứa nào đứa nấy lấm la lấm lét ngó dì gãi đầu gãi tai, nói trời ơi đất hỡi ba điều bốn chuyện rồi hẹn lần hẹn lữa nhưng sáng rỡ đưa mắt với nhau, ám hiệu đó làm sao qua được mắt ai? Có ăn cám xú cũng bắt thóp được chúng nhưng phải nuốt giận làm thinh. Nó nói không có, chửi bới cũng vậy thôi, không cần thiết phải dùng biện pháp mạnh. Con sâu cờ bạc, phải biết, có trời mà cản! Tụi nó đánh qua đánh lại, thằng ăn thằng thua, thằng nầy sạch túi thằng kia gom sòng. Thằng ăn rủng rỉnh tiền bạc sẽ trả nhiều, có khi trả dồn cả tháng. Thằng thua chạy đôn chạy đáo quơ quào chụp giựt đầu này đầu kia vài bữa rồi cũng phải đem tiền tới nạp. Chạy trời không khỏi nắng, mất đâu mà sợ, trừ phi tụi nó bán vợ đợ con, giở nhà đi chỗ khác. Tuy nghĩ vậy, dì cũng thấy giận giận vì bị qua mặt. Trước khi đi ngủ đã đốt ba cây nhang trên bàn thờ Phật Mẫu, tụng đoạn kinh thời khuya, uống hết một ly nước lạnh rồi mà hình ảnh mấy tờ giấy bạc vung vẩy túa lua trên chiếc chiếu rách bươm ở nhà thằng Tư Cồ cũng mở banh mắt dì ra. Lăn qua lăn lại, trằn trọc trao tráo tới khuya lơ khuya lắc mới chợp mắt, thiu thỉu được một chút, mơ mơ màng màng chớ có ngủ ngon lành gì đâu? Thế nhưng hễ tới hừng sáng, mấy tiếng chuông sớm bắt đầu ngân là lòng dì đã len lỏi một cảm giác nhẹ nhàng, những giận hờn bực bội tiêu tan không để lại dấu vết. Dì mường tượng hình ảnh sư cụ ngồi xếp bằng trên cái bồ đoàn lim dim mắt ê a tụng niệm. Dì nhớ tới những buổi đi lễ chùa ngày rằm, mùng một, thiện nam tín nữ chào đón, nói chuyện thân mật, (nhưng chắc họ cũng như dì, đầu môi chót lưỡi đưa đẩy cho qua lề. Ai mà chẳng tỏ ra thuần thành trong lúc ở chốn tôn nghiêm? Rồi ai về nhà nấy tiếp tục đời sống mình, ngày rằm mùng một khác lại đến chùa niềm niềm nỡ nỡ, lạy Phật tụng kinh lần nữa). Sư cụ luôn luôn điềm đạm trong cử chỉ, từ tốn trong lời nói, chậm rãi

trong tách nước trà rót mời. Thái độ ung dung thư thái xuất phát từ thâm tâm, không chút gì màu mè, gượng gạo. Ngài, qua một vài câu bình thường, bâng quơ mưa nắng thế nào rồi cũng trở về thuyết luân hồi, nhân quả, khuyên xa khuyên gần mọi người: "Nhà đều ăn cả, tội mang một mình, người làm một việc chẳng minh, đến khi chết xuống ngục hình riêng mang." Những lúc đó dì cảm động lắm, muốn ăn chay trường một tháng, làm lành, phóng sinh, tha bớt tiền lời cho mấy thằng ôn hoàng dịch lệ làm ăn không khá, cất đầu lên không nổi, vay tiền đứng trả lời cả năm mà chưa mẻ được một đồng xu vốn. Dì không dám nghĩ thêm nữa. Lời nguyện phóng sanh cả chục năm không làm được. Tụi nó vay nợ thì phải trả lời. Đó là chuyện đương nhiên. Không, lấy tiền đâu chi phí nầy kia? Tụi lính kín cũng phải cà phê hủ tiếu chút chút chớ bộ không mà được à? Dì ngừng tay giã trầu, dựng cái ống ngoái trước mặt, cái ống ngoái ngã nghiêng màu đồng vàng, lên nước óng ánh ở phía dưới, nhưng ở trên miệng vành, vôi hòa với nước trầu cau đóng một lớp đen xám, đang chiếu một bệt nho nhỏ mờ mờ dưới ánh đèn măng xông. Dì lấy chìa chận lại nó mới đứng vững, với lấy cái khăn nhỏ, màu đỏ, kế bên rổ trầu cau, lau mép cẩn thận xong chấp tay van vái trong cửa miệng, mặt mày rất thành kính:
'Nam Mô A Di Đà Phật! Kể từ bữa nay con sám hối, không chửi bới ai nữa, tha bớt tiền lời cho người nghèo, làm ăn chơn chất. Xin Trời Phật phò hộ cho con để con giỗ quải ông bà, dòng họ con bây giờ hỏng còn ai, để tổ tiên làm ma đói con có tội với ông bà.'

Van vái xong dì tiếp tục ngoái tiếp miếng trầu dở dang. Tháng trước hai cái răng cửa còn lại lung lơ mấy bữa rồi rụng ngon lành khi dì lấy lưỡi đẩy mạnh nên chuyện ngoái trầu giờ như một chuyện tiêu khiển để kéo dài cơn thèm thuồng mỗi khi lạt miệng. Lúc vui miệng dì thường giải thích với con Sáu cử chỉ lạ lùng của mình:
'Như vậy miếng trầu mới đậm đà, nước trầu mới đỏ.'

Tiếng chuông mõ vẫn văng vẳng tặng cho xóm nhỏ không khí buồn buồn nhẹ nhàng, Dì Ba mơ màng đắm chìm trong không gian đượm mùi thoát tục, tuy vẫn đều đều ngoái trầu, hồn dì đã phiêu lãng về cõi thiên đường đứng ngoài phiền não sân si. Trong một phút ơ hờ cái chìa trợt ra ngoài, đâm đau điếng, dì Ba giựt mạnh tay làm đổ tách nước trà nóng, con Sáu cóm róm rót hầu từ nãy giờ. Nước thấm ướt tờ giấy tính tiền những người phải trả hôm nay kéo dì về thực tế. Cơn giận đại dương cuồng nộ tràn đến, lấp chìm hết tiếng mõ chuông vẫn từ tốn gõ nhịp.
'Mẹ tổ bà nó. Con Sáu đâu biểu coi. Biểu mầy giữa mấy cái ngạnh chìa ống ngoái lợi cho bớt bén mà mầy hỏng làm nên thân nên hình gì hết. Ngoái trầu chớ bộ ngoái mả ông mả bà mầy sao mà nhọn hoắc thiếu điều đâm lủng ruột người ta vẫn còn được! Tổ cha nó, lũng tay tao rồi nè. Xé miếng thuốc tao đắp lợi coi.' Dì ngó con Sáu bằng cặp mắt giận dữ rồi tuông ra một câu chửi không ăn nhằm gì hết tới chuyện đứt

tay của mình, ‘Thứ đồ con gái hư, có một chuyện nhỏ như vậy làm cũng làm hổng được. Chắc nữa mầy làm mụ ăn quá.’

Con Sáu lính quýnh xé miếng thuốc rê trong rổ trầu áp lên ngón tay trầy của chủ. Nó vừa làm vừa lấm la lấm lét liếc trộm để có thể né tránh kịp lúc những cái vả bất chợt không thể đoán trước. Thuốc đắng thấm vô vết thương rát rạt, dì Ba tiếp tục cằn nhằn theo kiểu của mấy bà chằn ăn trăn quấn:
‘Rát quá! Mẹ, xui gì mà xui tận mạng. Hừm! Mới bảnh mắt ra đã đổ máu rồi. Chắc ngày nay có chuyện lớn. Đâm chém gì đây hổng biết chừng.’

Ngó bộ tịch cóm ra cóm róm của con Sáu, dì càng nổi xung thiên hơn:
‘Mẹ họ, mầy xích lợi gần đây bộ tao ăn thịt mầy sao, đứng xa lơ xa lắc làm sao mà cột. Bộ tao tanh lắm hả?’

Con Sáu xích tới, vẫn với dáng điệu rụt rè cố hữu, ở với dì mấy năm nó hiểu bụng dạ dì quá; nóng nảy, lỗ mãng, tuy mộ đạo, kính Phật, trọng tăng, nhưng vẫn có hành động của những người tiền bạc rủng rỉnh quen thói hống hách chưa lần nào bị làm khó dễ, suốt đời đánh chửi người nhưng chưa từng bị ai đánh chửi. Con Sáu ngó bàn tay của dì, bàn tay mập tròn, cụt ngủn tù hãm phía sau cái vòng cẩm thạch xanh mướt, lên nước bóng nhoáng, coi bộ hiền từ, chậm chạp nhưng đã vả trái nhiều thanh niên đã dám kêu lén dì bằng con mẹ Ba Bành nầy, con mẹ Ba Bành nọ. Nó hồi hộp ngang, mấy ngón tay chuối cao kia mà vớt trái vô má thì thấy bảy tám ông trời chớ phải chơi ha? Đó là chưa kể dấu bốn ngón tay in lên đó cầu tới chiều mới lặn lận. Trước đây anh Tư Nhỏ, ảnh đã cằn nhằn cưỡi nhưỡi cả ngày với lại đòi tới chuyện phải quấy rồi. Bây giờ tránh trước là phải!

Dì Ba buồn tình ngồi ngắm nghía ngón tay đau rồi liếc nhìn tờ giấy nợ. Tờ giấy dài sọc tối nào dì cũng đọc cho con Sáu liếm môi méo miệng gò từng chữ, nắn nót từng số, giờ đây chỗ trắng, chỗ vàng vì bị hơ trên tấm kiếng đèn. Dì ngó mấy con số lem nhem, nghĩ tới ngày xui mà bực mình. Bỗng đâu tiếng đàn cò từ xa vọng lại, réo rắt ru hồn người vào một đem đông gió vi vu lạnh, len lỏi vào căn nhà là trống trải, ngoài kia sạt sào tiếng tàu lá chuối phất phơ. Tiếng đàn thánh thoát u tịch của một đêm trăng mờ, sương nặng hột trên một cánh đồng bạt ngàn, eo sèo những ngọn lúa vừa mới nở đòng đòng rên xiết, đong đưa theo cơn gió. Tiếng đàn chập chờn ánh lửa ma trơi của tha ma mộ địa trong đêm tối trời, bi thiết như sự ra đi vĩnh viễn của người mình vô vàn thương mến, áo não như cảnh trẻ con lạc mẹ bơ vơ giữa chiến trường súng nổ đạn bay.

Nhấp một ngụm nước, dì Sáu chợt nghe tâm tư mình nhão nhẹt, xụm xuống như một căn nhà bỗng nhiên cái nền đất bị rút đi mất bằng một cách nào đó, hình ảnh đám ma ngày trước, thuở dì còn nhỏ lắm, hiện ra trước mắt, chập chờn trước hàng nước mỏng. Một buổi sáng mưa bụi phất phới, gió nhè nhẹ châm buốt mấy ngón tay nhỏ, ngác ngơ

vụng dại. Chân trần đạp trên nền đất mềm mềm rin rít của bờ mẫu mấp mô, vừa thốn vừa lạnh. Mắt không hồn, lòng mềm nhũn khi nhìn bà mẹ rũ rượi, trợt lên trợt xuống phía sau cái hòm chưn nhang đang ôm ấp người cha đáng thương sau mấy năm vất vả với cơn bịnh trầm kha thuốc men thiếu thốn. Đứa em nhỏ lẩm đẩm đi giữa đoàn người đưa đám, mắt đỏ hoe, ngơ ngơ ngác ngác, sợi dây thung cột cái đuôi tóc phía sau lắc lư theo những bước chân trơn trợt của nó tăng thêm nỗi bèo bọt xót xa trong từng cái nhìn chia xẻ cảnh ngộ. Đâu đây nghe nho nhỏ tiếng thở dài của bà nội, chập choạng bên vai cô Út…

Dì Ba dằn mạnh ly nước xuống bàn. Chút nước còn sót lại chòng chành mấy miếng xác trà nấu quá độ đã đổi sang màu xám nhạt, lượn lờ rồi chễnh mãng lặn xuống đáy, nằm im chịu đựng… như dì… chịu đựng thời gian trôi qua trong cô tịch, đơn độc. Một con thằn lằn đương liếm chút đường rơi rớt lại từ tối hôm qua ở góc bàn, giựt mình phóng mạnh lên cây cột nhà gần đó.
‘Mẹ tổ đờn gì mà đờn đứt ruột đứt gan. Sáng nào cũng đờn điệu này chắc hỏng ai làm ăn được gì hết. Buồn còn hơn Hạng Võ biệt Ngu Cơ. Sáu, thằng cha nào đờn vậy mầy có biết hông? Sao hồi nào tới giờ tao hổng nghe thằng chả đờn?’
Con Sáu hí ha hí hửng trả lời, giọng của người thông thạo chuyện đầu trên xóm dưới:
‘Trời! Dì Ba hỏng biết chứ tiếng đờn của ổng ai mới xí được vàng nghe cũng còn phát khóc chứ đừng nói nói

nghe lúc hừng sáng. Ông **Văn Vĩ** đó, ổng mới dọn tới ở xéo xéo trước nhà mình mấy bữa nay. Hết xẩy dì Ba ơi, ổng đui mà có ngón đờn buồn tận mạng, hổng chê chỗ nào được!’

‘Ờ, phải cái nhà đưa đít vô nhà thằng Tư Cồ không? Nhà cũ của má thằng Năm Mụn chứ gì? Họ vô ngã khác nên tao có biết gì đâu. À, mà sao mầy rành quá vậy? Con gái mà ngựa bà, dạo đầu trên xóm dưới tối ngày chuyện gì của ai cũng hóng mỏ nghe có bữa hư đó con! Tới chừng ôm bụng thè lè rồi than trời.’

Con Sáu đỏ mặt chống chế:
‘Ổng đờn trên ra dô hoài bộ dì Ba hổng biết sao? Thầy đờn đó, ổng tính mở lớp dạy đờn ở đây. Ngay bữa ổng tới, ổng biểu diễn một đường lả lướt cả xóm này bu coi đông nghẹt ai mà hổng biết? Nít nhỏ còn nằm ngửa cũng biết huống hồ gì con!’

Một cái nguýt dài thậm thượt lướt qua mặt làm con Sáu chết điếng:
‘Mầy nói như vậy là mầy chưởi cha tao không bằng, thôi mầy giỏi tao ngu. Tao hổng biết gì hết. Tao dốt.’

Con Sáu xách bình nước đi te te ra sau nhà, miệng lầm bầm nhỏ nhỏ. Dì Ba ngó theo nó bằng cặp mắt nháng lửa.

Tiếng chuông công phu dứt từ lâu nhưng tiếng đờn vẫn vọng lại, mơ hồ, xa thẳm. Tiếng đờn nhẹ nhàng len lỏi

vào từng lỗ chân lông, căng phồng những sợi thần kinh sầu thảm, thấm vào từng khớp xương xao xuyến, bâng khuâng. Tiếng đờn thánh thót ngân dài từng chữ xế xị, nỉ non như đêm u tịch dì tiễn chồng ra đi độ nào, lúc còn trẻ lắm.

Ngoài đường cái đã vang dội trong này tiếng xe xích lô máy nổ bình bịch. Mấy tấm ván nhỏ mong manh gá ơ hờ chồng chéo lên nhau dẫn đường vào xóm đã hiện lờ mờ trước mặt. Dì Ba ngó mấy cây cột chưn cầu làm bằng gỗ đước ló lên khỏi mặt nước đục đen, thở dài nghĩ tới dòng sông ở quê nhà… Tiếng đờn như lung lay mặt nước, mấp mô mấy cọng rác lềnh bềnh, tấp vô cây cột xi măng dưới bóng đèn trước cửa. Ánh sáng phản chiếu kéo thời gian về lúc dì ngồi ngó chăm chăm cá ăn bong bóng dưới trăng một đêm rằm nào đó xa xăm, lắng nghe một bản vọng cổ của đài Pháp Á, vọng ra từ cái radio Phillips bốn đèn của thím Sứa vợ chệt Lềnh bán quán đầu xóm. Tiếng đờn lảnh lót, phân câu, phân nhịp, chẻ điệu, nhấn vuốt, tang thương réo rắt như đờn dạo chỗ xuống sáu câu của kép Út Trà Ôn xuống xề bản Tôn Tẩn Giả Điên. “Ý trời đất ơi, cái nông nổi đoạn (ờ…) trường (tình tinh tích tịch tình tinh) Bởi vì tôi quá tin nơi thằng Bàng Quyên là bạn thiết với tôi cho nên ngày hôm nay đây nó mới chặt đứt một bàn chân tôi. Còn như công cuộc ngày hôm nay đây (…)

Dì Ba thở dài thậm thượt, đổi thế ngồi nhiều lần, hớp hết mấy ngụm nước mà vẫn không hết buồn. Dì thấy mình phải nói gì đó để đánh tan không khí sầu thảm bao vây quanh mình nãy giờ:
‘Sáu ơi, lên tao biểu coi. Mới sáng bảnh mắt ra gặp bản mặt mày là thấy hãm tài rồi.’ Rồi dì giả lả đổi giọng ngọt ngào hơn, ‘Đâu mày thử chạy qua nhà ông thầy đờn năn nỉ ông đừng đờn nữa có được hông? Kêu ổng có đờn thì để trưa hãy đờn. Tưng bửng sáng mà đờn kiểu này tao nhớ nhà quá còn làm ăn gì được nữa. Đờn gì mà nghe như chết rồi. Buồn còn hơn đám ma ông cố nội tao nữa.’

Con Sáu chần chờ ngó chủ. Một phần nó tiếc tiếng đờn đã mang đến điều gì đó khang khác trong lòng nó, một phần nó thấy có chút xíu vướng víu vô lý trong lời yêu cầu. Nó lóng tai nghe như cố thâu những âm thanh quý giá cuối cùng rồi mới chậm rãi dợm cẳng bước đi.

Nghĩ sao không biết dì Ba đổi ý:
‘Mà thôi, khỏi nữa.’ Dì lại thở dài trầm ngâm tâm sự. ‘Mấy chục năm nay lo chạy cơm chạy gạo đâu có thời giờ ở không mà nhớ nhà. Sáu, tao thương tiếng đờn của ổng quá. Ổng làm tao sống lại cái thời tao còn nhỏ bằng mầy bây giờ. Tao nhớ ràng ràng bụi chuối sứ lùn sau hè, cái giếng mội sau nhà, con chó mực nằm vẫy đuôi kế bên cửa. Tiếng đờn ổng là hương vị quê hương, là hồn dân tộc đó Sáu. Ổng không đờn tao đâu có thấy lại được thời con gái của tao, tao đâu thấy được quê nhà, thấy cha, thấy mẹ, thấy em, thấy bà nội…’

Con Sáu đứng lặng thinh, nó hiểu nửa nạc nửa mỡ, chữ có chữ không lời của bà chủ, nhưng trong đáy lòng nó bỗng như có phép lạ huyền bí tẩy rửa một cách chớp nhoáng những tình cảm thù địch, xa lạ với bà chủ đã có bấy lâu nay, nó không còn thấy ghét người đàn bà đã từng đánh chửi, ức hiếp, bóc lột nó nữa. Nó lờ mờ cảm nhận lời nói kia là đúng, chí tình và người đàn bà làm nghề cho vay hút máu đáng kinh tởm trước mặt cũng có một tâm tình đáng thương mến, quí trọng. Nó cũng loáng thoáng nhận chân rằng bà ta và nó ít ra cũng đồng đều trong việc cảm nhận một giọng đờn; trong việc để lòng mình xao xuyến, buồn vui cùng một nguyên nhân, như hai người bạn chí cốt, chỉ cần ngó nhau là biết lòng nhau. Hôm qua tới giờ nó thấy nhớ nhung một cái gì, lòng nó bức rức bâng khuâng nhưng nó không hiểu nguyên do. Nó chỉ thoang tháng cảm nhận cái buồn buồn vui vui đó khác với mấy bữa vắng anh Tư Nhỏ, hay gặp lại ảnh sau cả tuần ảnh theo xe xuống miệt dưới trở về. Giờ nó mới biết đó là hương vị quê hương, là tình tự dân tộc thể hiện bằng âm thanh của người nghệ sĩ mới gia nhập vào thành phần cư dân của xóm.

Lần thứ nhứt, nó mỉm cười vuốt đuôi chủ sau cái hít hà thiệt dài:
'Dì Ba nói đúng dàng trời, ổng đờn hay quá mạng. Con cũng nhớ nhà, hổng biết làm sao nói cho được.'
Rồi thấy mặt chủ vui vui, con Sáu tâm sự:
'Nghe ổng đờn con nhớ trực lợi cảnh mấy năm trước, hồi còn ở dưới quê, tưởng tượng ra cảnh buồn phải xa nhà khi nghe dì Bảy hàng xóm hát ru em cái gì mà: Chiều chiều chim vịt kêu chiều, Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau!'

Mẹ, con nhỏ coi lẩm rẩm vậy mà nói năng nghe được ớn, đờn gì mà nghe như thắt tim cắt ruột người ta, ai nghe hỏng khóc mới là chuyện lạ. Dì Ba kéo khăn chầm chậm lau nước mắt, con Sáu lững thững bước ra sau bếp. Tiếng đờn vẫn đuổi theo sau lưng nó, thê lương, bức rức, châm những mũi kim nhè nhẹ thấm thía vào lòng người đàn bà lâu nay tình cảm đã hóa đá.

Theo năm tháng, xóm Kho Năm rộn rịp hơn. Cầu ván, cầu khỉ bắt xiêng bắt quàng tạm bợ trên bùn lầy nước đọng lần lần được thay thế bằng những tấm vĩ xi măng cốt sắt ngay hàng thẳng lối. Nước bùn đặt sệt của ngọn cùng con rạch đang rảy chết từ từ bị rác rến và xà bần đổ xuống chận đứng nên lớn ròng lừ đừ uể oải hơn. Một vài, rồi một vài căn nhà lầu được dựng lên, mấy cây bần, chùm bát theo nhau mất dấu, thay vô đó là những chậu kiểng, chậu hồng, những hàng bông giấy, bông bụp, dây tơ hồng, hoa ti gôn… đua nhau khoe sắc.

Tiếng đờn của người nghệ sĩ mù và âm thanh chuông mõ công phu vẫn là món ăn tinh thần của dân chúng mỗi sáng. Tiếng chuông mõ như liều thuốc rửa bợn nhơ còn sót lại của ngày hôm qua. Tiếng đờn như ly cà phê sữa nóng người ta đổ ra dĩa thổi cho mau nguội, ngồi từ tốn chấm với dầu cháo quẩy, bánh tiêu. Hai thứ, đều không thể thiếu

như mấy dĩa xíu mại nước mỡ lấm tấm chung quanh, trên có miếng gan hay miếng sườn nhỏ, chấm bằng miếng bánh mì dòn rụm lót lòng buổi sáng.

Và trong tiệm nước, đề tài bàn tán ngoài chuyện lẩm cẩm, dơ dáy như con mẹ nầy theo thằng cha nọ, thằng kia ngủ với con nầy... còn có điều gì nghĩa lý hơn. Đó là chuyện mấy chú nhỏ 15, 16 con nít chưa hết con nít, người lớn chưa tới người lớn trước đây tối ngày tụm năm tụm bảy phá làng phá xóm, chọc ghẹo đàn bà con gái, sau một thời gian tập tành đờn ca đã chửng chạc hơn nhiều, chiều chiều cùng nhau dợt lại bài bản để trình diễn giúp vui đám nào cần tới. Đó là chuyện tiếng đờn đã cảm hóa được dì Ba Bành, người đàn bà cho vay cắt cổ mổ họng giờ đây đã bỏ nghề cũ, mở một tiệm chạp phô nho nhỏ, sống đời lương thiện, đạm bạc, mỗi sáng ngồi bên ly nước trà nóng trầm ngâm thả hồn về quá khứ…

Bữa nào khi chuông công phu gần dứt mà chưa nghe tiếng tưng tửng đờn dạo đầu, thế nào dì cũng bồn chồn hỏi con Sáu:
'Sáu ơi! Con qua coi ông Văn Vĩ ổng dậy chưa con. Sao dì hổng nghe ổng đờn. Ổng làm reo điệu này dì ăn trầu hết ngon rồi! Con năn nỉ ổng đờn lẹ lẹ lên chứ hỏng thôi sáng nay vô vị quá. Lạt miệng còn hơn ăn trầu hỏng có vôi.'

Con Sáu khỏi cần đi, trong không gian sớm mai se se lành lạnh, tiếng đờn như để đáp ứng sự chờ mong của mọi người, cất lên véo von tỉ tê, rót mật, luồng những âm thanh luyến láy vào trong hồn trong não… Tiếng đờn hương vị quê hương, đem món ăn tinh thần đến cho những người ở xóm nhỏ Kho Năm chật chội như một món quà thiêng liêng mà mọi người chấp nhận như một ân sủng cho riêng xóm mình…

Nguyễn Văn Sâm

HƯỚNG TÂM

Sinh Lão Bệnh Tử xoay vòng
khởi đi sẽ đến phong trần kể chi
dặn lòng thức ngộ huyền vi
chân đời đảnh bước
bảo trì nhân tâm

Nhắc chừng tránh ngõ tham sân
kẻo va vấp ngã
xuống tầng huyễn sinh
uổng công trau chuốt ân tình
trên dòng thơ nhạc
suốt hành trình mơ

Chớ quên vàng thắm màu cờ
đã từng hoài vọng
đợi giờ phục hưng
núi sông Bách Việt oai hùng
trường lưu tri thức
suốt dòng Lạc Long

Đã như thiên mệnh tỏ tường
bước đi thẳng lối theo đường tâm di
hành trang còn mỗi lương tri
gửi tình nhân thế khi chia ly đời !

Cao Nguyên

BRING ME ALL YOUR FLOWERS NOW

I would rather have a single rose
From the garden of a friend,
Than have the choicest flowers,
When my stay on earth must end.
I would rather have the kindest words
Which may now be said to me,
Than flattered when my heart is still-
And this life has ceased to be.
I would rather have a loving smile
From the friends I know are true
Than tears shed 'round my casket,
When this world I've bade adieu!
Bring me all your flowers,
Whether pink, or white, or red.
I'd rather one blossom now
Than a truckload when I'm dead!

R. D. Richards

GIỜ HÃY TẶNG TA NHỮNG ĐÓA HOA

Thà chỉ tặng ta một nụ hồng
Hái ra từ vườn bạn vun trồng
Hơn là phô sắc muôn ngàn đóa
Khi thế gian này thiếu bóng ta.
Thà ta nghe được những lời thương
Thủ thỉ giờ đây quý lạ thường
Còn hơn ve vuốt ngàn câu sáo
Khi trái tim này nhịp đã ngưng.
Thà nở cho ta nụ cười yêu
Từ lòng chân thật của bạn thân
Còn hơn tuôn đẫm quan tài lệ
Khi ta giã biệt cõi dương trần.
Giờ hãy tặng ta những đóa hoa
Dù hồng hay trắng, đỏ đẹp tươi
Một bông nở thắm ngay hiện tại
Hơn vạn cành trao lúc qua đời.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

MỘT PHIÊN GÁC ĐÊM

**** Phương Lan ****

Đêm đã khuya, đường vắng không một bóng người. Chiếc xe tuần tiễu của cảnh sát chạy chầm chậm một vòng quanh thành phố, rồi đổi hướng đi dọc theo bờ biển. Không thấy có gì khác lạ, viên cảnh sát dừng lại, cho xe tấp vào lề đường và bước xuống đi bộ. Đêm nay ông có nhiệm vụ đi tuần tra an ninh ở khu vực này. Đây là khu bãi sau Vũng Tàu, một vùng biển rất đẹp, bãi cát sạch, và nước biển xanh trong. Vào mùa hè, thiên hạ ra đây nghỉ mát đông lắm, nhưng ít ai dám bơi ra xa, vì nơi đây có sóng lớn nguy hiểm. Một lá cờ màu đen, vẽ hình sọ người với hai khúc xương chéo nhau, để cảnh báo du khách. Thế mà vẫn có những người bất chấp hiểm nguy, cứ liều lĩnh bơi ra thật xa để chơi trò nhảy sóng, hoặc trượt ván nước. Đã xảy ra nhiều vụ chết đuối, nên người ta dựng một chòi canh để quan sát, và báo động cho toán cứu cấp trên cái tầu đậu ở ngoài khơi, để kịp thời cứu những người đang bị sóng cuốn.

Căn chòi mái lá đơn sơ, mỗi khi có trận gió lớn, lại nghe lá khua lào xào. Chòi cao độ bốn, năm mét, nên lên xuống phải dùng thang. Chòi xây trên một cái sàn hình vuông, bằng gỗ thông sơn màu nâu đậm. Sàn được chống bởi bốn cái cột gỗ tròn to, trông có vẻ vững chắc. Nhưng cái chòi lại nhỏ xíu, giống như một túp lều nhỏ, diện tích chưa tới bốn mét vuông, vừa đủ cho một người ngồi thoải mái để nhìn ra xa, dùng ống nhòm quan sát. Vây chung quanh cái sàn, là bốn bức vách lửng làm bằng ván ép, chỉ cao tới ngực, phía trên tứ bề đều để hở. Một trong bốn bức vách để chừa một khoảng trống nhỏ, để làm cửa ra vào. Dưới bậc cửa là một cái thang bằng sắt có tay vịn, dựng thoai thoải xuống tới mặt đất, dùng để lên xuống.

Bây giờ đang là mùa đông, không ai đi bơi, hay tắm biển vào thời tiết lạnh như thế này, nên chòi bỏ trống, không có ai canh gác. Bóng đêm bao trùm vạn vật, cái chòi nhỏ bé, chênh vênh, đứng chơ vơ một mình trên bãi cát mênh mông, hoang vắng đến rợn người.

Viên cảnh sát nhìn đồng hồ, đã hơn 11 giờ khuya, đang giờ giới nghiêm. Thành phố thời chiến tranh im lìm như thành phố chết. Ngoài đường không một bóng người, những bóng điện đường toả ánh sáng vàng vọt, càng tăng thêm vẻ thê lương. Xa xa, biển đang gầm thét, sóng lớn ầm ầm xô vào bờ, gió ào ạt đem theo hơi nước, càng làm không khí thêm lạnh lẽo.

Tay cầm cây đèn pin, ông bước những bước thong thả, dọc theo bãi vắng.

Ngang qua cái chòi, ông dừng lại, châm một điếu thuốc. Khói thuốc làm ông cảm thấy ấm hơn, ông nhìn bóng mình đổ dài trên bãi cát, rồi lại nhìn ra ngoài khơi. Biển cả mênh mông bây giờ trông giống như một khối đen khổng lồ đang dập dềnh lên xuống. Nước triều lên làm mặt biển như bị nâng cao. Thiên nhiên về đêm đầy vẻ bí hiểm và đe dọa.

Ông nghĩ giờ này mà được chui vào chăn ấm thì sướng biết mấy. Rồi ông lại tặc lưỡi nhủ thầm, cũng chỉ còn hơn một tháng nữa là mình sẽ đổi qua làm ca ngày, thôi ráng chịu khó thêm một thời gian ngắn nữa. Ở đồn cảnh sát này, người ta chia phiên làm đêm, mỗi người phải làm ca đêm hai tháng, sau đó sẽ đến lượt người khác.

Năm nay, thời tiết mùa đông có vẻ khắc nghiệt hơn mọi năm. Ông quấn lại cái khăn quàng cổ cho bớt lạnh, thì bỗng nghe có tiếng trẻ khóc, tiếng khóc yếu ớt nghe như tiếng mèo kêu, chỉ vài giây rồi im bặt. Thoạt đầu ông cứ tưởng mình nghe lầm, có lẽ chỉ là tiếng gió. Nghe ngóng một hồi, không thấy động tĩnh gì thêm, ông rụi tắt điếu thuốc, rồi lại tiếp tục nhiệm vụ tuần tra. Nhưng khi ông vừa dợm cất bước, thì tiếng khóc lại cất lên, lần này rõ hơn, đó là tiếng khóc của một đứa bé sơ sanh chừng vài tháng tuổi. Ông nhìn quanh quất, không thấy ai cả, ông rợn người nghĩ đến chuyện ma quỉ.

- Hừ, có lẽ nào…

Như để trả lời, tiếng khóc lại vang lên ngằn ngặt. Xen lẫn trong tiếng khóc là những tiếng nói ngắt quãng như xoa dịu, hay dỗ dành chẳng biết, nhưng rõ ràng là tiếng người. Ông định hướng và thấy những tiếng động đó phát ra từ phía cái chòi canh. Vội vàng đề cao cảnh giác, ông đặt tay lên báng súng, thận trọng bước tới. Khi còn cách cái chòi chừng vài thước, ông dừng lại quan sát. Chòi cao ngang cột điện, nên ánh đèn soi vào bên trong, cái chòi cũng sáng như có đèn. Ông nhìn thấy rõ có người đang ngồi gần cửa. Theo thói quen nghề nghiệp, ông lùi lại mấy bước, cất tiếng hô dõng dạc, ra lệnh:

- Cảnh sát đây! Những người ở trên đó hãy xuống hết!

Không có tiếng trả lời, cả tiếng trẻ khóc cũng im bặt, dường như đang bị bịt miệng. Chờ thêm vài phút vẫn không thấy động tĩnh, ông dùng cán cây đèn bấm gõ mạnh vào cái thang sắt, nói lớn hơn:

- Tôi lập lại, đây là cảnh sát! Ra lệnh những người trên chòi phải xuống hết, nếu không tôi sẽ bắn.

- Ấy chớ, đừng bắn! Tôi xuống ngay đây, ông cảnh sát.

Tiếng một người phụ nữ kêu lên hốt hoảng. Tiếp theo là những tiếng khua động lịch kịch, và từ trên khung cửa, một người đàn bà xuất hiện, một tay bế đứa bé, tay kia vịn thang, run rẩy leo xuống. Ông sửng sốt nhận ra đó là một cô gái rất trẻ, chỉ chừng mười bẩy,

mười tám tuổi, trên khuôn mặt hốc hác, đôi mắt mệt mỏi vì thiếu ngủ đang mở to, đầy vẻ sợ hãi. Cô ta mặc một cái áo lính đã cũ và bẩn thỉu, chân đi đôi dép nhựa, dáng nghèo khổ, lam lũ, nhưng không có vẻ bất lương. Xuống tới mặt đất, cô ta ôm vội ôm chặt đứa bé vào lòng để che cho nó khỏi lạnh. Ông hỏi:

- Trên kia còn ai nữa không?

Bấy giờ cô ta mới ngẩng lên, thấy trước mặt mình là viên cảnh sát già, tóc bạc hoa dâm, trông có vẻ hiền lành, cô yên tâm và giọng đã hết run:

- Dạ không! Chỉ có mình cháu và đứa bé thôi ạ.

- Để tôi kiểm tra lại đã.

Ông nói và leo lên thang, tới lưng chừng, ông bật đèn pin, lia chùm ánh sáng rà một vòng khắp căn chòi nhỏ để kiểm soát. Không thấy có dấu hiệu gì khả nghi, ông đi xuống và dịu giọng hỏi:

- Con ai thế? không phải cô bắt cóc nó để đòi tiền chuộc đấy chứ?

- Dạ cháu đâu dám. Đứa bé này là con của cháu.

- Có gì chứng minh không?

- Cháu sẽ cho nó bú, chắc nó cũng đang đói.

Vừa nói, cô ta vừa vạch áo, sửa soạn cho con bú. Ông vội vã xua tay:

- Thôi khỏi, để lát nữa đi! Tôi tin cô. Bây giờ cho tôi coi thẻ kiểm tra.

- Thưa ông, cháu không có. Tại vì... Cô cúi mặt ngượng ngùng, vì... người ta đâu có cấp căn cước cho những người không có nơi cư ngụ như cháu.

Nhìn khuôn mặt non choẹt của đứa con gái, ông cau mày thở dài:

- Hừm! Mới tí tuổi đầu mà đã bụi đời, bỏ nhà đi hoang?

- Thưa, ông nói vậy là oan cho cháu, sự thật không phải thế đâu ạ.

- Không phải à? Không phải thì tại sao cô lại ở đây giờ này? Cô có gia đình không? Nhà cửa, cha mẹ cô đâu?

- Cháu không có nhà... Cô ngập ngừng, đúng ra là cháu bị buộc phải rời khỏi nhà, chứ cháu đâu có muốn làm một kẻ lang thang…

- Thật thế ư? Chuyện ra sao, nói nghe coi!

Cô gái cúi đầu buồn bã, ngần ngại một hồi, rồi mới bắt đầu kể:

- Thưa ông! Má cháu mất rồi, cháu ở với cha và mẹ ghẻ. Ba cháu làm nghề đi biển, lâu lâu mới về nhà, ông chẳng bao giờ ngó ngàng tới cháu, phó mặc cháu cho mẹ kế, bà ấy muốn đối xử với cháu ra sao cũng mặc kệ. Cháu học hết tiểu học thì phải ở nhà giữ em và làm việc nhà cho mẹ ghẻ cháu rảnh rang đi đánh bài. Cách đây mấy tháng, ba cháu bị tai nạn đắm tàu. Hôm đó bão lớn lắm, ghe đánh cá của ba cháu bị lật, ba cháu bị sóng cuốn đi mất tích. Mẹ ghẻ cháu đổ thừa vận đen là tại cháu, bà không muốn chứa đứa con gái chửa hoang ở trong nhà xui xẻo, nên đuổi cháu đi…

- Thì ra là vậy, thế cô không có chồng à?

Cô gái cúi mặt dấu vẻ xấu hổ, ngượng ngùng, một lúc mới lí nhí nói:

- Cháu có bạn trai. Tụi cháu yêu nhau, nhưng không có tiền làm đám cưới.

- Cha đứa nhỏ đâu rồi? anh ta phải có trách nhiệm chứ?

Cô nhìn đứa con còn đỏ hỏn đang bế trên tay, thở dài:

- Anh ấy thương cháu thật lòng, nhưng chưa có điều kiện đem cháu theo. Anh Bình là lính, đang đi hành quân.

- Cơ khổ! Chưa có điều kiện lập gia đình mà lại để cho có con, tệ quá. Thế gia đình anh ta có biết việc này không? Họ phải giúp đỡ cô chứ, chẳng lẽ lại khoanh tay làm ngơ?

- Thưa ông! anh Bình mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thuở nhỏ, anh sống trong viện mồ côi, lớn lên đi lính nhảy dù, bây giờ là hạ sĩ nhất. Bình không có bà con thân thuộc nào hết ạ.

Viên cảnh sát thấy lòng se lại, cô gái này lâm vào đường cùng rồi, không biết nên giúp cô ta bằng cách nào? Nghĩ ngợi một hồi, ông thở dài:

- Tội cho cô quá, nhưng cô không thể ở đây được. Tôi sẽ đưa cô vào viện tế bần, ở đó họ nuôi cơm, và có chỗ trú cho hai mẹ con.

- Lạy ông đừng làm vậy, cháu chết mất.

- Sao thế? vì lẽ gì cô không muốn vào đó? Cho dù viện tế bần chẳng phải là một nơi sung sướng, thoải mái, nhưng ít nhất cô cũng có cơm ăn, và không phải ở ngoài trời những đêm lạnh như thế này.

- Cháu còn chút tiền. Trước khi theo đơn vị đi hành quân, Bình cho cháu một số tiền, và hẹn tết này về phép, sẽ lo cho mẹ con cháu. Từ giờ đến tết cũng chỉ còn chưa tới một tháng nữa…

Thấy ông làm thinh, cô năn nỉ:

- Thưa ông! Tiền anh ấy cho, cháu nhín nhút cũng còn lại chút ít, nhưng không đủ để mướn nhà. Xin ông cho cháu ở tạm đây ban đêm thôi, ban ngày cháu sẽ làm bất cứ việc gì người ta mướn, để kiếm tiền nuôi con, trong khi chờ ba nó về.

- Nhưng ở đây lạnh lắm, cô và đứa bé sẽ bị ốm mất.

- Đỡ hơn là ở ngoài trời, vì dù sao mẹ con cháu cũng có được cái mái che, và bốn bức vách, tuy thấp nhưng cũng chắn gió được phần nào, nếu nằm ngay xuống sàn.

Ông cau mày, hoàn cảnh cô gái này đáng thương quá, nhưng ông không thể làm sai nguyên tắc. Buồn bã, ông lắc đầu:

- Không được đâu! Đây không phải là chỗ trú cho những người vô gia cư. Địa điểm này thuộc khu vực an ninh do tôi phụ trách, nếu có ai báo cáo có người ở lậu nơi đây, thì tôi sẽ bị khiển trách vì không làm tròn nhiệm vụ.

Cô ta oà lên khóc:

- Cháu không muốn ông bị rắc rối, nhưng quả thật cháu không biết phải làm thế nào... Bình không biết là cha

cháu mới chết, và cháu bị đuổi ra khỏi nhà. Nếu cháu bị bắt vô viện tế bần thì anh ấy làm sao kiếm được cháu? Bình hẹn khi về phép sẽ tới đây tìm mẹ con cháu, vì trước kia tụi cháu vẫn hẹn hò ở chỗ này. Ngày nào cháu cũng bồng con ra đây chờ…

Viên cảnh sát chợt thấy tim xao động, ông nhìn người mẹ trẻ đang ôm con đứng co ro trong gió lạnh, với vẻ thương cảm. Ông bối rối không biết phải hành động như thế nào? Bao nhiêu năm tận tụy trong nghề cảnh sát, ông được tiếng là một người có tinh thần trách nhiệm, làm việc đúng nguyên tắc. Chưa bao giờ ông gặp một trường hợp khó xử như lần này. Đúng lý ra thì ông phải đưa cô ta về bót, và chắc chắn cô ả sẽ bị tống vào viện tế bần, cùng chung với đủ mọi hạng người cặn bã của xã hội: những tên lưu manh, du thủ du thực, những gái điếm ăn sương, những tên ghiền ma tuý, lưu manh, bụi đời… Viện tế bần, tiếng là trạm cứu tế, nhưng thật sự chỉ là một trại giam lỏng, điều kiện sinh sống rất tồi tệ, luật lệ lại khắt khe, nên chẳng ai muốn vào cả. Những người vô gia cư vẫn thích ở bên ngoài, cho dù có bị đói khát. Đưa cô gái này về bót, thì ông không nỡ, nhưng nếu làm ngơ cho cô ta ở trong cái chòi này, là bất hợp pháp.

Ông thừ người suy nghĩ, giữa lương tâm và chức nghiệp, ông không biết phải nghe theo bên nào. Cô gái này có vẻ lương thiện và ngây thơ rất đáng thương, cô ta chỉ có một hoài bão nhỏ là đợi người tình về, anh ta sẽ có kế hoạch để lo cho mẹ con cô. Một mối tình nghèo thật cảm động, và những lời van xin của cô làm ông mủi lòng, nên ông cứ đứng đó mà suy nghĩ, đắn đo cân nhắc mãi. Sau cùng lòng trắc ẩn đã thắng, ông nghĩ thầm cũng chỉ còn hơn ba tuần nữa, thôi thì hãy cho cô ta một cơ hội, biết đâu… Còn việc làm sai nguyên tắc, ta sẽ giải thích với cấp trên sau. Đứng thẳng người lên, ông nói:

- Thôi được, tôi sẽ lờ đi cho cô. Cô có thể ở đây cho tới hết ngày mùng 3 Tết. Đó là tất cả những gì tôi có thể giúp cô trong quyền hạn của tôi. Sau đó, tôi sẽ không nhân nhượng với cô nữa.
- Cháu cũng chỉ xin có thế, cám ơn ông ngàn lần.

Vừa nói, cô ta vừa quì xuống, chắp tay lạy như tế sao. Ông bất nhẫn quay đi, nói:

- Đứng lên đi! đừng làm thế. Cô có thể ở tạm lúc ban đêm, nhưng ban ngày cô phải rời khỏi đây trước khi trời sáng, kẻo mọi người qua lại sẽ thấy.
- Dạ! cháu hứa sẽ ra đi thật sớm, cháu cũng giữ sạch sẽ, không xả rác và không để lại dấu vết gì, ông yên tâm.
- Thôi bây giờ hai mẹ con lên chòi, đi nghỉ đi!

Nghĩ ngợi làm sao, ông cởi cái khăn len trên cổ, đưa cho cô ta:

- Ở đây gió máy, cô hãy dùng tạm cái khăn quàng của tôi quấn cho cháu bé, đừng để nó bị lạnh.

Rồi ông ra xe, lái tới một khách sạn đang xây cất ở gần đó. Đi vòng ra phía sau, chỗ người ta để những vật liệu phế thải, ông tìm được mấy miếng giấy cạc tông lớn. Quay trở lại cái chòi, ông đưa cho cô gái:

- Cô lấy mấy tấm bìa cứng này, che lên chỗ trống để chắn gió. Nhớ dẹp đi khi trời sáng, đừng để người ta thấy.

Đứa bé bỗng ré lên khóc làm ông giật mình, nghĩ ngợi một lúc, ông lục trong túi áo, lấy hết số tiền lẻ đưa cho cô ta:

- Cầm đi, mai mua sữa cho đứa nhỏ, đừng để nó đói tội nghiệp.

Nói xong, không cần nghe cô ta cám ơn, ông bỏ đi, lòng nửa vui, nửa buồn nhưng nhẹ nhàng thanh thản vô cùng. Từ đó, mỗi khi đi tuần ở khu vực này lúc ban đêm, ông vẫn nhìn thấy bóng hai mẹ con người đàn bà khốn khổ nọ trong cái chòi bỏ hoang.

***

Ba ngày sau Tết nguyên đán, viên cảnh sát được nghỉ phép, ông đưa cả gia đình về quê vợ ở Bạc Liêu, ở chơi vài tuần. Khi trở lại, ông không thấy hai mẹ con họ đâu nữa, căn chòi bỏ trống, mọi vật vẫn y như cũ. Cô ta đã giữ lời hứa, ra đi không một lời từ giã. Ông băn khoăn không biết số phận hai mẹ con họ ra sao? trôi nổi về đâu? Ông bồi hồi thương cảm một lúc rồi quay bước, ông phải tiếp tục nhiệm vụ.

Thời gian qua, mọi việc chìm vào quên lãng, cho tới hơn ba tháng sau, ông nhận được một bức thư gởi về ty cảnh sát Vũng Tàu, một bức thư rất đặc biệt, không có tên người nhận, ngoài phong bì chỉ đề có dòng chữ "Gởi người cảnh sát tuần tiễu khu bãi sau, trong khoảng thời gian trước Tết." Thơ gởi về ty cảnh sát Vũng Tàu, địa chỉ và tên người nhận đều mơ hồ như vậy, mà cũng tới tay ông. Tò mò, ông mở phong bì, một lá thơ rơi ra:

"Trại gia binh Long Bình ngày..tháng.. năm 1969

Thưa ông cảnh sát

Cháu rất ân hận đã sơ ý không hỏi để biết tên ông, ân nhân của gia đình cháu. Chắc ông còn nhớ người thiếu phụ trẻ với đứa con nhỏ ông gặp trong cái chòi hoang ở bãi sau Vũng Tàu, cách đây vài tháng? Chính là cháu đó, nhờ lòng nhân của ông, mẹ con cháu đã sống sót qua mùa đông. Chồng cháu đã về kịp lúc để lo cho mẹ con cháu. Anh Bình đã xin được một căn nhà ở trong trại gia binh, và đón mẹ con cháu về. Căn nhà tuy nhỏ, nhưng rất ấm cúng.

Trước khi rời khỏi nơi đây, vợ chồng cháu có đi tìm ông để từ giã, nhưng không được gặp. Cầu mong thư này sẽ tới được tay ông, để ông được biết một tin vui về hai mẹ con cháu. Anh Bình và cháu mới làm hôn thú, và khai sanh cho đứa nhỏ. Bây giờ cuộc sống của

vợ chồng cháu đã tạm thời ổn định, Bình có lương hạ sĩ, được thêm tiền trợ cấp vợ con, còn cháu buôn bán lặt vặt phụ thêm, nên cũng đủ sống. Gia đình cháu có được ngày nay, một phần cũng là nhờ ông đã cho cháu một cơ hội.
Cháu rất mong được gặp lại ông, một người cảnh sát rất nhân từ, tốt bụng. Khi nào có dịp đi ngang qua trại gia binh ở dưới chân đồi Long Bình, cách Biên Hoà chừng một cây số, xin mời ông ghé chơi, nhà chúng cháu ở dãy H, nhà số 32. Vợ chồng cháu mong được nói với ông một lời tri ân. Cầu xin Phật trời phù hộ cho ông và gia đình ông được mọi điều tốt lành.
Kính thư
Nguyễn Thị Nhiên và chồng là Đỗ An Bình"

Đọc xong lá thư, viên cảnh sát mỉm cười cảm động, không ngờ một hành vi nhân đạo nhỏ nhoi, không đáng gì lại có thể cứu vãn cuộc tình của hai người trẻ tuổi đáng thương. Ông nhủ thầm, bây giờ ta có thể yên tâm về họ, nhưng còn ta, danh dự của một người cảnh sát không cho phép ta nói dối, không thể cứ dấu nhẹm mãi chuyện này. Bổn phận của ta là phải báo cáo hết sự thật, rồi tới đâu thì tới, cho dù có bị khiển trách hay bị hình phạt nào chăng nữa, ta vẫn không buồn vì đã làm được một việc đúng với lương tâm. Nghĩ vậy, ông mạnh dạn cầm lá thư tới sở cảnh sát, xin gặp ông trưởng phòng.
Chậm rãi ông kể lại hết sự việc, nghe xong, viên cảnh sát trưởng tên Hoà cười ha hả, vỗ vai ông mà rằng:
- Nếu cậu cứ lờ đi không nói thì cũng chẳng ai biết, nhưng mà chính cậu đã tự ý khai ra... Hà hà! cũng tốt thôi, nhưng pháp bất vị thân, mặc dù cậu là bạn tôi, nhưng đã biết cậu vi phạm nội qui, thì tôi không thể không phạt cậu. Lẽ ra, vì tinh thần tự giác, có thể cậu sẽ được hưởng trường hợp giảm khinh nếu báo cáo sớm, đàng này để tới bây giờ, gạo đã nấu thành cơm rồi mới chịu thú thiệt, trễ quá...
Ông ngưng lại để suy nghĩ, đắn đo cân nhắc một hồi, rồi mới nói tiếp:
- Tôi phạt cậu phải gác đêm hai tuần liền, bắt đầu từ thứ hai tới, thay thế cho một viên cảnh sát được nghỉ phép vì vợ đẻ. Thế nào? có kêu ca oan ức gì không?
Ông lắc đầu, cười ngượng nghịu:
- Nếu đem lên bàn cân, thì hai tuần lễ phạt chắc chắn sẽ nhẹ hơn cái lá thư này nhiều.
- Tôi cũng nghĩ thế.

Cả hai cùng cười xoà, họ bắt tay nhau từ giã. Rời khỏi văn phòng, ông bước những bước nhẹ tênh trên hè phố. Ông phóng tầm mắt nhìn ra xa xa, cảnh vật hôm nay sao đẹp quá, chim chóc ca hót ríu rít, gió xôn xao và hoa cỏ dường như xanh tươi hơn mọi ngày. Mùa xuân đã về trên khắp nơi, thành phố biển dường như sinh động hẳn lên với những tiếng sóng rạt rào từ ngoài khơi xô vào bờ tung bọt trắng xoá, tiếng sóng nghe như tiếng reo vui, hay lòng ông đang vui? Ông nghĩ về đôi vợ chồng trẻ nọ, về cái gia đình nhỏ bé của họ và mỉm cười, thấy lòng ấm áp lạ thường.

PHƯƠNG LAN

TẠ ƠN

Mỹ Quốc lại vào Mùa Cảm Tạ
"Happy, Happy Thanksgiving"
Người người nườm nượp đi mua sắm
Những món quà trao đượm nghĩa tình
Nhắc nhở cháu con ngày hội lớn
Mấy trăm năm trước thuở bình minh
Tạ ơn trời đất, ơn sông núi
Và tạ ơn mùa hoa trái xinh
Ơn thổ dân xưa, người tốt bụng
Gà tây, bí đỏ, rượu chan tình
Nhớ từ đốm lửa trong rừng vắng
Tuyết bủa sương vây, thú rập rình
Khối óc, bàn tay ngời sáng tạo
Nên ngày rạng rỡ ánh văn minh

Tôi người tản lạc từ quê Việt
Dặm thẳm bên kia biển Thái Bình
Xin tạ ơn trời cao đất rộng
Đã cho đời một chỗ nương thân
Đã ngót mười năm ơn Mỹ Quốc
Người dưng khác mẹ lại thương mình
Mười năm vẫn nhớ về quê cũ
Tiếng sóng trong mơ vẫn bập bềnh
Ôi phá Tam Giang chiều gió lộng
Buồm về mấy lá, nước mông mênh
Tạ ơn tiên tổ cho giòng máu
Với một tâm hồn bốn thiên niên
Sông núi muôn đời sông núi đó
Mà giòng lịch sử mãi oan khiên
Tạ ơn xương máu bao hào kiệt
Và những anh hùng không tuổi tên…

Công cha nghĩa mẹ như trời biển
Mang nặng đẻ đau dạ chẳng phiền
Trăm suối ngàn sông nào sánh nỗi
Vì giòng sữa mẹ chảy vô biên
Ca dao mẹ hát cung trầm bỗng
Rót xuống tao nôi những ngọt mềm
Vất vả một đời cha chẳng tiếc
Nào lo giáp hạt ngủ không yên
Lo khi mưa rét về theo gió
Thiếu áo con mang, hụt chiếu mền
Đồng cạn, biển sâu cha cúi xuống
Mong ngày con sẽ được nhìn lên
Bây giờ muôn một chưa bồi đáp
Người đã nằm sâu tận cửu tuyền
Và mẹ lưng còng theo dáng hạc
Mắt mờ, tóc bạc, bước chân xiên

Áo mẹ cơm cha, thầy dạy chữ
Từ khi ngọng nghịu những âm vần
Khai tâm thầy dạy điều nhân nghĩa
Mở trí cô bày nẽo kiến văn
Xin tạ ơn thầy cô, xin tạ
Bảng đen, phấn trắng, bút mực xanh
Đã cho tôi một thời hoa mộng
Và một hành trang giữa buị trần

Anh tạ ơn em, người vợ quý
Cùng anh chia những chặng thăng trầm
Bên nhau sớt những ngày mưa gió
Anh có em và em có anh
Ta có nhau từ thời khốn khó
Sắt cầm vẫn nở điệu âm thanh

Xương rồng, hoa vẫn lên mùa trổ
Giữa cằn khô những đóa trắng ngần

Xin tạ ơn những điều huyền nhiệm
Đưa ta qua biết mấy thác ghềnh
Như cây khô giữa mùa nắng hạn
Cơn mưa rào tưới cuộc hồi sinh
Tạ ơn nơi chốn mình đang ở
Muông chim reo hát nhạc thanh bình
Có phải đất lành nên chim đậu
Hoa lá tươi cười nụ thắm xinh
Như muôn con nước hoà chung biển
Người tứ phương san nghĩa sẻ tình

Xin tạ những câu hò điệu hát
Để tâm hồn vỗ cánh thênh thênh
Có những phút tưởng chừng muốn ngã
Vịn vào thơ mà cố đứng lên (*)
Thường khi giữa dòng đời điên đảo
Thơ vào lòng tự tại an nhiên
Tạ ơn bầu bạn - người tri kỷ
Chia sớt tâm tình, giữ mối duyên

Tạ ơn hoa lá muôn ngàn vẻ
Những hoàng hôn tiếp nối bình minh
Tạ ơn có những vì sao tỏ
Vời vợi phương nào Bắc đẩu tinh

Tạ ơn lần nữa, tôi xin tạ
Xin mượn vần thơ trãi nghĩa tình

QUANG HÀ

(*) Theo ý thơ Phùng Quán

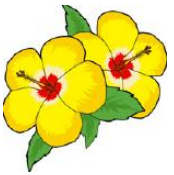

ẨN KHUẤT

Ta muốn đưa em vào nơi ẩn khuất
Không để ai biết chuyện ta yêu nhau
Xuân đã đến, lá cây xanh, xanh ngắt
Đôi bờ lau bên suối đã tươi màu.
Nhưng ta biết ý em còn do dự
Em nghĩ ta chỉ lãng mạn trong thơ
Nắng xuân dịu, khi nghe chim tình tự
Cũng thấy lòng chùng xuống
với đường tơ.
Ta chẳng muốn em yêu mà ép uổng
Em nói không, ta cũng hiểu là không
Mỗi đêm lạnh,
khi màn sương tỏa xuống
Em đợi gì
trong bóng tối mênh mông?
Cuộc đời ngắn,
nhưng cũng dài vừa đủ
Tình trải dài chờ đợi bước ta đi
Khi hò hẹn, nghe những lời tình tự
Sóng con tim nổi dậy mấy chu kỳ?
Ta tự hỏi: có nơi nào ẩn khuất
Không có người?
Nhưng, trên có trời xanh
Có muông thú, có cỏ cây dưới đất
Là chứng nhân
trong những cuộc trao tình!

HÀ BỈNH TRUNG

Bạn Ta

Thăm hỏi Bạn, biết rằng người còn đó
Nỗi mừng vui tràn ngập cõi lòng tôi
Cuộc đời này bao sóng gió, nổi trôi
Vui được biết, Bạn bình an vui sống

Đời trần thế ví như là huyễn mộng
Kiếp nhân sinh là sinh tử, tử sinh
Quý nhau chăng chỉ ở một chữ Tình
Tình cha mẹ, tình vợ chồng, bè bạn

Tình cảm ấy ta không treo giá bán
Khi con tim không đơn vị đo lường
Bàn cân nào, cân được chữ Yêu Thương
Thế mới biết Thương Yêu là vô giá!

Cuộc đời dẫu đảo điên, nhiều dối trá
Nếu chúng ta thực sự mến thương nhau
Thì tiếc chi một lời nói, câu chào
Hãy trao gửi, sưởi ấm tình nhân thế

Có hơn không dù biết rằng chậm trễ
Vì con người ai cũng thích yêu thương
Được thương người và cũng được người thương
Hãy bày tỏ yêu thương dù có chậm

Bạn còn đó! Tôi còn đây! Mừng lắm!
Vì chúng ta còn cơ hội gặp nhau
Để trao nhau lời nói với câu chào
Đầy thân ái, đầy yêu thương, quý mến

Chuyện dĩ vãng, chuyện tương lai sắp đến
Hãy quên đi, xin nhớ hiện tại thôi
Nếu tâm bình trí lạc! Thế đủ rồi!
Người còn đó! Tôi còn đây! Phúc lắm!

SƯƠNG LAM

My Friend

I called you and knew that you still are there:
What kind of joy has filled my heart to care!
In this world troubles and vicissitudes abound,
How happy to know you are safe and sound.

The subastral existence is like the daydream:
Human bondage is life and death a mainstream.
We do value one another on sentiment based:
Love of parents, yokemates, friends interlaced.

That kind of affection is not for the list price
When the heart doesn't fit any measuring device;
What scale can weigh the sympathies' weight?
Then, feelings are not for us to assess, estimate!

Even tho' the earth is full of shiftiness, muddy,
If we truly endear ourselves to each of our buddy
Then why not to send them a greeting, pay a call?
Do exchange news to warm human life for all.

Is it not better than being parsimonious, late?
Because humans prefer closeness, devotion, fête,
To kindly love others and be beloved by them,
Express your personal emotions my dear chum!

You still are there! I still am here! So pleased!
For we still have chance to meet, converse, eased
To give one another the words, the salutations
Overflowing with adoration up to our expectations.

Oh, the past and the to-come events: unpleasant.
Let us forget them, only remember the present.
If our mind is peaceful, our soul rosy, it is alright:
You still are there! I still am here! What delight!

Another translation by THANH-THANH

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Ông **LÝ VĂN VĂN**
Tức nhà văn Vũ Nam
Pháp danh: Thiện Thanh

Sinh ngày 28 tháng 04 năm 1954 tại Việt Nam
Qua đời ngày 18 tháng 11 năm 2019 (Kỷ Hợi) tại Gomaringen, Germany
Hưởng thọ 65 tuổi

Tang lễ sẽ được cử hành ngày 27 tháng 11 năm 2019

Nguyện cầu hương linh Ông Lý Văn Văn sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.

Xin thành kính phân ưu cùng bà quả phụ Phan Thị Cầm và toàn thể tang quyến.

Cơ Sở Cỏ Thơm và thân hữu:

Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trần Bích San, Ngô Tằng Giao, Phạm Văn Tuấn, Trương Anh Thụy, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Lân, Diễm Hoa, Hồng Thủy, Phong Thu, Phạm Trọng Lệ, Ý Nguyên, Phạm Bá, Diệm Trân, Cung Thị Lan, Tiểu Thu, Đỗ Bình, Hồ Trường An, Nguyễn Mây Thu, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Huỳnh Thị Tư, Trần Đan Hà, Nguyễn Sơn, Vưu Văn Tâm, Nguyễn Quý Đại …

NHỚ VỀ VŨ NAM

Đột ngột nghe tin Vũ Nam qua đời, chân tay tôi rụng rời! Đây không phải là loại tin hiếm hoi về một nhà văn ra đi trong những năm tháng gần đây,nhưng Vũ Nam là một nhà văn tương đối trẻ, từng gắn bó với Cỏ Thơm gần như từ đầu, khi tạp chí văn học này ra đời. Gia đình Cỏ Thơm dường như vẫn còn nghe giọng nói, tiếng cười của anh đâu đây khi mỗi lần anh sang thăm hay sang ra mắt sách tại vùng thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.

Riêng với tôi, Vũ Nam còn lưu lại một ân tình đặc biệt! Đó là khi tôi viết cuốn tiểu thuyết Chuyển Mùa, một câu chuyện trải dài trên ba, bốn lục địa… Nơi nào tôi cũng đã từng đặt chân tới và có ít nhiều dụng ý quan sát văn hóa, lịch sử, con người và địa thế… để về viết truyện, riêng với nước Đức, nơi Vũ Nam cư ngụ, tôi có đến thăm cô cháu Bích Thu (trong giới báo chí hồi ở Việt Nam) một lần, từ hồi cuối thế kỷ trước, và lại chỉ ở thành phố nên chẳng thể nói là biết gì nhiều về đất nước này. Mãi đến năm 2002, khi viết Chuyển Mùa, tôi có nhu cầu muốn dựng (trong tưởng tượng) một ngôi "chùa" tại một vùng quê nước Đức. Tôi viết thư nhờ Vũ Nam. Được nhờ, Vũ Nam sốt sắng bắt tay vào việc ngay: Anh kiếm cho tôi một khu đồi cây rậm rạp. Chỗ này có thật trong thực tế, ở sát một làng nhỏ ở miền Nam Tây Đức, không xa thành phố nhiều để hàng cuối tuần các Phật tử có thể dễ dàng đến xả hơi và lễ Phật.

Với tài tả cảnh sống động có cả hoa quả, cây cối, thời tiết… và cũng gửi thêm cho vài bưu ảnh, khiến tôi nhanh chóng dựng được một ngôi "Chùa" đứng dựa lưng vào một ngọn đồi cao rậm rạp với những cây rừng điển hình của nước Đức. Trước mặt chùa là một hồ nước do Thày trụ trì cho đào. "Thày" bảo làm thế cho nó hợp phong thủy (!)

Dựng được "ngôi chùa" này, không những tôi phải nhớ ơn Vũ Nam, mà phải nhớ ơn cả người gợi ý cho tôi đi nhờ Vũ Nam, đó là anh Hồ Trường An, một trong ít người bạn qúy luôn luôn đi bên cạnh cuộc đời văn nghiệp của tôi.

Ôi! Trong cõi ta bà này, có hằng hà chúng sinh đã từng có ân tình qua lại với nhau… Trong khi mải miết chạy theo cuộc sống vật chất xô bồ…, có nhiều cái họ đã coi thường hay vô tình không thấy, phải đợi đến khi cái đó mất đi rồi thì mới biết rằng mình… hụt hẫng biết chừng nào!

Trương Anh Thụy

Mùa Lễ Tạ Ơn, 2019

THƯƠNG TIẾC NHÀ VĂN VŨ NAM

** Nguyễn Thị Ngọc Dung **

Một tin buồn thật bất ngờ làm bàng hoàng tất cả chúng tôi. Nhà Văn Vũ Nam từ trần.

Thật vậy, sáng 19 tháng 11, 2019, tôi đang mải miết gom góp những bài viết của một nhà văn Cỏ Thơm từ gần 20 năm nay vào một cái *file* để gửi cho nhà xuất bản, thì nhận được điện thoại của nhà thơ Phan Khâm:

"Chị đã nghe tin Vũ Nam từ trần chưa?"

Tôi giật mình, không tin điều vừa được nghe:

"Vũ Nam nào?"

"Nhà văn Vũ Nam ở bên Đức đó. Có Nhà thơ Trần Đan Hà bên Đức email báo tin. Chị đã đọc email chưa?"

"Chưa. Từ sáng đến giờ tôi bận chưa mở email."

"Chị mở ra coi đi." Phan Khâm hối hả tôi.

"Để tôi mở email. Anh đừng cúp máy nhé." Tôi sợ không dám nghe tin buồn một mình, run rẩy nói. Tôi nghĩ, Nhà văn Vũ Nam bên Đức thì đúng là Vũ Nam "của chúng tôi" rồi.

Tôi mở email thì thấy thư của chị Huỳnh Thị Tư, phu nhân của cố Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm* và thư của Nhà thơ Trần Đan Hà bên Đức báo tin Vũ Nam từ trần. Tôi kêu trời thảng thốt. Sau một giây bàng hoàng tôi nói với anh Phan Khâm:

"Anh trả lời cảm ơn anh Trần Đan Hà và *cc* cái thư cho chị Trương Anh Thụy nhé, vì chị ấy cũng thân với Vũ Nam nhiều.

Ngọc Dung thẫn thờ đọc lại các điện thư của văn thi thân hữu bên Đức và Pháp báo cho người Cỏ Thơm tin buồn về Vũ Nam.

Thư của chị Huỳnh Thị Tư:
11/19/2019, 9:52am
Chị Dung kính,
Trước tiên em xin lỗi chị về sự liên lạc này, bởi mình chưa hề biết nhau. Em là vợ anh Nhiệm, chồng em mất hôm 4-7 vừa qua, nỗi đau buồn vẫn chưa nguôi, nay lại có thêm nỗi buồn mới, đối với chị nói riêng và với Tạp chí Cỏ Thơm nói chung là sự mất mát không nhỏ: chú Văn, tức nhà văn Vũ Nam vừa mất hôm qua (18-11-2019) tại tư gia.
Lúc đầu em không thấy Email của chị nên em đã thông báo đến anh Đỗ Bình và nhờ anh chuyển lời đến chị.
Kính chúc chị và gia quyến vạn sự bình an.
Kính chào chị.
Huỳnh Thị Tư

**

Điện thư của Nhà Thơ Trần Đan Hà gửi cho Ngọc Dung, Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh:
Nov 19 - 10:36 AM
Kính gởi quý anh chị nguyệt san Cothommagazine.
Xin báo tin: Văn Hữu Vũ Nam Lý Văn Văn sinh ngày 28.04.1954 tại Việt Nam. Qua đời ngày 18.11.2019 tức ngày 22 tháng 10 năm Kỷ Hợi tại Gomaringen.

Hưởng thọ 65 tuổi. Kính thông báo đến quý vị để tùy nghi.
Kính thư
Trần Đan Hà - Germany

**

Thư của Ngọc Dung,
Cc: D A Phan, Kham Phan, Hanh Bang DoNguyen, Truong Anh Thuy, Binh Do,
Nov 19 - 11:34 AM

Kính gửi chị Huỳnh Thị Tư,
Chị ơi, thật là những tin như sét đánh ngang tai. Cảm ơn chị đã nghĩ tới Ngọc Dung mà báo tin. Thật là đau đớn. Ngọc Dung thương tiếc anh Nhiệm cũng như thương tiếc Vũ Nam. Cách nay vài tuần, ND đọc một bài viết mới nhất của Vũ Nam viết thương tiếc anh Nhiệm. ND có email chia sẻ sự đau buồn giữa bạn văn và gia đình Cỏ Thơm với Vũ Nam, nhưng không được trả lời. Có lẽ vì thế...
Chị Nhiệm ơi, chị có dịp nói chuyện hay gặp chị Vũ Nam cho ND gửi lời đau đớn chia buồn.
Cảm ơn chị Huỳnh Thị Tư. Chúc chị và gia đình được mọi sự an lành, may mắn.
Thương mến,
Ngọc Dung

**

Thư của Ngọc Dung:
Cc: D A Phan, Phan Khâm, Hanh Bang Do Nguyen, Binh Do, Co Thom May Thu &Thanh
Nov 21 - 1:36 PM

Chị Huỳnh Thị Tư,
Cảm ơn chị Tư đã liên lạc được với gia đình Vũ Nam và gửi giùm lời chia buồn của gia đình Cỏ Thơm. Tiếc rằng Ngọc Dung đã không làm được một chuyến hội ngộ với quý anh chị bên Châu Âu một lần nữa.
Ngọc Dung

**
Nov 21, 2019 - 7:51 AM,

Chị Dung kính mến,
Hôm qua em có dịp nói chuyện cùng gia đình của Vũ Nam, em đã chuyển lời thăm và chia buồn của chị cùng tất cả quý anh chị Tạp Chí Cỏ Thơm. Nhân đó Gia Đình Vũ Nam cũng nhờ em chuyển lời Cám ơn và kính chúc quý anh chị VẠN SỰ BÌNH AN.
Kính nhờ chị chuyển lời này đến anh Đỗ Bình, anh Dũng và..
Em cảm ơn chị và kính chúc chị vui, khỏe, hạnh phúc.
Kính chào chị,
HTT.

**
Điện thư của Văn Thi gia Đỗ Bình, Paris - November 19, 2019

Thưa qúy Anh Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng
Tôi rất bàng hoàng và xúc động vừa nhận được tin buồn Nhà văn Vũ Nam qua đời do chị Huỳnh Thị Tư, phu nhân của Nhà Biên Khảo Nguyễn Văn Nhiệm thông báo. Tôi được biết lúc còn sinh thời nhà văn Vũ Nam rất được các anh chị ưu ái, và anh Vũ Nam cũng thế, xem CỏThơm là gia đình tinh thần.

Cách nay 3 tuần anh còn liên lạc với tôi thế mà nay đã ra đi!
Các anh chị làm lời phân ưu, cho tôi, nhà văn HồTrường An, Nguyễn Thanh & Nguyễn Mây Thu và Huỳnh Thị Tư được ghi tên chung trong Cỏ Thơm để phân ưu đến gia đình Chị Vũ Nam.
Thân mến,
Đỗ Bình

***

Thật không thể ngờ, Báo Cỏ Thơm có hai cái tang quá lớn trong năm nay. Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm quá vãng ngày 4 tháng 7, 2019 hưởng thọ 77 tuổi. Và bây giờ Vũ Nam, vừa từ trần ngày tháng 18 tháng 11, 2019 hưởng thọ 65 tuổi. Tin buồn này làm tôi thẫn thờ, chẳng tiếp tục làm chuyện sách báo nữa. Tôi thơ thẩn vào phòng kiếng tỉa hoa héo, nhặt lá rụng sàn nhà. Virginia vào giữa thu, nhiều cây trơ trụi, lá vàng héo úa ngập đầy vườn. Trời buồn mây xám. Lâm râm mưa bụi bay nghiêng. Tôi liên tưởng tới vùng Gomaringen thôn trại xa xôi quạnh vắng, miền Tây-Nam Đức Quốc, nơi Vũ Nam định cư từ năm 1981…

Hai ngày sau Chủ nhiệm Cơ Sở Cỏ Thơm hiện thời Phan Anh Dũng nhắc nhở, tôi mới tập trung tư tưởng ngược dòng thời gian tìm về kỷ niệm với người bạn văn vừa khuất bóng. Biết viết gì đây khi buồn quá, buồn như vừa vĩnh biệt một người thân…Trước hết tôi phải cảm tạ Vũ Nam đã gắn bó và tận tụy với Cỏ Thơm từ nhiều năm nay. Số báo 86 phát hành vào tháng 10, 2019 còn có bài viết của Vũ Nam.

Nhà văn Vũ Nam đến với Cỏ Thơm qua sự giới thiệu của Nhà văn Hồ Trường An tại Pháp. Vũ Nam bắt đầu cộng tác đều đặn với Tạp Chí Cỏ Thơm, (Chủ nhiệm là Nguyễn Thị Ngọc Dung thuở đó), từ số 33 mùa đông 2005.

Năm sau, 2006, Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản tác phẩm *"Giai Thoại Văn Chương"* của Văn Thi gia Hồ Trường An phỏng vấn 8 tác giả: Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San và Tiểu Thu. Tôi là người layout quyển sách và lo in ấn nên hiểu biết phần nào về đời tư sự nghiệp của Vũ Nam hơn. Anh là người quả cảm, quyết tâm phấn đấu trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Anh là một người cha yêu con, một người chồng thương vợ. Anh thành thật, có tình có nghĩa với tất cả bạn hữu. Vũ Nam là một nhà văn nghiêm túc, yêu chữ nghĩa, nhưng vẫn không mất tính chất lãng mạn và thơ mộng trong các tác phẩm của anh.

Tôi bắt lấy ngay cơ hội, mời Vũ Nam vào Ban Biên Tập, và làm đại diện Báo Cỏ Thơm tại Đức Quốc. Vũ Nam nhận lời. Khi có báo mới tôi gửi một bịch sang Đức để Vũ Nam giới thiệu với các văn thi thân hữu bên đó. Chúng tôi thường xuyên liên lạc qua email.

Khi tôi hoàn thành tập truyện *"Non Nước Đá Vàng"* vào năm 2007 cùng lúc Nhà văn Hồ Trường An hoàn tất tập bút khảo *"Náo Nức Hội Trăng Rằm"*. Cả hai quyển đều do Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản. Chúng tôi rủ nhau cho ra mắt cùng một ngày 28 tháng 10, 2007 tại Virginia, Nhà văn Vũ Nam cũng muốn tham dự, rồi tháp tùng Nhà văn Hồ Trường An bay qua San Jose ra mắt *"Náo Nức Hội Trăng Rằm"* ở đó. Tư gia của Nhà văn Trương Anh Thụy là nơi hai nhà văn từ Pháp và Đức trú ngụ trong thời gian họ viếng thăm Virginia.

Tại tư gia NV Trương Anh Thụy. Hàng ngồi: HS Trương Thị Thịnh, KHG Dương Nguyệt Ánh, NT Hà Bỉnh Trung, HG Nguyễn Ngọc Bích. Hàng đứng: NV Vũ Nam, Nghệ Sĩ Bạch Mai, NV Uyên Thao, NT Phan Khâm.

Nhưng không may, hãng máy bay Air France đình công nên anh Hồ Trường An không qua vào dịp ra mắt sách của hai chúng tôi được.

Chị Trương Anh Thụy làm một tiệc nhỏ tại tư gia trưa ngày 27 tháng 10, 2007 để một số văn thi thân hữu trong vùng gặp Vũ Nam trong đó có tôi lần đầu tiên gặp nhà văn trẻ tuổi, điển trai có vẻ hiền hậu, đại diện báo Cỏ Thơm bên Đức. Hiện diện buổi đó có Họa sĩ Trương Thị Thịnh, Trương Vũ, Khoa Học Gia Dương Nguyệt Ánh, Thi sĩ Hà Bỉnh Trung, Phan Khâm, Nhà văn Uyên Thao, Nguyễn Xuân Hoàng, Lê Luyến, Học giả Nguyễn Ngọc Bích, Biên Khảo Gia Trần Bích San, GS Đoàn Viết Hoạt, Đặng Đình Khiết.

Tại phòng tranh HS Trương Vũ: NV Vũ Nam, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, KHG Dương Nguyệt Anh, chị Trần Tử Thanh, GS Đặng Đình Khiết.

Buổi chiều hôm đó tất cả lại kéo đến xem triển lãm tranh của HS Trương Thị Thịnh tại phòng tranh của Họa sĩ Trương Vũ.

Từ trái: Nguyễn Thị Ngọc Dung, Vũ Nam, Phan Khâm, Phan Anh Dũng.

Các tác giả chụp hình kỷ niệm trong buổi RMS "Náo Nức Hội Trăng Rằm", bút khảo của NV Hồ Trường An và tập bút ký "Non Nước Đá Vàng" của NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, tại Virginia 10/28/2007. Nhà văn Vũ Nam đứng thứ năm từ trái.

NV Vũ Nam, BKG Nguyễn Văn Nhiệm, NV Võ Thị Trúc Giang, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung tại Thu Tao Ngộ, Paris 04-10-2009.

Nhà văn Hồ Trường An rất quý mến chúng tôi, nên anh lại đề nghị Vũ Nam và tôi viết chung với anh và 10 tác giả nữa: Dư Thị Diễm Buồn, Tiểu Thu, Phong Thu, Phan Nguyễn Ngọc An, Tôn Nữ Mặc Giao, Hoa Hướng Dương, Cao Thanh Tâm, Thái Quốc Mưu, Lê Nguyên và Duy An Đông. Quyển sách đó có nhan đề "*Món Ăn Theo Bước Di Tản*". Khi sách được in ấn xong thì tất cả các tác giả được Văn Thi Sĩ Đỗ Bình và Hội Văn Hóa Việt Nam ở Paris mời sang dự Thu Tao Ngộ, từ 29-09-2009 đến 04-10-2009. Vũ Nam lái xe cùng Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm đến từ Đức. Ngọc Dung ngồi cùng bàn với hai anh em bạn văn trong bữa tiệc tiền Đại Hội. Không bỏ cơ hội, tôi mời anh Nhiệm viết cho Tạp Chí Cỏ Thơm. Và tên của Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm bắt đầu xuất hiện trên Báo Cỏ Thơm từ số 49, tháng 12 năm 2009.

Ngày Đại Hội, chúng tôi được giới thiệu lên sân khấu với các tác giả viết trong quyển *"Món Ăn Theo Bước Di Tản".* Trước ngày từ biệt nhau, tôi mời Vũ Nam và anh Nguyễn Văn Nhiệm cùng Phong Thu và Ngọc An tại một tiệm ăn gần khách sạn chúng tôi ở.

Thực ra chẳng tâm tình, tâm sự được nhiều nhưng tình bút duyên văn thêm thân quý. Vì sự quý trọng nhau, vì tình thân văn chương chữ nghĩa, tôi đã nhận lời đọc bản thảo trình bày quyển "*Bút ký Quê Người Nhớ quê Nhà*" của Vũ Nam và để Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản.

Vào hè 2016 thì quyển sách hoàn thành, dầy 240 trang gồm 31 bút ký, bìa là hình chụp của Họa sĩ Nhiếp ảnh gia Nguyễn Sơn tại Đức và cũng là thành viên cộng tác thân tình với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Cùng thời gian này Nhà văn Phạm Hữu Bính, Maryland, cũng yêu cầu Cơ Sở Cỏ Thơm đứng tên nhà xuất bản hai tập truyện ngắn đồ sộ *"Một Tổng Thống Hoa Kỳ Gốc Việt Nam"* và dịch bản Anh ngữ *"A U.S. President Of Vietnamese Descent"*.

Từ trái: Văn thi sĩ Nguyễn Phan Ngọc An, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Vũ Hối, Đỗ Bình, Vũ Nam, Võ Thị Trúc Giang, Tôn Nữ Mặc Giao, Hồng Phúc, Tiểu Thu, Phong Thu. Thu Tao Ngộ Paris 04-10-2009.

Thật là một vinh dự cho nhà xuất bản được hai nhà văn thân cận ủy thác xuất bản sách của họ. Nên nhân dịp kỷ niệm sinh nhật 21 của Tạp chí Cỏ Thơm, chúng tôi mở Hội Sách cho các tác giả Cỏ Thơm trong vùng Washington, D.C. và ra mắt ba quyển sách nói trên.

Ngày 27 tháng 8, 2016 Tòa soạn Cỏ Thơm có một buổi tiếp đón Biên khảo gia Chủ bút Trần Bích San về từ New Orleans. Vũ Nam được anh Nguyễn Anh Tuấn, bạn sinh viên Không Quân trước 30-04-75, đón từ phi trường và chở đến thẳng Tòa soạn. Tôi đã đọc tập truyện của Vũ Nam nên biết rằng mỗi khi tác giả họp bạn, họ thường vui thích ca hát như thời học sinh. Tôi sắp sẵn bộ máy *karaoke* và mở nhạc. Quả nhiên Vũ Nam và Nguyễn Anh Tuấn cầm ngay mỗi người một microphone và hát liên tục. Ngọc Dung cũng hát một bài gì đó. Vũ Nam ngạc nhiên: "Chị Dung là ca sĩ hả?" Lẽ dĩ nhiên là không. Phan Anh Dũng cũng đem theo cây đàn và đệm cho phu nhân Tâm Hảo ca một hai bản. Anh Ngô Tằng Giao và Mỹ Hạnh cũng góp phần. Thật là vui!

Vũ Nam, Ngô Tằng Giao, Tâm Hảo, Trần Bích San, Ngọc Dung, Phan Anh Dũng với cây đàn.

Ngọc Dung, Anh Tuấn, Vũ Nam, Phan Anh Dũng.

Tại Tòa Soạn Cỏ Thơm.
Từ trái - Hàng ngồi: Tâm Hảo, Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Mỹ Hạnh.
Hàng đứng: Ngô Tằng Giao, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Bích San, Vũ Nam, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn.

NS Phan Anh Dũng, NV Phạm Hữu Bính, BKG Trần Bích San, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NV Vũ Nam.

Bàn sách của Nhà văn Vũ Nam: Hồng Ngọc, Trương Anh Thụy, Phong Thu, Ngọc Dung, Vũ Nam, Việt Bằng, Mỹ Hạnh, anh chị Nguyễn Anh Tuấn.

*Văn Thi hữu trong ngày Hội Sách 8/28/2016 và kỷ niệm 21 năm sinh hoạt văn học của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Nhà Văn **Vũ Nam** đứng đầu hàng thứ hai từ trái.*

Ngày hội sách và ra mắt sách của Vũ Nam và Phạm Hữu Bính 28 tháng 8, 2016 nhân dịp kỷ niệm 21 tuổi của Tạp chí Cỏ Thơm thành công đông đảo với hơn 250 quan khách tham dự. Nhà văn Phong Thu giới thiệu *"Quê Người Nhớ Quê Nhà"* của Vũ Nam. Giáo sư Phạm Trọng Lệ giới thiệu hai quyển của Nhà văn Phạm Hữu Bính. Phần văn nghệ thường lệ đặc sắc với các nghệ sĩ do NS Phó Chủ nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng điều khiển.

Rồi thời gian qua mau. Nhà văn Phạm Hữu Bính đột ngột qua đời. Ngọc Dung sau 20 năm phục vụ Tam Nguyệt San Cỏ Thơm xin nghỉ hưu chức vụ Chủ Nhiệm, nhưng vẫn là một thành viên then chốt của Cơ Sở Cỏ Thơm. Nhạc sĩ Phan Anh Dũng được đề cử chức tân chủ nhiệm. Chủ bút Trần Bích San từ chức chủ bút vì lý do sức khỏe.

Nhưng Cơ Sở Cỏ Thơm vẫn vững vàng đi tới tương lai với Ban Trị Sự vẫn là Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng, Nhà thơ Phan Khâm và Nhà thơ Đỗ Tràng Mỹ Hạnh. Tôi tin rằng những vị tác giả quá cố đã nhiệt thành với Tam Cá Nguyệt San cũng hài lòng nhìn về đường trần phục vụ văn học của chúng tôi như vậy.

Đầu năm nay, Nhà văn Phong Thu có lần điện thoại với tôi nói rằng Vũ Nam đang rủ chúng tôi sang Đức chơi. Vũ Nam sẽ là *tour guide*. Chúng tôi hứng khởi hẹn nhau sang năm sẽ làm một chuyến Đức du và Âu châu gặp các văn thi hữu thân quen, chắc là vui lắm.

Nhưng rồi anh Nguyễn Văn Nhiệm qua đời. Trong số báo Cỏ Thơm 86 phát hành vào tháng 10, 2019 Nhà văn Vũ Nam có bài viết *"Gửi Đôi Lời Về Bến Bờ Xa"* đã khóc thương tiếc người bạn văn thân thiết, Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm, qua đời ngày 4 tháng 7, 2019 bên giòng Sông Danube.

Cách nay vài tuần sau khi đọc bài viết đó của Vũ Nam tôi viết một điện thư chia nỗi buồn với Vũ Nam, nhưng không được hồi âm. Chắc là bạn văn của tôi lúc đó đã lâm bệnh rồi. Và bây giờ Vũ Nam mới 65 tuổi đã vội theo anh Nguyễn Văn Nhiệm về cõi Niết Bàn ngày 18-11-2019.

Ngọc Dung, Vũ Nam và Phong Thu trong ngày Cỏ Thơm giới thiệu tác phẩm "Quê Người Nhớ Quê Nhà" của Vũ Nam, 10/2/2016, tại Virginia.

Và bây giờ Văn Thi giới bàng hoàng ngơ ngẩn đưa tin buồn cho nhau. Vũ Nam ra đi để lại hiền thê và bốn người con cùng 8 tác phẩm văn chương giá

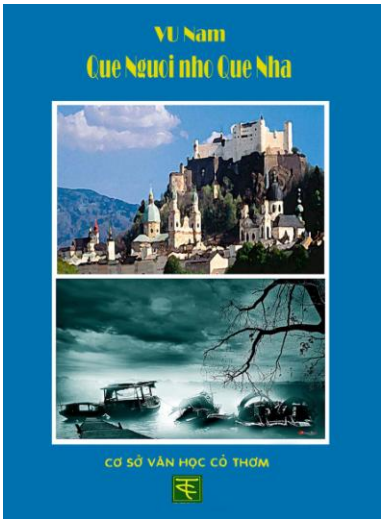

trị. Thật là một đau buồn và mất mát lớn lao cho gia đình người quá cố. Chúng tôi xin chân thành chia buồn với tang quyến.

Nếu còn tại thế, Nhà văn Vũ Nam sẽ còn nhiều khả năng sáng tác phục vụ nền văn học Việt Nam Hải ngoại.

Xin cảm ơn sự tận tụy tình văn hữu gắn bó của Vũ Nam với Cơ Sở Cỏ Thơm. Cầu chúc hương linh bạn hiền sớm thanh thản về với Cõi Phật.

Vô cùng thương tiếc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
Virginia 12/01/2019

* Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm tác giả *"Đường Vào Triết Học Việt Nam"* và *"Ca Dao Con Đường Văn Hóa Việt."*

TẾT LY HƯƠNG

Đêm mơ nghe tiếng pháo
Tưởng đón xuân quê nhà
Chợ Bến Thành đông đảo
Phố Nguyễn Huệ đầy hoa
Đêm giao thừa rộn rã
Đi hái lộc đầu năm
Kẻ đến chùa lạy Phật
Người vào Lăng xin xăm*
Mai vàng tươi hương sắc
Chào mùa Xuân thiêng liêng
Người người vui mở hội
Cùng đón xuân mọi miền

Trên bàn thờ ngày Tết
Đủ bánh, mứt, rượu, trà
Thịt kho tàu dưa giá
Hoa trái cúng ông bà
Chợt giật mình tỉnh mộng
Giữa đêm trường quạnh hiu
Tết về trên Bắc Mỹ
Trời lạnh giá tịch liêu!

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

(*) Lăng Ông Bà Chiểu.

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name): .....
Địa chỉ (Address): .....
.....
Phone, Fax, Email: .....
Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....
Số tiền (US dollar amount) $ .....

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỎ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US $40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US $100.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
Trên Tạp Chí Cỏ Thơm (7 x 8.5")
1/2 trang trong: US $30.00
1 trang trong: US $60.00
Trang trong bìa trước: US $100.00
Trang trong bìa sau: US $100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):
COTHOM FOUNDATION
105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MD 20850
USA

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO LÀ ÂN NHÂN YỂM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM.